

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**



**BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2017
VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018**

HÀ NỘI, THÁNG 4/2018

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ NĂM 2017	4
I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CÔNG TÁC KH&CN.....	4
1.1. Thuận lợi	4
1.2. Khó khăn	4
II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	5
2.1. Kết quả hoạt động đề tài NCKH các cấp	5
2.1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước.....	12
2.1.1.1. Đề tài KHCN cấp Quốc gia thuộc chương trình biến đổi khí hậu.....	12
2.1.1.2. Đề tài NCCB định hướng ứng dụng.....	12
2.1.1.3. Thực hiện nhiệm vụ HTNC theo Nghị định thư với nước ngoài	12
2.1.1.4. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên	13
2.1.1.5. Đề tài thuộc các chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công thương quản lý.....	13
2.1.2. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	13
2.1.3. Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương	14
2.1.4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.....	14
2.1.5. Đánh giá chung	15
2.2. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng và triển khai công nghệ .	15
2.2.1. Các đề tài/hợp đồng ký về trường	15
2.2.2. Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO	17
2.2.3. Đánh giá chung	19
2.3. Các hoạt động khoa học và công nghệ khác	19
2.3.1. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ.....	19
2.3.2. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic.....	20
2.3.2.1. Nghiên cứu khoa học sinh viên	20
2.3.2.2. Thi Olympic	20
2.3.2.3. Đánh giá chung	21
2.4. Hoạt động thông tin khoa học	21
2.4.1. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất.....	21
2.4.2. Các hội nghị, hội thảo khoa học.....	22
2.4.3. Các kết quả công bố khoa học	23
2.4.4. Về tài liệu hội thảo khoa học	25
2.4.5. Về Tuyển tập Công trình khoa học sinh viên	25
2.5. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ.....	25
2.6. Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ	25
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2017	26
3.1. Những kết quả đạt được	26

<i>3.2. Một số tồn tại, hạn chế</i>	<i>27</i>
PHẦN THỨ HAI: KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2018.....	29
I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018.....	29
II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018	30

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2017, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII về Khoa học và Công nghệ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XIX và Chương trình phát triển Khoa học và Công nghệ của Nhà trường, hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) của Trường Đại học Mở - Địa chất đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ và giảng viên trong trường, trong năm qua chúng ta đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ và kế hoạch KHCN năm 2017 của Nhà trường.

Hôm nay, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động KHCN nhằm đánh giá kết quả hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ đã đạt được trong năm 2017; rút ra các bài học kinh nghiệm và khắc phục những tồn tại trong hoạt động KHCN của Trường, trên cơ sở đó đặt ra mục tiêu và phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ KHCN cho năm 2018.

Báo cáo tổng kết hoạt động KHCN năm 2017 và triển khai hoạt động KHCN năm 2018 gồm 2 phần chính:

1. Kết quả hoạt động KHCN năm 2017;
2. Kế hoạch triển khai hoạt động KHCN năm 2018.

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CÔNG TÁC KH&CN

Hoạt động Khoa học và Công nghệ năm 2017 của Trường có những thuận lợi, khó khăn cơ bản như sau:

1.1. Thuận lợi

- Công tác Khoa học và Công nghệ luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường chỉ đạo kịp thời, quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện, giúp cho công tác này luôn là điểm sáng trong các hoạt động của nhà trường.

- Đội ngũ khoa học nhà trường có số lượng ngày càng tăng về cả số lượng và chất lượng. Tính đến thời điểm 02/2018 Trường Đại học Mở-Địa chất có 654 giảng viên, trong đó 02 GS.TS, 52 PGS.TS, 171 TS, 380 ThS và 49 KS/CN. Số giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên là 225 người (chiếm 34,4% tổng số cán bộ giảng dạy), trong đó có nhiều tiến sỹ được đào tạo bài bản từ các nước có nền khoa học tiên tiến.

- Trường có 08 trung tâm nghiên cứu hoạt động trong các lĩnh vực Khoa học Trái đất và Mỏ và 01 công ty (Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất - CODECO) hoạt động theo loại hình doanh nghiệp khoa học công nghệ.

- Nhà trường có 07 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu và 01 Trung tâm Phân tích và Thí nghiệm công nghệ cao. Ngoài ra, các khoa và bộ môn chuyên môn còn quản lý và vận hành các phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động KHCN năm 2017 là 9.409 triệu đồng dành cho các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, cấp Bộ; Kinh phí từ nguồn thu của Trường dành cho các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở (đề tài NCKH cấp cơ sở, đề tài NCKH sinh viên, tổ chức kì thi Olympic các cấp và một số hoạt động KHCN khác) là 2.151 triệu đồng.

1.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trong năm qua nhà trường gặp không ít khó khăn, thách thức trong hoạt động KHCN, đòi hỏi mỗi nhà khoa học, nhà quản lý phải phấn đấu nỗ lực, đó là:

- Cơ chế chính sách của nhà nước trong đầu thầu, cạnh tranh các đề tài KHCN cấp quốc gia, cấp bộ có sự thay đổi, trong hồ sơ cần phải có vốn đối ứng cũng như đơn vị hỗ trợ và chuyển giao sản phẩm.

- Yêu cầu đối với đề tài khoa học ngày càng cao trong khi đội ngũ các nhà khoa học trong trường còn chưa kịp thích ứng nên số lượng đề tài NCKH các cấp chưa tương xứng với đội ngũ cán bộ khoa học của nhà trường. Một số cán bộ khoa học không có công trình nghiên cứu khoa học, nên không đủ giờ khoa học theo quy định.

- Kinh phí đầu tư cho đề tài KHCN của Bộ Giáo dục và Đào tạo khó khăn.
- Vai trò quản lý của các bộ môn, các khoa có đề tài NCKH còn chưa rõ nét, vẫn còn có hiện tượng buông lỏng quản lý đề tài. Hoạt động KHCN vẫn tập trung chủ yếu một số khoa có thế mạnh từ trước, một số khoa hoạt động khoa học còn mờ nhạt.
- Một số cán bộ, khi được giao chủ trì đề tài, nhiệm vụ NCKH trong công tác tổ chức triển khai còn nhiều lúng túng, chậm trễ, dẫn đến các đề tài thực hiện không đúng tiến độ, quá hạn, tồn đọng.
- Một số cán bộ còn hạn chế về năng lực nghiên cứu, kỹ năng viết công trình khoa học công bố trên các tạp chí (đặc biệt là các tạp chí quốc tế), xây dựng thuyết minh nhiệm vụ chưa đáp ứng được yêu cầu.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phát huy kết quả đã đạt được của năm 2016 và bám sát kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2015-2020, trong năm 2017 Trường Đại học Mở - Địa chất đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN và đã đạt được các kết quả cụ thể sau đây:

2.1. Kết quả hoạt động đề tài NCKH các cấp (xem *Bảng 1*, *Bảng 2* và *Bảng 3*):

Bảng 1. Đối sánh số lượng đề tài các cấp và kinh phí thực hiện trong năm 2017 so với năm 2016

TT	Loại đề tài	Năm 2016		Năm 2017		Tỉ lệ tăng/giảm (%)	
		Số lượng đề tài	Kinh phí thực hiện (trđ)	Số đề tài	Kinh phí thực hiện (trđ)	Số đề tài	kinh phí
1	Đề tài cấp Nhà nước (đề tài thuộc chương trình, đề tài Quỹ Nafosted tài trợ)	17	4.209	18	3.479(*)	5,88	-17,34
2	Đề tài KHCN cấp Bộ	35	7.002	33	5430	-5,71	-22,45
3	Đề tài NCKH cấp cơ sở	31	1.062	49	1145	58,06	7,82

(*): Không bao gồm kinh phí 02 đề tài KHCN thuộc chương trình biến đổi khí hậu giao về trung tâm chủ trì.

Bảng 2. Danh mục đề tài, nhiệm vụ NCKH các cấp thực hiện năm 2017 (đến ngày 15/3/2018)

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Nhà nước	Bộ	Trường	
I	Khoa Công nghệ thông tin 06 nhiệm vụ (01 đề tài cấp Nhà nước + 02 đề tài cấp Bộ+ 03 đề tài cấp cơ sở)						
1	Trương Xuân Luận	Tin học Địa chất	2012-12/2017	NCCB-ĐHUĐ.2012- G/01			Đã nghiệm thu cơ sở
2	Lê Văn Hưng	Công nghệ phần mềm	2012-10/2017		B2012-02-02SP		Đã nghiệm thu cơ sở
3	Nguyễn Tuấn Anh	Tin học Trắc địa	2015-12/2017		B2015-02-26		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
4	Nguyễn T. Phương Bắc	Tin học Mỏ	1/2017-12/2017			T17-01	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
5	Phạm Văn Đồng	Công nghệ phần mềm	11/2017-10/2018			T17-40	Đang thực hiện
6	Tạ Quang Chiêu	Tin học cơ bản	11/2017-10/2018			T17-41	Đang thực hiện
II	Khoa Cơ điện 06 nhiệm vụ (01 nhiệm vụ cấp Bộ + 05 đề tài/nhiệm vụ cấp cơ sở)						
7	Đinh Văn Thắng	Kỹ thuật điện- Điện tử	2015-2017		B2015-02-33NV		Đã có QĐ NT cấp cơ sở
8	Nguyễn Văn Xô	Máy và thiết bị mỏ	1/2017-12/2017			T17-02	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
9	Nguyễn Chí Tình	Tự động hóa	1/2017-12/2017			T17-03	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
10	Nguyễn Thế Lực	Tự động hóa	1/2017-12/2017			T17-27	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
11	Nguyễn Thạc Khánh	Kỹ thuật điện- Điện tử	1/2017-12/2017			T17-28	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
12	Nguyễn Duy Chính	Kỹ thuật cơ khí	11/2017-10/2018			T17-42	Đang thực hiện
III	Khoa Dầu khí 14 nhiệm vụ (04 đề tài cấp Nhà nước +09 đề tài cấp Bộ + 01 đề tài cấp cơ sở)						
13	Tổng T. Thanh Hương	Lọc - Hóa dầu	1/2016-12/2017		B2016-MDA-02ĐT		Đang thực hiện (xin gia hạn 6/2018)
14	Nguyễn Anh Dũng	Lọc - Hóa dầu	2015-2017	DA.16/08			Quá hạn
15			1/2015-12/2017		B2015-02-25		Quá hạn
16	Phạm Xuân Núi	Lọc - Hóa dầu	3/2015-3/2017	105.09-2015.21			Đang thực hiện
17	Bùi Thị Lệ Thủy	Lọc - Hóa dầu	4/2017-4/2020	104.01.2016.57			Đang thực hiện
18	Vũ Văn Toàn	Lọc - Hóa dầu	12/2017-12/2019	104.05.2017.38			Đang thực hiện
19	Phạm Văn Tuấn	Địa chất dầu	2010-2014		B2010-02-90		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
20	Lê Hải An	Địa vật lý	2014-2017		B2014-02-19		Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
21	Nguyễn Thế Vinh	Khoan Khai thác	2014-2016		B2014-02-20		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Nhà nước	Bộ	Trường	
22	Nguyễn Thị Linh	Lọc - Hóa dầu	1/2016-12/2017		B2016-MDA-01ĐT		Đang thực hiện (xin gia hạn 6/2018)
23	Ngô Thanh Hải	Lọc - Hóa dầu	1/2016-12/2017		B2016-MDA-03ĐT		Không báo cáo kết quả thực hiện
24	Lê Ngọc Ánh	Địa chất dầu	1/2017-12/2018		B2017-MDA-13ĐT		Đang thực hiện
25	Nguyễn Văn Thịnh	TB Dầu khí	7/2017-12/2018		RD124-17 (Bộ XD)		Đang thực hiện
26	Phan Thị Hồng	Địa vật lý	1/2017-12/2017			T17-04	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
IV	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất 16 nhiệm vụ (06 đề tài cấp Nhà nước +08 đề tài cấp Bộ+02 đề tài cấp cơ sở)						
27	Trần Thanh Hải	Địa chất	12/2016-2019	BĐKH.13/16-20			Đang thực hiện (Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất chủ trì)
28	Ngô Xuân Thành	Địa chất	2011-2015	105.01.2011.14			Đã nghiệm thu
29					B2016-MDA-06ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
30	Trần Mỹ Dũng	Địa chất	2012-2016	105.01.2012.06			Đã nghiệm thu
31	Hoàng Văn Long	Địa chất biển	2011-2016	105.01.2011.18			Đang tổng kết (đã quá hạn)
32			2015-2017		B2015-02-24		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
33	Nguyễn Văn Lâm	Địa chất thủy văn	3/2015-3/2019	105.99.2014.19			Đang thực hiện
34	Phạm Thị Vân Anh	Khoáng thạch và ĐH	1/2013-12/2015		B2013-02-13		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
35	Nguyễn Quang Luật	Khoáng sản	1/2014-12/2016		B2014-02-33NV		Đã xin phép Bộ dừng thực hiện, hoàn trả kinh phí
36	Lê Thị Thu	Khoáng sản	1/2016-12/2017		B2016-MDA-05ĐT		Đang thực hiện, xin gia hạn đến 6/2018
37	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	12/2011-2016	105.03.2011.11			Đã nghiệm thu
38			1/2017-12/2018		B2017-MDA-17ĐT		Đang thực hiện
39	Nguyễn Khắc Giảng	Khoáng thạch và ĐH	1/2016- 6/2018		B2016-MDA-04ĐT		Đang thực hiện
40	Nguyễn Quốc Hưng	Địa chất	1/2017-12/2018		B2017-MDA-14ĐT		Đang thực hiện
41	Khuong Thế Hùng	Tìm kiếm thăm dò	1/2017-12/2017			T17-10	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
42	Bùi Thanh Tịnh	Tìm kiếm thăm dò	11/2017-10/2018			T17-31	Đang thực hiện
V	Khoa Khoa học cơ bản 11 nhiệm vụ (02 nhiệm vụ cấp nhà nước +02 đề tài cấp Bộ + 07 đề tài cấp cơ sở)						
43	Vũ Kim Thư	Hóa	2017-2020	104.01.2012.24			Đang thực hiện
44	Lê Đắc Tuyên	Lý		103.02-2017.67			Đang thực hiện

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Nhà nước	Bộ	Trường	
45	Vũ Thị Minh Hồng	Hóa	2014-2016		B2014-02-16		Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
46	Lê Thị Duyên	Hóa	2017-12/2018		B2017-MDA-13ĐT		Đang thực hiện
47	Vũ Bá Dũng	Vật lý	1/2017-12/2017			T17-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
48	Nguyễn Thị Lan Hương	Toán	1/2017-12/2017			T17-07	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
49	Võ Thị Hạnh	Hóa	1/2017-12/2017			T17-08	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
50	Lê Thị Phương Thảo	Hóa	1/2017-12/2017			T17-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
51	Đỗ Thị Hải	Hóa	11/2017-10/2018			T17-37	Đang thực hiện
52	Đỗ Thị Hồng Hải	Vật lý	11/2017-10/2018			T17-38	Đang thực hiện
53	Lê Đắc Tuyên	Vật lý	11/2017-10/2018			T17-39	Đang thực hiện
VI	Khoa Mỏ 12 nhiệm vụ (01 đề tài cấp Nhà nước + 03 đề tài cấp Bộ + 08 đề tài cấp cơ sở)						
54	Vũ Đình Hiếu	Khai thác lộ thiên	3/2015- 3/2018	105.08.2014.10			Đang tổng kết
55	Nhữ Thị Kim Dung	Tuyển khoáng	1/2016-12/2017		B2016-MDA-07ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
56	Nguyễn Hoàng Sơn	Tuyển khoáng	1/2016-12/2017		B2016-MDA-08ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
57	Nguyễn Văn Thịnh	Khai thác hầm lò	1/2017-12/2018		B2017-MDA-12ĐT		Đang thực hiện
58	Nguyễn Cao Khải	Khai thác hầm lò	1/2017-12/2017			T17-15	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
59	Trần Quang Hiếu	Khai thác lộ thiên	1/2017-12/2017			T17-16	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
60	Phạm Thị Nhung	Tuyển khoáng	1/2017-12/2017			T17-17	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
61	Trần Văn Đước	Tuyển khoáng	1/2017-12/2017			T17-18	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
62	Vũ Thị Chinh	Tuyển khoáng	1/2017-12/2017			T17-19	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
63	Nguyễn Hồng Cường	Khai thác hầm lò	11/2017-10/2018			T17-33	Đang thực hiện
64	Đào Văn Chi	Khai thác hầm lò	11/2017-10/2018			T17-34	Đang thực hiện
65	Nguyễn Anh Tuấn	Khai thác lộ thiên	11/2017-10/2018			T17-35	Đang thực hiện
VII	Khoa Môi trường 04 đề tài (01 đề tài HT NĐT+ 02 đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ + 01 đề tài cấp cơ sở)						
66	Nguyễn Quốc Phi	Môi trường cơ sở	1/2014- 12/2016		B2014-02-21		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
67	Phan Quang Văn	KT môi trường mỏ	2015-2018	NĐT.02.GER/15			Đang thực hiện
68	Đỗ Văn Bình	Địa sinh thái	3/2017-3/2018		B2017-MDA-12MT		Đang tổng kết
69	Nguyễn Thị Cúc	Môi trường cơ sở	1/2017-12/2017			T17-12	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Nhà nước	Bộ	Trường	
VIII	Khoa Trắc địa, Bản đồ và QLDD 16 nhiệm vụ (02 đề tài cấp Nhà nước + 02 đề tài cấp Bộ+ 12 đề tài cấp cơ sở)						
70	Trần Xuân Trường	Đo Ảnh và Viễn thám	9/2017-9/2020	BĐKH.20/16-20			Đang thực hiện (Trung tâm Hỗ trợ KHKH chủ trì)
71	Nguyễn Quang Minh	TĐPT và sai số	3/2015-3/2019	105.99.2014.25			Đang thực hiện
72	Dương Thành Trung	TĐPT và sai số	1/2015-12/2017		B2015-02-22		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
73	Vũ Văn Trí	Trắc địa cao cấp	1/2016-12/2017		B2016-MDA-11ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
74	Lê Thị Thu Hà	Trắc địa mỏ	1/2017-12/2017			T17-20	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
75	Nguyễn Văn Lâm	Trắc địa cao cấp	1/2017-12/2017			T17-21	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
76	Đinh Thị Lệ Hà	Trắc địa công trình	1/2017-12/2017			T17-22	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
77	Lê Thu Trang	Đo ảnh và Viễn thám	1/2017-12/2017			T17-23	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
78	Nguyễn Quốc Long	Trắc địa mỏ	1/2017-12/2017			T17-24	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
79	Bùi Ngọc Quý	Bản đồ	1/2017-12/2017			T17-25	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
80	Lê Đức Tình	Trắc địa công trình	1/2017-12/2017			T17-26	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
81	Đỗ Thị Phương Thảo	Bản đồ	11/2017-10/2018			T17-43	Đang thực hiện
82	Phạm Quốc Khánh	Trắc địa công trình	11/2017-10/2018			T17-44	Đang thực hiện
83	Phạm Hà Thái	Đo ảnh và Viễn thám	11/2017-10/2018			T17-45	Đang thực hiện
84	Cao Xuân Cường	Trắc địa mỏ	11/2017-10/2018			T17-46	Đang thực hiện
85	Lê Văn Cảnh	Trắc địa mỏ	11/2017-10/2018			T17-47	Đang thực hiện
IX	Khoa Xây dựng 08 nhiệm vụ (01 đề tài cấp Nhà nước+04 đề tài cấp Bộ + 03 đề tài cấp cơ sở)						
86	Đỗ Ngọc Anh	XDCTN&Mỏ	3/2016-3/2018	105.08-2015.14			Đang tổng kết
87	Nguyễn Trọng Dũng	XD cơ sở hạ tầng	1/2015-12/2017		B2015-02-23		Quá hạn
88	Đặng Trung Thành	XDCTN và mỏ	1/2016-12/2017		B2016-MDA-09ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
89	Đặng Văn Kiên	XDCTN và mỏ	1/2016-12/2017		B2016-MDA-10ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
90	Đào Viết Đoàn	XDCTN và mỏ	1/2017-12/2018		B2017-MDA-16ĐT		Đang thực hiện
91	Trần Tuấn Minh	XDCTN và mỏ	1/2017-12/2017			T17-13	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
92	Nguyễn Tài Tiến	XDCTN và mỏ	1/2017-12/2017			T17-14	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
93	Đặng Văn Phi	Kỹ thuật xây dựng	11/2017-10/2018			T17-36	Đang thực hiện
X	Khoa Kinh tế và QTKD 02 nhiệm vụ (02 đề tài cấp cơ sở)						
94	Lê Thị Thu Hường	QTDN mỏ	1/2017-12/2017			T17-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Nhà nước	Bộ	Trường	
95	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Kinh tế cơ sở	11/2017-10/2018			T17-48	Đang thực hiện
XI	Khoa Lý luận chính trị 03 nhiệm vụ (03 đề tài cấp cơ sở)						
96	Đào Thị Tuyết	Pháp luật	1/2017-12/2017			T17-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
97	Dương Thị Tuyết Nhung	Pháp luật	1/2017-12/2017			T17-30	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
98	Nguyễn Thị Bích Lệ	NLCN Mác-Lênin	11/2017-10/2018			T17-49	Đang thực hiện
XII	Đơn vị khác (02 đề tài cấp cơ sở)						
99	Trần Văn Độ	Khoa GDQP	1/2017-12/2017			T17-05	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
100	Trịnh Thế Lực	TT Phân tích và Thí nghiệm công nghệ cao	11/2017-10/2018			T17-32	Đang thực hiện

Tổng cộng: 100 đề tài thực hiện trong năm 2017, trong đó:

1. Cấp Nhà nước: 18 (02 đề tài thuộc chương trình trọng điểm cấp Quốc gia; 01 NCCB ĐHQĐ; 13 đề tài NCCB; 01 NĐT; 01 đề tài thuộc Bộ Công thương quản lý).
2. Cấp Bộ: 33 (01 nhiệm vụ HTQT song phương và 31 đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo; 01 đề tài Bộ Xây dựng)
Kết quả nghiệm thu: 6 đề tài nghiệm thu cấp Bộ và 10 đề tài nghiệm thu cấp cơ sở
3. Cấp cơ sở: 49 (đợt 1: 30 đề tài/nhiệm vụ; đợt 2: 19 đề tài), gồm:
 - 30 đề tài/nhiệm vụ giao đợt 1 đã được nghiệm thu. *Kết quả nghiệm thu 30 đề tài, xếp loại: Tốt: 15; Khá: 15;*
 - 19 đề tài giao đợt 2 đang thực hiện.

2.1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước

Trường Đại học Mở - Địa chất thực hiện 18 nhiệm vụ cấp Nhà nước, gồm:

- 02 đề tài thuộc chương trình Khoa học và Công nghệ ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020 mã số BĐKH/16-20 (do Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất và Trung tâm Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật chủ trì thực hiện);

- 01 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt-Đức;

- 13 đề tài NCCB trong KHTN;

- 01 đề tài NCCB định hướng ứng dụng;

- 01 nhiệm vụ cấp Nhà nước do Bộ Công thương quản lý;

2.1.1.1. Đề tài KHCN cấp Quốc gia thuộc chương trình biến đổi khí hậu

1) Đề tài “Nghiên cứu tác động của hoạt động tân kiến tạo đối với sự biến đổi dòng chính các lưu vực sông khu vực Miền Trung phục vụ bảo vệ các dòng sông, thử nghiệm cho lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn”, mã số BĐKH.13/16-20 do PGS.TS Trần Thanh Hải làm chủ nhiệm, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất chủ trì thực hiện. Thời gian thực hiện 36 tháng (tháng 12/2016-12/2019), tổng kinh phí 9,79 tỷ đồng. Đề tài được thực hiện từ tháng 12/2016.

2) Đề tài “Nghiên cứu, triển khai hệ thống kiểm kê phát thải nhà kính và đề xuất lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với ngành công nghiệp luyện kim” mã số BĐKH.20/16-20 do PGS.TS Trần Xuân Trường làm chủ nhiệm, Trung tâm Hỗ trợ Phát triển khoa học kỹ thuật chủ trì thực hiện. Thời gian thực hiện 36 tháng (9/2017 đến 9/2020), tổng kinh phí 6,3 tỷ đồng.

2.1.1.2. Đề tài NCCB định hướng ứng dụng

Đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình địa thống kê đánh giá tài nguyên khoáng sản khai thác lộ thiên” mã số NCCB-ĐHƯD.2012-G/01 do GS.TS Trương Xuân Luận chủ nhiệm. Thời gian thực hiện từ 12/2012 đến 12/2017, với tổng kinh phí là 2.900đ. Kết quả nghiên cứu của đề tài: Hoàn thành 02 modul cơ sở dữ liệu bản đồ cho hai khu mỏ (đồng Sin Quyền và than Cao Sơn). Tổ chức được 02 đoàn ra trao đổi học thuật - báo cáo hội thảo tại Pháp và Áo. Công bố 01 bài báo quốc tế, 1 bài báo trong nước; 02 báo cáo hội thảo nước ngoài và 06 báo cáo khoa học trong nước. Đào tạo được 03 ThS, 09 kỹ sư, 09 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học và hỗ trợ 03 NCS theo hướng đề tài. Đề tài đã nghiệm thu cấp cơ sở tháng 02/2018 và đang hoàn thiện hồ sơ để trình Quỹ Nafosted cho phép nghiệm thu cấp Nhà nước.

2.1.1.3. Thực hiện nhiệm vụ HTNC theo Nghị định thư với nước ngoài

Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt - Đức “Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam”

do PGS.TS Phan Quang Văn làm chủ nhiệm. Thời hạn 36 tháng (từ tháng 12/2015 đến 12/2018). Tổng kinh phí được cấp 4.400 tr.đ. Nhiệm vụ đã hoàn thành 5/6 nội dung nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã đạt được đó là công bố 04 bài báo trên tạp chí trong nước, đang hoàn thiện 02 bài báo đăng trên tạp chí ISI; 01 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế; đào tạo được 01 ThS (phía đối tác Đức), đang hướng dẫn và hỗ trợ khoa học cho 05 NCS, 02 học viên cao học ở cả Việt Nam và Đức.

2.1.1.4. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên

12 đề tài tiếp tục thực hiện trong năm 2017. Đến nay, kết quả nghiên cứu của các đề tài này đã công bố 11 bài báo thuộc danh mục ISI, 15 bài báo trong nước; 12 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế và trong nước; hỗ trợ đào tạo cho 5 NCS và đào tạo được 14 thạc sỹ.

Kết quả thực hiện đã có 03 đề tài được Quỹ Nafosted cho phép nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; 06 đề tài đang thực hiện đúng tiến độ; 03 đề tài chưa hoàn thành báo cáo tổng kết do chưa đủ số lượng bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI và đã làm thủ tục xin gia hạn.

Năm 2017, Nhà trường được Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia phê duyệt tài trợ 5 đề tài (3 đề tài đang trong giai đoạn hoàn tất hồ sơ). Kết quả nghiên cứu của các đề tài được hỗ trợ từ quỹ Nafosted đã góp phần đẩy mạnh công bố nhiều công trình khoa học dưới dạng các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành ở trong và ngoài nước; góp phần tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao trình độ cho cán bộ khoa học và đào tạo nhân lực trình độ cao cho các ngành khoa học Trái đất.

2.1.1.5. Đề tài thuộc các chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công Thương quản lý

Năm 2017, Nhà trường tiếp tục thực hiện 01 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công Thương quản lý, PGS.TS Nguyễn Anh Dũng làm chủ nhiệm, đề tài đã quá thời gian thực hiện, chưa được nghiệm thu.

2.1.2. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

Năm 2017, Trường Đại học Mở - Địa chất được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thực hiện 23 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ với tổng kinh phí được cấp 5.130 tr.đ và tiếp tục thực hiện 10 đề tài/nhiệm vụ chuyển tiếp từ trước năm 2016 chuyển sang không còn kinh phí.

Song song với các đề tài truyền thống từ Bộ chủ quản, Bộ Xây dựng đã giao cho Trường chủ trì thực hiện 01 đề tài KHCN cấp Bộ do TS Nguyễn Văn Thịnh (Khoa Dầu khí) làm chủ nhiệm với kinh phí 500 tr.đ, kinh phí được cấp 2017 là 300 tr.đ. Đề tài đã hoàn thành nhiệm vụ được giao năm 2017.

Đối với các đề tài cấp Bộ được giao năm 2017, các chủ nhiệm đề tài đã triển khai thực hiện ngay sau khi được phê duyệt. Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ

nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt.

Tổng số 33 đề tài thực hiện năm 2017 (có 24 đề tài từ trước năm 2017 chuyển sang). Kết quả của các đề tài đã công bố 16 bài báo quốc tế, 66 bài báo trên tạp chí trong nước, 41 báo cáo hội nghị hội thảo trong và ngoài nước; xuất bản được 02 sách chuyên khảo; hỗ trợ đào tạo 18 tiến sỹ, đào tạo được 34 thạc sỹ, 29 kỹ sư và 5 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học.

Kết quả nghiệm thu: đã có 06 đề tài được nghiệm thu cấp Bộ, 09 đề tài nghiệm thu cơ sở (xem bảng 2).

Ngoài các đề tài thực hiện và nghiệm thu đúng tiến độ, còn 06 đề tài hiện đã quá hạn nghiên cứu chưa nghiệm thu (xem bảng 2), vì chưa đủ sản phẩm khoa học hoặc đào tạo. Chủ nhiệm đề tài cần khẩn trương hoàn thiện các sản phẩm và nghiệm thu trong quý II/2018.

2.1.3. Nhiệm vụ Hợp tác quốc tế song phương

Nhiệm vụ "Phát triển năng lực nghiên cứu đánh giá một số biến động môi trường điển hình phục vụ định hướng phát triển bền vững lưu vực sông Hồng phần lãnh thổ Việt Nam" do PGS.TS Lê Văn Hưng làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2012 -12/2014), được gia hạn đến 10/2017. Nhiệm vụ đã hoàn thành mô hình phục vụ đánh giá các biến động môi trường điển hình cho lưu vực sông Hồng, hoàn thành bộ cơ sở dữ liệu về biến động môi trường điển hình, công bố 01 bài báo quốc tế, 02 bài báo trong nước; 05 báo cáo hội thảo quốc tế và 01 báo cáo khoa học trong nước, đào tạo 02 ThS, hỗ trợ hướng dẫn 02 NCS. Tổ chức các đoàn nhà khoa học trao đổi và học hỏi kinh nghiệm tại Nhật Bản. Nhiệm vụ đã được nghiệm thu cấp cơ sở tháng 12/2017, đang hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép nghiệm thu cấp Bộ.

2.1.4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Trong năm 2017, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phê duyệt và triển khai thực hiện 49 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở, 240 đề tài NCKH của sinh viên, tổ chức một số Hội thảo khoa học quốc tế, hội thảo chuyên đề và thực hiện một số nhiệm vụ KHCN khác (hỗ trợ thông tin xuất bản, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, ...).

Đề tài NCKH cấp cơ sở chủ yếu được xây dựng trên kế hoạch phát triển khoa học - công nghệ và đào tạo của nhà trường, có xét ưu tiên cho các NCS, học viên cao học và cán bộ trẻ thực hiện. Đến nay, 30 đề tài đợt I/2017 được nghiệm thu (đạt 100%). Kết quả các đề tài xếp loại, gồm: Tốt: 15; Khá: 15. Các đề tài này đã được thanh quyết toán tài chính theo đúng quy định của nhà nước.

Sản phẩm của các đề tài NCKH cấp cơ sở đã đạt được: Đã công bố 02 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI, 35 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành trong nước và 01 sách chuyên khảo, ngoài ra một số đề tài còn đóng góp đáng kể trong bổ sung giáo trình, bài giảng chuyên ngành; 11 báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo trong nước và quốc tế. Góp phần đào tạo 03 NCS và đào tạo được 06 ThS, 22 KS và 04 nhóm sinh viên NCKH.

19 đề tài được phê duyệt đợt bổ sung năm 2017. Thời gian thực hiện từ 11/2017 đến 10/2018 đang được chủ nhiệm đề tài tiến hành triển khai theo kế hoạch.

Công tác quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nhà trường không ngừng đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức thực hiện và lập các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Các công bố khoa học (bài báo, báo cáo khoa học, ...) là những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại kết quả nghiên cứu của đề tài. Theo đó, chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở năm 2017 được nâng lên rõ rệt.

2.1.5. Đánh giá chung

Đối với các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và cấp Nhà nước, với sự điều hành, chỉ đạo sát sao của Ban Giám hiệu và sự đôn đốc, nhắc nhở của các đơn vị chức năng, nhiều đề tài tồn đọng từ những năm trước đã tiến hành hoàn tất tổng kết và giải quyết dứt điểm.

Đối với đề tài NCKH cấp cơ sở đã được triển khai theo đúng quy định và được nghiệm thu đạt 100%.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, trong năm qua vẫn còn có những đề tài/nhiệm vụ chưa hoàn thành, làm ảnh hưởng đến thành tích chung và uy tín của nhà trường (xem bảng 2). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng kéo dài, nhưng một số nguyên nhân chính đó là:

- Một số chủ nhiệm đề tài nhận thức không đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện đề tài;
- Chủ nhiệm đề tài kiêm nhiệm công tác quản lý (Khoa, Bộ môn, Phòng) hoặc làm nghiên cứu sinh cho nên không dành nhiều thời gian cho việc thực hiện đề tài;
- Một số đề tài chưa hoàn thành số lượng công trình công bố quốc tế, sản phẩm đào tạo theo đăng ký trong thuyết minh nên chưa thể hoàn tất việc nghiệm thu thanh lý đề tài.

2.2. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng và triển khai công nghệ

Hoạt động NCKH ứng dụng và triển khai công nghệ được chia làm 2 hình thức: Hợp đồng nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ được ký kết trực tiếp về Trường và các hợp đồng được ký kết về các Trung tâm, Công ty thuộc Trường.

2.2.1. Các đề tài/hợp đồng ký về trường

Hoạt động NCKH ứng dụng và chuyển giao công nghệ thuộc các ngành nghề trọng tâm của nhà trường như Địa chất công trình, Dầu khí, Thăm dò - Khai thác khoáng sản, điều tra địa chất cơ bản, tai biến địa chất và môi trường, ... trong năm qua vẫn còn khó khăn. Các đề tài, hợp đồng NCKH được thực hiện trong năm chủ yếu từ những năm trước chuyển sang. Năm 2017, có 10 đề tài, hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ được thực hiện, với tổng kinh phí quyết toán theo hợp đồng là 7.075 triệu đồng (chi tiết xem Bảng 4 và Bảng 5).

Bảng 3. Tổng hợp số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện và quyết toán kinh phí năm 2017 (Phân theo các Khoa trong toàn Trường)

TT	Đơn vị quản lý đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước (số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))				Đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ (số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))			Đề tài NCKH cấp cơ sở (số lượng/tổng KP (trđ))
		Bộ Công Thương quản lý	NCCB ĐHƯĐ	NCCB trong KHTN	Nghị định thư	Đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài HTQT song phương	Dự án Tăng cường NLNC	
1	Khoa KHCB			2/677.27 ^(*)		2/252			7/160
2	Khoa Mỏ			1/0		3/764			8/210
3	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất			2/120		8/1382			3/90
4	Khoa Dầu khí	1/0		5/1.220,5 ^(*)		9/1445			1/20
5	Khoa Trắc địa- Bản đồ và QLĐĐ			1/0		2/376			12/270
6	Khoa Cơ - Điện					1/0		1/0	5/130
7	Khoa Môi trường				1/1.101,3	2/250			1/20
8	Khoa Xây dựng			1/360		4/874			3/60
9	Khoa KTẾ-QTKD								2/35
10	Khoa Lý luận chính trị								3/60
11	Khoa CNTT		1/0			1/110	1/0		3/75
12	Khoa Giáo dục quốc phòng								1/15
Tổng cộng		1/0	1/0	12/2.377,7	1/1.101,3	32/5430	1/0	1/0	49/1145

Ghi chú: ^(*): đề tài, nhiệm vụ chưa quyết toán hết kinh phí năm 2017, do kinh phí quyết toán theo giai đoạn

Bảng 5. Đối sánh kết quả các đề tài NCKH - triển khai công nghệ với doanh nghiệp, địa phương trực tiếp ký Trường năm 2016 và năm 2017

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Số lượng hợp đồng	hợp đồng	15	10	-33,33
2	Tổng kinh phí quyết toán	Tr.đ	3 327	7.075	112,6
3	Số tiền đóng góp cho Trường	Tr.đ	169,5	353,2	108,38

2.2.2. Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO

Các Trung tâm, Công ty của Trường đã khẳng định tốt vai trò NCKH - triển khai công nghệ và đào tạo của đơn vị mình, góp phần vào thành tích chung trong hoạt động NCKH, thiết thực cùng các Khoa nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời đóng góp một phần kinh phí không nhỏ cho hoạt động chung của nhà trường.

Kết quả hoạt động của 08 trung tâm nghiên cứu và công ty CODECO được trình bày trong Bảng 6 và Bảng 7.

Bảng 6. Đối sánh kết quả hoạt động NCKH - triển khai công nghệ của các trung tâm và công ty CODECO năm 2016 và năm 2017

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ tăng/giảm (%)
1	Số lượng hợp đồng	hợp đồng	1023	830	-18,87
2	Tổng doanh thu của TT, Cty	Tr.đ	184.461	189.349	2,65
3	Số tiền đóng góp cho Trường	Tr.đ	2.763	2.847	3,04
4	Số tiền thuế đã nộp	Tr.đ	16.078	14.439	-10,19

Bảng 7. Tổng hợp số liệu hoạt động KHCN của các trung tâm nghiên cứu, công ty CODECO năm 2017 (số liệu báo cáo của các Trung tâm, công ty đến ngày 15/3/2018)

TT	Trung tâm, công ty	Số hợp đồng thực hiện năm	Kinh phí thực hiện (1000đ)			Kinh phí nộp Trường (1000đ)			Các loại thuế (1000đ)
			Tổng	Đã về năm 2017	Đã quyết toán số kinh phí	Mức giao nộp 2017 (1,5%)	Đã nộp	Còn phải nộp	
1	Công ty CODECO	80	29 625 709		29 625 710	444 386	444 386		3 229 126
2	TT NC Địa kỹ thuật	318	60 770 000		60 770 000	911 550	911 550		1 201 116
3	TT Hỗ trợ Phát triển KHKT	158	50 604 000		35 101 152	526 517	526 517		3 634 362
4	TT NC Môi trường Địa chất	17	13 057 040		13 057 040	195 856	195 856		1 137 183
5	TT KHCN Mỏ và Môi trường	117	14 469 823		14 469 823	217 047	217 047		1 488 885
6	TT NC Trắc địa công trình	38	8 536 000		8 536 000	128 040	128 040		955 600
7	TT NCƯĐ CNM Trắc địa - Bản đồ	34	12 268 219		12 268 219	184 023	184 023		1 292 653
8	TT NC Cơ điện mỏ	41	6 026 524		6 026 524	90 398	90 398		475 994
9	TT TK Công nghệ khoáng chất	27	15 762 000		9 495 306	142 430	142 430		1 024 295
	Tổng cộng	830	211 119 315		189 349 774	2 840 247	2 840 247	0	14 439 214

(* Ghi chú: Mức giao nộp năm 2017 là 1,5% tổng doanh thu (mức đóng góp tối thiểu 30 trđ)

2.2.3. Đánh giá chung về hoạt động Khoa học công nghệ của các Công ty, trung tâm

Kết quả hoạt động NCKH của các công ty, trung tâm nghiên cứu đã góp phần đưa các ứng dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực thăm dò - khai thác khoáng sản, trắc địa - bản đồ, quản lý tài nguyên và môi trường, công nghệ thông tin phục vụ kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp tạo tiền đề cho công tác quy hoạch, hoạch định chính sách về khai thác, quản lý tài nguyên khoáng sản và đất đai, bảo vệ môi trường ... ở các địa phương.

Các trung tâm sau khi chuyển đổi hoạt động theo Nghị định 115/2014-NĐ.CP đã có nhiều thay đổi tích cực, đặc biệt là các trung tâm có sự thay đổi, kiện toàn về nhân sự lãnh đạo. Trung tâm đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính của trung tâm là nghiên cứu khoa học, nhiều trung tâm đã chủ trì thực hiện các đề tài KH-CN cấp Quốc gia; liên kết, phối hợp với các Bộ ngành chủ trì các đề tài/hợp đồng nghiên cứu khoa học, như Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học kỹ thuật, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất, Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện tử, ...

Hoạt động nghiên cứu của các công ty, trung tâm đã tạo môi trường thuận lợi cho thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp cho học viên sau đại học và sinh viên của nhà trường. Trong thời gian tới, cần có sự gắn kết hơn nữa giữa các khoa, bộ môn và các công ty, trung tâm nghiên cứu trong công tác NCKH và đào tạo thông qua các đề tài NCKH, hợp đồng chuyển giao công nghệ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có địa bàn thực tập, các tài liệu khoa học, các số liệu chuẩn phục vụ việc xây dựng báo cáo, đồ án, luận văn, luận án và kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Bên cạnh những đóng góp về NCKH - triển khai công nghệ và góp phần hỗ trợ đào tạo, các trung tâm nghiên cứu và công ty Codeco đã đóng góp cho nhà trường một nguồn thu đáng kể từ hoạt động khoa học và công nghệ và dịch vụ khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển chung của Trường.

2.3. Các hoạt động khoa học và công nghệ khác

2.3.1. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Trường Đại học Mở - Địa chất được nhà nước đầu tư 08 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu, hoạt động của các PTN vẫn chủ yếu phục vụ cho sinh viên thực tập, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, việc sử dụng các phòng thí nghiệm cho NCKH còn hạn chế, chưa đáp ứng đúng mục tiêu đầu tư nhằm phục vụ NCKH và đào tạo nhân lực có trình độ cao (NCS, học viên cao học). Một số trang thiết bị xuống cấp, các linh kiện đi kèm chưa được bổ sung, cơ sở hạ tầng chưa bảo đảm nên khả năng phục vụ nghiên cứu khoa học của các PTN này còn hạn chế.

Trung tâm Thí nghiệm và Phân tích công nghệ cao của Nhà trường, là một đơn vị hoạt động trực thuộc Ban Giám hiệu. Trung tâm kiện toàn công tác tổ chức, nhân sự và đã chính thức đi vào hoạt động. Trung tâm tiếp tục xây dựng quy chuẩn phòng thí nghiệm, quy chế hoạt động và triển khai vận hành thiết bị thí nghiệm, phối hợp với các

đề tài, hợp đồng nghiên cứu thực hiện các phân tích, thí nghiệm công nghệ cao, công bố các bài báo trên những tạp chí khoa học có uy tín. Nhà trường sẽ thí điểm cho phép Trung tâm trở thành đơn vị tự chủ về tài chính và hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.3.2. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic

2.3.2.1. Nghiên cứu khoa học sinh viên

Hội nghị KHSV Trường lần thứ 30 đã được triển khai ở 23 tiểu ban chuyên với tổng số 240 đề tài được báo cáo. Ban tổ chức HNKHSV lần thứ 30 đã thẩm định, đánh giá và lựa chọn được 48 đề tài đạt chất lượng, đề nghị Nhà trường khen thưởng, gồm: 23 đề tài đạt giải Nhất, 18 đề tài đạt giải Nhì và 7 đề tài đạt giải Ba (xem Bảng 8).

Chất lượng chuyên môn của các đề tài NCKHSV được đánh giá là cao hơn so với những năm trước. Nhìn chung, kết quả thực hiện đề tài NCKH của sinh viên đã minh chứng cho kết quả học tập nghiên cứu và hình thành hướng đi trong NCKH của thế hệ trẻ trong tương lai. Nhà trường đã chọn 05 công trình NCKHSV có chất lượng tốt nhất để gửi đi tham dự xét giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả 04 công trình đạt giải, gồm 02 giải nhì, 02 giải ba.

Bảng 8. Đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học sinh viên 2 năm 2016 và 2017.

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Tổng số đề tài	240	240	-
2	Số sinh viên tham gia	900	1020	13,3
3	Giải thưởng cấp Trường	52	48	-7,69
	<i>Nhất</i>	24	23	-4,17
	<i>Nhì</i>	20	18	-10,0
	<i>Ba</i>	8	7	-12,5
4	Giải thưởng NCKH sinh viên cấp Bộ	4	4	-
	<i>Nhất</i>	1		-100
	<i>Nhì</i>	2	2	-
	<i>Ba</i>		2	200
	<i>Khuyến khích</i>	1		-100

2.3.2.2. Thi Olympic

Kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2017 được tổ chức tại hai địa điểm là Hà Nội và Vũng Tàu với 14 môn thi và 476 sinh viên tham dự (tăng 21,74% so với năm 2016). Ban tổ chức đã lựa chọn và đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng 141 cá nhân có thành tích tốt nhất. Trên cơ sở kết quả của cuộc thi Olympic cấp Trường, Nhà trường đã thành lập 6 đội tuyển tham dự các kỳ thi Olympic cấp quốc gia. Do các đội tuyển được chuẩn bị kiến thức tương đối tốt, các sinh viên tham gia đội tuyển có tinh thần trách nhiệm cao

nên các đội tuyển trong trường đã đạt nhiều kết quả tốt trong kỳ thi Olympic cấp quốc gia với 23 giải thưởng, trong đó môn Toán có 1 giải nhì và 4 giải ba; môn Vật lý có 5 giải nhì, 2 giải khuyến khích; các môn Cơ học đạt 01 giải nhì, 02 giải ba và 08 giải khuyến khích (Bảng 9).

Bảng 9. Kết quả Thi Olympic cấp Trường và Quốc gia năm 2016 so với năm 2017

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Số sinh viên tham gia	391	476	21,74
2	Giải thưởng cấp Trường	88	141	60,23
	<i>Nhất</i>	<i>11</i>	<i>11</i>	-
	<i>Nhì</i>	<i>36</i>	<i>23</i>	-36,11
	<i>Ba</i>	<i>26</i>	<i>57</i>	119,23
	<i>Khuyến khích</i>	<i>15</i>	<i>50</i>	233,33
3	Giải thưởng cấp quốc gia	30	23	-23,33
	<i>Nhất</i>	<i>1</i>		-100
	<i>Nhì</i>	<i>11</i>	<i>7</i>	-36,36
	<i>Ba</i>	<i>4</i>	<i>6</i>	50,0
	<i>Khuyến khích</i>	<i>14</i>	<i>10</i>	28,57

2.3.2.3. Đánh giá chung

Nhà trường đã tổ chức thi Olympic cấp Trường sớm hơn những năm trước 02 tháng tạo điều cho bộ môn có thời gian huấn luyện, bồi dưỡng các đội tuyển có môn thi Quốc gia. Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên các cấp trong năm qua, đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Có được thành công này, sự quan tâm chỉ đạo của Ban Giám hiệu, sự chủ động phối hợp giữa các đơn vị trong trường cùng sự tận tình hướng dẫn của các thầy, cô giáo đã tạo điều kiện cho sinh viên tự tin, hăng hái tham gia.

Bên cạnh sự hỗ trợ về kinh phí của nhà trường còn có sự định hướng, hỗ trợ về tinh thần, vật chất của các thầy cô giáo, các đơn vị trong và ngoài trường tạo điều kiện cho sinh viên trong hoạt động nghiên cứu, góp phần không nhỏ vào thành công của hoạt động NCKH và thi Olympic và mang lại ý nghĩa thiết thực cho việc nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo và NCKH của sinh viên.

2.4. Hoạt động thông tin khoa học

2.4.1. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất

Tạp chí đã tạo được cơ sở dữ liệu với mạng lưới 200 chuyên gia uy tín thuộc các lĩnh vực chuyên ngành sẵn sàng phản biện cho các bài báo khoa học được gửi tới Tạp chí. Đơn vị chức năng đã chuẩn hóa được quy trình đăng bài trên tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất theo hướng hiện đại, hòa nhập quốc tế.

Trong năm 2017 đã biên tập và xuất bản 10 số Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất trong đó có 6 số thường kỳ (04 số tiếng Việt và 2 số tiếng Anh) và 4 số chuyên đề. Tổng số 123 bài báo khoa học trong đó có 16 bài tiếng Anh đã được xuất bản.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn những hạn chế trong việc xuất bản tạp chí như chưa thu hút được các bài báo có chất lượng chuyên môn cao, tỉ lệ cán bộ trong trường có bài đăng trên tạp chí vẫn còn khiêm tốn.

Ban Biên tập Tạp chí sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng, cải tiến hình thức, tăng cường vai trò của thành viên Hội đồng Biên tập, từng **bước tự chủ về tài** chính và thương mại hóa tạp chí.

2.4.2. Các hội nghị, hội thảo khoa học

Trong năm 2017, nhà trường cùng các Khoa chuyên môn đã tổ chức được 6 hội thảo (xem Bảng 10).

Bảng 10. Các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước/quốc tế được tổ chức năm 2017

TT	Tên hội nghị/hội thảo	Thời gian tổ chức	Tổng số đại biểu tham gia/đại biểu quốc tế	Đơn vị chủ trì/đồng chủ trì
1	Geo-Spatial Technologies and Earth Resources” (GTER 2017) Công nghệ Địa không gian và Tài nguyên Trái đất	5-7/10/2017	200/60	Trường Đại học Mỏ - Địa chất /Hội Trắc địa mỏ thế giới
2	Hội nghị quốc tế trong lĩnh vực dầu khí tích hợp	19/10/2017	70/14	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Tổng công ty thăm dò và Khai thác Dầu khí
3	International Conference on Sustainable Groundwater Development ” (Phát triển bền vững tài nguyên nước dưới đất)	26/10/2017	130/15	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Trung tâm Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên nước quốc gia/Tổ chức BGR (Đức)/ Hội Địa chất thủy văn Việt Nam/ Trường ĐH Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội
4	Hội thảo Công tác đào tạo ngành Địa chất dầu khí	9/6/2017	100	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
5	Hội nghị quốc tế về Hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Ba Lan và Việt Nam lần thứ IV (Pol-Viet 2017)	20-24/11/2017	100	Trường Đại học AGH (Ba Lan)/Trường Đại học Mỏ - Địa chất
6	Hội thảo Efficient and Effective Approaches for Potential Field Modelling in O&G Exploration: Voxel, Layer Based and Hybrid Modelling	9/5/2017	50/5	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Geosoft,

Năm 2017, Nhà trường đã tổ chức thành công 03 Hội nghị quốc tế, 02 Hội thảo chuyên đề, đồng tổ chức Hội thảo quốc tế với trường đại học Khoa học và Công nghệ AGH (Ba Lan). Các Hội thảo đều được chuẩn bị công phu, nghiêm túc và tổ chức chu đáo. Các Hội thảo đã thu hút được đông đảo các nhà khoa học trong nước và quốc tế đến từ các quốc gia có nền khoa học phát triển như Nga, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản... đã đem lại những thay đổi tích cực trong các lĩnh vực chuyên môn của Nhà trường đối với các nhà khoa học trong và ngoài nước. Thông qua hội thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ trẻ của Nhà trường có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các nhà khoa học trong và ngoài nước để học hỏi, đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN cũng như đào tạo sau đại học. Các tài liệu của Hội thảo được biên tập, hiệu chỉnh và đều được cấp giấy phép xuất bản theo quy định của Nhà nước. Đặc biệt tại Hội nghị quốc tế “Geo-Spatial Technologies and Earth Resources” (GTER 2017) Công nghệ Địa không gian và Tài nguyên Trái đất” Ban Tổ chức đã nhận được hơn 200 bài báo của các nhà khoa học và các chuyên gia đến từ 20 quốc gia trên thế giới. Sau quá trình phản biện, 133 bài báo đã được lựa chọn để công bố, trong số đó có 24 bài báo chất lượng cao được chọn để xuất bản trong ấn phẩm đặc biệt của Springer International Publishing.

Bên cạnh những thành tích đạt được trên vẫn tồn tại một số hạn chế như một số tác giả nộp bài muộn dẫn đến hết thời gian nhận bài. Công tác biên tập, hiệu đính do thời gian gấp nên vẫn có lỗi biên tập.

Giải pháp tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế: cần xây dựng các trang website chính thức của các Hội thảo, quảng bá thông tin rộng rãi đến các đơn vị trong và ngoài nước. Liên kết với các tổ chức khoa học, các nhà khoa học ở nước ngoài để phát triển và trao đổi học thuật, tiếp nhận các công nghệ tiên tiến mới trên thế giới góp phần đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế của Nhà trường.

Các hội nghị/hội thảo khoa học đã là nơi giao lưu của các nhà khoa học trong nước và quốc tế trong nghiên cứu khoa học và đào tạo, đồng thời là cơ hội tốt để trao đổi học thuật, chia sẻ kinh nghiệm, công bố những kết quả nghiên cứu mới trong lĩnh vực khoa học Trái và mỏ và các khoa học liên quan. Các Hội nghị/Hội thảo này cũng là dịp để các nhà khoa học, nhà quản lý của Trường Đại học Mỏ - Địa chất tự đánh giá về năng lực chuyên môn và ngoại ngữ, từ đó tiếp tục hoàn thiện kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ.

Đánh giá chung: Các hội nghị, hội thảo đều được chuẩn bị công phu, nghiêm túc và tổ chức chu đáo. Thông qua hội thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ trẻ của nhà trường có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các nhà khoa học trong và ngoài nước để học hỏi, trao đổi chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm trong NCKH và quản lý; đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN cũng như đào tạo sau đại học. Mặc dù kinh phí hỗ trợ từ Nhà trường cho các Hội nghị, hội thảo còn nhiều khó khăn, nhưng khi được Nhà trường giao nhiệm vụ, Khoa/Bộ môn chủ trì đã chủ động huy động từ các nguồn xã hội hóa.

2.4.3. Các kết quả công bố khoa học

Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Số bài báo

công bố trên tạp chí quốc tế năm 2016 là 60 bài, giảm 25 bài so với năm 2016, các bài báo chủ yếu tập trung ở một số khoa như Khoa học cơ bản, Công nghệ thông tin, Trắc địa, Bản đồ và QLDD, Xây dựng (xem Bảng 11 và Bảng 12).

Bảng 11. Tổng hợp số lượng bài báo, báo cáo khoa học năm 2017 của các Khoa trong trường (theo số liệu báo cáo của các Khoa).

TT	Khoa	Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế	Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước	Báo cáo Hội thảo, Hội nghị trong và ngoài nước
1	Cơ - Điện	3	24	7
2	CNTT	13	23	9
3	Dầu khí	3	12	18
4	Khoa học và KT Địa chất	4	12	22
5	Khoa học cơ bản	16	21	28
6	Kinh tế - QTKD	1	25	4
7	Lý luận chính trị		7	1
8	Mỏ	2	28	32
9	Xây dựng	7	23	22
10	Trắc địa, BD và QLDD	10	48	49
11	Môi trường	1	14	19
12	Giáo dục quốc phòng		4	
	Cộng	60	241	211

*Chi tiết danh mục các công bố trong nước và quốc tế; báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo trong và ngoài nước thực hiện trong năm 2017 được đăng tải trên Website của trường.

Bảng 12. Đối sánh kết quả công bố khoa học 2 năm 2016 và năm 2017

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Số bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế	85	60	- 29,41
2	Số bài báo khoa học công bố trên tạp chí trong nước	197	241	22,34
3	Số báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước	353	211	-40,23

Năm 2017, nhà trường đã hỗ trợ kinh phí cho 11 bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI theo quy định của nhà trường.

2.4.4. Về tài liệu hội thảo khoa học

Công tác biên tập và xuất bản các báo cáo khoa học của các hội nghị khoa học cấp Trường, Quốc tế cũng như các hội thảo chuyên đề được giao cho Ban Tổ chức hoặc các Khoa chuyên môn đăng cai hội thảo đảm nhận.

Nhìn chung, công tác biên tập đều được thực hiện khá nghiêm túc, đảm bảo chất lượng nội dung và hình thức phù hợp với qui mô, tính chất của từng hội nghị, hội thảo.

2.4.5. Về Tuyển tập Công trình khoa học sinh viên

Sau khi kết thúc Hội nghị NCKHSV Lần thứ 30, Ban tổ chức đã lựa chọn và cho đăng 44 báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên đã đạt giải tại các tiểu ban chuyên môn của HNKH sinh viên.

2.5. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ

Hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học của nhà trường có nhiều kết quả nổi bật. Tiếp tục thực hiện đề tài hợp tác KHCN theo nghị định thư với CHLB Đức và 01 nhiệm vụ hợp tác song phương với Nhật Bản. Đã phối hợp với Trường Đại học Khoa học tự nhiên tiếp tục thực hiện dự án hợp tác với Đan Mạch do Liên minh Châu Âu tài trợ kinh phí.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học của trường có điều kiện trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm về chuyên môn, nâng cao trình độ ngoại ngữ, đồng thời nâng cao uy tín và vị thế của nhà trường trong hoạt động KHCN.

Nhà trường đã triển khai chương trình hợp tác quốc tế Erasmus+ với Trường Đại học KHCN AHG Krakov (Ba Lan) về trao đổi học thuật cho giảng viên và sinh viên, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, trình độ ngoại ngữ và khả năng hội nhập quốc tế cho cán bộ và sinh viên của Trường. Năm qua, đã có 08 sinh viên đại học của trường được đi thực tập 3 tháng tại trường AGH, 03 giảng viên của trường tham gia giảng dạy các chương trình Thạc sĩ và TS tại AGH. Nhà trường đã cử 8 cán bộ tham dự Hội nghị Pol-Viet tại Đại học AGH. Đã có 02 NCS của AGH đến thực tập tại trường và 03 giảng viên của AGH đến giảng một số môn tại các khoa Dầu khí, Trắc địa. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã chú trọng phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác về đào tạo và NCKH với các nước có trình độ công nghệ tiên tiến như Anh, Mỹ, Australia, Nhật Bản, Đức, ...

2.6. Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường xác định là công tác quan trọng. Nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của nhà trường trong hoạt động KHCN.

Công tác này đã được phòng KHQT và các phòng chức năng liên quan thực hiện và tổ chức quản lý chặt chẽ bám sát các văn bản pháp quy, quy chế nội bộ; chủ động xây dựng kế hoạch KHCN của Trường theo đúng yêu cầu của Nhà trường và các cơ quan quản lý cấp trên.

- Phòng KHQT thường xuyên theo dõi tiến độ, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài, dự án triển khai nhiệm vụ theo đúng các hợp đồng và đề cương nghiên cứu. Hướng dẫn kịp thời các chủ nhiệm đề tài thực hiện kế hoạch nghiên cứu theo các quy định. Kịp thời tổ chức đăng ký các đề tài mới và đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài hoàn thành.

- Phòng Tài vụ đã kịp thời hướng dẫn các chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụ giải ngân kinh phí cho các đề tài, hợp đồng thực hiện theo đúng tiến độ và thực hiện đúng việc chi tiêu tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Các Khoa, Bộ môn đã ý thức được vai trò, trách nhiệm trong quản lý hoạt động KHCN của đơn vị mình.

- Đã cải tiến cách thức đăng ký, xây dựng, xét duyệt và giám sát việc thực hiện đề tài trong đó nâng cao vai trò của các khoa và bộ môn trong triển khai đăng ký, xét duyệt sơ bộ các đề xuất nhiệm vụ KHCN theo hướng dẫn của Trường, tham gia đánh giá nghiệm thu kết quả ở cấp cơ sở và cấp Bộ.

Tuy nhiên, một số đơn vị (khoa, bộ môn chủ quản) chưa quan tâm đúng mức đối với việc xây dựng, xét duyệt và thực hiện các nhiệm vụ KHCN, dẫn tới tình trạng một số đề tài tồn đọng; một số đề cương nghiên cứu không bảo đảm chất lượng và bị các hội đồng xét duyệt từ chối thực hiện.

Trong năm qua, Nhà trường đã sử dụng đúng mục đích kinh phí hoạt động KHCN chi từ ngân sách Nhà nước. Đến quý I/2018, hầu hết đề tài các cấp đều đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí năm 2017. Số lượng đề tài, dự án NCKH các cấp được thực hiện và đã quyết toán kinh phí từ NSNN năm 2017 (xem bảng 3).

Ngoài kinh phí được Nhà nước đầu tư, Nhà trường còn trích một phần kinh phí đáng kể từ nguồn chi thường xuyên để hỗ trợ cho các hoạt động KHCN cấp cơ sở như các đề tài NCKH cấp cơ sở, NCKH sinh viên, các hội nghị, hội thảo, ... nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động KHCN của Trường với tổng kinh phí là 2.151 trđ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2017

3.1. Những kết quả đạt được

- Nhà trường đã chỉnh sửa và ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường cho phù hợp các quy định mới của nhà nước, tạo cơ sở hành lang pháp lý cho công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

- Đến cuối năm 2017 hầu hết các đề tài/nhiệm vụ KHCN các cấp, đề tài NCCB thực hiện trước 2017 chuyển sang đã được tổng kết, nghiệm thu.

- Đóng góp quan trọng trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, gắn nhiệm vụ NCKH với đào tạo NCS và cao học, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ cao, góp phần thực hiện tốt chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường giai đoạn 2016-2020.

- Hoạt động NCKH cấp cơ sở đã có nhiều thay đổi tích cực trong công tác xét duyệt, thời gian thực hiện và đánh giá kết quả đề tài.

- Hoạt động triển khai công nghệ của các tổ chức khoa học vẫn chủ yếu là thực hiện các hợp đồng dịch vụ KHCN, bên cạnh đó một số trung tâm hoạt động NCKH - triển khai công nghệ đã chủ trì thực hiện các đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ như: Trung tâm Hỗ trợ Phát triển khoa học kỹ thuật, Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện tử, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất, ... đóng góp quan trọng trong hoạt động NCKH và đào tạo nhân lực của Trường.

- Hoạt động NCKH - triển khai công nghệ của nhà trường tiếp tục phát triển về chất lượng và số lượng các hợp đồng, đề tài.

- Một số trung tâm sau khi kiện toàn nhân sự, bổ sung thêm lĩnh vực hoạt động, bước đầu phát huy được những lĩnh vực đặc thù. Tuy nhiên, các trung tâm vẫn cần phát huy tiềm lực sẵn có, nâng cao vị thế và mở rộng các ngành, nghề là thế mạnh của nhà trường, đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội.

- Công tác NCKH sinh viên, Olympic các cấp đã đạt được thành tích đáng khích lệ với các giải thưởng cao, tạo động lực quan trọng trong học tập và NCKH của sinh viên.

- Số lượng công bố khoa học, đặc biệt là công bố quốc tế của cán bộ khoa học nhà trường năm 2017 vẫn ổn định, tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế của nhà trường trong nước và trong khu vực.

- Số lượng đề tài do Quỹ Nafosted tài trợ thực hiện năm 2017 đã tăng gấp 2-3 lần so với những năm trước.

3.2. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KHCN của Trường trong năm qua còn một số tồn tại và hạn chế nhất định, cụ thể:

- Hoạt động KHCN của nhà trường chưa tương xứng với nhiệm vụ và tiềm lực KHCN của Trường. Sản phẩm NCKH được chuyển giao còn rất khiêm tốn, các kết quả nghiên cứu chủ yếu vẫn dừng ở mức độ nghiên cứu lý thuyết và phục vụ đào tạo;

- Số lượng và kinh phí đầu tư cho hoạt động KHCN cấp Bộ ngày càng hạn chế;

- Công tác hoạt động khoa học và công nghệ ở một số khoa, chuyên môn vẫn còn thiếu chuyên nghiệp, một phần do đặc thù ngành nghề, một phần do chưa được lãnh đạo các Khoa, Bộ môn quan tâm chỉ đạo sát sao.

- Năng lực và xây dựng các đề xuất và viết thuyết minh nhiệm vụ của cán bộ còn hạn chế, trong nhiều trường hợp chưa đáp ứng được yêu cầu của Hội đồng chuyên môn; Mặc dù đã được nhà trường tổ chức các buổi tập huấn, mời chuyên gia hướng dẫn xây dựng đề xuất, viết thuyết minh đề tài, cách thức viết bài báo khoa học để đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế, nhưng chưa được các nhà khoa học trẻ quan tâm.

- Công tác triển khai, tổ chức thực hiện đề tài của một số chủ nhiệm còn lúng túng, dẫn đến thực hiện không đúng tiến độ, hoặc kéo dài quá hạn hợp đồng.

- Các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu chưa phát huy được năng lực nghiên cứu khoa học, các đề tài/nhiệm vụ và học viên sau đại học sử dụng các phòng thí nghiệm này còn hạn chế, chưa tương xứng với quy mô hoạt động.

- Các phòng thí nghiệm chưa phát huy được hiệu quả sử dụng thiết bị phục vụ cho việc nghiên cứu và thực hiện các đề tài và nhiệm vụ KHCN các cấp.
- Phần mềm quản lý khoa học và công nghệ và tính điểm công trình cho cán bộ giảng dạy chưa được đưa vào sử dụng thay thế phương pháp truyền thống.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2018

I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018

Năm 2018, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường vẫn tiếp tục bám sát định hướng hoạt động KHCN được nêu trong kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020 của Nhà trường, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề tài NCKH các cấp đã được phê duyệt.
- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các chương trình, đề tài KHCN lớn cấp nhà nước, mang tính liên ngành để tập hợp đông đảo các nhà khoa học trong trường cùng giải quyết về các lĩnh vực mang tính chất chuyên ngành Khoa học Trái đất - Mỏ.
- Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế trong hoạt động KHCN nhất là NCKH - chuyển giao công nghệ.
- Tham gia tích cực vào các chương trình trọng điểm của Nhà nước, Bộ, Ngành;
- Xây dựng các đề tài NCCB trong KHTN và NCCB định hướng ứng dụng do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí;
- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về lĩnh vực khoa học trái đất và mỏ của các nhà khoa học;
- Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường;
- Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng của Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất, số tiếng Việt và số tiếng Anh;
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH của giảng viên trẻ và của sinh viên.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên cần triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục những vấn đề còn tồn tại của năm 2017, làm tiền đề cho việc tăng cường hoạt động KHCN trong năm 2018, trong đó có một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Đẩy mạnh việc xây dựng nguồn nhân lực KHCN có trình độ cao, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu trong các lĩnh vực chủ đạo của Nhà trường trong thời gian tới để đáp ứng yêu cầu thực tế và hội nhập quốc tế; Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu để hình thành và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thuộc thế mạnh của nhà trường, giải quyết đáp ứng tốt nhu cầu xã hội cần;
- Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình nghiên cứu;
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học. Tăng cường mở các đề tài hợp tác với các nước dưới dạng các nhiệm vụ nghị định thư, nhiệm vụ song phương, tổ chức các hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật;

- Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng các phòng thí nghiệm, tích cực đầu tư thiết bị thí nghiệm gắn liền với sản xuất;
- Tổ chức các đợt tập huấn kỹ năng xây dựng các đề xuất khoa học, viết thuyết minh đề tài NCKH và viết bài báo khoa học cho cán bộ trẻ;
- Làm tốt công tác khen thưởng và kiên quyết xử lý đối với các đề tài quá hạn.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018

2.1. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia:

- Tiếp tục xây dựng đề tài NCCB trong KHTN do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí;
- Tiếp tục thực hiện 12 đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước, gồm:
 - + 02 đề tài cấp Quốc gia thuộc Chương trình KHCN ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường mã số BDKH/16-20;
 - + 07 đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên;
 - + Hoàn thành nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư Việt - Đức;
 - + Hoàn thành, nghiệm thu cấp nhà nước đề tài NCCB định hướng ứng dụng;
 - + Hoàn thành, nghiệm thu nhiệm vụ thuộc dự án trọng điểm do Bộ Công Thương quản lý.
- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 05 đề tài NCCB được giao đợt I và đợt II năm 2017.
- Hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài: Tiếp tục xây dựng các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, hợp tác song phương với các nước: Đức, Ba Lan, Mỹ, ...

2.2. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp bộ:
- Xây dựng các đề xuất và đề cương đề tài cấp bộ 2019;
 - Tiếp tục triển khai thực hiện 12 đề tài, nhiệm vụ cấp bộ chuyển tiếp từ 2017 và đơn đốc các đề tài, nhiệm vụ hết hạn nghiên cứu nghiệm thu;
 - Hoàn thành, nghiệm thu cấp Bộ nhiệm vụ hợp tác NCKH song phương với Nhật Bản;
 - Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 04 đề tài (01 đề tài hợp tác song phương Việt - Hàn và 03 đề tài KHCN cấp Bộ) được giao năm 2018;
 - Hoàn thành dự án tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm của khoa Cơ điện, phòng thí nghiệm Tuyển khoáng, Trắc địa.

2.3. Các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp, gồm:
- Hoàn thành, nghiệm thu cấp Tỉnh/Thành phố 03 đề tài KHCN cấp Tỉnh.
 - Tập trung xây dựng các đề án, đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh thông qua các nhóm nghiên cứu và các nhà khoa học

- Hoàn thành, nghiệm thu các dự án, hợp đồng ký với các doanh nghiệp, địa phương đã hết thời gian nghiên cứu.

2.4. Các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở

- Tiếp tục thực hiện 19 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở giao đợt II/2017
- Tổ chức tuyển chọn và thực hiện đề tài và nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở năm 2018.
- Tiếp tục thực hiện 250 đề tài NCKH sinh viên.

2.5. Các nhiệm vụ KHCN khác

- Thành lập các nhóm nghiên cứu và các nhóm nghiên cứu mạnh; xây dựng cơ chế hoạt động cho các nhóm nghiên cứu

Tổ chức các hội đồng Tư vấn xác định danh mục, hội đồng Tư vấn xác định chủ trì đề tài các cấp năm 2019;

- Tổ chức Hội nghị khoa học (12/2018) với quy mô Hội nghị Khoa học quốc gia.
- Tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 31 (5/2018) và biên tập, xuất bản tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2018;
- Tổ chức các đội tuyển tham dự Olympic quốc gia năm 2018 các môn Toán, Vật lý, Hóa, Cơ học;
- Tổ chức các hội thảo khoa học, hội thảo chuyên đề;
- Thực hiện các hoạt động KHCN khác.

2.6. Nhiệm vụ quản lý KHCN

- Xây dựng chiến lược KHCN của Trường đến năm 2025;
- Thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của nhà trường;
- Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu đề hình thành và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thế mạnh của nhà trường, giải quyết đáp ứng tốt nhu cầu xã hội cần;
- Xây dựng quy trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp.

Những kết quả đã đạt được trong hoạt động KHCN năm 2017, năm thứ hai của kế hoạch 5 năm (2016-2020) là đáng khích lệ và tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế của hoạt động KHCN trong nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của Trường. Những kết quả đạt được nêu trên xuất phát từ năng lực đội ngũ cán bộ khoa học, tinh thần đoàn kết của cán bộ viên chức và sinh viên trong toàn trường, sự quản lý và chỉ đạo sát sao của Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường. Ngoài sự nỗ lực của Trường, Nhà trường còn nhận được sự quan tâm giúp đỡ có hiệu quả của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, của các Bộ, Ngành, các cơ quan Trung ương và doanh nghiệp, địa phương trong cả nước.

Năm 2018 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm (2016-2020), nhiệm vụ KHCN của Trường là rất nặng nề, nhưng với truyền thống đoàn kết của đội ngũ cán bộ viên chức trong toàn Trường và tiềm năng chất xám của đội ngũ cán bộ khoa học của Trường, mối quan hệ tốt đẹp của Trường với nhiều địa phương, doanh nghiệp trong cả nước, tin tưởng rằng Trường Đại học Mở - Địa chất sẽ vượt qua những thách thức trong giai đoạn hiện nay, làm chủ KHCN và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**



BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2016-2020,
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2021-2025
VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2021

Hà Nội, tháng 4-2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
<u>Phần thứ nhất: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 5 NĂM (2016-2020)</u>	1
I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2016-2020	1
1.1. Kết quả thực hiện đề tài NCKH các cấp	1
1.2. Kết quả hoạt động nghiên cứu ứng dụng và triển khai công nghệ	23
1.3. Các hoạt động khoa học và công nghệ khác	30
1.4. Hoạt động thông tin khoa học	34
1.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động KHCN	47
1.6. Hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh	48
1.7. Công tác tổ chức quản lý hoạt động KHCN	49
II. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2016-2020	51
2.1. Một số kết quả nổi bật trong hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020:	51
2.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được và những điều kiện thuận lợi	52
2.3. Khó khăn, hạn chế còn tồn tại	53
<u>Phần thứ 2: PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN 5 NĂM 2021-2025 VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2021</u>	55
I. MỤC TIÊU VÀ NHỮNG CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	55
II. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	55
2.1. Định hướng ưu tiên trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ	55
2.2. Đổi mới phương thức tổ chức, quản lý hoạt động khoa học công nghệ	55
2.3. Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ	56
2.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học	56
2.5. Xây dựng, triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao kết quả	56
2.6. Gắn kết chặt giữa KHCN và đào tạo sau đại học	56
2.7. Đẩy mạnh công tác thông tin khoa học	56
III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2021	57
3.1. Định hướng hoạt động KHCN năm 2021	57
3.2. Nhiệm vụ cụ thể hoạt động KHCN năm 2021	58
KẾT LUẬN	60

MỞ ĐẦU

Hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) của Trường Đại học Mở - Địa chất giai đoạn 2016-2020 đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ, khẳng định hoạt động KHCN là một nhiệm vụ chính trị quan trọng của Nhà trường. Được Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu quan tâm và chỉ đạo sát sao, hiệu quả, lực lượng cán bộ khoa học của Trường đã đoàn kết, nỗ lực, hoàn thành tốt các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học (NCKH) của Nhà nước, các cơ quan Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp; nắm chắc và bám sát các nhu cầu của đời sống kinh tế - xã hội để thực hiện tốt các nhiệm vụ KHCN; tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế trong NCKH và đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học.

Trong 5 năm qua, Trường Đại học Mở - Địa chất đã nhận được sự giúp đỡ toàn diện và có hiệu quả của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan quản lý cấp trên, đồng thời có sự hợp tác chặt chẽ của các địa phương, cơ quan hữu quan trong cả nước. Đây là những thuận lợi cơ bản, những điều kiện tiên đề rất quan trọng cho hoạt động KHCN của Trường. Các địa phương, doanh nghiệp trong cả nước là những địa chỉ trực tiếp áp dụng những thành quả về hoạt động KHCN của Nhà trường vào thực tế sản xuất, gắn hoạt động này với đời sống và phát triển kinh tế - xã hội.

Trường Đại học Mở - Địa chất báo cáo những thành tích nổi bật về hoạt động KHCN của Trường trong 5 năm (2016-2020), những kết quả mà tập thể cán bộ, viên chức và sinh viên Nhà trường đã đạt được.

Bản báo cáo gồm 2 phần chính:

1. Kết quả hoạt động KHCN 5 năm (2016-2020);
2. Phương hướng chính hoạt động KHCN của Nhà trường trong kế hoạch 5 năm (2021-2025) và kế hoạch cụ thể năm 2021.

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 5 NĂM (2016-2020)

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2016-2020

1.1. Kết quả thực hiện đề tài NCKH các cấp

Hoạt động nghiên cứu khoa học các cấp trong 5 năm qua của Trường đã đạt cả về số lượng và chất lượng. Tổng cộng có 317 đề tài các cấp đã và đang được triển khai thực hiện trong giai đoạn này (Bảng 1 đến Bảng 5 và Hình 1). Trong đó: Bảng 1 giới thiệu chi tiết số lượng đề tài/nhiệm vụ KHCN theo từng cấp, loại hình; Bảng 2 so sánh số lượng đề tài/nhiệm vụ KHCN đã thực hiện trong 2 giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020; Bảng 3 giới thiệu danh mục chi tiết các đề tài, nhiệm vụ KHCN theo từng cá nhân; Bảng 4 trình bày kết quả tổng hợp số lượng đề tài các cấp và kinh phí NSNN thực hiện năm 2020 (phân chia theo các Khoa); Bảng 5 giới thiệu tổng hợp số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện và kinh phí quyết toán giai đoạn 2016-2020 (phân chia theo các Khoa).

Số liệu thống kê cho thấy số đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia và cấp Bộ/Tỉnh giai đoạn 2016-2020 tăng khoảng 135% so với giai đoạn 2011-2015. Đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia và cấp Bộ/tỉnh phân bố tương đối đồng đều ở các Khoa chuyên môn. Tuy nhiên, các Khoa Kinh tế - QTKD, Lý luận chính trị, Giáo dục

quốc phòng và khối Hiệu bộ chủ yếu thực hiện đề tài cấp cơ sở, hầu như không thực hiện đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia và cấp Bộ/tỉnh.

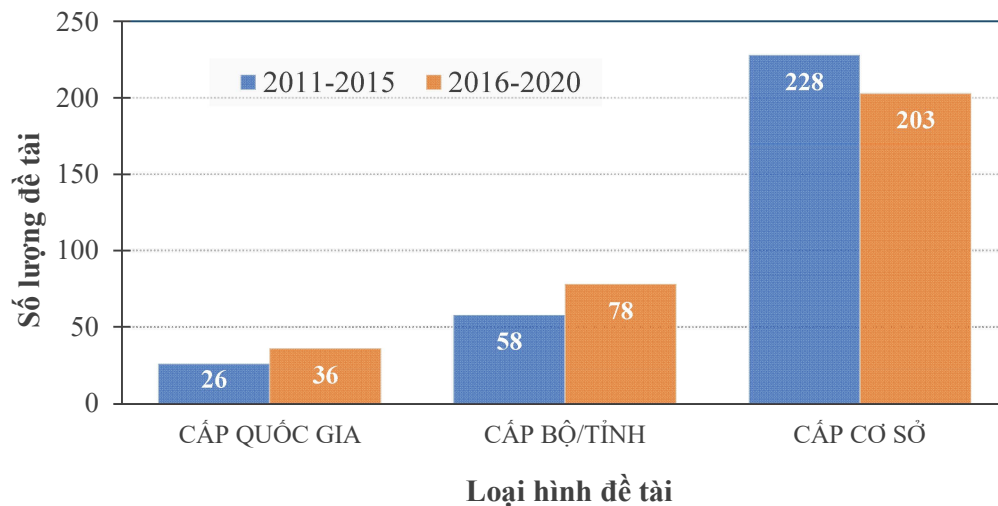
Bảng 1. Tổng hợp số lượng đề tài/nhiệm vụ KHCN các cấp thực hiện giai đoạn 2016-2020

Loại đề tài	Số lượng đề tài	Kết quả thực hiện (nghiệm thu/đang thực hiện)
1. Cấp quốc gia:	36	
1.1. Đề tài thuộc chương trình trọng điểm	06	- 02 đề tài đã nghiệm thu cấp Quốc gia - 03 đề tài nghiệm thu cấp cơ sở - 01 đề tài đang thực hiện
1.2. Nghị định thư	01	Đã nghiệm thu cấp quốc gia
1.3. Đề tài NCCB ĐHƯĐ	01	Đã nghiệm thu cấp quốc gia
1.4. Đề tài Bộ Công thương	04	04 đề tài đang thực hiện đúng tiến độ
1.5. Đề tài Quỹ Nafosted	24	- 07 đề tài đã nghiệm thu - 17 đề tài đang thực hiện
2. Cấp bộ/tỉnh:	78	
2.1. Chương trình KHCN cấp Bộ GD&ĐT	01 chương trình (gồm 08 đề tài/nhiệm vụ)	Chương trình thực hiện đúng tiến độ
2.2. Nhiệm vụ HTQT song phương	03	- 02 nhiệm vụ nghiệm thu cấp Bộ - 01 nhiệm vụ thực hiện đúng tiến độ
2.3. Đề tài KHCN cấp bộ GD&ĐT	58	- 34 đề tài nghiệm thu cấp Bộ - 06 đề tài nghiệm thu cấp cơ sở - 02 đề tài thanh lý - 16 đề tài thực hiện đúng tiến độ
2.4. Đề tài KHCN Bộ Xây dựng	03	- 01 đề tài nghiệm thu cấp Bộ - 01 đề tài nghiệm thu cấp cơ sở - 01 đề tài thực hiện đúng tiến độ
2.5. Đề tài KHCN cấp Tỉnh	06	- 04 đề tài nghiệm thu cấp Tỉnh - 02 đề tài thực hiện đúng tiến độ
3. Đề tài/nhiệm vụ cấp cơ sở	203	- 154 đề tài đã nghiệm thu - 49 đề tài thực hiện đúng tiến độ

Bảng 2. So sánh số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2011-2015

Loại đề tài	Số lượng đề tài thực hiện giai đoạn 2011-2015	Số lượng đề tài thực hiện giai đoạn 2016-2020
1. Cấp quốc gia:	26	36
1.1. Đề tài thuộc chương trình trọng điểm	02	06
1.2. Nghị định thư	01	01
1.3. Đề tài NCCB ĐHƯĐ	01	01

1.4. Đề tài Bộ Công thương	07	04
1.5. Đề tài Quỹ Nafosted	12	24
1.6. KHCN tiềm năng	03	-
2. Cấp bộ/tỉnh:	58	78
2.1. Chương trình KHCN cấp Bộ GD&ĐT	01 (gồm 7 đề tài)	01 (gồm 08 đề tài/nhiệm vụ)
2.2. Nhiệm vụ HTQT song phương	02	03
2.3. Đề tài KHCN cấp Bộ GD&ĐT	44	58
2.4. Đề tài KHCN Bộ Xây dựng	-	03
2.5. Đề tài KHCN cấp Tỉnh	05	06
3. Đề tài/nhiệm vụ cấp cơ sở	228	203



Hình 1. Bảng so sánh số lượng đề tài các cấp giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020

1.1.1. Thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia

Trong 5 năm (2016-2020), Trường Đại học Mở - Địa chất đã được Nhà nước giao thực hiện 36 nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia và đề tài Quỹ Nafosted, gồm:

- 06 đề tài KHCN thuộc các chương trình KHCN trọng điểm cấp Quốc gia (KC.09, KC.05, Chương trình công nghệ Vũ trụ, Chương trình phát triển Nông thôn và Chương trình Biến đổi khí hậu);
- 04 nhiệm vụ thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công thương quản lý;
- 01 nhiệm vụ NCCB định hướng ứng dụng;
- 01 nhiệm vụ HTNC theo nghị định thư Việt - Đức;
- 24 đề tài NCCB trong KHTN.

Bảng 3. Danh mục đề tài, nhiệm vụ KHCN các cấp thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 (tính đến 20/3/2021)

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Quốc gia, Quỹ Nafosted	Bộ/Tỉnh	Cơ sở	
I	Khoa Công nghệ thông tin 21 nhiệm vụ (03 đề tài cấp Quốc gia + 07 đề tài cấp Bộ+ 11 đề tài cấp cơ sở)						
1	Trương Xuân Luận	Tin học Địa chất	1/2012-12/2017	NCCBĐHUĐ.2012.G/01			Nghiệm thu 2019, xếp loại Tốt
2	Nguyễn Trường Xuân	Tin học Trắc địa	5/2018-01/2021	VT-UD.07/18-20			Nghiệm thu cơ sở
3	Lê Văn Hưng	Công nghệ phần mềm	1/2012-10/2018		B2012-02-02SP		Nghiệm thu 2019, xếp loại Tốt
4			02/2016-12/2016			T16-02	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
5			12/2018-12/2021	105.08.2018-09			Đang thực hiện
6			7/2019-6/2021		CT2019.01.02		Đang thực hiện
7	Lê Hồng Anh	Khoa học máy tính	7/2019-6/2021		CT2019.01.05		Đang thực hiện
8	Nguyễn Thế Lộc	Công nghệ phần mềm	7/2019-6/2021		CT2019.01.07		Đang thực hiện
9			12/2019-11/2020			NV-19-47	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
10	Nguyễn Tuấn Anh	Tin học Trắc địa	1/2015-6/2017		B2015-02-26		Nghiệm thu 2017, xếp loại Đạt
11	Ngô Thị Phương Thảo	Tin học Trắc địa	1/2018-12/2019		B2018-MDA-18ĐT		Nghiệm thu 2020, xếp loại Đạt
12	Nguyễn Duy Huy	Khoa học máy tính	1/2019-6/2021		B2019-MDA-07		Đang thực hiện
13	Ng. Thị Phương Bắc	Khoa học máy tính	02/1017-12/2017			T17-01	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
14	Phạm Văn Đồng	Công nghệ Phần mềm	11/2017-10/2018			T17-40	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
15	Tạ Quang Chiêu	HTTT và tri thức	11/2017-10/2018			T17-41	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
16	Dương Hiền Thị Thanh	Tin học kinh tế	6/2018-5/2019			T18-01	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
17	Diêm Công Hoàng	Công nghệ phần mềm	12/2018-5/2020			T18-18	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
18	Hoàng Anh Đức	Công nghệ phần mềm	5/2019-4/2020			T19-01	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
19	Nguyễn Hữu Phương	Công nghệ phần mềm	5/2019-4/2020			T19-02	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
20	Nguyễn Thị Mai Dung	Tin học trắc địa	12/2019-11/2020			T19-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
21	Nông Thị Oanh	Khoa học máy tính	12/2019-11/2020			NV-19-46	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
II	Khoa Cơ điện 21 nhiệm vụ (02 đề tài cấp Quốc gia + 04 đề tài cấp Bộ + 15 đề tài cấp cơ sở)						
22	Nguyễn Thạc Khánh	KT Điện - Điện tử	6/2019-4/2021	KC.09.24/16-20			Đang thực hiện
23			02/1017-12/2017				T17-28

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Quốc gia, Quỹ Nafosted	Bộ/Tỉnh	Cơ sở	
24	Nguyễn Văn Xô	Máy và TBCN	1/2020-12/2021	CNKK.155/20			Đang thực hiện
25			02/1017-12/2017			T17-02	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
26			5/2019-4/2020			T19-03	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
27	Đình Văn Thắng	KT Điện - Điện tử	1//2015-6/2017		B2015-02-34NV		Nghiệm thu 2018, xếp loại Xuất sắc
28	Khổng Cao Phong	Tự động hóa	7/2019-6/2021		CT2019.01.03		Đang thực hiện
29	Đặng Văn Chí	Tự động hóa	7/2019-6/2021		CT2019.01.04		Đang thực hiện
30			02/2016-12/2016			T16-03	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
31	Phạm Thị Thanh Loan	Tự động hóa	7/2019-6/2021		CT2019.01.06		Đang thực hiện
32	Phạm Thị Thủy	Kỹ thuật cơ khí	02/2016-12/2016			T16-04	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
33	Đỗ Như Ý	Điện khí hóa	02/2016-12/2016			T16-05	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
34	Nguyễn Chí Tình	Tự động hóa	02/2017-12/2017			T17-03	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
35	Nguyễn Thế Lực	Tự động hóa	02/2017-12/2017			T17-27	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
36	Nguyễn Duy Chinh	Kỹ thuật cơ khí	11/2017-10/2018			T17-42	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
37	Nguyễn Văn Tuệ	Kỹ thuật cơ khí	6/2018-5/2019			T18-05	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
38	Trần Đức Huân	Kỹ thuật cơ khí	5/2019-4/2020			T19-22	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
39	Nguyễn Tiến Sỹ	KT Điện - Điện tử	5/2019-4/2020			T19-23	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
40	Nguyễn Thanh Tùng	Kỹ thuật cơ khí	12/2019-11/2020			T19-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
41	Nguyễn Đăng Tấn	Máy và TB CN	6/2020-5/2021			T20-03	Đang thực hiện
42	Phạm Thị Thủy	Kỹ thuật cơ khí	6/2020-5/2021			T20-04	Đang thực hiện
III	Khoa Dầu khí 34 nhiệm vụ (05 đề tài cấp Quốc gia + 12 đề tài cấp Bộ/Tỉnh + 17 đề tài cấp cơ sở)						
43	Lê Khánh Phồn	Địa vật lý	1/2012-12/2016		B2012-02-01SP		Nghiệm thu 2017, xếp loại Tốt
44	Nguyễn Thị Linh	Lọc - Hóa dầu	1/2016-6/2018		B2016-MDA-01ĐT		Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
45	Tổng T. Thanh Hương	Lọc - Hóa dầu	1/2016-6/2018		B2016-MDA-02ĐT		Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
46	Nguyễn Anh Dũng	Lọc - Hóa dầu	1/2015-12/2017		B2015-02-25		Thanh lý năm 2019
47	Ngô Thanh Hải	Lọc - Hóa dầu	1/2016-12/2017		B2016-MDA-03ĐT		Thanh lý năm 2019
48	Phạm Xuân Núi	Lọc - Hóa dầu	1/2016-12/2017		01C.06/01-2016-3		Nghiệm thu 2018, xếp loại Tốt
49			3/2015-3/2018	105.09.2015.21			Nghiệm thu 2018, xếp loại Đạt
50			12/2018-12/2021	105.99.2018.301			Đang thực hiện

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Quốc gia, Quỹ Nafosted	Bộ/Tỉnh	Cơ sở	
51	Bùi Thị Lệ Thủy	Lọc - Hóa dầu	4/2017-4/2021	104.01.2016.57			Đã báo cáo tổng kết
52			1/2019-12/2020		B2019-MDA-01		Đã nghiệm thu cấp cơ sở
53	Vũ Văn Toàn	Lọc - Hóa dầu	12/2017-12/2019, gia hạn 12/2020	104.05.2017.38			Đang thực hiện
54	Duong Văn Hào	Địa vật lý	9/2019-9/2022	105.05.2019.10			Đang thực hiện
55			5/2019-10/2020			T19-14	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
56	Lê Ngọc Ánh	Địa chất dầu	1/2017-6/2019		B2017-MDA-13ĐT		Nghiệm thu 2019, xếp loại Xuất sắc
57			6/2020 - 5/2021			T20-22	Đang thực hiện
58	Nguyễn Văn Thịnh	TB Dầu khí	7/2017-12/2018		RD124-17 (Bộ XD)		Nghiệm thu 2019, xếp loại Khá
59	Lê Hải An	Địa vật lý	1/2014-6/2016		B2014-02-20		Nghiệm thu 2018, xếp loại Xuất sắc
60	Nguyễn Thế Vinh	Khoan -Khai thác	1/2014-6/2016		B2014-02-20		Nghiệm thu 2017, xếp loại Đạt
61			1/2019-12/2020		B2019-MDA-05		Đang thực hiện
62	Lê Quang Duyệt	Khoan -Khai thác	02/2016-12/2016			T16-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
63	Nguyễn Trần Tuấn	Khoan -Khai thác	02/2016-12/2016			T16-07	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
64	Vũ Thiết Thạch	Khoan -Khai thác	02/2016-12/2016			T16-08	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
65	Phan Thị Hồng	Địa vật lý	02/2017-12/2017			T17-04	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
66	Nguyễn Thị Hải Yến	Thiết bị dầu khí và CT	12/2018-11/2019			T18-35	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
67	Kiều Duy Thông	Địa vật lý	12/2018-11/2019			T18-36	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
68	Bùi Thị Ngân	Địa chất dầu khí	12/2018-11/2019			T18-37	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
69			6/2020 - 5/2021			T20-23	Đang thực hiện
70	Trương Văn Từ	Khoan - Khai thác	5/2019-4/2020			T19-15	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
71	Nguyễn Minh Hòa	Địa chất dầu khí	6/2020 - 5/2021			T20-24	Đang thực hiện
72	Vũ Hồng Dương	Địa vật lý	6/2020 - 5/2021			T20-25	Đang thực hiện
73	Nguyễn Khắc Long	Khoan - Khai thác	6/2020 - 5/2021			T20-26	Đang thực hiện
74	Phạm Trung Kiên	Lọc - Hóa dầu	12/2019-11/2020			T19-36	Đang thực hiện (gia hạn 3 tháng)
75	Ngô Hà Sơn	Lọc - Hóa dầu	12/2019-11/2020			T19-37	Đang thực hiện (gia hạn 3 tháng)
76	Trần Danh Hùng	Địa vật lý	12/2019-11/2020			T19-38	Đang thực hiện (gia hạn 3 tháng)

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Quốc gia, Quỹ Nafosted	Bộ/Tỉnh	Cơ sở	
IV	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất 44 nhiệm vụ (11 đề tài cấp Quốc gia +15 đề tài cấp Bộ/Tỉnh +18 đề tài cấp cơ sở)						
77	Đặng Văn Bát	Địa chất	7/2018-12/2020	KC.09.30/16-20			Đã nghiệm thu cơ sở
78	Trần Thanh Hải	Địa chất	12/2016-4/2020	BĐKH.13/16-20			Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc (TT NC MT Địa chất chủ trì)
79			1/2019-6/2021		B2019-MDA-562-15		Đang thực hiện
80	Nguyễn Văn Lâm	Địa chất thủy văn	3/2015-3/2020	105.99.2014.19			Nghiệm thu 2019, xếp loại đạt
81			7/2019-7/2021		CT2019-01-08		Đang thực hiện
82	Ngô Xuân Thành	Địa chất	1/2016-6/2018		B2016-MDA-06ĐT		Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
83			1/2019-6/2021		B2019-MDA-562-14		Đang thực hiện
84			8/2018-8/2021	105.99.2017.314			Đang thực hiện
85	Hoàng Văn Long	Địa chất biển	1//2015-6/2017		B2015-02-24		Nghiệm thu 2018, xếp loại Xuất sắc
86	Nguyễn Bách Thảo	Địa chất thủy văn	1/2019-6/2021		B2019-MDA-562-18		Đang thực hiện
87			12/2018-11/2019			T18-32	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
88	Tô Xuân Bản	Địa hóa	7/2019-7/2020		CT2019-01-01		Đang thực hiện
89	Nhữ Việt Hà	Địa chất công trình	8/2018-8/2021	105.08.2017.316			Đang thực hiện
90			6/2018-5/2019			T18-08	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
91	Lê Thị Thu	Khoáng sản	1/2016-6/2018		B2016-MDA-05ĐT		Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
92	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	1/2017-12/2018		B2017-MDA-17ĐT		Nghiệm thu 2019, xếp loại Xuất sắc
93			8/2018-8/2021	105.99.2017.317			Đang thực hiện
94	Nguyễn Khắc Giảng	Khoáng thạch và ĐH	1/2016- 6/2018		B2016-MDA-04ĐT		Nghiệm thu 2019, xếp loại Xuất sắc
95	Nguyễn Quốc Hưng	Địa chất	1/2017-6/2019		B2017-MDA-14ĐT		Nghiệm thu 2021, xếp loại Đạt
96	Nguyễn Hữu Hiệp	Địa chất	1/2018-12/2019		B2018-MDA-20ĐT		Nghiệm thu 2020, xếp loại Đạt
97			4/2020-2/2022	105.99.2019.302			Đang thực hiện
98	Nguyễn Thành Dương	Địa chất công trình	4/2020-2/2023	105.08.2019.315			Đang thực hiện
99	Nguyễn Khắc Du	Tìm kiếm thăm dò	4/2020-2/2023	105.01.2020.13			Đang thực hiện
100	Hoàng Đình Quế	Địa chất	4/2020-2/2023	105.99.2020.02			Đang thực hiện
101	Bùi Vinh Hậu	Địa chất	4/2020-2/2023	105.99.2020.12			Đang thực hiện
102	Bùi Trường Sơn	Địa chất công trình	1/2018-12/2019		ĐTCN.25/2017		Nghiệm thu 2019, xếp loại Khá
103			1/2020-12/2021		B2020-MDA-12		Đang thực hiện

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Quốc gia, Quỹ Nafosted	Bộ/Tỉnh	Cơ sở	
104			02/2016-12/2016			T16-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
105	Nguyễn Thị Nụ	Địa chất công trình	1/2020-12/2021		CT2020-MDA-02		Đang thực hiện
106	Phạm Trường Sinh	Khoáng thạch và ĐH	02/2016-12/2016			T16-10	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
107	Phạm Thị Thanh Hiền	Tìm kiếm thăm dò	02/2016-12/2016			T16-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
108	Khuong Thế Hùng	Tìm kiếm thăm dò	02/2017-12/2017			T17-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
109			5/2019-4/2020			T19-16	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
110	Bùi Thanh Tịnh	Tìm kiếm thăm dò	11/2017-10-2018			T17-31	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
111	Vũ Anh Đạo	Địa chất	6/2018-5/2019			T18-07	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
112	Dương Văn Bình	Địa chất công trình	12/2018-11/2019			T18-33	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
113	Phạm Như Sang	Tìm kiếm thăm dò	12/2018-11/2019			T18-34	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
114	Nguyễn Văn Hùng	Địa chất công trình	5/2019-4/2020			T19-25	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
115	Đỗ Mạnh An	Tìm kiếm thăm dò	6/2020 - 5/2021			T20-27	Đang thực hiện
116	Phan Văn Bình	Địa chất	6/2020 - 5/2021			T20-28	Đang thực hiện
117	Ngô Thị Kim Chi	Địa chất	6/2020 - 5/2021			T20-29	Đang thực hiện
118	Đặng Thị Vinh	Khoáng thạch và ĐH	6/2020 - 5/2021			T20-30	Đang thực hiện
119	Nguyễn Thành Dương	Địa chất công trình	12/2019-11/2020			T19-35	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
120	Bùi Vinh Hậu	Địa chất	12/2019-11/2020			T19-40	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
V	Khoa Khoa học cơ bản 33 nhiệm vụ (03 đề tài cấp quốc gia +09 đề tài cấp Bộ + 21 đề tài cấp cơ sở)						
121	Vũ Thị Minh Hồng	Hóa	1/2014-6/2016		B2014-02-16		Nghiệm thu 2017, xếp loại Xuất sắc
122	Vũ Kim Thư	Hóa	4/2017-4/2020	104.01.2016.24			Nghiệm thu 2020, xếp loại Đạt
123			1/2020-12/2021		B2020-MDA-09		Đang thực hiện
124	Lê Đắc Tuyên	Lý	12/2017-12/2019	103.02-2017.67			Nghiệm thu 2020, xếp loại Đạt
125			4/2020-2/2022	103.99.2020.45			Đang thực hiện
126			1/2020-12/2021		B2020-MDA-10		Đang thực hiện
127			11/2017-10/2018			T17-40	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
128	Lê Thị Duyên	Hóa	1/2017-6/2019		B2017-MDA-13ĐT		Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
129	Trần Thị Hà	Lý	1/2018-12/2019		B2018-MDA-01CTrVL		Nghiệm thu 2020, xếp loại Xuất sắc
130	Đào Việt Thắng	Lý	1/2018-12/2019		B2018-MDA-02CTrVL		Nghiệm thu 2020, xếp loại Đạt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Quốc gia, Quỹ Nafosted	Bộ/Tỉnh	Cơ sở	
131	Lê Thị Vinh	Hóa	1/2019-12/2020		B2019-MDA-03		Đã nghiệm thu cơ sở
132	Công Tiến Dũng	Hóa	1/2019- 6/2021		B2019-MDA-04		Đang thực hiện
133	Nguyễn Mạnh Hùng	Lý	1/2020-12/2021		B2020-MDA-11		Đang thực hiện
134	Tống Bá Tuấn	Vật lý	02/2016-12/2016			T16-12	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
135			6/2020-5/2021			T20-02	Đang thực hiện
136	Phạm Thị Trang	Vật lý	02/2016-12/2016			T16-13	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
137	Nguyễn Thị Kim Thoa	Hóa	02/2016-12/2016			T16-14	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
138			6/2018-5/2019			T18-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
139	Vũ Bá Dũng	Vật lý	02/2017-12/2017			T17-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
140	Nguyễn Thị Lan Hương	Toán	02/2017-12/2017			T17-07	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
141			5/2019-4/2020			T19-07	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
142	Võ Thị Hạnh	Hóa	02/2017-12/2017			T17-08	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
143	Lê Thị Phương Thảo	Hóa	02/2017-12/2017			T17-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
144	Đỗ Thị Hải	Hóa	11/2017-10/2018			T17-38	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
145	Đỗ Thị Hồng Hải	Vật lý	11/2017-10/2018			T17-39	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
146	Hà Mạnh Hùng	Hóa	12/2018-11/2019			T18-19	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
147	Dương Thúy Hương	Ngoại ngữ	12/2018-11/2019			T18-38	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
148	Nguyễn Thị Diệu Thu	Lý	5/2019-4/2020			T19-04	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
149	Lê Bích Phượng	Toán	5/2019-4/2020			T19-05	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
150	Nguyễn Thị Hậu	Lý	5/2019-4/2020			T19-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
151	Phạm Ngọc Chung	Cơ lý thuyết	12/2019-11/2020			T19-01	Đang thực hiện (gia hạn 3 tháng)
152	Nguyễn Viết Hùng	Hóa	12/2019-11/2020			T19-02	Đã có QĐ nghiệm thu
153	Đinh Công Đạt	Cơ lý thuyết	6/2020-5/2021			T20-01	Đang thực hiện
VI	Khoa Mô 42 nhiệm vụ (06 đề tài cấp quốc gia + 08 đề tài cấp Bộ+ 28 đề tài cấp cơ sở)						
154	Vũ Đình Hiếu	Khai thác lộ thiên	3/2015- 3/2019	105.08.2014.10			Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
155	Phạm Văn Hòa	Khai thác lộ thiên	1/2019-6/2021	CNKK.003.19			Đang thực hiện
156	Vũ Trung Tiến	Khai thác hầm lò	1/2020-12/2021	CNKK.147/20			Đang thực hiện

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Quốc gia, Quỹ Nafosted	Bộ/Tỉnh	Cơ sở	
157	Bùi Xuân Nam	Khai thác lộ thiên	1/2015-6/2016		B2015-02-06ATLĐ		Nghiệm thu 2016, xếp loại Tốt
158			1/2018-12/2021		B2018-MDA-03SP		Đang thực hiện
159			4/2020-2/2023	105.99.2019.309			Đang thực hiện
160	Lê Tiến Dũng	Khai thác hầm lò	9/2019-9/2021			T18-21	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
161			12/2018-11/2019	105.08.2019.04			Đang thực hiện
162			6/2020-5/2021			T20-14	Đang thực hiện
163	Nguyễn Văn Thịnh	Khai thác hầm lò	1/2017-12/2018		B2017-MDA-12ĐT		Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
164			5/2019-4/2020			T19-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
165			1/2020-12/2021	CNKK.148/20			Đang thực hiện
166	Phạm Văn Luận	Tuyển khoáng	1/2014-6/2017		B2014-02-17		Nghiệm thu 2017, xếp loại Đạt
167	Nhữ Thị Kim Dung	Tuyển khoáng	1/2016-12/2017		B2016-MDA-07		Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
168	Nguyễn Hoàng Sơn	Tuyển khoáng	1/2016-12/2017		B2016-MDA-08		Nghiệm thu 2019, xếp loại Xuất sắc
169	Nguyễn Anh Tuấn	Khai thác lộ thiên	1/2019-12/2020		B2019-MDA-02		Nghiệm thu cấp cơ sở
170			11/2017-10/2018			T17-35	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
171	Nguyễn Hoàng	Khai thác lộ thiên	1/2020-12-2021		B2020-MDA-16		Đang thực hiện
172	Bùi Mạnh Tùng	Khai thác hầm lò	02/2016-12/2016			T16-16	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
173			6/2020-5/2021			T20-12	Đang thực hiện
174	Nguyễn Phi Hùng	Khai thác hầm lò	02/2016-12/2016			T16-17	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
175			5/2019-4/2020			T19-08	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
176	Vũ Trung Tiến	Khai thác hầm lò	02/2016-12/2016			T16-18	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
177	Nguyễn Cao Khải	Khai thác hầm lò	02/2017-12/2017			T17-15	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
178	Trần Quang Hiếu	Khai thác lộ thiên	02/2017-12/2017			T17-16	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
179	Phạm Thị Nhung	Tuyển khoáng	02/2017-12/2017			T17-17	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
180			6/2018-5/2019			T18-04	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
181	Trần Văn Đước	Tuyển khoáng	02/2017-12/2017			T17-18	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
182			12/2018-11/2019			T18-23	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
183	Vũ Thị Chinh	Tuyển khoáng	02/2017-12/2017			T17-19	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
184	Nguyễn Hồng Cường	Khai thác hầm lò	11/2017-10/2018			T17-33	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
185	Đào Văn Chi	Khai thác hầm lò	11/2017-10/2018			T17-34	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Quốc gia, Quỹ Nafosted	Bộ/Tỉnh	Cơ sở	
186	Nguyễn Như Hùng	Sức bền vật liệu	6/2018-5/2019			T18-02	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
187	Lê Việt Hà	Tuyển khoáng	6/2018-5/2019			T18-03	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
188	Đặng Phương Thảo	Khai thác hầm lò	6/2018-5/2019			T18-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
189	Nguyễn Văn Quang	Khai thác hầm lò	12/2018-11/2019			T18-24	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
190	Vũ Thị Chinh	Tuyển khoáng	5/2019-4/2020			T19-10	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
191	Trần Trung Tới	Tuyển khoáng	12/2019-10/2020			T19-33	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
192	Trần Mạnh Tiên	Sức bền vật liệu	12/2019-10/2020			T19-34	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
193	Phạm Đức Hưng	Khai thác hầm lò	6/2020-5/2021			T20-13	Đang thực hiện
194	Lê Quý Thảo	Khai thác lộ thiên	6/2020-5/2021			T20-15	Đang thực hiện
195	Trần Đình Bão	Khai thác lộ thiên	6/2020-5/2021			T20-16	Đang thực hiện
VII	Khoa Môi trường 17 nhiệm vụ (01 đề tài HT NDT +03 đề tài Bộ/Tỉnh + 13 đề tài cấp cơ sở)						
196	Phan Quang Văn	KT môi trường mỏ	1/2015-10/2019	NDT.02.GER/15			Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
197	Đỗ Văn Bình	ĐST và CNMT			B2017-MDA-12MT		Nghiệm thu 2018, xếp loại Đạt
198	Nguyễn Quốc Phi	Môi trường cơ sở	1/2014-6/2016		B2014-02-21		Nghiệm thu 2018, xếp loại Đạt
199	Đào Đình Thuần	KT môi trường mỏ	10/2019-9/2021		01C-06/02-2019-3		Đang thực hiện
200	Đỗ Thị Hải	ĐST và CNMT	12/2018-11/2019			T18-27	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
201	Phạm Khánh Huy	ĐST và CNMT	02/2016-12/2016			T16-19	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
202	Nguyễn Thị Hòa	KT môi trường mỏ	02/2016-12/2016			T16-20	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
203	Nguyễn Thị Cúc	Môi trường cơ sở	02/2017-12/2017			T17-12	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
204			12/2018-11/2019			T18-28	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
205	Nguyễn Hoàng Nam	Kỹ thuật MT mỏ	12/2018-11/2019			T18-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
206	Trần Anh Quân	ĐST và CNMT	5/2019-4/2020			T19-20	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
207	Vũ Thị Lan Anh	Môi trường cơ sở	5/2019-4/2020			T19-21	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
208	Nguyễn Văn Bình	Môi trường cơ sở	12/2019-10/2020			T19-30	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
209	Nguyễn Phương Đông	KT môi trường mỏ	12/2019-10/2020			T19-31	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
210	Đỗ Cao Cường	ĐST và CNMT	6/2020-5/2021			T20-19	Đang thực hiện
211	Phan Thị Mai Hoa	Môi trường cơ sở	6/2020-5/2021			T20-20	Đang thực hiện
212	Đào Trung Thành	Kỹ thuật môi trường	6/2020-5/2021			T20-21	Đang thực hiện

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Quốc gia, Quỹ Nafosted	Bộ/Tỉnh	Cơ sở	
VIII	Khoa Trắc địa, Bản đồ và QLDD 52 nhiệm vụ (03 đề tài cấp Quốc gia + 07 đề tài cấp Bộ/Tỉnh+ 42 đề tài cấp cơ sở)						
213	Trần Xuân Trường	Đo ảnh và Viễn thám	9/2017-9/2020	BĐKH.20/16-20			Nghiệm thu 2020, xếp loại Tốt (Trung tâm Hỗ trợ KHKT chủ trì)
214	Nguyễn Viết Nghĩa	Trắc địa mỏ	4/2018-10/2020	03.HĐ-KHCN-NTM			Chờ nghiệm thu cấp quốc gia
215			1/2018-4/2020		09/ĐT-KHCN-PT/2018		Nghiệm thu 2020, xếp loại Đạt
216	Nguyễn Quang Minh	TĐPT và sai số	3/2015-3/2020	105.99.2014.25			Nghiệm thu 2020, xếp loại Đạt
217	Phạm Công Khải	Trắc địa mỏ	7/2016-3/2019		01C.04/08-2016-3		Nghiệm thu 2019, xếp loại Khá
218			10/2020-9/2022		01C.01/02-2020-3		Đang thực hiện
219	Nguyễn Quốc Long	Trắc địa mỏ	1/2020-12/2021		B2020-MDA-14		Đang thực hiện
220			02/2017-12/2017			T17-24	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
221	Nguyễn Văn Sáng	Trắc địa cao cấp	1/2014-6/2016		B2014-02-18		Nghiệm thu 2016, xếp loại Xuất sắc
222	Vũ Văn Trí	Trắc địa cao cấp	1/2016-12/2017		B2016-MDA-11		Nghiệm thu 2019, xếp loại Xuất sắc
223	Dương Thành Trung	TĐPT và sai số	1/2015-6/2017		B2015-02-22		Nghiệm thu 2018, xếp loại Xuất sắc
224	Trần Quỳnh An	Bản đồ	02/2016-12/2016			T16-22	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
225	Nguyễn Gia Trọng	Trắc địa cao cấp	02/2016-12/2016			T16-23	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
226			12/2018-11/2019			T18-30	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
227	Lê Thị Thanh Tâm	Trắc địa cao cấp	02/2016-12/2016			T16-24	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
228	Trần Xuân Miên	Địa chính	02/2016-12/2016			T16-25	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
229	Phạm Thị Làn	Trắc địa mỏ	02/2016-12/2016			T16-26	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
230	Nguyễn Văn Trung	Đo ảnh và viễn thám	02/2016-12/2016			T16-27	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
231	Trần Thanh Hà	Đo ảnh và viễn thám	02/2016-12/2016			T16-28	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
232			5/2019-4/2020			T19-19	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
233	Lê Ngọc Giang	Trắc địa PT&SS	02/2016-12/2016			T16-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
234	Lê Thị Thu Hà	Trắc địa mỏ	02/2017-12/2017			T17-20	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
235	Nguyễn Văn Lâm	Trắc địa cao cấp	02/2017-12/2017			T17-21	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
236	Đinh Thị Lệ Hà	Trắc địa công trình	02/2017-12/2017			T17-22	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
237	Lê Thu Trang	Đo ảnh và viễn thám	02/2017-12/2017			T17-23	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
238	Bùi Ngọc Quý	Bản đồ	02/2017-12/2017			T17-25	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Quốc gia, Quỹ Nafosted	Bộ/Tỉnh	Cơ sở	
239	Lê Đức Tình	Trắc địa công trình	02/2017-12/2017			T17-26	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
240	Đỗ Thị Phương Thảo	Bản đồ	11/2017-10/2018			T17-43	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
241			5/2019-4/2020			T19-17	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
242	Phạm Quốc Khánh	Trắc địa công trình	11/2017-10/2018			T17-44	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
243			6/2020-5/2021			T20-05	Đang thực hiện
244	Phạm Hà Thái	Đo ảnh và viễn thám	11/2017-10/2018			T17-45	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
245	Cao Xuân Cường	Trắc địa mỏ	11/2017-10/2018			T17-46	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
246	Lê Văn Cảnh	Trắc địa mỏ	11/2017-10/2018			T17-47	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
247			6/2020-5/2021			T20-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
248	Lê Thu Trang	Đo ảnh và viễn thám	6/2018-5/2019			T18-10	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
249	Nguyễn Thị Thu Hương	TĐ PT và sai số	6/2018-5/2019			T18-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
250	Dương Anh Quân	Bản đồ	6/2018-5/2019			T18-12	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
251	Lã Phú Hiến	TĐPT và sai số	6/2018-5/2019			T18-13	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
252	Phạm Văn Hiệp	Bản đồ	12/2018-11/2019			T18-26	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
253			6/2020-5/2021			T20-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
254	Đoàn Thị Nam Phương	Đo ảnh và viễn thám	12/2018-11/2019			T18-31	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
255	Trần Hồng Hạnh	Đo ảnh và viễn thám	5/2019-4/2020			T19-18	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
256	Nguyễn Thế Công	Địa chính	12/2019-11/2020			T19-41	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
257	Hoàng Thị Thủy	TĐ PT và sai số	12/2019-11/2020			T19-42	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
258	Lê Thu Hà	Trắc địa mỏ	12/2019-11/2020			T19-44	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
259	Phạm Văn Chung	Trắc địa mỏ	12/2019-11/2020			T19-45	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
260	Võ Ngọc Dũng	Trắc địa mỏ	6/2020-5/2021			T20-07	Đang thực hiện
261	Nguyễn Hà	Trắc địa công trình	6/2020-5/2021			T20-08	Đang thực hiện
262	Phạm Thị Thanh Hòa	Đo ảnh và viễn thám	6/2020-5/2021			T20-10	Đang thực hiện
263	Dương Anh Quân	Bản đồ	6/2020-5/2021			T20-11	Đang thực hiện
264	Đinh Hải Nam	Địa chính	6/2020-5/2021			T20-37	Đang thực hiện
IX	Khoa Xây dựng 26 nhiệm vụ (02 đề tài cấp quốc gia+13 đề tài cấp Bộ + 11 đề tài cấp cơ sở)						
265	Đỗ Ngọc Anh	XDCTN và mỏ	3/2015-3/2018	105.08.2015.14			Nghiệm thu 2018, xếp loại Đạt
266			12/2018-12/2021	105.08.2018.310			Đang thực hiện

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Quốc gia, Quỹ Nafosted	Bộ/Tỉnh	Cơ sở	
267			1/2019-12/2020		B2019-MDA-562-18		Nghiệm thu cơ sở
268	Đặng Trung Thành	XDCTN và mỏ	1/2016-12/2017		B2016-MDA-09		Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
269	Đào Viết Đoàn	XDCTN và mỏ	1/2017-12/2018		B2017-MDA-16ĐT		Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
270			02/2016-12/2016			T16-30	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
271	Trần Tuấn Minh	XDCTN và mỏ	1/2018-12/2019		B2018-MDA-19ĐT		Nghiệm thu 2020, xếp loại Xuất sắc
272			02/2017-12/2017			T17-13	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
273	Bùi Văn Đức	Kỹ thuật xây dựng	1/2019-12/2020		B2019-MDA-06		Nghiệm thu cơ sở
274	Phạm Đức Thọ	XD cơ sở hạ tầng	1/2019-12/2020		B2019-MDA-08		Nghiệm thu cơ sở
275	Nguyễn Trọng Dũng	XD cơ sở hạ tầng	1/2015-12/2017		B2015-02-23		Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
276			1/2019-12/2020		RD43/19 (BXD)		Nghiệm thu cơ sở
277	Phạm Văn Hùng	XD cơ sở hạ tầng	1/2020-12/2021		B2020-MDA-13		Đang thực hiện
278	Đặng Văn Kiên	XDCTN và mỏ	1/2016-12/2017		B2016-MDA-10		Nghiệm thu 2019, xếp loại Đạt
279			1/2020-12/2021		B2020-MDA-14		Đang thực hiện
280	Tạ Đức Thịnh	XD cơ sở hạ tầng	1/2020-12/2021		CT2020-MDA-03		Đang thực hiện
281			1/2020-12/2021		RD40-20 (BXD)		Đang thực hiện
282	Nguyễn Văn Mạnh	Kỹ thuật xây dựng	02/2016-12/2016			T16-31	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
283	Nguyễn Tài Tiến	XDCTN và mỏ	02/2017-12/2017			T17-14	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
284	Đặng Văn Phi	Kỹ thuật xây dựng	11/2017-10/2018			T17-36	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
285	Nguyễn Duyên Phong	XDCTN và mỏ	12/2018-11/2019			T18-25	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
286	Đỗ Ngọc Thái	XDCTN và mỏ	5/2019-4/2020			T19-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
287	Phạm Văn Hùng	XD cơ sở hạ tầng	5/2019-4/2020			T19-12	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
288	Phạm Thị Nhân	Kỹ thuật xây dựng	12/2019-11/2020			T19-32	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
289	Tăng Văn Lâm	Kỹ thuật xây dựng	6/2020-5/2021			T20-17	Đang thực hiện
290	Đặng Quang Huy	XD cơ sở hạ tầng	6/2020-5/2021			T20-18	Đang thực hiện
X	Khoa Kinh tế và QTKD 16 nhiệm vụ (16 đề tài cấp cơ sở)						
291	Nguyễn Thanh Thủy	QTDN Địa chất- DK	02/2016-12/2016			T16-15	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
292	Nguyễn Ngọc Khánh	QTDN Mỏ	02/2016-12/2016			T16-32	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
293	Lê Thị Thu Hường	QTDN mỏ	02/2017-12/2017			T17-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
294	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Kinh tế cơ sở	11/2017 -10/2018			T17-48	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Quốc gia, Quỹ Nafosted	Bộ/Tỉnh	Cơ sở	
295	Lê Minh Thống	QTDN Địa chất- DK	6/2018-5/2019			T18-14	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
296	Nguyễn Thị Kim Oanh	Kế toán doanh nghiệp	6/2018-5/2019			T18-15	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
297	Nguyễn Đức Thắng	QTDN mở	6/2018-5/2019			T18-16	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
298	Lưu Thị Thu Hà	Kế toán doanh nghiệp	6/2018-5/2019			T18-17	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
299	Dương Thị Nhân	Kế toán	12/2018-11/2019			T18-20	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
300	Lê Đình Chiêu	QTDN mở	12/2018-11/2019			T18-22	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
301			6/2020-5/2021			T20-32	Đang thực hiện
302	Phạm Thị Hồng Hạnh	Kế toán	5/2019-4/2020			T19-13	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
303	Phạm Kiên Trung	QTDN mở	12/2019-11/2020			T19-37	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
304	Hoàng Thị Thủy	Kế toán	6/2020-5/2021			T20-31	Đang thực hiện
305	Lê Văn Chiến	QTDN mở	6/2020-5/2021			T20-33	Đang thực hiện
306	Vũ Diệp Anh	Kinh tế cơ sở	6/2020-5/2021			T20-34	Đang thực hiện
XI	Khoa Lý luận chính trị 07 nhiệm vụ (07 đề tài cấp cơ sở)						
307	Đào Thị Tuyết	Triết học và Pháp luật	02/2017-2/2017			T17-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
308			6/2020-5/2021			T20-36	Đang thực hiện
309	Dương T. Tuyết Nhung	Triết học và Pháp luật	02/2017-2/2017			T17-30	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
310	Nguyễn Thị Bích Lệ	Triết học	11/2017-10/2018			T17-49	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
311	Nguyễn Lê Hà Giang	Triết học và Pháp luật	12/2019-11/2020			T19-43	Đang thực hiện (gia hạn 3 tháng)
312	Trần Thị Phúc An	TT HCM và CNXHKKH	6/2020-5/2021			T20-35	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
313	Đặng Thị Thanh Trâm	KTCT và LSĐCSVN	6/2020-5/2021			T20-38	Đang thực hiện
XII	Khoa Giáo dục quốc phòng 02 nhiệm vụ (02 đề tài cấp cơ sở)						
314	Phạm Quốc Đảm	Đường lối quân sự	02/2016-12/2016			T16-21	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
315	Trần Văn Độ	Kỹ thuật quân sự	02/2017-12/2017			T17-05	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
XIII	Đơn vị khác 02 nhiệm vụ (02 đề tài cấp cơ sở)						
316	Phạm Tố Uyên	Văn Phòng Đảng	5/2019-4/2020			T19-24	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
317	Trịnh Thế Lực	TT phân tích TN cao	11/2017-10/2018			T17-32	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá

Bảng 4. Tổng hợp số lượng đề tài các cấp và kinh phí NSNN thực hiện năm 2020 (phân chia theo các Khoa)

TT	Khoa	Nhiệm vụ cấp Quốc gia, Quỹ Nafosted (số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))			Nhiệm vụ cấp Bộ/Tỉnh (số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))						Đề tài NCKH cấp cơ sở (số lượng/tổng KP (trđ)) (chưa kể đề tài giao tháng 12/2020)
		Đề tài thuộc các chương trình	Đề tài thuộc Bộ Công thương	NCCB trong KHTN	Đề tài thuộc Chương trình KHCN	Đề tài HTQT song phương	Đề tài, nhiệm vụ KHCN Bộ GDĐT	Đề tài KHCN Bộ Xây dựng	Đề tài KHCN cấp Tỉnh	Dự án Năng cấp tạp chí KHKT	
1	Cơ - Điện	1/1.000	1/2.500		3/1.090						3/108
2	Công nghệ thông tin	1/2.318		1/253.5	3/1.250		1/150				3/160
3	Dầu khí			4/508			2/460				8/235
4	Khoa học và KT Địa chất	2(1*);1/3.950		8/1.607.2	2/260		5/1.380				6/140
5	Khoa học cơ bản			2/157.5			5/1.145				4/115
6	Kinh tế - QTKD										5/130
7	Mỏ		3/5.318	2/440.6		1/400	2/537				7/210
8	Xây dựng			1/388.5			6/1.529,2	2/800			3/70
9	Trắc địa- BD và QLDD	2(1*);1/650					1/210		1/200		11/330
10	Môi trường								1/633		5/125
11	Lý luận chính trị										4/80
12	Khối Hiệu bộ									1/1.500	
Tổng cộng		6/7.918	4/7.818	18/3.355,3	8/2.600	1/400	22/5.411,2	2/800	2/833	1/1.500	59/1703

Ghi chú: (*): Đề tài kinh phí giao về trung tâm nghiên cứu;

Bảng 5. Bảng tổng hợp số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện và kinh phí quyết toán giai đoạn 2016-2020 (phân chia theo các Khoa)

TT	Đơn vị quản lý đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài, nhiệm vụ cấp Quốc gia Số lượng các đề tài/Kinh phí thực hiện (trđ)					Đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ/Tỉnh Số lượng các đề tài/Kinh phí thực hiện (trđ)						Đề tài NCKH cấp cơ sở (số lượng/tổng KP (trđ))
		Chương trình KHCN	Bộ Công Thương quản lý	NCCB ĐHƯĐ	NCCB trong KHTN	Nghị định thư	Đề tài thuộc Chương trình KHCN	Đề tài KHCN Bộ GDĐT	Đề tài HTQT song phương	Đề tài Bộ Xây dựng	Đề tài cấp Tỉnh	Dự án TCNLNC và Nâng cấp Tạp chí	
1	Cơ - Điện	1/3.970	1/5.750				3/1.680	1/220				1/6.000	15/438
2	Công nghệ thông tin	1/5.250		1/2.900	1/822.5		3/1.910	3/1213	1/2.600				11/385
3	Dầu khí				5/4.383			9/4.010	1/2.600	1/400	1/1.200		17/475
4	Khoa học và KT Địa chất	2(1*); 1/20.000			9/7.489		2/510	12/6133			1/263,2		18/540
5	Khoa học cơ bản				3/2.335			9/3.680					21/535
6	Kinh tế - QTKD												16/328
7	Mỏ		3/12.680		3/2.343			7/2.962	1/400				28/170
8	Xây dựng				2/2.095			11/4.596		2/1.000			11/250
9	Trắc địa- BĐ và QLĐĐ	2(1*); 1/4.790			1/678			4/1.560			3/2.658,4		42/1258
10	Môi trường					1/4.400		2/850			1/1.200		13/375
11	Lý luận chính trị												7/140
12	Giáo dục quốc phòng												2/31
13	Khối Hiệu bộ											1/1.500	2/45
Tổng cộng		6/34.010	4/18.430	1/2.900	24/20.145,5	1/4.400	8/4.100	58/25.224	3/5.600	3/1.400	6/5.321,6	2/7.500	203/4970

Ghi chú: số liệu chỉ tính với đề tài, nhiệm vụ cấp Quốc gia, cấp Bộ được cấp kinh phí từ NSNN và đề tài cấp cơ sở trong giai đoạn 2016-2020

(*): Đề tài có kinh phí giao về trung tâm nghiên cứu;

1.1.1.1. Đề tài KHCN cấp Quốc gia thuộc chương trình biến đổi khí hậu

1) Đề tài “*Nghiên cứu tác động của hoạt động tân kiến tạo đối với sự biến đổi dòng chính các lưu vực sông khu vực Miền Trung phục vụ bảo vệ các dòng sông, thử nghiệm cho lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn*”, mã số BDKH.13/16-20 do GS.TS Trần Thanh Hải làm chủ nhiệm, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất chủ trì thực hiện. Thời gian thực hiện 40 tháng (tháng 12/2016-4/2020). Tổng kinh phí 9,79 tỷ đồng. Đề tài đã công bố 02 bài báo tạp chí ISI, 05 bài báo khoa học trong nước, 03 báo cáo hội nghị khoa học quốc tế, 02 báo cáo hội nghị quốc gia, 01 sách chuyên khảo; đào tạo 02 tiến sĩ, đào tạo 01 ThS. Đề tài nghiệm thu cấp quốc gia tháng 6/2020.

2) Đề tài “*Nghiên cứu, triển khai hệ thống kiểm kê phát thải nhà kính và đề xuất lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với ngành công nghiệp luyện kim*” mã số BDKH.20/16-20 do PGS.TS Trần Xuân Trường làm chủ nhiệm, Trung tâm Hỗ trợ Phát triển khoa học kỹ thuật chủ trì thực hiện. Thời gian thực hiện 36 tháng (9/2017 đến 9/2020), tổng kinh phí 6,3 tỷ đồng. Đề tài hoàn thành cơ sở dữ liệu về kiểm kê phát thải nhà kính và phần mềm hỗ trợ quản lý, khai thác thông tin phát thải nhà kính trong lĩnh vực công nghiệp luyện kim. Đề tài nghiệm thu cấp quốc gia tháng 12/2020.

1.1.1.2. Đề tài KHCN cấp quốc gia thuộc Chương trình KC.09 “Nghiên cứu địa tầng - trầm tích và địa mạo Plicen - Đệ Tứ khu vực Tây Nam trùng sâu Biển Đông và kế cận” mã số KC.09.30/16-20 do GS.TSKH Đặng Văn Bát làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 30 tháng (7/2018-12/2020), tổng kinh phí 20 tỷ đồng. Đề tài hoàn thành và được nghiệm thu cấp cơ sở tháng 01/2021. Đề tài đang hoàn thiện hồ sơ để nghiệm thu cấp quốc gia.

1.1.1.3. Đề tài KHCN cấp quốc gia thuộc Chương trình KC.05 “Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị bảo vệ dòng điện rò trong các mạng điện mở hầm lò có cấp điện áp 660/1140V” mã số KC.05.24/16-20 do TS Nguyễn Thạc Khánh làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 18 tháng (6/2019-12/2020) và gia hạn hết tháng 4/2021. Tổng kinh phí 4,37 tỷ đồng (trong đó NSNN 3,970 tỷ đồng, nguồn khác 0,4 tỷ đồng). Đề tài đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu, đang tiến hành thử nghiệm thiết bị tại mỏ và chuẩn bị hội thảo khoa học và nghiệm thu cấp cơ sở trong quý II/2021.

1.1.1.4. Đề tài thuộc chương trình KHCN Vũ trụ “Nghiên cứu ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý, giám sát đường biển và trợ giúp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với đảm bảo quốc phòng - an ninh khu vực biên giới phía Bắc, ứng dụng cho tỉnh Cao Bằng” mã số VT-UD.07/18-20 do PGS.TS Nguyễn Trường Xuân làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 30 tháng (5/2018-10/2020), gia hạn đến tháng 01/2021. Tổng kinh phí 5,25 tỷ đồng. Đề tài đã hoàn thành sản phẩm và nghiệm thu cấp cơ sở tháng 01/2021. Đề tài đang hoàn thiện hồ sơ để nghiệm thu cấp quốc gia.

1.1.1.5. Đề tài thuộc chương trình KHCN phục vụ xây dựng nông thôn mới “Nghiên cứu xây dựng bản đồ phân vùng và cảnh báo lũ quét độ phân giải cao cho một số tỉnh vùng Tây Bắc nhằm tăng cường khả năng ứng phó với thiên tai của cộng đồng phục vụ xây dựng nông thôn mới” mã số 03.HĐ-KHCN-NTM do TS Nguyễn Viết Nghĩa làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 30 tháng (4/2018-10/2020), tổng kinh phí 4,79 tỷ đồng. Đề tài đã có quyết định hội đồng nghiệm thu cấp quốc gia và chuẩn bị nghiệm thu.

1.1.1.6. Đề tài NCCB định hướng ứng dụng

Đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình địa thống kê đánh giá tài nguyên khoáng mỏ khai thác lộ thiên” mã số NCCB-ĐHƯD.2012-G/01 do GS.TS Trương Xuân Luận chủ

nhiệm. Thời gian thực hiện từ 12/2012 đến 12/2017, với tổng kinh phí là 2,9 tỷ đồng. Kết quả nghiên cứu của đề tài: Công bố 02 bài báo thuộc danh mục ISI, 01 bài báo quốc tế khác, 03 bài báo trong nước; 02 báo cáo hội thảo nước ngoài và 06 báo cáo khoa học trong nước. Đào tạo được 03 ThS, 09 kỹ sư, 09 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học và hỗ trợ 03 NCS theo hướng đề tài. Đề tài đã nghiệm thu cấp quốc gia tháng 02/2019.

1.1.1.7. Đề tài hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư với nước ngoài

Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt - Đức “*Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam*” do PGS.TS Phan Quang Văn làm chủ nhiệm. Thời hạn 36 tháng (từ tháng 12/2015 đến 12/2018), gia hạn đến tháng 10/2019. Tổng kinh phí được cấp 4,4 tỷ đồng. Nhiệm vụ đã hoàn thành nội dung nghiên cứu chuyên môn. Kết quả đã công bố 02 bài báo đăng trên tạp chí ISI, 04 bài báo trên tạp chí trong nước; 01 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế; hỗ trợ khoa học cho 01 NCS, đào tạo 02 học viên cao học ở cả Việt Nam và Đức. Đề tài được nghiệm thu cấp quốc gia tháng 12/2019.

1.1.1.8. Đề tài thuộc chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công Thương quản lý

1) Đề tài “*Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành công tác xúc bốc - vận tải nhằm nâng cao hiệu quả khai thác ở các mỏ than lộ thiên vùng Quảng Ninh*” mã số CNKK.003/19 do PGS.TS Phạm Văn Hòa làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 01/2019-12/2020, đề tài được gia hạn đến tháng 6/2021. Tổng kinh phí 5,03 tỷ đồng, trong đó NSNN 4,797 tỷ đồng. Đề tài đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu và đang chuẩn bị thử nghiệm ngoài thực địa và nghiệm thu cấp cơ sở trong quý II/2021.

2) Đề tài “*Nghiên cứu lựa chọn và áp dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ đảm bảo an toàn, giảm thiểu rủi ro và tận thu tài nguyên khi khai thác phần trữ lượng than ở các khu vực dưới moong lộ thiên vùng Hòn Gai - Cẩm Phả*” mã số CNKK.149/20 do TS. Vũ Trung Tiến làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (01/2020-12/2021). Tổng kinh phí 5,31 tỷ đồng, trong đó NSNN: 4,21 tỷ đồng. Đề tài đang triển khai thực hiện theo kế hoạch.

3) Đề tài “*Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy cấp liệu rung có năng suất đến 550t/h dùng trong hệ thống sàng tuyển, vận chuyển than tại Việt Nam*” mã số CNKK.155/20 do TS Nguyễn Văn Xô làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (tháng 01/2020 -12/2021). Tổng kinh phí 7,19 tỷ đồng, trong đó NSNN: 5,75 tỷ đồng. Đề tài đang triển khai thực hiện theo kế hoạch.

4) Đề tài “*Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống phun sương dập bụi trong lò chợ khai thác than hầm lò vùng Quảng Ninh*” mã số CNKK.148/20 do TS Nguyễn Văn Thịnh làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (tháng 01/2020 -12/2021). Tổng kinh phí 5,02 tỷ đồng, trong đó NSNN: 3,95 tỷ đồng. Đề tài đang triển khai thực hiện theo kế hoạch.

1.1.1.9. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên do Quỹ Nafosted tài trợ

Giai đoạn 2016-2020 thực hiện 24 đề tài, trong đó có 05 đề tài từ năm 2015 chuyển sang và 19 đề tài thực hiện từ năm 2016.

Kết quả có 07 đề tài đã được nghiệm thu; 02 đề tài được gia hạn do chưa cấp đủ kinh phí thực hiện (mã số 104.01.2016-57 và 104.05.2017.38) và 15 đề tài thực hiện đúng tiến độ.

Kết quả nghiên cứu của các đề tài đến nay, đã công bố 35 bài báo thuộc danh mục ISI, 21 bài báo trong nước; 29 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế và trong nước; hỗ trợ đào tạo cho 10 NCS và đào tạo được 22 thạc sỹ. Kết quả nghiên cứu của các đề tài được hỗ trợ từ Quỹ Nafosted đã góp phần đẩy mạnh công bố nhiều công trình khoa học dưới dạng các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành ở trong và ngoài nước; góp phần tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao trình độ cho cán bộ khoa học và đào tạo nhân lực trình độ cao.

1.1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp bộ và tương đương

Trường Đại học Mở - Địa chất thực hiện 78 nhiệm vụ KHCN cấp bộ và tương đương trong giai đoạn 2016-2020, gồm:

- Thực hiện 69 đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ (Bộ GD&ĐT), trong đó:
 - + 01 chương trình KHCN cấp bộ (gồm 8 đề tài/nhiệm vụ);
 - + 03 nhiệm vụ HTQT Song phương;
 - + 58 đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp Bộ.
- 03 đề tài do Bộ Xây dựng giao chủ trì và 06 đề tài cấp Tỉnh/Thành.

Ngoài các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, Bộ GD&ĐT còn giao Trường thực hiện 02 dự án: Dự án TCNLNC cho phòng thí nghiệm Cơ điện và Dự án Nâng cấp Tạp chí KHKT Mở - Địa chất. Tình hình thực hiện nhiệm vụ KHCN, cụ thể như sau:

1.1.2.1. Chương trình KHCN cấp Bộ

Chương trình KHCN mã số CT2019.01 “*Nghiên cứu cơ sở lý luận thực tiễn, đánh giá thực trạng sử dụng đất và đề xuất hệ thống các giải pháp công nghệ IoT dự báo, giám sát nhằm sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả, bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và các dạng tai biến thiên nhiên khu vực miền núi phía Bắc*” do PGS.TS Nguyễn Văn Lâm làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 2019-2021, với tổng kinh phí thực hiện 5.700 tr.đ (NSNN: 4.750 tr.đ, nguồn khác: 950 tr.đ). Trong đó NSNN cấp năm 2019-2020 là: 4.100 tr.đ.

Chương trình gồm 8 đề tài/nhiệm vụ KHCN. Các đề tài này hoàn thành các nội dung nghiên cứu năm 2020. Sản phẩm các đề tài thuộc chương trình đến nay đã đạt được: 04 bài báo trong nước, 10 báo cáo HNKH, 01 sách tham khảo, 08 học viên cao học; 05 trạm đo đa kênh, phần mềm ứng dụng trong giai đoạn vận hành thử nghiệm.

Tuy nhiên, để góp phần hoàn thành Chương trình, chủ nhiệm các đề tài cần khẩn trương, chủ động thực hiện các nội dung nghiên cứu, hoàn thành các sản phẩm khoa học, sản phẩm đào tạo, đặc biệt chuẩn bị các sản phẩm đào tạo sau đại học và bài báo công bố quốc tế.

1.1.2.2. Thực hiện nhiệm vụ hợp tác song phương về khoa học công nghệ

Giai đoạn 2016-2020, Trường thực hiện 03 nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương về khoa học công nghệ, cụ thể:

1. Nhiệm vụ “*Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường phóng xạ đối với con người do hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản chứa phóng xạ và đề xuất*

giải pháp phòng ngừa” do GS.TS.Lê Khánh Phồn làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2012 -12/2014) được gia hạn đến 12/2016, tổng kinh phí 2.600 trđ. Kết quả nghiên cứu của đề tài: công bố 03 bài báo trên tạp chí quốc tế; 02 bài báo trong nước; 07 báo cáo khoa học tại hội nghị; 01 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn, hỗ trợ 01 NCS. Đề tài đã được nghiệm thu tháng cấp Bộ tháng 2/2017, kết quả đạt loại Tốt.

2. Nhiệm vụ mã số B2012-02-02SP *“Phát triển năng lực nghiên cứu đánh giá một số biến động môi trường điển hình phục vụ định hướng phát triển bền vững lưu vực sông Hồng phần lãnh thổ Việt Nam”* do PGS.TS Lê Văn Hưng làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2012 -10/2014), được gia hạn đến 10/2017. Nhiệm vụ đã công bố 01 bài báo quốc tế, 02 bài báo trong nước; 05 báo cáo hội thảo quốc tế và 01 báo cáo khoa học trong nước, đào tạo 02 ThS, hỗ trợ 02 NCS. Nhiệm vụ đã được nghiệm thu cấp Bộ tháng 8/2018, kết quả xếp loại Tốt.

3. Nhiệm vụ mã số B2018-MDA-03SP *“Nghiên cứu xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng không khí nhằm đảm bảo an toàn lao động trong các mỏ khai thác than lộ thiên sâu khu vực Quảng Ninh”* do GS.TS Bùi Xuân Nam làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2018-12/2021), kinh phí phía Việt Nam là 1.600 triệu đồng. Đây là nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu khoa học Việt Nam- Hàn Quốc. Mặc dù kinh phí từ NSNN cấp chậm (năm 2020 cấp đợt đầu là 400 triệu đồng), nhưng nhóm nghiên cứu đã huy động mọi nguồn lực, chủ động thực hiện các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ. Đến nay nhóm nghiên cứu đã cơ bản hoàn thành nội dung, sản phẩm theo kế hoạch. Nhiệm vụ đã công bố 02 bài báo danh mục ISI, 01 bài báo trong nước, 02 báo cáo khoa học, đào tạo 02 ThS và hỗ trợ đào tạo 01 NCS.

Hợp tác nghiên cứu khoa học của các nước ký kết song phương đã góp phần thúc đẩy năng lực nghiên cứu của các thành viên thực hiện đề tài tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu tiên tiến của Ba Lan, Nhật Bản và Hàn Quốc. Sản phẩm đề tài có phối hợp nghiên cứu của các đối tác gồm các công bố quốc tế, đào tạo sau đại học theo hướng nghiên cứu đề tài.

1.1.2.3. Đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

Tổng số 58 đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ thực hiện trong giai đoạn này, đã có 34 đề tài được nghiệm thu cấp Bộ (*trong đó có 13 đề tài đạt loại xuất sắc và tốt, 21 đề tài đạt*); 06 đề tài đã nghiệm thu ở cấp cơ sở; 02 đề tài thanh lý của Bộ môn Lọc Hóa dầu (đề tài B2015-02-25; B2016-MDA-03ĐT). Có 16 đề tài thực hiện từ năm 2019 và 2020 đang thực hiện đúng kế hoạch (trong đó có 06 đề tài thực hiện từ 2019 được gia hạn).

Sản phẩm đạt được của các đề tài đã công bố 46 bài báo danh mục ISI và bài báo quốc tế; 118 bài báo khoa học trong nước; 74 báo cáo HNKH trong nước và quốc tế, 06 sách chuyên khảo, giáo trình; hỗ trợ đào tạo 30 NCS, đào tạo 64 ThS, 29 KS, hỗ trợ 05 nhóm sinh viên NCKH; Sản phẩm ứng dụng: vật liệu mới, bộ mẫu lát mỏng, phần mềm máy tính, quy trình, bản đồ, sơ đồ, phần mềm, thiết bị, ...

Trong 5 năm qua, Trường đã gắn mục tiêu các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo. Các đề tài cấp Bộ trong thời gian qua chủ yếu do các nhà khoa học của trường đề xuất phân lớn tập trung giải quyết các yêu cầu cấp thiết của thực tế, trong lĩnh vực điều tra cơ bản, địa chất - khoáng sản, tài nguyên môi trường, phát triển vật liệu mới, triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN thuộc các lĩnh vực chuyên môn của trường phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội. Thông qua các đề tài nghiên cứu đội ngũ CBGD của trường ngày càng nâng cao kiến thức chuyên môn, gắn lý thuyết với thực tế. Kết quả các đề tài NCKH và triển khai công nghệ là tài liệu phong phú đóng

góp đáng kể vào việc bổ sung các cơ sở lý thuyết và thực tiễn, nâng cao chất lượng giáo trình, bài giảng phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ giai đoạn 2016-2020 cũng còn hạn chế:

- Một số đề tài kinh phí nhà nước cấp không đảm bảo tiến độ, nên phải kéo dài thời gian thực hiện (chủ yếu đề tài thực hiện từ năm 2015 chuyển sang), trong đó có 02 đề tài với nhiều lý do chủ quan và khách quan đã không hoàn thành, dẫn đến đề tài phải thanh lý.

- Một số đề tài còn kéo dài thời hạn nghiên cứu do chủ nhiệm đề tài tham gia công tác quản lý hoặc là nghiên cứu sinh, chưa tập trung thời gian thực hiện đề tài đúng thời hạn.

- Kết quả nghiên cứu của một số đề tài chưa ứng dụng vào thực tế, chỉ dừng ở phạm vi bổ sung lý thuyết phục vụ đào tạo của Trường, vì vậy hiệu quả kinh tế - xã hội chưa cao. Nguyên nhân là do các đề tài nghiên cứu chủ yếu xuất phát ý tưởng từ các nhà khoa học. Các địa phương, doanh nghiệp chưa chủ động đặt hàng, đầu tư tài chính và việc đưa kết quả nghiên cứu vào áp dụng còn nhiều hạn chế.

1.1.2.4. Dự án Nâng cấp Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất

Dự án nâng cấp Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất để được gia nhập hệ thống trích dẫn Đông Nam Á - ACI được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt thực hiện 36 tháng (từ tháng 01/2020-12/2022) với tổng kinh phí từ NSNN là 3.000 tr.đ. Kinh phí năm 2020 được cấp là 1.500tr.đ. Một số kết quả nổi bật của dự án như: Nâng cấp hình thức tạp chí, hệ thống nộp và phản biện online; đăng ký chỉ số DOI của tạp chí và các bài báo; tham gia các cơ sở dữ liệu Google Scholar, Crossref, VN CitationGate, Vietnam Journals Online để từng bước hội nhập quốc tế. Số lượng trích dẫn của tạp chí trong Google Scholar đạt 70 và hệ số H-index là 4; từng bước hoàn thiện theo hướng hội nhập quốc tế và đáp ứng các tiêu chí quan trọng của ACI. Đến nay, Tạp chí KHKT Mỏ-Địa chất đã được 6 Hội đồng Giáo sư Liên ngành/Ngành xem xét tính điểm cho công trình, với số điểm tối đa 0,75.

1.1.2.5 Nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh, bộ ngành khác giao trực tiếp chủ trì

Bên cạnh các nhiệm vụ KHCN của Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thực hiện trong giai đoạn này, Trường Đại học Mỏ - Địa chất được các Bộ, ngành giao chủ trì thực hiện 06 đề tài cấp Tỉnh và 03 đề tài KHCN cấp Bộ (Bộ Xây dựng);

Kết quả thực hiện đề tài cấp tỉnh: có 04 đề tài cấp Tỉnh/thành phố được nghiệm thu, xếp loại tốt. Các đề tài này đều có sản phẩm chuyển giao cho các đơn vị đặt hàng. 02 đề tài đang thực hiện theo kế hoạch.

Kết quả thực hiện 03 đề tài do Bộ Xây dựng: có 02 đề tài được nghiệm thu và 01 đề tài đang thực hiện theo kế hoạch.

1.1.3. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Trong giai đoạn 2016-2020, Hiệu trưởng đã phê duyệt cho phép thực hiện 203 đề tài cấp cơ sở, với tổng kinh phí hỗ trợ 4.970 trđ. Kết quả thực hiện đã có 154 đề tài được nghiệm thu (*trong đó: 99 đề tài xếp loại tốt, 50 đề tài xếp loại khá, 05 đề tài xếp loại đạt*). Nhà trường đã tập trung nâng cao chất lượng các đề tài KHCN cấp cơ sở, số lượng và kinh phí đầu tư tương đương với giai đoạn trước. Sản phẩm đạt được: công bố 26 bài báo danh mục ISI và bài báo quốc tế; 146 bài báo khoa học trong nước; 90 báo cáo HNKH trong nước và quốc tế, 03 sách tham khảo; hỗ trợ đào tạo 10NCS, đào tạo 27

ThS, 87 KS, hỗ trợ 33 nhóm sinh viên NCKH; 129 sản phẩm ứng dụng (sơ đồ, quy trình, bản đồ, phần mềm, thiết bị, ...).

Nhà trường chú trọng đổi mới chất lượng đề tài từ khâu xây dựng thuyết minh, tổ chức thực hiện và đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài NCKH cấp cơ sở. Các đề tài được ưu tiên thực hiện khi có sản phẩm ISI, phải có công bố bài báo trong nước (bắt buộc đăng trên tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất đối với các ngành Khoa học Trái đất và mỏ), có sản phẩm ứng dụng, hoặc hỗ trợ đào tạo sau đại học. Qua đó, chất lượng đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nâng lên rõ rệt

Trong thời gian tới một vấn đề đặt ra đối với các đơn vị (khoa, bộ môn) trong việc xây dựng mục tiêu, các định hướng chuyên môn của đơn vị, thẩm định nội dung đề cương các đề tài và việc thực hiện đề cương của cán bộ chủ trì. Đây cũng là vấn đề cần quan tâm của Nhà trường trong việc xét duyệt và cho phép thực hiện các đề tài, khả năng đầu tư nguồn kinh phí hỗ trợ cần thiết tạo điều kiện cho chủ trì đề tài hoàn thành nhiệm vụ. Nghiên cứu khoa học cấp trường phải phục vụ mục tiêu của Nhà trường nhằm đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, khai thác tốt hơn tiềm năng của đội ngũ CBGD trẻ.

Nhà trường luôn chú trọng về công tác hoạt động nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu sinh. Nhà trường đã ưu tiên, khuyến khích NCS, học viên cao học được tham gia, chủ trì thực hiện các đề tài KHCN dưới nhiều hình thức: chủ trì đề tài NCKH cấp cơ sở, tham gia thực hiện các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã góp phần cho NCS công bố các công trình NCKH trên các Tạp chí trong và ngoài trường, các Hội thảo khoa học. Góp phần tạo động lực cho các NCS, học viên cao học hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu và đảm bảo tiến độ.

1.2. Kết quả hoạt động nghiên cứu ứng dụng và triển khai công nghệ

Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và triển khai là thế mạnh của Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong nhiều năm qua. Hoạt động này thông qua việc thực hiện các hợp đồng KHCN nhằm giải quyết những nhiệm vụ cụ thể mà đời sống kinh tế xã hội đặt ra. Kinh phí cho hoạt động này từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác từ các địa phương, doanh nghiệp.

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng và triển khai công nghệ của Trường dưới hai hình thức, đó là các hợp đồng được ký về Trường (**xem Bảng 6**) và các đề tài, hợp đồng do các tổ chức khoa học công nghệ, Công ty Codeco thực hiện (**Bảng 7, 8 và Hình 2**).

Trong 5 năm (2016-2020), mặc dù kinh tế trong nước và thế giới có nhiều biến động, nhưng hoạt động NCKH, ứng dụng triển khai của Trường luôn giữ ổn định (Bảng 8). Phát huy thế mạnh sẵn có của Trường, sự hợp tác giữa Nhà trường với các địa phương, các đơn vị trong phạm vi cả nước đã và đang liên tục phát triển. Các lĩnh vực hợp tác trong hoạt động KHCN ngày một đa dạng, phong phú hơn, đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của sự phát triển kinh tế - xã hội.

Các trung tâm, công ty của Trường đã khẳng định tốt vai trò nghiên cứu triển khai và phục vụ đào tạo của mình, đóng góp xứng đáng vào thành tích chung của Nhà trường. Các trung tâm sau khi được chuyển đổi sang tổ chức KHCN đã có nhiều thành tích. Nhiều trung tâm đã được các Bộ ngành, tin tưởng giao thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia, dự án trọng điểm. Đi đầu trong phong trào hoạt động NCKH, ứng dụng và triển khai công nghệ của các tổ chức KHCN trong giai đoạn qua là các trung tâm: Nghiên cứu Địa kỹ thuật, Hỗ trợ Phát triển KHKT, Công ty CODECO.

Một số trung tâm đã sản xuất thử nghiệm sản phẩm đặc trưng được các doanh nghiệp dụng như: Thiết bị rơ le bảo vệ rò mạng điện hạ áp, thiết bị xử lý nước sạch, phần mềm chuyên dụng dùng cho Khoa học Trái đất và Mỏ, Cơ điện; chuyển giao công nghệ ...

Các dự án, đề tài KHCN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất mang những đặc thù riêng và được nghiên cứu, chuyển giao sử dụng kết quả trong các lĩnh vực chính như sau:

- Nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học Trái đất và Mỏ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội trong bối cảnh ứng phó với Biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Nghiên cứu khoa học và công nghệ trong dự báo và khai thác khoáng sản ẩn sâu.

- Nghiên cứu cơ bản phục vụ công tác qui hoạch lãnh thổ, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên nước dưới đất phục vụ cuộc sống con người và phát triển bền vững.

- Nghiên cứu khoa học và công nghệ liên quan đến Địa chất-Khoáng sản biển, Trắc địa biển phục vụ chiến lược khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên địa chất biển góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ chủ quyền lãnh hải Quốc gia.

- Đánh giá tiềm năng khoáng sản rắn, tài nguyên nước, vật liệu xây dựng phục vụ việc quy hoạch phát triển công nghiệp địa phương, tận thu khoáng sản, bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên các địa phương.

- Khảo sát, thăm dò, tư vấn thiết kế khai thác các mỏ khoáng sản vừa và nhỏ, thiết kế xây dựng các công trình trên mặt và công trình ngầm phục vụ khai thác mỏ và giao thông.

- Thành lập bản đồ chi tiết quy hoạch xây dựng, xác định các chỉ tiêu nền móng công trình xây dựng, quan trắc sự biến dạng của các công trình, nghiên cứu và đề xuất các biện pháp xử lý.

- Triển khai giám sát và đề xuất các mô hình ứng dụng AI trong các hoạt động thăm dò, khai thác mỏ.

- Nghiên cứu triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ phục vụ đời sống xã hội, nhất là cho nông thôn, vùng núi khó khăn, biên giới hải đảo.

Kết quả nghiên cứu của các dự án, đề tài NCKH các cấp và các hợp đồng KHCN đã được Trường Đại học Mỏ - Địa chất chuyển giao tới các Bộ, địa phương, doanh nghiệp trong cả nước, như: Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, Tập đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam, các tỉnh như Hà Nội, Quảng Ninh, Lào Cai, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bình Dương, ... Các tài liệu này đã trở thành những cơ sở dữ liệu quý, trực tiếp phục vụ cho việc phát triển kinh tế ở các ngành, tỉnh và doanh nghiệp trong cả nước.

Thông qua việc thực hiện các dự án, các đề tài NCKH - triển khai công nghệ, thầy và trò của Nhà trường đã mở rộng địa bàn thực tập, tạo được nhiều cơ hội mới thuận lợi cho việc đưa tiến bộ KHKT vào thực tế sản xuất, kết hợp tốt giữa học với hành giúp người học làm quen với khoa học tiên tiến, với thiết bị công nghệ cao. Nhiều đề tài tốt nghiệp của sinh viên, học viên cao học và NCS đã được hình thành trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ trên. Như vậy, NCKH, ứng dụng và triển khai công nghệ đã thiết thực nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao năng lực nghiên cứu và góp phần xứng đáng vào việc hoàn thành nhiệm vụ đào tạo của Trường.

Bảng 6. Hợp đồng NCKH - ứng dụng, triển khai công nghệ kỹ về Trường giai đoạn 2016-2020

TT	Mã số	Đơn vị đặt hàng	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện (từ ...đến)	Kinh phí đã cấp	Kinh phí quyết toán	Kinh phí nộp Trường (đ)	Tình hình thực hiện
1	569ĐC/HĐ16	Viện Khoa học Thủy Lợi	Nghiên cứu đề xuất các mô hình, giải pháp công nghệ khai thác và bảo vệ phát triển bền vững nguồn nước karst phục vụ cấp nước sinh hoạt tại các vùng núi cao, khai hiểm nước khu vực Bắc Bộ	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2016-2018	2 173 903 000	2 173 903 000	108 695 150	Đã nghiệm thu
2	570ĐC/HĐ16	Cục Quản lý điều tra cơ bản biển và Hải đảo	Điều tra, đánh giá đa dạng cảnh quan một số đảo và cụm đảo lớn, quan trọng	Hoàng Văn Long	5/2017-11/2017	2 358 768 800	2 358 768 800	107 216 764	Đã nghiệm thu
3	571ĐC/HĐ18	IAEA	Ứng dụng đồng vị trong nghiên cứu quan hệ giữa nước mặt và nước dưới đất vùng đồng bằng Sông cửu long	Nguyễn Bách Thảo	2018-2021	322 328 274	322 328 274	16 118 005	Đang thực hiện
4	572ĐC/HĐ18	Liên đoàn Bản đồ Địa chất miền Bắc	Khảo sát thực địa bổ sung thành lập bản đồ cấu trúc kiến tạo tỷ lệ 1:50000; bản đồ cấu trúc khổng chế quặng hóa tỷ lệ 1:25000 và lấy các loại mẫu thuộc đề tài BĐKH.29/16-20	Ngô Xuân Thành	7/2018-12/2018	1 096 852 815	1 096 852 815	48 760 093	Đã nghiệm thu
5	573ĐC/HĐ19	Ban QL dự án Quận Tây hồ HN	Tư vấn đánh giá chất và trữ lượng nước Dự án "Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Chu Văn An phường Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, TP Hà Nội"	Trần Vũ Long	10/2019-8/2029	381 591 000			Đã nghiệm thu
6	574ĐC/HĐ20	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề khoan thăm dò địa chất trình độ cao đẳng, trung cấp	Trần Thanh Hải	4/2020-11/2020	243 000 000	224 000 000	12 150 000	Đang thực hiện

7	575ĐC/HĐ20	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật về đào tạo nghề khoan thăm dò địa chất trình độ cao đẳng trung cấp	Trần Thanh Hải	4/2020-11/2020	261 000 000	259 800 000	13 050 000	Đang thực hiện
8	576ĐC/HĐ20	Công ty TNHH Lavie chi nhánh TP.HCM	Hợp tác tổ chức hội thảo khoa học: Tuổi trẻ tích và nguồn gốc nước dưới đất lưu vực đồng bằng sông Cửu Long,	Nguyễn Bách Thảo	10/2019	130 000 000	54 000 000		Đã nghiệm thu
9	87DK/HĐ19	Liên đoàn Việt - Nga Vietsovpetro	Tính trữ lượng tiềm năng và phát triển các cấu tạo Quýt A, Quýt F, C, E, F lô 12/11	Nguyễn Thị Minh Hồng	2/2019-12/2019	5 408 865 000	5 408 865 000	245 857 500	Đã nghiệm thu
10	88DK/HĐ19	Viện tiên tiến Advanced Institute Seed Grant	Tổng hợp các phương pháp khoa học trái đất để điều tra ổn định dốc, trường hợp nghiên cứu cho khu vực đối tượng hòa bình Việt Nam	Kiều Duy Thông	1/2019-12/2019	278 468 567			Đang thực hiện
11	89DK/HĐ20	Văn phòng Tổng cục giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng danh mục thiết bị đào tạo thiết bị chế biến dầu khí trình độ cao đẳng trung cấp	Triệu Hùng Trường	4/2020-12/2020	243 000 000	229 000 000	12 150 000	Đang thực hiện
12	90DK/HĐ20	Văn phòng Tổng cục giáo dục nghề nghiệp	Xây dựng định mức kinh tế-kỹ thuật và đào tạo nghề vận hành thiết bị chế biến dầu khí trình độ cao đẳng, trung cấp	Triệu Hùng Trường	4/2020-12/2020	228 000 000	227 120 000	11 400 000	Đang thực hiện
13	91DK/HĐ20	Viện Dầu khí Việt Nam	Nghiên cứu các tính chất của các mẫu lõi (Phân tích mẫu lõi độ thấm điểm)	Phạm Văn Tuấn	2/2020-3/2020	45 000 000	45 000 000	2 252 500	Đã nghiệm thu
14	92DK/HĐ20	Kurita watet and Environment	Tài trợ nghiên cứu: Kết hợp phương pháp chụp cắt lớp điện trở suất theo thời gian và kỹ thuật mô hình dòng chảy nước ngầm trong xác định và dự báo vùng đất đá và nước ngầm ô nhiễm bởi các nhà máy tái chế nhựa Hà Nội, Việt Nam	Trương Thị Chinh	10/2019-9/2020	80 555 829			Đã nghiệm thu
15	99M/HĐ18	Công ty than Hòn Gai-TKV	Kiểm định mạng gió mô khu khai trường Giáp Khẩu	Nguyễn Văn Thịnh	10/2018-1/2019	479 314 785	479 314 785	21 307 721	Đã nghiệm thu
16	29MT-HĐ16	Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản	Tổng hợp, tính toán xử lý tài liệu, thành lập sản phẩm giao nộp và tham gia viết báo cáo	Nguyễn Phương	5/2016-6/2016	175 622 213	175 622 213	7 892 000	Đã nghiệm thu

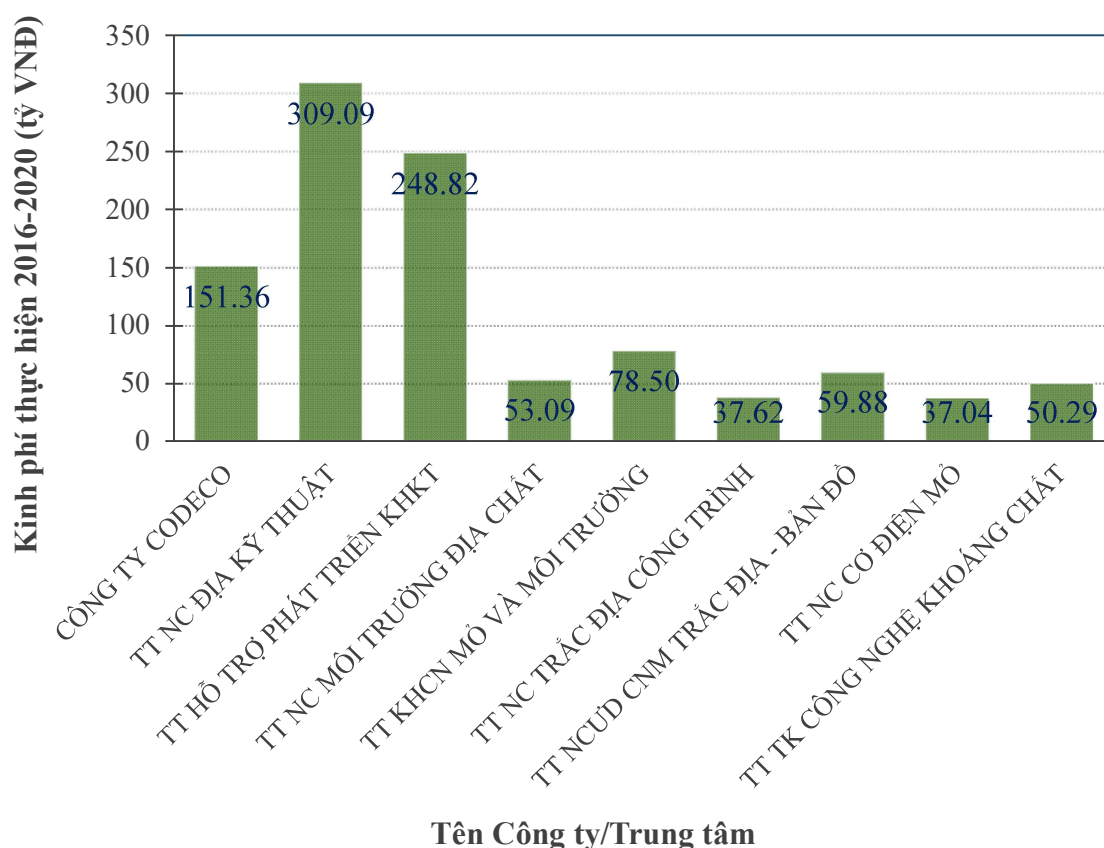
17	31KT/HĐ16	Bộ Công thương	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý chất lượng đối với thuốc nổ TNT dùng trong công nghiệp	Nguyễn Duy Lạc	1/2016-12/2016	300 000 000	300 000 000	15 000 000	Đã nghiệm thu
18	30GDQP/HĐ16	Học viện ngoại giao	Hợp đồng liên kết giáo dục quốc phòng-an ninh "Tổ chức giảng dạy, đánh giá kết quả học tập và cấp chứng chỉ môn học GDQP an ninh cho SV đã hoàn thành môn học"	Nguyễn Văn Quảng	8-2016	230 120 000	230 120 000	11 506 000	Đã nghiệm thu
19	32GDQP/HĐ17	Trường Cao đẳng du lịch Hà Nội	HĐ liên kết đào tạo môn GDQP- An ninh	Nguyễn Văn Quảng	2/2017-3/2017	69 685 000	69 685 000	3 484 250	Đã nghiệm thu
20	33GDQP/HĐ17	Học viện ngoại giao	Hợp đồng liên kết giáo dục quốc phòng-an ninh "Tổ chức giảng dạy, đánh giá kết quả học tập và cấp chứng chỉ môn học GDQP an ninh cho SV đã hoàn thành môn học"	Nguyễn Văn Quảng	1/8/2017-30/8/2017	180 400 000	180 400 000	9 020 000	Đã nghiệm thu
21	34GDQP/HĐ18	Trường Cao đẳng du lịch Hà Nội	HĐ liên kết đào tạo môn GDQP- An ninh	Nguyễn Văn Quảng	1/2018-2/2018	36 722 000	36 722 000	1 836 000	Đã nghiệm thu
22	35GDQP/HĐ19	Trường Cao đẳng du lịch Hà Nội	HĐ liên kết đào tạo môn GDQP- An ninh	Nguyễn Văn Quảng	1/2018-2/2018	66 836 000	66 836 000	3 107 874	Đã nghiệm thu
		Tổng cộng				14 790 033 283	13 938 337 887	650 803 857	

Bảng 7a. Kết quả hoạt động NCKH - ứng dụng và triển khai của các trung tâm, Công ty Codeco giai đoạn 2016-2020

TT	Trung tâm, Công ty	Số hợp đồng thực hiện	Kinh phí thực hiện 2016-2020 (đ)		Kinh phí nộp trường năm 2016-2020 (đ) (theo số liệu của P.KHTC đến ngày 06/4/2021)			Các loại thuế (đ)
			Tổng	Đã quyết toán số kinh phí	Mức giao nộp (1,5%)	Đã nộp	Còn phải nộp	
1	Công ty CODECO	410	151.361.206.708	151.361.206.708	2.270.418.101	2.270.418.101		13.728.452.578
2	TT NC Địa kỹ thuật	1916	309.085.823.993	309.086.244.428	4.633.190.666	4.633.198.307		7.407.207.427
3	TT Hỗ trợ Phát triển KHKT	807	268.325.476.785	252.822.628.785	3.792.339.432	3.792.344.844		24.344.192.295
4	TT NC Môi trường Địa chất	111	53.086.510.709	53.086.510.709	796.297.661	796.297.661		5.580.148.779
5	TT KHCN Mỏ và Môi trường	571	79.495.235.744	78.495.235.744	1.177.428.536	986.726.134	190.702.402	8.039.377.105
6	TT NC Trắc địa công trình	177	37.621.000.000	37.621.000.000	564.315.000	564.315.000		4.270.100.000
7	TT NCƯD CNM Trắc địa - Bản đồ	172	59.884.570.372	59.884.570.372	898.268.556	898.268.556		6.139.537.860
8	TT NC Cơ điện mỏ	193	37.044.131.381	37.044.131.381	555.661.971	560.968.771		2.690.039.996
9	TT TK Công nghệ khoáng chất	130	58.010.507.482	51.743.813.482	776.157.202	776.157.358		4.811.433.005
	Tổng cộng	4487	1.053.914.463.174	1.031.145.341.609	15.467.180.124	15.278.694.732	190.702.402	77.010.489.045

Bảng 7b. Kết quả hoạt động NCKH - ứng dụng và triển khai của các trung tâm, Công ty Codeco năm 2020 (theo số liệu báo cáo của các Trung tâm, công ty đến ngày 06/4/2021)

TT	Trung tâm, Công ty	Số hợp đồng thực hiện	Kinh phí thực hiện năm 2020 (đ)		Kinh phí nộp trường năm 2020 (đ) (theo số liệu của P.KHTC đến ngày 06/4/2021)			Các loại thuế (đ)
			Tổng	Đã quyết toán số kinh phí	Mức giao nộp 2020 (1,5%)	Đã nộp	Còn phải nộp	
1	Công ty CODECO	89	39.540.026.837	39.540.026.837	593.100.403	593.100.403		3.160.938.571
2	TT NC Địa kỹ thuật	354	56.682.823.993	56.682.823.993	850.242.360	850.242.360		1.244.381.427
3	TT Hỗ trợ Phát triển KHKT	185	62.675.352.548	62.675.352.548	940.130.288	940.130.288		5.993.691.044
4	TT NC Môi trường Địa chất	10	2.907.497.221	2.907.497.221	43.612.458	43.612.458		331.129.275
5	TT KHCN Mỏ và Môi trường	90	12.713.493.505	12.713.493.505	190.702.403	0	190.702.403	1.321.968.823
6	TT NC Trắc địa công trình	35	7.360.000.000	7.360.000.000	110.400.000	110.400.000		838.000.000
7	TT NCƯĐ CNM Trắc địa - Bản đồ	40	20.180.349.456	20.180.349.456	302.705.242	302.705.242		2.018.034.946
8	TT NC Cơ điện mỏ	53	9.246.213.372	9.246.213.372	138.693.201	144.000.000		502.389.951
9	TT TK Công nghệ khoáng chất	26	12.098.989.615	12.098.989.615	181.484.844	181.485.000		1.004.521.813
	Tổng cộng	882	223.404.746.547	223.404.746.547	3.351.071.198	3.165.675.751	190.702.403	16.415.055.850



Hình 2. Kinh phí thực hiện các hoạt động NCKH - triển khai công nghệ của các trung tâm, Công ty Codeco giai đoạn 2016-2020

Bảng 8. Đối sánh kết quả hoạt động NCKH - ứng dụng và triển khai của Trung tâm, Công ty Codeco và hợp đồng ký về Trường giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2011-2015

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Số hợp đồng đã thực hiện	H.đồng	4.719	4.509	-4,45
2	Kinh phí quyết toán	trđ	938.297	1.045.083	11,38
3	Số tiền đóng góp cho Trường	trđ	14.074	15.929	13,18
4	Nộp thuế các loại	trđ	79.942	77.010	-3,67

1.3. Các hoạt động khoa học và công nghệ khác

1.3.1. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Công tác phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường chỉ đạo kịp thời, quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện, giúp hoạt động khoa học và công nghệ luôn là điểm sáng trong hoạt động của Trường.

- Nhà trường có nguồn nhân lực phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có chất lượng, trong đó 47,5% cán bộ có trình độ từ tiến sỹ trở lên và phần lớn là các tiến sỹ được đào tạo bài bản từ các nước có nền khoa học kỹ thuật tiên tiến. Đây là

lực lượng chủ chốt trong hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, công bố quốc tế của Trường hiện nay.

- Trường có 08 tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động nghiên cứu khoa học - phát triển công nghệ trong các lĩnh vực Khoa học Trái đất và Mỏ và 01 công ty (Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất - CODECO) hoạt động theo loại hình doanh nghiệp khoa học công nghệ.

- Nhà trường đã được nhà nước đầu tư 08 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu. Hoạt động của các phòng thí nghiệm này vẫn chủ yếu phục vụ các đề tài đơn lẻ hoặc cho sinh viên thực tập, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Việc sử dụng các phòng thí nghiệm cho NCKH còn hạn chế, chưa đáp ứng đúng mục tiêu đầu tư nhằm phục vụ NCKH và đào tạo nhân lực có trình độ cao (NCS, học viên cao học). Một số trang thiết bị xuống cấp, các linh kiện đi kèm chưa được bổ sung, cơ sở hạ tầng chưa bảo đảm nên khả năng phục vụ nghiên cứu khoa học của các PTN này còn hạn chế.

- Trung tâm Thí nghiệm và Phân tích công nghệ cao của Nhà trường, là một đơn vị hoạt động trực thuộc Ban Giám hiệu. Trung tâm đã xây dựng quy chuẩn phòng thí nghiệm, quy chế hoạt động và triển khai vận hành thiết bị thí nghiệm, phối hợp với các đề tài, hợp đồng nghiên cứu thực hiện các phân tích, thí nghiệm công nghệ cao, công bố các bài báo trên những tạp chí khoa học có uy tín. Nhà trường đã cho phép Trung tâm trở thành đơn vị tự chủ hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh đó, hoạt động KHCN cũng đã góp phần quan trọng vào nguồn lực về cơ sở vật chất và trang thiết bị của Nhà trường. Nhiều dự án đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu, Trung tâm phân tích, thí nghiệm công nghệ cao, Phòng thí nghiệm Thương Nguồn (do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tài trợ); Phòng thí nghiệm Cơ - Điện (do Công ty Astec tài trợ), nâng cấp Trung tâm thông tin - thư viện (do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tài trợ), các dự án thiết bị thí nghiệm Lọc hóa dầu của Công ty dầu khí Rosneft tài trợ.

1.3.2. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic

1.3.2.1. Nghiên cứu khoa học sinh viên

Tháng 5 hàng năm nhân dịp kỷ niệm ngày sinh nhật Bác, Nhà trường tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên. Hội nghị là diễn đàn để sinh viên công bố các kết quả nghiên cứu khoa học của mình. Thông qua việc tổ chức tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên, Nhà trường đã bồi dưỡng, khuyến khích và tạo điều kiện cho các tài năng trẻ phát triển.

Từ năm 2016-2020, Nhà trường đã tổ chức thành công 5 Hội nghị Khoa học sinh viên, với 1067 báo cáo khoa học đã được trình bày tại các tiểu ban của hội nghị. Hội đồng khoa học của các tiểu ban đã đánh giá nghiêm túc, đúng mức chất lượng các báo cáo khoa học, thống nhất lựa chọn và đã đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng 222 báo cáo đạt các giải.

Sau hội nghị, Ban Tổ chức hội nghị đã lựa chọn các công trình có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao để tham dự giải xét giải Sinh viên nghiên cứu khoa học hàng năm do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Kết quả đã có 13 báo cáo đạt giải, trong đó có 1 giải Nhất, 4 giải Nhì, 4 giải Ba và 4 giải Khuyến khích. Báo cáo giải nhất đã nhận được Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bảng 9 và 10).

Ngoài các giải thưởng cấp Bộ đã đạt được trong giai đoạn từ năm 2016-2020 sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất còn tham gia nhiều giải thưởng NCKH uy tín khác và đạt được nhiều thành tích rất đáng khích lệ. Đó là: Giải A Cuộc thi "Nước và Cuộc sống" do Tổng cục Môi trường tổ chức năm 2016, Giải Nhất "Sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka lần thứ XX năm 2018"; giải Khuyến khích "Sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka lần thứ XX năm 2019" và giải Khuyến khích "Sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka lần thứ XXI năm 2020", giải thưởng do Thành Đoàn Thanh niên TP Hồ Chí Minh và Đại học Quốc Gia TP HCM tổ chức, giải Ba cuộc thi "Falling Walls Lab" tổ chức tại Việt Nam năm 2019.

Trong ba năm (2018, 2019 và 2020), Công ty Dầu khí Rosneft Vietnam B.V của Cộng hòa Liên Bang Nga đã hỗ trợ khoản kinh phí 27.000 USD cho 25 đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên. Sự hỗ trợ kinh phí này đã góp phần cho thành công của các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên chất lượng cao, nâng cao năng lực nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình và làm việc theo nhóm của sinh viên. Trong số 25 đề tài được hỗ trợ trên, một số đề tài có kết quả tốt và có ý nghĩa khoa học, thực tiễn cao. Kết quả nghiên cứu của đề tài được công bố trên các Tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

Bảng 9. Kết quả NCKH sinh viên giai đoạn 2016-2020

Năm	Số báo cáo tại hội nghị	Số báo cáo đạt giải cấp Trường				Số báo cáo đạt giải “Sinh viên NCKH” do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức				
		Tổng	Nhất	Nhì	Ba	Tổng	Nhất	Nhì	Ba	KK
2016	240	52	24	20	8	4	1	2		1
2017	244	48	23	18	7	4	-	2	2	
2018	240	52	24	18	10		-			
2019	182	36	24	9	3	1	-		1	
2020	161	34	17	14	3	4			1	3
Tổng	1067	222	95	65	28	13	1	4	4	4

Bảng 10. Đối sánh kết quả NCKH sinh viên giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2011-2015

TT	Nội dung	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Số sinh viên tham gia	4020	4170	3,73%
2	Số báo cáo khoa học	1068	1067	-0,09%
3	Số báo cáo đạt giải cấp Trường	249	222	-10,04%
4	Số báo cáo giải cấp Bộ	14	13	-7,14%
	- <i>Nhất</i>	<i>1</i>	<i>1</i>	-
	- <i>Nhì</i>		<i>4</i>	400%
	- <i>Ba</i>	<i>7</i>	<i>4</i>	-42,86%
	- <i>Khuyến khích</i>	<i>6</i>	<i>4</i>	-33,33%

Việc tổ chức thực hiện hoạt động NCKH sinh có quy trình thống nhất quản lý từ các Khoa, Bộ môn đến các lớp sinh viên. Phòng Khoa học Công nghệ thường xuyên theo dõi và hướng dẫn chi tiết cụ thể, tạo mọi điều kiện có thể cho hoạt động NCKH sinh viên của Nhà trường thực hiện đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng.

1.3.2.2 Tổ chức thi Olympic

Tháng 3 hàng năm, Nhà trường tổ chức thi Olympic cấp Trường cho các môn học gồm Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Cơ lý thuyết, Sức bền vật liệu, Cơ học đất, Tin học,....

Trong 5 năm qua, 5 kỳ thi được tổ chức với 2015 thí sinh dự thi, có 639 sinh viên đạt giải cấp Trường. Sau mỗi kỳ thi cấp Trường, các đội tuyển được thành lập, huấn luyện và tham dự thi Olympic quốc gia ở các môn Toán, Hóa, Vật lý và các môn Cơ học. Kết quả có 87 thí sinh đạt giải quốc gia (Bảng 11 và 12).

Bảng 11. Kết quả thi Olympic các cấp giai đoạn 2016-2020

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tỉ lệ Tăng/giảm % của năm 2020/2019
1	Số sinh viên tham gia	474	476	313	382	370	-3,14%
2	Giải thưởng cấp Trường	131	141	116	121	130	7,44%
	<i>Nhất</i>	11	11	23	12	10	-16,67%
	<i>Nhì</i>	23	23	22	37	27	-27,03%
	<i>Ba</i>	52	57	35	27	43	59,26%
	<i>Khuyến khích</i>	45	50	36	44	50	13,64%
3	Giải thưởng cấp Quốc gia	20	23	24	20		
	<i>Nhất</i>			2	3		
	<i>Nhì</i>	7	7	7	3		
	<i>Ba</i>	5	6	4	4		
	<i>Khuyến khích</i>	8	10	11	10		

Bảng 12. Đối sánh kết quả thi Olympic các cấp giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2011-2015

TT	Nội dung	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Số sinh viên dự thi	2208	2015	-8,74%
2	Số sinh viên đạt giải cấp Trường	442	639	44,57%
3	Số sinh viên đạt giải quốc gia	84	87	3,57%
	- <i>Nhất</i>	4	5	25,00%
	- <i>Nhì</i>	25	24	-4,00%
	- <i>Ba</i>	27	19	-29,63%
	- <i>Khuyến khích</i>	28	38	35,71%

Để đạt được thành tích như trên, ngay từ đầu năm học Nhà trường đã triển khai thông báo rộng rãi kế hoạch thi Olympic cấp Trường trong năm học, đồng thời triển khai cho sinh viên đăng ký trực tuyến các môn thi tham dự, cung cấp các tài liệu ôn tập thông qua Internet, giúp sinh viên tiết kiệm thời gian ôn luyện và nâng cao chất lượng thí sinh dự thi, là nguồn cung cấp thí sinh chất lượng cao tham dự các đội tuyển dự thi Olympic quốc gia hàng năm.

Bằng hai hình thức trên (thi Olympic và Hội nghị KHSV), Nhà trường đã thường xuyên quan tâm đúng mức tới việc tuyển chọn sinh viên giỏi; tạo không khí phấn khởi, hào hứng trong công tác dạy và học của Nhà trường, tạo các điều kiện thuận lợi cho các em sinh viên ôn luyện, dự thi và thực hiện tốt các đề tài NCKH của mình.

Công tác NCKH và thi Olympic của sinh viên trong 5 năm qua đã đi vào nề nếp, năm sau có kết quả tốt hơn năm trước, công tác tổ chức, quản lý cũng đã được cải tiến phù hợp và thuận lợi để sinh viên đạt được kết quả tốt nhất trong công tác này. Nhà trường đã tạo điều kiện cho sinh viên gắn kết giữa lý thuyết với thực tế, tạo điều kiện để sinh viên bước đầu làm quen với NCKH, thông qua việc sinh viên làm nghiên cứu khoa học.

Tuy nhiên, cần nghiêm túc chỉ ra rằng, trong khi có nhiều đề tài NCKH của sinh viên có ý nghĩa khoa học và thực tiễn thì cũng còn không ít các đề tài mang tính hình thức, hàm lượng khoa học thấp. Hơn nữa, kinh phí hỗ trợ cho mỗi đề tài còn rất khiêm tốn, cũng là một lý do làm cho chất lượng các đề tài NCKH của sinh viên chưa được như mong muốn.

Để có kết quả tốt hơn trong công tác NCKH của sinh viên, trong những năm tiếp theo, cần nâng cao vai trò trách nhiệm của các thầy, các bộ môn chuyên môn trong việc lựa chọn các đề tài có ý nghĩa khoa học và thực tiễn; tạo điều kiện để sinh viên có nhiều thời gian nghiên cứu trong phòng thí nghiệm, tiếp cận với các trang thiết bị hiện đại; đồng thời liên kết với các nhà khoa học thuộc các viện nghiên cứu và các cơ quan khoa học ngoài trường cùng hướng dẫn, tạo cho sinh viên có điều kiện tiếp cận với thực tế; tập trung xây dựng các quy chế hợp lý nhằm động viên cả về vật chất lẫn tinh thần đối với sinh viên, CBGD và các đơn vị quản lý.

1.4. Hoạt động thông tin khoa học

1.4.1. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất

Tạp chí đã tạo được cơ sở dữ liệu với mạng lưới 200 chuyên gia uy tín trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực chuyên ngành, sẵn sàng phản biện cho các bài báo khoa học được gửi tới. Đơn vị chức năng đã chuẩn hóa được quy trình đăng bài trên tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất theo hướng hiện đại, hòa nhập quốc tế, gắn chỉ số DOI cho các bài báo đăng trên tạp chí.

Giai đoạn 2016-2020, đã biên tập và xuất bản 37 số (trong đó có 10 số chuyên đề), tổng số 472 bài báo khoa học (trong đó có 70 bài tiếng Anh) đã được xuất bản với 3630 ấn phẩm (Bảng 13).

Bảng 13. Số lượng Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất xuất bản giai đoạn 2016-2020

Năm	Tên tài liệu khoa học	Số bài báo	Số lượng ấn phẩm	Tháng, năm xuất bản
2016	Tạp chí khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất số 55 (tiếng Việt)	14	120/online	7/2016
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất số 56 (tiếng Anh)	11	120/online	10/2016
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ -Địa chất số 57 (tiếng Việt)	15	120/online	12/2016
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ -Địa chất (Số chuyên đề: Bộ môn Địa vật lý 50 năm đào tạo và phát triển)	14	120/online	20/5/2016

Năm	Tên tài liệu khoa học	Số bài báo	Số lượng ấn phẩm	Tháng, năm xuất bản
2017	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 58 kỳ 1 (tiếng Việt)	12	120/online	2/2017
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 58 kỳ 2 (tiếng Việt)	12	120/online	4/2017
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 58 kỳ 3 (tiếng Anh)	8	120/online	6/2017
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 58 kỳ 4 (tiếng Việt)	14	120/online	8/2017
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 58 kỳ 5 (tiếng Việt)	14	120/online	10/2017
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 58 kỳ 6 (tiếng Anh)	9	120/online	12/2017
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất (Số chuyên đề kỷ niệm thành lập Bộ môn Địa chính)	17	50/ online	12/2017
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất (Số chuyên đề kỷ niệm thành lập Bộ môn Trắc địa Mỏ)	19	50/ online	9/2017
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất (Số chuyên đề kỷ niệm thành lập khoa Công nghệ thông tin)	14	50 / online	10/2017
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất (Số chuyên đề kỷ niệm thành lập Bộ môn Địa chất Dầu khí)	12	50/ online	6/2017
2018	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 59 kỳ 1 (tiếng Việt)	15	120/online	2/2018
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 59 kỳ 2 (tiếng Việt)	12	120/online	4/2018
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 59 kỳ 3 (tiếng Anh)	9	120/online	6/2018
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 59 kỳ 4 (tiếng Việt)	12	120/online	8/2018
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 59 kỳ 5 (tiếng Việt)	9	120/online	10/2018
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 59 kỳ 6 (tiếng Anh)	7	120 /online	12/2018
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất (Số chuyên đề kỷ niệm thành lập Bộ môn Địa chất thủy văn)	10	50/online	6/2018
2019	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 60 kỳ 1 (tiếng Việt)	11	120 /online	2/2019
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 60 kỳ 2 (tiếng Việt)	15	120 /online	4/2019
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 60 kỳ 3 (tiếng Anh)	9	120 /online	6/2019
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 60 kỳ 4 (tiếng Việt)	13	120 /online	8/2019
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 60 kỳ 5 (tiếng Việt)	14	120 /online	10/2019

Năm	Tên tài liệu khoa học	Số bài báo	Số lượng ấn phẩm	Tháng, năm xuất bản
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 60 kỳ 6 (tiếng Anh)	7	120 /online	12/2019
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất (Số chuyên đề Kỹ thuật dầu Dầu khí - Kỷ niệm thành lập Bộ môn Thiết bị Dầu khí và Công trình)	15	50/online	02/2019
2020	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 61 kỳ 1 (tiếng Việt)	15	193 /online	2/2020
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 61 kỳ 2 (tiếng Việt)	15	193 /online	4/2020
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 61 kỳ 3 (tiếng Việt)	10	193 /online	6/2020
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 61 kỳ 4 (tiếng Việt)	14	193 /online	8/2020
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 61 kỳ 5 (tiếng Việt)	15	193 /online	10/2020
	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất tập 61 kỳ 6 (tiếng Anh)	10	193 /online	12/2020
	Số chuyên đề: Kỷ niệm 20 năm thành lập Khoa Kinh tế và QTKD	19	50/ online	10/2020
	Số chuyên đề: Kỷ niệm 50 năm thành lập Bộ môn Khai thác lộ thiên	12	50/ online	10/2020
	Số chuyên đề: Kỷ niệm 10 năm thành lập Bộ môn Xây dựng Hạ tầng cơ sở	19	50/ online	12/2020
	Tổng cộng	472	4428	

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn những hạn chế trong việc xuất bản tạp chí như chưa thu hút được các bài báo có chất lượng chuyên môn cao. Ban Biên tập Tạp chí sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng, cải tiến hình thức, tăng cường vai trò của thành viên Hội đồng Biên tập, từng bước tự chủ về tài chính và thương mại hóa tạp chí. Trường đang thực hiện dự án nâng cấp Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất do Bộ Giáo dục và Đào tạo đầu tư kinh phí. Dự án thực hiện 3 năm (2020-2022). Mục tiêu khi hoàn thành dự án, bản tiếng Anh của Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất đủ điều kiện đưa vào trích dẫn ASEAN (ASEAN Citation Index - ACI).

1.4.2. Các kết quả công bố khoa học

Qua kết quả nghiên cứu của các đề tài, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Từ năm 2016 đến nay, số lượng và chất lượng các công trình khoa học công bố bởi các nhà khoa học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đang không ngừng tăng, đặc biệt số lượng công bố trên tạp chí quốc tế tăng 517,8% so với giai đoạn trước. Bảng 14 thống kê số bài báo ISI năm 2019 và 2020 theo cơ cấu độ tuổi, thành phần nhóm tác giả cho thấy có khoảng 20% số giảng viên trong toàn Trường tham gia vào hoạt động công bố bài báo ISI và hầu hết có độ tuổi dưới 50 (chiếm 85% năm 2020), phù hợp với thực tế là hiện nay nhà trường có khoảng 83% số cán bộ giảng dạy có độ tuổi dưới 50; trên 50% số bài báo do nhà khoa học trong Trường là tác giả chính; số bài báo có sự kết hợp với các tác giả ngoài Trường

chiếm xấp xỉ 80-90% thể hiện khả năng hợp tác trong nghiên cứu của các nhà khoa học trong Trường. Bảng 15 và Hình 3 giới thiệu kết quả thống kê số lượng các công trình công bố giai đoạn 2016-2020 phân chia theo loại hình công bố: số bài báo ISI năm 2020 tăng gần 300% so với năm 2016, tỷ lệ bài báo ISI/giảng viên vào năm 2020 đã đạt 0,25 bài/giảng viên/năm. Số lượng các công trình công bố quốc tế (ISI, Scopus, quốc tế khác) giai đoạn 2016-2020 được phân chia theo Khoa trên Bảng 16 và Hình 4 cho thấy: các công bố ISI chủ yếu tập trung vào Khoa Dầu khí, KHKT Địa chất, Khoa học cơ bản, Mỏ, Trắc địa BD và QLĐĐ, Xây dựng. Bảng 18 và Hình 5 giới thiệu kết quả đối sánh số lượng các công trình công bố giai đoạn 2017-2020 phân chia theo chỉ số xếp loại chất lượng (Ranking Q) của tạp chí. Có thể thấy số bài báo ISI thuộc nhóm tạp chí quốc tế uy tín (Q1+Q2) luôn chiếm ở mức trên 60% tổng số bài báo. Bảng 19 và Hình 6 thống kê tổng số lượng bài báo theo các loại hình tạp chí khác nhau và phân chia theo Khoa trong giai đoạn 2016-2020. Bảng 20 cho thấy so với giai đoạn 2011-2015, số lượng các công trình khoa học công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước trong giai đoạn 2016-2020 đều tăng mạnh.

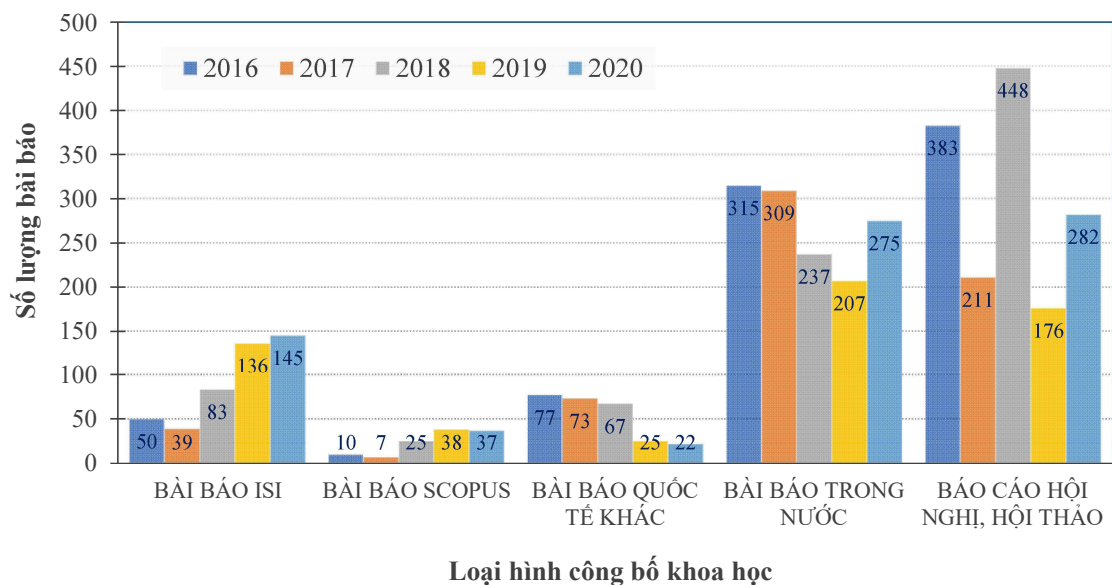
Bảng 14. Cơ cấu độ tuổi và thành phần tác giả trong các bài báo ISI năm 2019 và 2020

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Tỉ lệ tăng/giảm (%) của năm 2020/2019
1	Số bài báo có sự tham gia của giảng viên trong Trường	136	145	6,62%
	Số tác giả trong trường tham gia viết bài	95	118	24,21%
	Số tác giả có độ tuổi > 50	9	17	88,89%
	Số tác giả nằm trong độ tuổi từ 40-50	40	60	50%
	Số tác giả có độ tuổi < 40	46	41	-10,87%
2	Số bài báo do giảng viên trong Trường là tác giả chính	70	87	24,29%
3	Số bài báo toàn bộ tác giả là giảng viên trong Trường	2	24	1100,00%
4	Số bài báo có sự kết hợp với các Nhà khoa học ngoài trường (trong nước)	134	121	-8,33%
	Số bài báo có sự kết hợp với các nhà khoa học nước ngoài	108	71	-34,26%

Bảng 15. Thống kê số lượng các công trình khoa học công bố giai đoạn 2016-2020

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tỉ lệ Tăng/giảm (%) 2020/2019
1	Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI	50	39	83	136	145	6,62
	Tỷ lệ bài báo ISI/giảng viên	0,075	0,059	0,129	0,222	0,25	

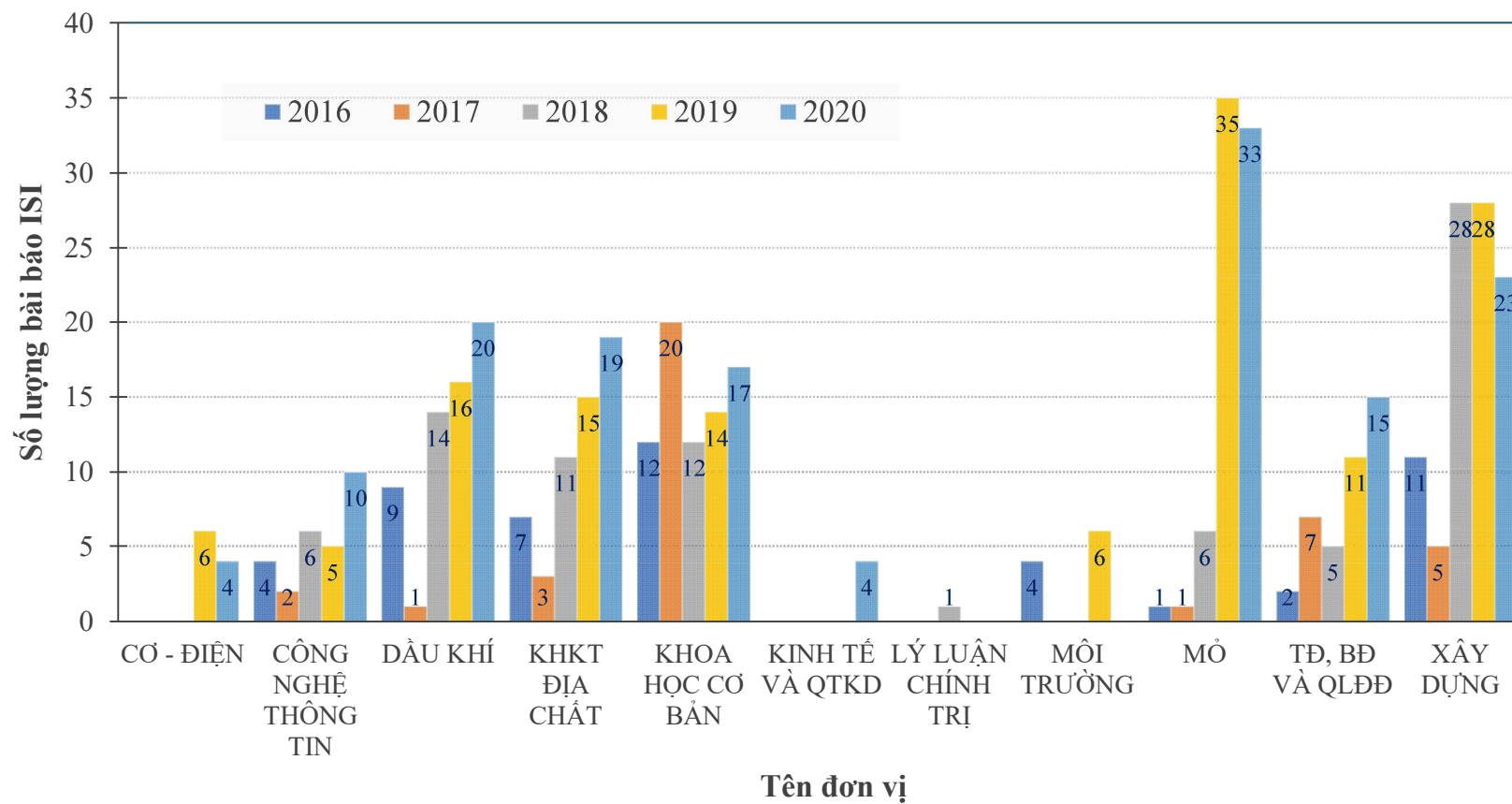
TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Tỉ lệ Tăng/giảm (%) 2020/2019
2	Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus	10	7	25	38	37	-2,63
3	Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế khác	77	73	67	25	22	-12,0
4	Số bài báo công bố trên tạp chí trong nước	315	309	237	207	275	55,07
5	Số báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước	383	211	448	176	282	60,22



Hình 3. So sánh số lượng các công trình khoa học công bố giai đoạn 2016-2020

Bảng 16. Số lượng các công trình công bố quốc tế (ISI, Scopus, quốc tế khác) giai đoạn 2016-2020 được phân chia theo Khoa

TT	Khoa	ISI					Scopus					Quốc tế khác				
		2016	2017	2018	2019	2020	2016	2017	2018	2019	2020	2016	2017	2018	2019	2020
1	Cơ - Điện				6	4			4	4	10	3	3		2	5
2	Công nghệ thông tin	4	2	6	5	10	2	1		2	1	13	11	6	1	5
3	Dầu khí	9	1	14	16	20	2	1	2		2	11	6	7	3	
4	KHKT Địa chất	7	3	11	15	19			1		6	6	5	7		5
5	Khoa học cơ bản	12	20	12	14	17	2		2	2		12	25	8	2	
6	Kinh tế và QTKD					4		1	1	1	3		1	1	1	
7	Lý luận chính trị			1												1
8	Môi trường	4			6						4		1	2		
9	Mỏ	1	1	6	35	33			4	16	3	3	1	8	2	3
10	TĐ, BĐ và QLDD	2	7	5	11	15	2	2	2	5	3	13	7	3	5	
11	Xây dựng	11	5	28	28	23	2	2	9	8	5	16	13	25	9	3
	Cộng	50	39	83	136	145	10	7	25	38	37	77	73	67	25	22



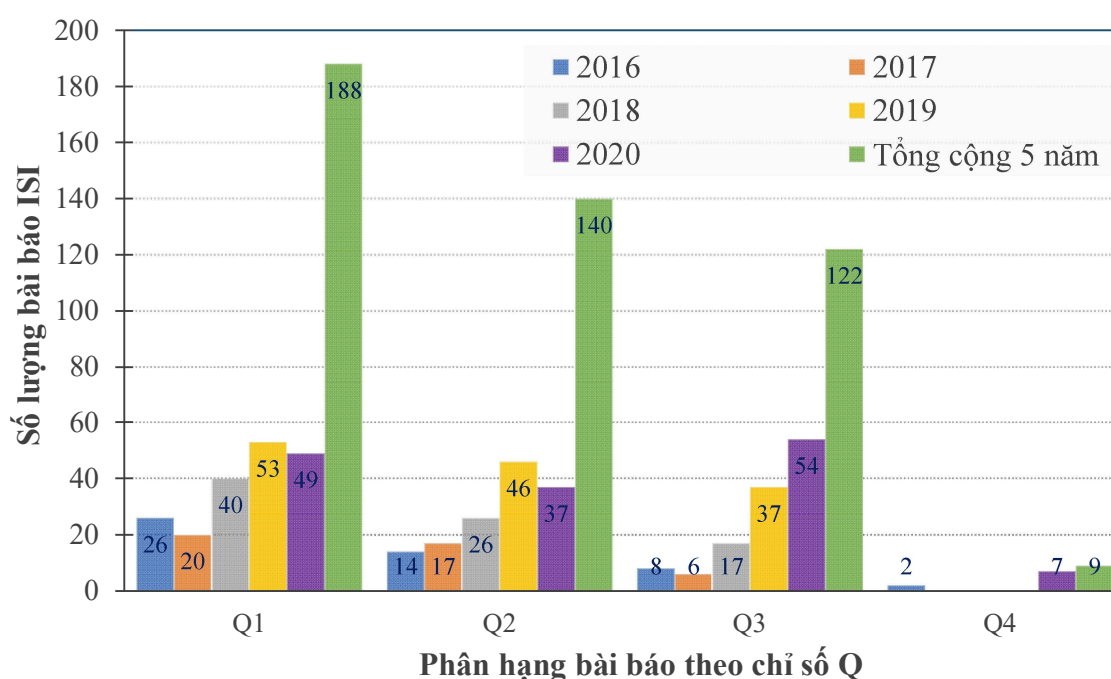
Hình 4. Số lượng bài báo ISI công bố theo từng năm trong giai đoạn 2016-2020 phân chia theo đơn vị Khoa

Bảng 17. Tỷ lệ số lượng các công trình công bố trên tạp chí ISI so với giảng viên phân chia theo các Khoa năm 2020

TT	Khoa	Số lượng công bố ISI	Tỉ lệ bài/Giảng viên trong Khoa (%)
1	Cơ - Điện	4	7,69
2	Công nghệ thông tin	10	21,28
3	Dầu khí	20	41,67
4	Khoa học và KT Địa chất	19	28,79
5	Khoa học Cơ bản	17	22,37
6	Kinh tế - QTKD	4	8,89
7	Mỏ	33	80,49
8	Môi trường	0	0,00
9	Trắc địa, BĐ và QLDD	15	22,39
10	Xây dựng	23	69,70
Tổng		145	

Bảng 18. Số lượng các bài báo ISI công bố giai đoạn 2016-2020 phân chia theo chỉ số xếp loại chất lượng (Ranking Q) của tạp chí

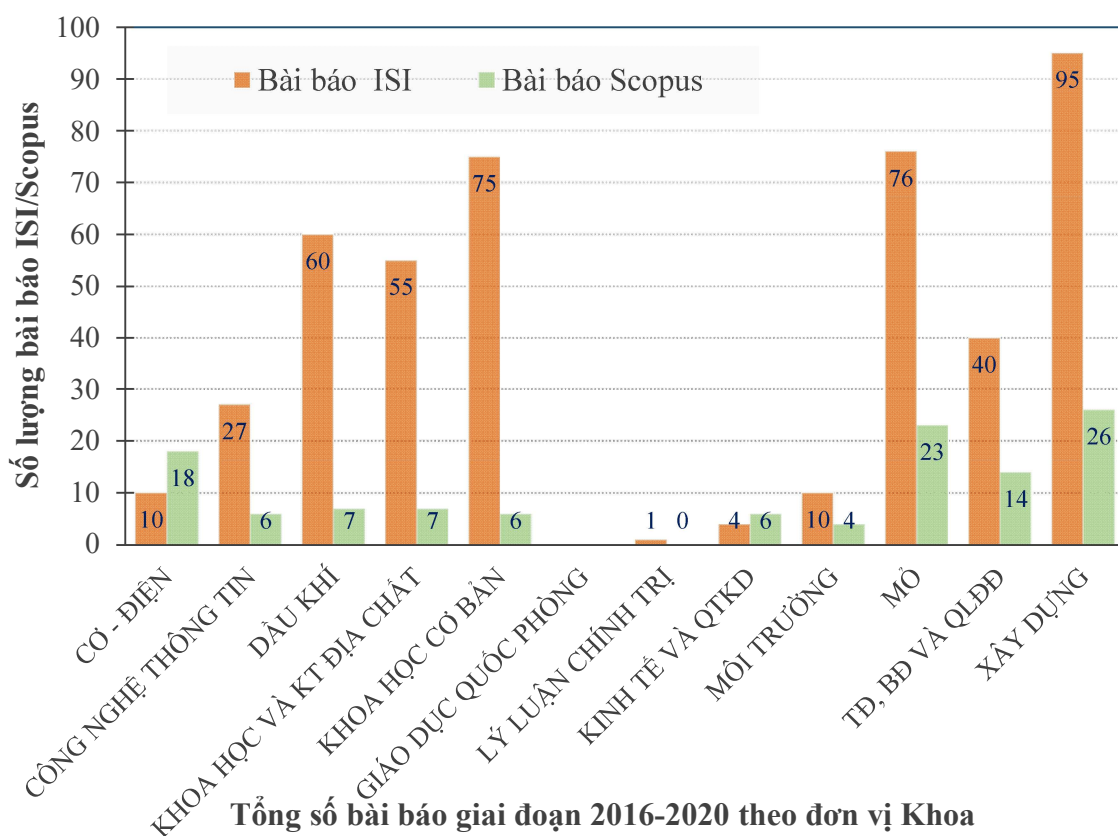
TT	Phân hạng Q	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng cộng
1	Q1	26	20	40	53	49	188
2	Q2	14	17	26	46	37	140
3	Q3	8	6	17	37	54	122
4	Q4	2				7	9
	Tổng cộng	50	43	83	136	145	



Hình 5. So sánh số bài báo theo chỉ số phân hạng Q giai đoạn 2016-2020

Bảng 19. Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí và báo cáo tại Hội nghị/Hội thảo khoa học giai đoạn 2016-2020 (được phân chia theo Khoa)

TT	Khoa	Bài báo ISI	Bài báo Scopus	Bài báo đăng trên Tạp chí Quốc tế khác	Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước	Báo cáo Hội thảo, Hội nghị trong và ngoài nước	Tổng cộng
1	Cơ - Điện	10	18	13	97	105	243
2	Công nghệ thông tin	27	6	36	86	103	258
3	Dầu khí	60	7	27	123	82	299
4	Khoa học và KT Địa chất	55	7	23	127	165	377
5	Khoa học cơ bản	75	6	47	180	112	420
6	Giáo dục quốc phòng				26	23	49
7	Lý luận chính trị	1	0	1	55	80	137
8	Kinh tế và QTKD	4	6	3	153	136	302
9	Môi trường	10	4	3	84	132	233
10	Mỏ	76	23	17	145	155	416
11	TĐ, BĐ và QLĐĐ	40	14	28	190	205	477
12	Xây dựng	95	26	66	77	202	466
	Tổng cộng	453	117	264	1343	1500	3677



Hình 6. So sánh tổng số bài báo ISI/Scopus công bố giai đoạn 2016-2020 theo đơn vị Khoa

Bảng 20. Đối sánh số lượng các công trình công bố giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2010-2015

TT	Nội dung	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	Tỉ lệ % (tăng/giảm)
1	Số bài báo khoa học công bố trên Tạp chí quốc tế	135	834	517,8
2	Số bài báo khoa học công bố trên Tạp chí trong nước	859	1343	56,24
3	Số báo cáo công bố tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước	1152	1500	30,20

Trong 4 năm (2017-2020), Bộ Giáo dục và Đào tạo khen thưởng cho 389 Bài báo được công bố trên tạp chí khoa học uy tín trong danh mục ISI/SCI/SCIE với tổng kinh phí 1.274 tr.đ. Bên cạnh đó, tính từ năm 2018 đến 12/2020, Trường đã hỗ trợ kinh phí cho tác giả các bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục ISI/SCI/SCIE không phải là sản phẩm đề tài và điều kiện bắt buộc đối với NCS với tổng kinh phí hơn 240 tr.đ.

Theo số liệu thống kê của Bộ, Trường Đại học Mở - Địa chất 4 năm liên đứng trong top 10 trên tổng số các trường đại học trực thuộc Bộ về số lượng bài báo ISI công bố, chỉ đứng sau các trường đại học vùng, đại học trọng điểm. Theo công bố của Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Bộ KH-CN), Trường Đại học Mở - Địa chất là 1 trong 20 tổ chức của Việt Nam có nhiều công bố quốc tế nhất trong giai đoạn 2016-2020, đặc biệt liên tục trong 04 năm (từ 2017- 2020), trường Đại học Mở - Địa chất luôn nằm trong top 10 trường Đại học Việt Nam dẫn đầu về công bố quốc tế (theo xếp hạng của Webometrics hàng năm - bảng xếp hạng học thuật các trường Đại học lớn nhất thế giới được thực hiện bởi Hội đồng nghiên cứu quốc gia Tây Ban Nha) và tự hào là trường Đại học nằm trong top 10 các cơ sở đào tạo dẫn đầu về NCKH tại Việt Nam trong năm 2020 (theo kết quả công bố trên Bảng xếp hạng đại học của Việt Nam UPM (University Performance Metrics) ngày 01/01/2021 (Bảng 21).

Bảng 21. Bảng tổng hợp kết quả xếp hạng dựa vào kết quả nghiên cứu, công bố khoa học của Trường Đại học Mở - Địa chất giai đoạn 2017-2020

TT	Chỉ số xếp hạng	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Thứ tự theo xếp hạng theo số lượng công bố quốc tế của các cơ sở giáo dục, nghiên cứu (dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*	8	8	8	10
2	Thứ tự theo Bảng xếp hạng Webometrics**	7	7	6	10
3	Bảng xếp hạng đại học của Việt Nam UPM (University Performance Metrics)***			9	
	Chỉ số quy mô công bố			19	
	Chỉ số bài báo trung bình trên giảng viên			18	
	Chỉ số trích dẫn trung bình			3	
	Chỉ số nghiên cứu nội lực			24	

(Nguồn trích dẫn số liệu: * Dựa vào kết quả tổng hợp hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo về số lượng các bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI của các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ; **: <http://www.webometrics.info/en>; ***: <http://upm.vn/>).

1.4.3. Các hội nghị, hội thảo khoa học

Hoạt động thông tin khoa học của Trường Đại học Mở - Địa chất được thể hiện ở các công tác chính như tổ chức các hội nghị khoa học, các hội thảo chuyên đề trong nước và quốc tế, thiết lập và thực hiện các đề tài NCKH theo Nghị định thư, hợp tác quốc tế về đào tạo và xuất bản, phát hành các tài liệu khoa học, ...

Trong 5 năm (2016-2020), Trường chủ trì tổ chức thành công hội nghị khoa học Hội nghị quốc tế ESASGD 2016 và 02 Hội nghị Toàn quốc: về Khoa học Trái đất và Tài nguyên với phát triển bền vững - ERSD 2018 và ERSD 2020. Trong các hội nghị này, 917 báo cáo khoa học của các tác giả là các nhà khoa học trong và ngoài nước đã được công bố tại các Tiểu ban chuyên môn. Các báo cáo này là thành quả của những công trình nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học: Cơ Điện, Địa chất - khoáng sản, Địa chất công trình - Địa chất thủy văn và môi trường, Địa vật lý, Địa chất dầu khí, Kinh tế và QTKD, Môi trường, Lọc - Hóa dầu, Kỹ thuật và công nghệ Khoan - Khai thác Dầu khí, Kỹ thuật và công nghệ khai thác Mỏ, Kỹ thuật xây dựng, Trắc địa - Địa chính - Bản đồ, Tin học ứng dụng, Xây dựng công trình ngầm và Mỏ, các khoa học tự nhiên và xã hội nhân văn. Hội nghị là nơi giao lưu trực tiếp, thiết thực giữa nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội với KHCN tiên tiến, hiện đại; là nơi truyền tải thông tin nhanh nhất, hiệu quả nhất giữa kết quả nghiên cứu với triển khai áp dụng.

Ngoài việc chủ trì tổ chức HNKH ở quy mô toàn trường, trong 5 năm qua Nhà trường đã phối hợp với các tổ chức khoa học và các trường Đại học ở nước ngoài tổ chức thành công 07 Hội thảo quốc tế và hàng chục hội thảo khoa học cho các ngành của trường như: Công nghệ thông tin, Dầu khí, Khai thác mỏ, Xây dựng công trình ngầm và Mỏ, Địa chất - Địa chất thủy văn, Môi trường, Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản, Ứng dụng công nghệ mới, v.v.... Các hội thảo đã thu hút được nhiều nhà khoa học quốc tế tham dự. Nội dung của các cuộc hội thảo đã được biên tập và xuất bản dưới dạng tuyển tập, phổ biến rộng rãi trong và ngoài nước (Bảng 22). Các Khoa có thành tích nổi bật trong tổ chức Hội nghị, Hội thảo khoa học: Khoa Dầu khí, Khoa học cơ bản, Khoa Mỏ, Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất, Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Khoa Lý luận chính trị, Khoa Trắc địa, Bản đồ và Quản lý đất đai.

Bảng 22. Thống kê hội nghị, hội thảo tổ chức trong giai đoạn 2016-2020

TT	Tên Hội nghị/Hội thảo	Tổng số đại biểu tham gia/đại biểu quốc tế	Đơn vị chủ trì/đồng chủ trì	Thời gian tổ chức
1.	Internaltional Symposium on Geo - Spatial and Mobile Mapping Technology (Công nghệ địa không gian và thành lập bản đồ di động)	150/30	Trường Đại học Mở - Địa chất	4-7/5/2016
2.	Earth Sciences and Sustainable Geo-resources Development - ESASGD 2016 (Các Khoa học Trái đất và phát triển bền vững tài nguyên địa chất)	700/110	Trường Đại học Mở - Địa chất	14/11/2016

TT	Tên Hội nghị/Hội thảo	Tổng số đại biểu tham gia/đại biểu quốc tế	Đơn vị chủ trì/đồng chủ trì	Thời gian tổ chức
3.	International Conference on Economic Management in Mineral Activities – EMMA3 (Hội thảo Quốc tế Quản lý kinh tế trong hoạt động Khoáng sản)	96/16	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	14/11/2016
4.	Sedimentological studies and applications in petroleum exploration (Nghiên cứu trầm tích vụn và ứng dụng trong thăm dò dầu khí)	30/5	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	09/12/2016
5.	Hội thảo Efficient and Effective Approaches for Potential Field Modelling in O&G Exploration: Voxel, Layer Based and Hybrid Modelling	50/5	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Geosoft,	9/5/2017
6.	Hội thảo Công tác đào tạo ngành Địa chất dầu khí	100	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	9/6/2017
7.	Geo-Spatial Technologies and Earth Resources (GTER 2017) Công nghệ Địa không gian và Tài nguyên Trái đất	200/60	Trường Đại học Mỏ - Địa chất /Hội Trắc địa mỏ thế giới	5-7/10/2017
8.	International conference on Intergrated Petroleum Engineering (Hội nghị quốc tế trong lĩnh vực dầu khí tích hợp)	70/14	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Tổng công ty thăm dò và Khai thác Dầu khí	19/10/2017
9.	International Conference on Sustainable Groundwater Development (Hội nghị quốc tế về Phát triển bền vững tài nguyên nước dưới đất)	130/15	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Trung tâm Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên nước quốc gia/Tổ chức BGR (Đức)/Hội Địa chất thủy văn Việt Nam/Trường ĐH Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội	26/10/2017
10.	Hội nghị quốc tế về Hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Ba Lan và Việt Nam lần thứ IV (Pol-Viet 2017)	100	Trường Đại học AGH (Ba Lan)/Trường Đại học Mỏ - Địa chất	20-24/11/2017
11.	Advances in Mining and Tunnelling (Những tiến bộ trong khai thác mỏ và xây dựng công trình ngầm)	40	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Công ty TNHH Dịch vụ triển lãm SES Việt Nam	19/4/2018

TT	Tên Hội nghị/Hội thảo	Tổng số đại biểu tham gia/đại biểu quốc tế	Đơn vị chủ trì/đồng chủ trì	Thời gian tổ chức
12.	Hội nghị gắn kết khoa học cơ bản với khoa học trái đất lần thứ 2	100	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	20/4/2018
13.	Hội thảo khoa học Trái đất - mỏ - môi trường bền vững (EME 2018)	80	Hội đồng chức danh Giáo sư liên ngành khoa học Trái đất - mỏ/ Trường Đại học Mỏ - Địa chất	26/4/2018
14.	International Conference on Economic Management in Mineral Activities – EMMA4 (Hội thảo Quốc tế Quản lý kinh tế trong hoạt động Khoáng sản)	110/11	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	19-20/11/2018
15.	Hội nghị toàn quốc "Khoa học Trái đất và Tài nguyên với phát triển bền vững - ERSD 2018" Earth Sciences and Natural Resources for Sustainable Development -ERSD 2018"	750/35	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	07/12/2018
16.	Environmentally Aware and Sustainable Mining in Vietnam. Design of a German-Vietnamese Research Project for Lao Cai Copper Mining	30/6	DAAD/Trường Đại học Mỏ - Địa chất	03/11/2019
17.	Sustainable Mining in Vietnam. Design of a German-Vietnamese Research Project for Lao Cai Copper Mining	40	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	19/4/2019
18.	Ứng dụng công nghệ mới trong Địa kỹ thuật	35	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất	16/5/2019
19.	Hội thảo quốc tế về Hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Việt Nam - Ba Lan (Pol - Viet 2019)	100	Trường Đại học AGH (Ba Lan)/Trường Đại học Mỏ - Địa chất	7/2019
20.	Hội thảo tập huấn kiến thức cơ bản về Sở hữu trí tuệ	80	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Cục Sở hữu trí tuệ	05/12/2019
21.	Geotechnical Modelling and Investigation in Urban Infrastructure	30	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	25/12/2019
22.	International Conference on Economic Management in Mineral Activities – EMMA5 (Hội thảo Quốc tế Quản lý kinh tế trong hoạt động Khoáng sản)	50/10	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	15/10/2020
23.	International conference on Innovations For Sustainable And Responsible Mining (Hội nghị khoa học quốc tế “Những tiến bộ trong	200/50	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	15-17/10/2020

TT	Tên Hội nghị/Hội thảo	Tổng số đại biểu tham gia/đại biểu quốc tế	Đơn vị chủ trì/đồng chủ trì	Thời gian tổ chức
	khai thác mỏ bền vững và có trách nhiệm 2020 - ISRM 2020")			
24.	Hội nghị khoa học “Khoa học xã hội với sự phát triển bền vững”	30	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	06/11/2020
25.	Hội nghị toàn quốc về Khoa học Trái đất và Tài nguyên với phát triển bền vững - ERSD2020	600	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	12/11/2020

Các hội thảo không chỉ mang ý nghĩa khoa học, gắn kết mật thiết các nhà khoa học với công tác NCKH - triển khai công nghệ mà thiết thực phục vụ công tác quy hoạch đào tạo nhân lực trình độ cao.

Bên cạnh các hội nghị, hội thảo khoa học, hàng năm Trường đã tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề giới thiệu, hướng dẫn viết thuyết minh đề xuất đề tài, hướng dẫn và chia sẻ kinh nghiệm viết bài báo quốc tế; hội thảo tập huấn về đào tạo sở hữu trí tuệ. Học viên của các khóa tập huấn ngắn hạn, sinh hoạt chuyên đề đã nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của sở hữu trí tuệ trong hoạt động KHCN.

1.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động KHCN

Hợp tác quốc tế trong hoạt động KHCN của nhà trường có nhiều kết quả nổi bật trong giai đoạn 2016-2020, với 4 nhiệm vụ KHCN theo nghị định thư và hợp tác song phương được thực hiện, có 03 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu với CHLB Đức, Nhật, Ba Lan đã hoàn thành nghiệm thu, được Bộ KHCN, Bộ Giáo dục và Đào tạo và phía đối tác nước ngoài đánh giá cao. Nhiệm vụ hợp tác song phương Việt - Hàn đang được các nhà khoa học triển khai thực hiện theo kế hoạch.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học của trường có điều kiện trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm về chuyên môn, nâng cao trình độ ngoại ngữ, đồng thời nâng cao uy tín và khẳng định vị thế của nhà trường trong hoạt động KHCN.

Trong giai đoạn 2016-2020, Nhà trường thực hiện 2 dự án Erasmus+ về tăng cường năng lực trong giáo dục đại học (CBHE) và 1 dự án Erasmus+ về trao đổi cán bộ, sinh viên do EU tài trợ. Các dự án Erasmus+ về tăng cường năng lực đã góp phần nâng cao năng lực về giảng dạy, nghiên cứu, kết nối và làm việc trong môi trường quốc tế cho các cán bộ tham gia dự án. Ngoài ra, các dự án này còn góp phần củng cố và bổ sung trang thiết bị một số phòng thí nghiệm (về địa chất và kỹ thuật điện) cho Nhà trường bằng nguồn ngân sách dự án. Chương trình Erasmus+ hợp tác với Trường Đại học Khoa học và Công nghệ AHG Krakow (Ba Lan) về trao đổi học thuật cho giảng viên và học viên, sinh viên đã kết nối các nhà khoa học và nghiên cứu sinh hai bên gặp gỡ, trao đổi chuyên môn, trao đổi ý tưởng và phối hợp thực hiện một số khảo sát, nghiên cứu chung trong khuôn khổ các đề tài khoa học hoặc luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh, từ đó góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, trình độ ngoại ngữ và khả năng hội nhập quốc tế cho cán bộ và sinh viên của Trường.

Ngoài ra, Nhà trường cũng đã chú trọng phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác về đào tạo và NCKH với các nước có trình độ công nghệ tiên tiến như Anh, Mỹ, Đức, Na

Uy, Nga, Ý, Đài Loan... Trong giai đoạn này, một dự án về tăng cường trao đổi nghiên cứu (Research and Mobility) đã được thực hiện với sự hợp tác của Trường Đại học Salford (VQ Anh) và nguồn tài trợ từ Hội đồng Anh, đưa Trường Đại học Mỏ - Địa chất trở thành thành viên của Mạng lưới hợp tác Việt Nam - VQ Anh, mở ra nhiều cơ hội cho các nhà khoa học hai bên hợp tác trong nghiên cứu khoa học. Một dự án về hợp tác liên trường giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và các trường đại học bách khoa vùng Auvergne Rhone Alpes của Pháp (các trường ĐH Bách Khoa Grenoble, Annecy Chambéry, Lyon và Clermont Ferrand) đã được thực hiện nhằm thúc đẩy trao đổi giảng viên và nghiên cứu sinh giữa Pháp và Việt Nam. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã kết nối để triển khai dự án nghiên cứu “Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nghiên cứu ổn định trong hoạt động khai thác Mỏ” thuộc chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học giữa hai Chính phủ Quebec (Canada) và Việt Nam, trong đó đối tác khoa học chính tại Việt Nam là Trường Đại học Mỏ-Địa chất và phía Canada là Viện nghiên cứu Công nghệ Môi trường Mỏ (IRME) - Đại học Công nghệ Polytechnic Montreal.

Nhằm tăng cường trao đổi kết quả nghiên cứu, cập nhật thông tin khoa học công nghệ mới, Trường đã tổ chức nhiều hội nghị Khoa học quốc tế. Một số hội nghị được tổ chức định kỳ như Hội nghị Khoa học hợp tác Việt Nam - Ba Lan (Viet-Pol, Pol-Viet) trong lĩnh vực Khoa học Trái đất và Mỏ, Hội nghị EMMA trong lĩnh vực kinh tế, Hội nghị ISRM trong lĩnh vực khai thác mỏ, ... với sự tham gia của nhiều nhà khoa học quốc tế hàng đầu trong lĩnh vực chuyên môn. Kinh phí dành cho các hội nghị quốc tế được tài trợ một phần từ nguồn kinh phí của Nhà trường, một phần từ các nguồn xã hội hóa, tài trợ từ các công ty, tổ chức quốc tế và cá nhân. Hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học còn được thể hiện ở sản phẩm khoa học quan trọng là công bố khoa học, kết quả nghiên cứu chung giữa các nhà khoa học trong Trường và các nhà khoa học nước ngoài được công bố trên các tạp chí và kỷ yếu hội nghị quốc tế.

1.6. Hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

Đến nay, Trường đã ra quyết định thành lập 03 nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh bao gồm:

- Nhóm nghiên cứu mạnh Địa kỹ thuật, vật liệu và phát triển bền vững;
- Nhóm nghiên cứu mạnh Công nghệ Thông tin và Ứng dụng trong các khoa học Trái đất;
- Nhóm nghiên cứu Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Trắc địa - Bản đồ.

Bên cạnh 3 nhóm nghiên cứu trên, trong thực tế còn phát triển một số nhóm nghiên cứu khác trong nhà trường được hình thành trong quá trình thực hiện các đề tài/nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp. Song song, với việc thành lập các nhóm nghiên cứu, Trường cũng đã ban hành một số chế độ hỗ trợ cho hoạt động của các nhóm nghiên cứu như ưu tiên đề xuất các đề tài khoa học công nghệ các cấp, trang thiết bị thí nghiệm, ... Tuy nhiên, trong thực tế sau gần ba năm thành lập, hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu này chưa rõ nét, chưa phát huy được vai trò tập hợp các nhà khoa học trong các hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với định hướng hoạt động của nhóm.

Các thành viên của nhóm nghiên cứu/nghiên cứu mạnh đã tích cực tham gia viết bài cũng như tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đơn vị, tổ chức, nhà khoa học nước ngoài để cùng đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ của nhà trường. Thành viên của các nhóm nghiên cứu đã công bố 31 bài thuộc tạp chí ISI uy tín và 21 bài thuộc danh mục SCOPUS và quốc tế khác.

Bên cạnh các kết quả đạt được thì cũng còn rất nhiều khó khăn, nhà trường chưa có cơ chế chính sách cụ thể hỗ trợ cho các nhóm nghiên cứu/nghiên cứu mạnh để các nhóm nghiên cứu có điều kiện thực hiện nghiên cứu cũng như hợp tác trong khoa học.

Hiện nay, các chương trình khoa học công nghệ của các Bộ, Ngành thường gắn với nhiệm vụ xây dựng và phát triển năng lực của các nhóm nghiên cứu trong các đơn vị, đặc biệt là hỗ trợ đề tài, dự án đầu tư PTN tăng cường năng lực nghiên cứu, ... Vì vậy, nhiệm vụ trong thời gian tới của Nhà trường và các nhóm nghiên cứu là đẩy mạnh vai trò, hoạt động của các nhóm nghiên cứu trong Nhà trường, xây dựng các chế độ chính sách hỗ trợ, đánh giá hiệu quả hoạt động của nhóm nghiên cứu.

1.7. Công tác tổ chức quản lý, thúc đẩy hoạt động KHCN

1.7.1. Quản lý hoạt động KHCN

- Hoạt động KHCN của Trường luôn tuân thủ các văn bản quy định của Chính phủ, các Bộ ngành liên quan.

- Đổi mới phương thức, nội dung xét chọn đề tài KHCN các cấp, đặc biệt là cấp Bộ theo hướng đảm bảo và nâng cao chất lượng các đề xuất đề tài.

- Ban hành Quy trình thực hiện đề tài NCKH các cấp.

- Tổ chức đánh giá, nghiệm thu sản phẩm trung gian, chuyên đề của các đề tài nhiệm vụ thông qua Hội đồng đánh giá có sự tham gia của đội ngũ chuyên gia KHCN trong và ngoài Trường góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng thực hiện các đề tài/nhiệm vụ KHCN.

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường trong đó: Nêu cao vai trò, trách nhiệm của Khoa, Bộ môn trong quản lý các đề tài/nhiệm vụ KHCN. Quy định rõ việc ghi nhận tài trợ trong các công trình công bố khoa học là sản phẩm của các đề tài/nhiệm vụ KHCN; Bổ sung quy định về sở hữu trí tuệ, đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Bổ sung quy định tổ chức Hội nghị, Hội thảo do Trường và các đơn vị trong trường chủ trì;

- Xây dựng và đưa phần mềm Quản lý khoa học công nghệ vào sử dụng. Đây là cổng thông tin trực tuyến phục vụ kê khai và quản lý cơ sở dữ liệu khoa học của Nhà trường. Hàng năm, cán bộ giảng viên trong Trường thực hiện kê khai các công trình khoa học lên phần mềm và dữ liệu kê khai là cơ sở để đánh giá khối lượng giờ KHCN hoàn thành trong năm của cá nhân, đồng thời là căn cứ để xếp loại, đánh giá thi đua của cá nhân và tập thể trong năm học. Hệ thống cơ sở dữ liệu trên phần mềm không chỉ phục vụ công tác đánh giá tiềm lực Khoa học Công nghệ mà còn là nguồn dữ liệu chuyên gia KHCN để thành lập các Hội đồng đánh giá và thẩm định các nhiệm vụ KHCN của Nhà trường.

- Ban hành Quy định về Quản lý các Trung tâm Khoa học và Công nghệ cùng với Quy định về đánh giá hiệu quả hoạt động của các trung tâm Khoa học và Công nghệ. Hoạt động NCKH, ứng dụng và triển khai công nghệ của nhà trường được phát triển về chất lượng và số lượng các hợp đồng, đề tài.

- Đảm bảo kinh phí đầu tư từ ngân sách nhà nước chi cho hoạt động KHCN, Nhà trường và chủ nhiệm đề tài được sử dụng đúng mục đích. Các đề tài, dự án các cấp đều đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí được cấp hàng năm. Ngoài kinh phí được nhà nước đầu tư, hàng năm nhà trường còn trích một phần kinh phí đáng kể từ nguồn chi thường xuyên hỗ trợ cho các hoạt động KHCN: đề tài NCKH cấp cơ sở, NCKH của sinh viên, các hội nghị, hội thảo... nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động KHCN của Trường. Tổng kinh phí cho hoạt động KHCN cơ sở giai đoạn 2016-2020 là 14.606 tr.đ

Nhìn chung, các đơn vị chức năng đã làm tốt công tác xây dựng kế hoạch KHCN trên cơ sở định hướng, chiến lược về KHCN ngắn hạn và dài hạn của nhà trường; đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc chủ nhiệm đề tài, dự án triển khai nhiệm vụ KHCN. Tất cả các đề tài/dự án thực hiện trong giai đoạn này đều đã được nghiệm thu đúng tiến độ.

1.7.2. Chính sách thúc đẩy hoạt động KHCN

- Mở thêm loại hình đề tài cơ sở gồm: đề tài thường niên, đề tài tiềm năng và đề tài đột xuất. Trong đó chú trọng đến các đề tài cơ sở có sản phẩm công bố bài báo ISI và Scopus, sản phẩm có tính ứng dụng cao, có sở hữu trí tuệ và thời gian thực hiện có thể đến 18 hoặc 24 tháng, với mức kinh phí hỗ trợ có thể đến 100 triệu đồng/đề tài.

- Cho phép thực hiện đề tài cơ sở bằng nguồn kinh phí khác, Nhà trường quản lý về mặt chất lượng, tiến độ thực hiện đề tài và hỗ trợ kinh phí 5 triệu đồng/đề tài;

- Thay đổi chính sách, tăng mức hỗ trợ cho tác giả có công bố quốc tế (ISI/Scopus) lên mức tối đa 100 triệu đồng/bài.

- Ban hành hướng dẫn xây dựng, thành lập và tổ chức, hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh của Trường. Giao quyền tự chủ hoạt động, tiến tới hỗ trợ kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất cho nhóm nghiên cứu.

- Nhà trường đã thành lập Quỹ Tài năng khoa học công nghệ HUMG, xét và trao giải thưởng hàng năm từ năm 2018 cho 3 loại hình: đề tài NCKH xuất sắc của giảng viên, đề tài NCKH xuất sắc của sinh viên, bài báo ISI xuất sắc.

- Tìm kiếm được các nguồn kinh phí từ tổ chức ngoài Trường để hỗ trợ cho hoạt động NCKH sinh viên; tăng mức kinh phí hỗ trợ đối với đề tài NCKH sinh viên từ 1,5 lên 2,0 triệu đồng.

- Xây dựng định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của Trường giai đoạn 2016-2020 và gần đây là giai đoạn 2021-2025, làm cơ sở lên kế hoạch, triển khai hoạt động KHCN của các đơn vị, nhà khoa học trong Trường.

Ngoài ra, các nhà quản lý, nhà khoa học của Trường đã có nhiều đóng góp trong việc hoạch định chính sách, xây dựng định hướng, kế hoạch, triển khai hoạt động KHCN của các Bộ, ngành địa phương, thông qua đó phục vụ cho hoạt động KHCN của Trường:

- Nhà trường và cá nhân các nhà khoa học đã chủ động kết nối với các tổ chức, cá nhân quản lý về KHCN (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ KHCN, Quỹ Nafosted, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên Môi trường, Sở KHCN các địa phương, ...) để lên ý tưởng, hình thành các đề xuất đề tài, và triển khai thực hiện các chương trình, đề tài, nhiệm vụ KHCN (chương trình KC09, chương trình KC05, chương trình 562, chương trình Khoa học Vũ trụ, chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, đề tài Nghị định thư với CH Liên bang Đức, đề tài NCCB và NCCB định hướng ứng dụng, ...).

- Tư vấn xây dựng Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong lĩnh vực hóa học, khoa học sự sống, khoa học trái đất và khoa học biển giai đoạn 2017 - 2025 ban hành theo Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ.

- Tư vấn xây dựng chương trình nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực Khoa học kỹ thuật và tự nhiên của Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ quốc gia (Nafosted) giai đoạn 2020-2025.

- Tư vấn xây dựng định hướng nghiên cứu ưu tiên của khoa học cơ bản trong Lĩnh vực Khoa học trái đất thuộc chương trình 562 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

- Tham gia soạn thảo Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo: “Quy chế xét tặng Giải thưởng khoa học và công nghệ dành cho giảng viên trẻ và sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học”, “Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học”.

- Chủ trì và phối hợp xây dựng các chương trình KHCN của Bộ giáo dục và Đào tạo, gồm:

+ Chương trình KHCN 2019 “Nghiên cứu cơ sở lý luận thực tiễn, đánh giá thực trạng sử dụng đất và đề xuất hệ thống các giải pháp công nghệ IOT dự báo, giám sát nhằm sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả, bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và các dạng tai biến thiên nhiên khu vực miền núi phía Bắc”.

+ Chương trình KHCN 2020 “Nghiên cứu phát triển và ứng dụng vật liệu thân thiện môi trường và công nghệ phù hợp trong xây dựng công trình ven biển phục vụ yêu cầu phát triển bền vững”.

+ Chương trình KHCN 2021 “Nghiên cứu các yếu tố tác động tới sự biến đổi dòng chảy, đới bờ khu vực Tây Nam Bộ và tai biến thiên nhiên liên quan, đề xuất giải pháp phòng tránh, giảm thiểu”.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN GIAI ĐOẠN 2016-2020

2.1. Một số kết quả nổi bật trong hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020:

- Đẩy mạnh được hoạt động xuất bản và công bố khoa học quốc tế. Số lượng và chất lượng các công trình khoa học công bố của Trường đang không ngừng tăng, đặc biệt số lượng công bố trên tạp chí quốc tế tăng 517,8% so với giai đoạn trước. Tỷ lệ số bài báo ISI/giảng viên trong năm 2020 đạt xấp xỉ 0,2. Là trường đại học tại Việt Nam nằm trong top 10 các cơ sở đào tạo dẫn đầu về công bố quốc tế trong 4 năm liền (2017- 2020).

- Tỷ lệ số bài báo ISI/giảng viên trong năm 2020 đạt 0,25.

- Đẩy mạnh số lượng đề tài NCKH các cấp. Số lượng đề tài KHCN các cấp thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 317 đề tài (36 đề tài cấp quốc gia, Quỹ; 78 đề tài/nhiệm vụ cấp bộ và tương đương, 203 cấp cơ sở), tổng kinh phí thực hiện hơn 130 tỷ đồng và gần 30 đề tài, dự án NCKH - phát triển công nghệ cho các địa phương, doanh nghiệp;

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của nhà trường trong giai đoạn 2016-2020 đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học.

- Hoạt động NCKH, ứng dụng và phát triển công nghệ của Trường trong giai đoạn 2016-2020 đã gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp và địa phương trong cả nước thông qua các tổ chức khoa học công nghệ và doanh nghiệp khoa học và công nghệ của Trường. Các Công ty, Trung tâm thuộc Trường đã thực hiện 4.487 đề tài, hợp đồng nghiên cứu và triển khai, ứng dụng công nghệ với tổng kinh phí 1.025,690 tỷ đồng và đóng góp cho Trường 15,385 tỷ đồng, góp phần tăng nguồn thu cho nhà trường. Các sản phẩm ở các lĩnh vực bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, quy hoạch chi tiết, các phần mềm chuyên dụng dùng cho Khoa học Trái đất và Mỏ, Cơ điện.

- Đẩy mạnh được nghiên cứu khoa học của sinh viên bằng nguồn kinh phí từ Nhà trường và tài trợ của Công ty Dầu khí Rosneft-Nga tài trợ.

- Tổ chức thành công các hội thảo khoa học cấp quốc tế, quốc gia, cấp trường và nhiều hội thảo chuyên đề khác. Nâng cấp Hội nghị khoa học định kỳ 2 năm của Trường thành Hội nghị quốc gia.

- Đã thành lập Quỹ Tài năng khoa học công nghệ HUMG.
- Đã ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh thuộc Trường.
- Đưa phần mềm quản lý KHCN vào hoạt động.

2.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được và những điều kiện thuận lợi

Định hướng chỉ đạo, hỗ trợ hoạt động của các cơ quan cấp trên: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện đề tài. Các đơn vị chức năng của Bộ luôn theo dõi sát sao, giải quyết các vướng mắc một cách kịp thời.

Công tác Khoa học và Công nghệ luôn được Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu nhà trường chỉ đạo kịp thời, quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện, giúp cho công tác này luôn là điểm sáng trong các hoạt động của Trường.

Tiềm lực về nhân lực khoa học: Đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao của Trường có số lượng ngày càng tăng về cả số lượng và chất lượng. Tính đến tháng 12/2020 nhà trường có 530 giảng viên, trong đó có 01 GS.TSKH, 03 GS.TS, 51 PGS.TS, 197 TS, 276 ThS và 02 KS/CN. Số giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên là 252 người (chiếm 47,54% tổng số cán bộ giảng dạy). So với thời điểm năm 2015 (705 giảng viên: 02 GS.TS, 56 PGS.TS, 139 TS, 427 ThS, 81 KS, CN), mặc dù tổng số cán bộ giảng dạy giảm còn 75% nhưng số lượng cán bộ khoa học trình độ cao (từ TS trở lên) đã tăng lên 128%. Nhiều nhà khoa học trong Trường có năng lực nghiên cứu và công bố quốc tế rất tốt, có khả năng dẫn dắt và đóng vai trò nòng cốt để có thể hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh. Độ tuổi của các nhà khoa học có công bố quốc tế chủ yếu dưới 50 tuổi, độ tuổi sung sức và còn nhiều khả năng để tiếp tục phát triển hoạt động KHCN.

Trường có 08 trung tâm nghiên cứu khoa học hoạt động trong các lĩnh vực Khoa học Trái đất và Mỏ và 01 công ty (Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất - CODECO) hoạt động theo loại hình doanh nghiệp khoa học công nghệ. Hoạt động của các tổ chức khoa học công nghệ sau khi được chuyển đổi theo quy định đã phát huy được hiệu quả. Hoạt động NCKH - ứng dụng và triển khai công nghệ của nhà trường giữ vững và ổn định về số lượng và chất lượng các hợp đồng, đề tài với các doanh nghiệp, địa phương trong cả nước.

Tiềm lực về cơ sở vật chất: Nhà trường đã được đầu tư phòng thí nghiệm Phân tích công nghệ cao, có nhiều thiết bị tiên tiến ngang tầm các nước phát triển để có thể thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu và 08 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu. Ngoài ra, các khoa và bộ môn chuyên môn còn quản lý và vận hành các phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, một số hướng nghiên cứu của Nhà trường trong các lĩnh vực như Dầu khí, Địa chất, Mỏ, Xây dựng có cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm được trang bị hiện đại cho phép thực hiện các nghiên cứu khoa học chuyên sâu.

Nhu cầu của thực tế: Các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp đã và đang triển khai nhiều chương trình thúc đẩy hoạt động KHCN, gắn kết quả NCKH với sản xuất, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và nhu cầu thay đổi để thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Điều này tạo ra cơ hội rất lớn cho các nhà khoa học của trường đề xuất, tham gia các đề tài, dự án KHCN.

Quan hệ quốc tế: Nhà trường có quan hệ hợp tác quốc tế rộng khắp và thực chất với nhiều cơ sở giáo dục, nghiên cứu quốc tế. Các nhà khoa học của Trường có mối liên hệ và sự kết hợp hiệu quả trong nghiên cứu với các tổ chức, nhà khoa học nước ngoài thể

hiện qua số lượng các công bố khoa học. Đây là tiền đề thuận lợi trong hợp tác, thúc đẩy hoạt động KHCN, sử dụng các nguồn lực cơ sở vật chất, con người từ nước ngoài để hỗ trợ cho hoạt động KHCN của Nhà trường.

Chính sách, quản lý hoạt động KHCN: Nhà trường đã có hệ thống văn bản quản lý KHCN tương đối hoàn chỉnh, bao gồm quy định về quản lý KHCN, Quy trình thực hiện đề tài NCKH các cấp, Quy chế tổ chức hoạt động của Quỹ phát triển tài năng KHCN HUMG, Quy định khen thưởng bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín, Quy định về đạo đức trong NCKH, Hướng dẫn thành lập nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh và một số quy định khác. Các chính sách và văn bản này được xây dựng theo hướng thúc đẩy năng lực của các tổ chức, nhà khoa học trong Trường tham gia và hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ; khuyến khích các hình thức liên kết, mở rộng mạng lưới với doanh nghiệp, địa phương, các nhà khoa học trong và ngoài nước. Ngoài ra, Trường còn có phần mềm quản lý khoa học (địa chỉ: <http://qlkh.humg.edu.vn/>) được đưa vào sử dụng từ năm 2018 giúp nâng cao hiệu quả quản lý tài liệu KHCN.

2.3. Khó khăn, hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi nêu trên, Trường gặp không ít khó khăn, thách thức, hạn chế trong hoạt động KHCN, đó là:

a. Hạn chế:

- Chưa hình thành Quỹ phát triển khoa học công nghệ để tập trung nguồn lực tài chính hỗ trợ cho các hoạt động KHCN (kinh phí cho nhóm nghiên cứu, khen thưởng bài báo quốc tế, hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ, tăng số lượng và kinh phí cấp cho đề tài cấp cơ sở của giảng viên và sinh viên, kinh phí đối ứng cho các đề tài/nhiệm vụ KHCN các cấp, ...).

- Loại hình sản phẩm khoa học - công nghệ mang tính ứng dụng thực tiễn và được chuyển giao hạn chế, thiếu sự gắn kết giữa nghiên cứu khoa học cơ bản và nghiên cứu triển khai ứng dụng;

- Hoạt động khoa học - công nghệ, công bố khoa học, số lượng công bố quốc tế chưa đồng đều giữa các khoa chuyên môn, trung tâm nghiên cứu và tập trung ở một số lượng cán bộ nhất định. Còn nhiều nhà khoa học trong trường chưa tích cực tham gia các hoạt động KHCN.

- Chưa hình thành được hệ thống các tổ chức nghiên cứu KHCN (Viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu) phù hợp với nhu cầu thực tế và điều kiện cụ thể của Nhà trường. Năm 2018 đã thành lập 3 nhóm nghiên cứu thuộc Trường (2 nhóm nghiên cứu mạnh). Bên cạnh đó có các nhóm nghiên cứu khác thành lập trong quá trình triển khai các nhiệm vụ KHCN các cấp. Tuy nhiên hoạt động của các nhóm nghiên cứu còn rất hạn chế, chưa phát huy được sức mạnh của nhóm nghiên cứu.

- Các phòng thí nghiệm TCNLNC đã được đầu tư nhưng hiệu quả sử dụng chưa cao; trong tình hình khó khăn chung của Nhà trường nên kinh phí dành cho bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa các thiết bị còn rất hạn chế. Hệ thống các PTN được sắp xếp hoạt động chủ yếu theo hướng phục vụ hoạt động đào tạo, chưa gắn kết sâu và phục vụ hiệu quả hoạt động KHCN, chưa gắn với các nhóm nghiên cứu khoa học.

- Chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học ngoài trường tham gia hợp tác nghiên cứu khoa học chưa đủ mạnh.

- Một số nhà khoa học trẻ có năng lực nghiên cứu tốt nhưng chưa đăng ký được đề

tài/nhiệm vụ KHCN, chưa có đủ điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính để thực hiện NCKH.

b. Khó khăn:

- Nguồn kinh phí từ NSNN cấp cho một số đề tài KHCN các cấp không đảm bảo theo kế hoạch thực hiện, do đó hầu hết các đề tài không chủ động theo kế hoạch, dẫn tới nhiều đề tài phải kéo dài thời gian thực hiện ngoài mong muốn.

- Do biến động tình hình trong và ngoài nước, một số ngành mũi nhọn, trọng tâm của Trường đào tạo phục vụ nhu cầu cho xã hội và lĩnh vực NCKH - triển khai công nghệ như: Dầu khí, Mỏ, Địa chất, Địa chất công trình, Trắc địa, ... đang có xu hướng bão hòa và giảm mạnh, đã ảnh hưởng nhiều đến nguồn thu của Trường.

- Cơ chế chính sách của nhà nước trong đầu thầu, tuyển chọn đề tài KHCN cấp quốc gia, KHCN cấp bộ, trong hồ sơ cần phải có vốn đối ứng cũng như đơn vị hỗ trợ và chuyển giao sản phẩm, một trong điểm khó của trường đại học khối kỹ thuật.

- Nguồn lực NCS đào tạo tại nước ngoài giảm mạnh, NCS trong nước khó tuyển sinh.

Nhìn chung, mặc dù hoạt động KHCN của Trường đã đạt nhiều thành tích đánh khích lệ nhưng vẫn chưa tương xứng với nhiệm vụ và tiềm lực KHCN. Trong giai đoạn vừa qua nhà trường không có sản phẩm sở hữu trí tuệ. Sản phẩm chuyển giao, ứng dụng tạo ra giá trị gia tăng còn rất hạn chế.

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN 5 NĂM 2021-2025
VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2021

I. MỤC TIÊU VÀ NHỮNG CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động khoa học công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực thế mạnh như khoa học Trái đất, Năng lượng, Tài nguyên, Môi trường hướng tới tầm nhìn trở thành Đại học đa ngành định hướng nghiên cứu, có uy tín trong nước và quốc tế vào năm 2030. Phần đầu đạt các mức chỉ tiêu quan trọng sau vào năm 2025:

- Tỷ trọng nguồn thu trung bình từ các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, chuyển giao so với tổng thu của Trường: 15%;
- Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus trong Trường: 190 bài;
- Tỷ lệ trung bình số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI, Scopus đối với mỗi giảng viên cơ hữu: 0.29 bài/GV/năm.

II. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

2.1. Định hướng ưu tiên trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ

Trên cơ sở các hướng ưu tiên trong khoa học công nghệ của Nhà nước, Bộ, Ngành, định hướng KHCN của các đơn vị và tiềm năng của đội ngũ cán bộ khoa học, Trường Đại học Mở - Địa chất xác định 6 định hướng ưu tiên trong NCKH và chuyển giao công nghệ, cụ thể:

1. *Nghiên cứu và phát triển nền tảng số trong khoa học trái đất, mỏ, tài nguyên thiên nhiên, môi trường, xây dựng, quản lý đô thị, kinh tế, tài chính - ngân hàng.*
2. *Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng phục vụ công tác qui hoạch lãnh thổ, điều tra và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.*
3. *Nghiên cứu phát triển, ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong quan trắc, giám sát, dự báo và ứng phó với các tai biến thiên nhiên nhằm quy hoạch phát triển kinh tế vùng miền thích ứng với biến đổi khí hậu.*
4. *Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ vật liệu mới, vật liệu tái tạo, công nghệ môi trường, công nghệ sinh học, công nghệ nano trong các lĩnh vực khoa học trái đất, mỏ, năng lượng, xây dựng và môi trường.*
5. *Nghiên cứu phát triển và khai thác các nguồn năng lượng mới, năng lượng xanh, năng lượng tái tạo thay thế cho năng lượng truyền thống.*
6. *Nghiên cứu phát triển, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ, thiết bị và hoàn thiện công tác quản trị, an toàn vệ sinh lao động trong lĩnh vực công nghiệp khai khoáng, năng lượng, dầu khí, xây dựng.*

2.2. Đổi mới phương thức tổ chức, quản lý hoạt động khoa học công nghệ

- Quy hoạch, phát triển các đơn vị khoa học công nghệ trong Nhà trường: thành lập nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh, Trung tâm nghiên cứu, Viện nghiên cứu.
- Tổ chức hoạt động khoa học công nghệ trong Nhà trường theo các đơn vị khoa học công nghệ (nhóm nghiên cứu/Trung tâm nghiên cứu/Viện nghiên cứu).
- Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý khoa học công nghệ hỗ trợ các đơn vị, cá nhân trong Nhà trường thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ.

- Đẩy mạnh hơn nữa tính tự chủ về tổ chức, hoạt động, tài chính của các tổ chức KHCN (Công ty, Trung tâm, Nhóm nghiên cứu).
- Tăng mức hỗ trợ cho các tác giả có công trình công bố quốc tế, sở hữu trí tuệ.
- Thành lập đội phản ứng nhanh trong hoạt động KHCN tiếp cận và giải quyết những vấn đề thời sự, cấp bách trong đời sống kinh tế - xã hội có liên quan đến các lĩnh vực nghiên cứu, triển khai ứng dụng KHCN của Nhà trường.
- Thành lập bộ phận chuyên trách hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ.
- Xây dựng hồ sơ năng lực của các tổ chức KHCN, đơn vị Khoa, Bộ môn và nhóm nghiên cứu trong Trường.

2.3. Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ

- Tái cấu trúc, sắp xếp lại hệ thống trang thiết bị tại các phòng thí nghiệm theo cơ cấu của đơn vị KHCN để nâng cao hiệu quả sử dụng.
- Đa dạng hóa nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất để nâng cao tiềm lực nghiên cứu khoa học.
- Hình thành Quỹ phát triển Khoa học công nghệ để tập trung nguồn lực tài chính hỗ trợ hoạt động KHCN.

2.4. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học

- Chú trọng đầu tư, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ khoa học thông qua các hình thức hoạt động của nhóm nghiên cứu.
- Xây dựng chính sách hiệu quả thu hút các nhà khoa học có trình độ cao bên ngoài Trường tham gia hợp tác nghiên cứu khoa học và đào tạo thông qua việc có cơ chế chính sách tài chính, cán bộ phù hợp.

2.5. Xây dựng, triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và chuyển giao kết quả

- Đa dạng hóa loại hình và nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.
- Gắn kết hoạt động của các nhóm nghiên cứu, tổ chức, nhà khoa học với định hướng phát triển, thực hiện nhiệm vụ KHCN của các cơ quan Bộ, ngành và địa phương theo hướng đẩy mạnh các đề tài nghiên cứu ứng dụng, triển khai công nghệ và chuyển giao sản phẩm.
- Tăng cường các hình thức tìm kiếm, khai thác nguồn đề tài/nhiệm vụ KHCN từ các cơ quan Bộ, ngành và địa phương.
- Khuyến khích, thúc đẩy đăng ký sở hữu trí tuệ trong hoạt động KHCN.

2.6. Gắn kết chặt giữa KHCN và đào tạo sau đại học

- Có chính sách thu hút tuyển sinh, hỗ trợ đào tạo Tiến sĩ, gắn kết với hoạt động KHCN và các nhóm nghiên cứu.
- Tận dụng có hiệu quả các chương trình tài trợ đào tạo tiến sĩ, sau tiến sĩ của VINIF, Quỹ Nafosted, chương trình hợp tác quốc tế.

2.7. Đẩy mạnh công tác thông tin khoa học

- Đẩy mạnh các hình thức thông tin hoạt động, định hướng phát triển KHCN của các cơ quan Bộ, ngành, địa phương tới các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động KHCN trong Trường.
- Tăng cường công tác truyền thông các hoạt động khoa học công nghệ và kết quả nghiên cứu của Nhà trường;

- Nâng cao chất lượng tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất gia nhập hệ thống ACL, Scopus.
- Kết hợp với các đơn vị ngoài trường tổ chức hội thảo, hội nghị KHCN tại địa phương, cơ quan, doanh nghiệp.
- Nâng cấp cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học công nghệ.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2021

3.1. Định hướng hoạt động KHCN năm 2021

Năm 2021, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường tiếp tục bám sát định hướng hoạt động KHCN được nêu trong kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2021-2025 của Nhà trường, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Đẩy mạnh việc xây dựng nguồn nhân lực KHCN có trình độ cao, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu trong các lĩnh vực chủ đạo của Nhà trường trong thời gian tới để đáp ứng yêu cầu thực tế và hội nhập quốc tế;
- Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu để hình thành và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thuộc thể mạnh của nhà trường, đặc biệt chú trọng phát triển các nhóm nghiên cứu liên ngành;
- Xây dựng chế độ, chính sách tăng cường hỗ trợ hoạt động của các nhóm nghiên cứu, hoạt động của các phòng thí nghiệm;
- Nâng cao vai trò, trách nhiệm nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH của giảng viên trẻ và của sinh viên;
- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả đề tài NCKH các cấp;
- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các chương trình, đề tài KHCN lớn cấp nhà nước, mang tính liên ngành để tập hợp đông đảo các nhà khoa học trong trường cùng giải quyết về các lĩnh vực mang tính chất chuyên ngành Khoa học Trái đất - Mỏ, đặc biệt là thích ứng với cuộc cách mạng khoa học công nghiệp lần thứ 4.
- Tích cực tham gia vào các chương trình KHCN trọng điểm của Nhà nước, Bộ, Ngành (chương trình KC, 562, ...);
- Xây dựng các đề tài NCCB trong KHTN và NCCB định hướng ứng dụng do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí; đề tài do Quỹ đổi mới sáng tạo (VINIF) thuộc Tập đoàn VINGROUP tài trợ.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về lĩnh vực khoa học trái đất và mỏ của các nhà khoa học;
- Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế trong hoạt động KHCN nhất là NCKH - chuyển giao công nghệ;
- Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường;
- Tổ chức các đợt tập huấn kỹ năng xây dựng đề xuất, viết thuyết minh đề tài NCKH và viết bài báo khoa học cho cán bộ trẻ.
- Đầu tư các dự án khởi nghiệp về KHCN do sinh viên thực hiện;
- Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động thông tin KHCN, tăng cường quảng bá, truyền thông về hoạt động khoa học công nghệ.
- Nâng cao năng lực quản lý và hỗ trợ hoạt động KHCN.

3.2. Nhiệm vụ cụ thể hoạt động KHCN năm 2021

3.2.1. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia:

- Tiếp tục xây dựng đề tài NCCB trong KHTN do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí;
- Tiếp tục thực hiện 22 đề tài, nhiệm vụ cấp Quốc gia, gồm:
 - + 01 đề tài thuộc các chương trình KHCN trọng điểm cấp quốc gia, sẽ kết thúc quý II/2021.
 - + 04 nhiệm vụ KHCN do Bộ Công Thương quản lý.
 - + 17 đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên do Quỹ Nafosted tài trợ.
- Hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài: Tiếp tục xây dựng các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, hợp tác song phương với các nước: Đức, Pháp, Ba Lan, Hàn Quốc, Đài Loan, ...
- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai các đề tài do Bộ KHCN, Bộ Công thương giao chủ trì thực hiện từ năm 2021.

3.2.2. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp bộ:
- Xây dựng thuyết minh đề tài cấp bộ năm 2022;
 - Tiếp tục thực hiện và nghiệm thu Chương trình KHCN cấp bộ năm 2019;
 - Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ Hợp tác quốc tế song phương về KHCN cấp bộ;
 - Tiếp tục triển khai thực hiện và nghiệm thu kết thúc 16 đề tài cấp bộ chuyển tiếp từ 2020;
 - Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 14 đề tài giao thực hiện 2021;
 - Tiếp tục thực hiện Dự án nâng cấp Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất để được gia nhập Hệ thống trích dẫn Đông Nam Á - ACI.

3.2.3. Các nhiệm vụ NCKH - ứng dụng, triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp

- Xây dựng các đề xuất và thuyết minh đề tài cấp tỉnh/thành phố, doanh nghiệp;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ NCKH - ứng dụng, triển khai công nghệ phục vụ các địa phương.

3.2.4. Các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở

- Tiếp tục thực hiện và nghiệm thu 49 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở giao năm 2020 và 40 đề tài giao thực hiện từ năm 2021;
- Tiếp tục thực hiện 169 đề tài sinh viên NCKH;

3.2.5. Các nhiệm vụ KHCN khác

- Tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 34 (5/2021) và biên tập, xuất bản tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2021;
- Tổ chức hội nghị khoa học Viet-Pol;
- Tổ chức các hội thảo khoa học, hội thảo chuyên đề của các Khoa, Bộ môn nhân dịp kỷ niệm 55 ngày thành lập Trường;
- Tổ chức các đội tuyển tham dự Olympic Quốc gia năm 2021;
- Tổ chức các hội đồng Tư vấn xác định danh mục, hội đồng Tư vấn xác định chủ trì đề tài các cấp năm 2022;
- Thúc đẩy, tăng cường công bố quốc tế, phấn đấu công bố trên 120 bài báo thuộc danh mục ISI năm 2021;
- Thực hiện các hoạt động KHCN khác.

3.2.6. Nhiệm vụ quản lý KHCN

- Thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của nhà trường;
- Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để hình thành và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thế mạnh của nhà trường, ít nhất mỗi khoa một nhóm;
- Thúc đẩy sản phẩm ứng dụng có khả năng thương mại hóa, đăng ký sở hữu trí tuệ.

KẾT LUẬN

Với những thành tích đã đạt được trong hoạt động KHCN giai đoạn 5 năm (2016-2020), Trường Đại học Mở - Địa chất đã thể hiện xứng đáng vai trò là một cơ quan khoa học đầu ngành trong cả nước về các lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Môi trường và các lĩnh vực liên quan. Hoạt động KHCN đã góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học, đồng thời góp phần nâng cao trình độ chuyên môn của các cán bộ khoa học trong Trường. Các kết quả NCKH, triển khai công nghệ của Trường Đại học Mở - Địa chất đã có nhiều đóng góp quan trọng phục vụ cho việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của trung ương và nhiều địa phương trong cả nước, phục vụ việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Hoạt động KHCN 5 năm qua (2016-2020) của Trường Đại học Mở - Địa chất đã đạt được nhiều kết quả, đóng góp một cách xứng đáng vào thành tích chung của Trường, khẳng định vai trò quan trọng của công tác NCKH và triển khai công nghệ trong việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

Kết quả này là thành quả của sự đoàn kết nhất trí cao của các nhà khoa học, là thành quả từ tinh thần trách nhiệm cao của mỗi cán bộ, viên chức, của các tổ chức nghiên cứu khoa học và quản lý trong Nhà trường dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Hội đồng trường và Ban Giám hiệu. Bên cạnh đó là chỉ đạo sát sao của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sự giúp đỡ nhiệt tình, hiệu quả của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, ... và các Ban, Ngành trung ương và các doanh nghiệp, địa phương trong cả nước.

Trong bối cảnh khoa học và công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ, với những thành quả hoạt động KHCN đã đạt được, Trường Đại học Mở - Địa chất đã đặt nhiều mục tiêu, nhiệm vụ KHCN phấn đấu thực hiện trong giai đoạn 2021-2025. Dưới sự chỉ sát sao của Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu nhà trường, với truyền thống đoàn kết của đội ngũ cán bộ viên chức trong toàn Trường, với vai trò, vị thế của trường đại học có bề dày lịch sử trên 55 năm xây dựng và phát triển, tin tưởng rằng Trường Đại học Mở - Địa chất sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ KHCN giai đoạn tới./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2023
VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2024

HÀ NỘI, THÁNG 4/2024

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	2
PHẦN THỨ NHẤT. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2023	3
I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	3
1.1. Kết quả thực hiện đề tài NCKH các cấp	3
1.2. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng và triển khai công nghệ	14
1.3. Các hoạt động khoa học và công nghệ khác.....	18
1.3.1. <i>Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ.....</i>	<i>18</i>
1.3.2. <i>Phát triển và hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh</i>	<i>18</i>
1.4. Hoạt động thông tin khoa học	25
1.5. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ	31
1.6. Hoạt động sở hữu trí tuệ.....	32
1.7. Các hội nghị, hội thảo khoa học	33
1.8. Giải thưởng/thành tích cao về KHCN.....	34
1.9. Công tác quản lý, thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ	35
II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2023	35
2.1. Những kết quả đạt được	35
2.2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.....	36
PHẦN THỨ HAI. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024.....	38
I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2024	38
II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2024	39
2.1. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia	39
2.2. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ.....	39
2.3. Các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp .	40
2.4. Các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở	40
2.5. Các nhiệm vụ KHCN khác	40
2.6. Nhiệm vụ quản lý KHCN	40
PHẦN PHỤ LỤC	42
Phụ lục 1a. Danh mục đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia (tính đến 31/3/2024)	43
Phụ lục 1b. Danh mục đề tài, nhiệm vụ NCCB do Quỹ Nafosted tài trợ (tính đến 20/3/2024)	50
Phụ lục 1c. Danh mục đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ và tương đương (tính đến 31/3/2024).....	55
Phụ lục 1d. Danh mục đề tài, nhiệm vụ cấp cơ sở (tính đến 31/3/2024)	97
Phụ lục 2. Danh mục các bài báo thuộc danh mục tạp chí quốc tế nằm trong hệ thống dữ liệu Web of Science (WoS) năm 2023	113
Phụ lục 3. Danh mục các bài báo thuộc hệ thống Scopus trong năm 2023	125
Phụ lục 4. Thống kê số lượng công bố quốc tế (WoS/Scopus) của từng cá nhân năm 2023 ..	137

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2023, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về Khoa học và Công nghệ (KHCN), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XX và Chương trình 03 Đảng ủy Nhà trường về Đẩy mạnh hoạt động khoa học - công nghệ và hợp tác quốc tế giai đoạn 2020-2025, trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ và giảng viên, hoạt động KHCN của Nhà trường tiếp tục đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên bên cạnh đó cũng bộc lộ một số hạn chế cần sớm khắc phục.

Báo cáo tổng kết hoạt động KHCN được thực hiện nhằm cung cấp các số liệu tổng thể, đánh giá kết quả hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ đã đạt được trong năm 2023; rút ra các bài học kinh nghiệm và khắc phục những tồn tại trong hoạt động KHCN của Trường, trên cơ sở đó đặt ra mục tiêu và kế hoạch thực hiện tốt nhiệm vụ KHCN cho năm 2024 bám sát Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XX và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2021-2025.

Báo cáo gồm 2 phần chính:

1. Kết quả hoạt động KHCN năm 2023;
2. Kế hoạch triển khai hoạt động KHCN năm 2024.

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2023

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1.1. Kết quả thực hiện đề tài NCKH các cấp

Hoạt động thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp trong năm 2023 của Trường đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Tổng cộng có 149 đề tài các cấp đã và đang được triển khai thực hiện trong năm 2023 (Bảng 1 đến Bảng 3 và Hình 1, Hình 2). Trong đó: Bảng 1 giới thiệu chi tiết số lượng đề tài/nhiệm vụ KHCN theo từng cấp, loại hình đề tài/nhiệm vụ; Bảng 2 so sánh số lượng đề tài/nhiệm vụ KHCN đã thực hiện trong 3 năm 2021, 2022 và 2023; Bảng 3 giới thiệu kết quả tổng hợp số lượng đề tài các cấp và kinh phí NSNN thực hiện năm 2023 (phân chia theo các Khoa). Thông tin chi tiết về từng đề tài thể hiện trong Phụ lục 1a đến Phụ lục 1d.

Đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia và cấp Bộ/tỉnh phân bố tương đối đồng đều ở các Khoa chuyên môn.

Bảng 1. Tổng hợp số lượng đề tài/nhiệm vụ KHCN các cấp thực hiện năm 2023

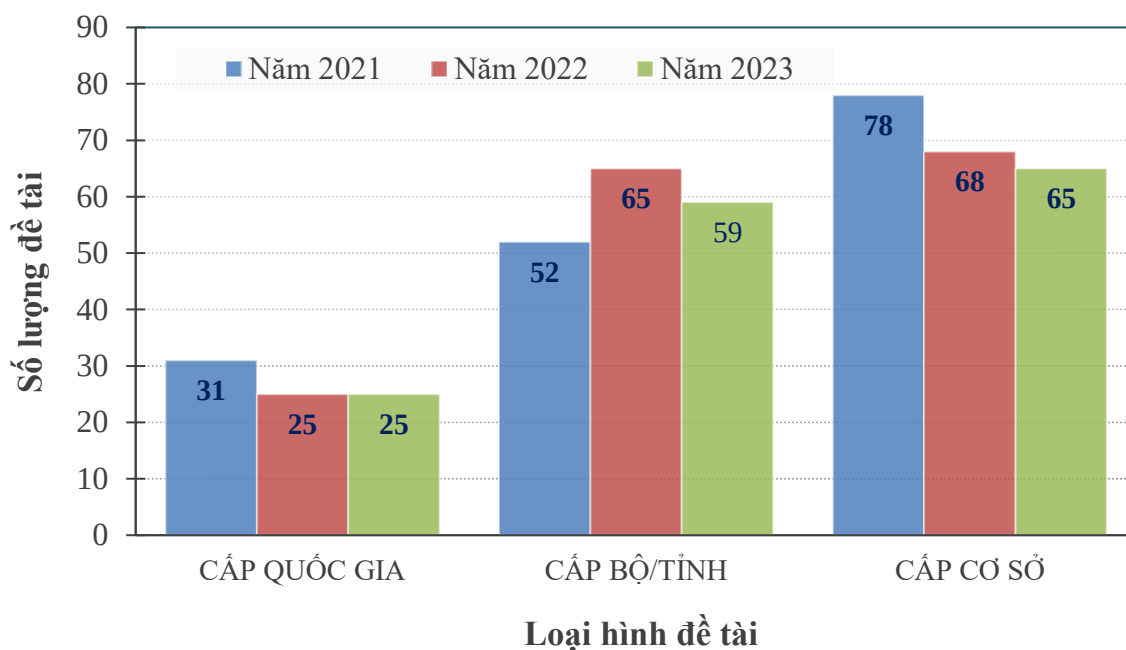
Loại đề tài	Số lượng đề tài	Kết quả thực hiện (nghiệm thu/đang thực hiện)
1. Cấp quốc gia	25	
1.1. Đề tài thuộc chương trình độc lập	04	- 04 đề tài đang thực hiện (PGS.TS Lương Quang Khang, PGS.TS Nguyễn Văn Lâm, TS Nguyễn Thị Linh, GS.TS Trương Xuân Luận)
1.2. Đề tài Bộ Công thương	06	- 04 đề tài đang thực hiện chuyển tiếp từ năm 2020, 01 đề tài chuyển tiếp từ năm 2021, đã nghiệm thu cấp quốc gia (PGS.TS Triệu Hùng Trường, PGS.TS Vũ Trung Tiến, PGS.TS Nguyễn Văn Xô, TS Nguyễn Văn Thịnh) - 02 đề tài triển khai mới từ năm 2023 (TS Nguyễn Hoàng Long, PGS.TS Bùi Thị Lệ Thủy)
1.3. Đề tài Quỹ Nafosted	15	- 05 đề tài đã nghiệm thu (TS Nguyễn Thành Dương, TS Nguyễn Hữu Hiệp, GS.TS Bùi Xuân Nam, TS Dương Văn Hào, PGS.TS Đỗ Ngọc Anh) - 04 đề tài quá hạn (PGS.TS Lê Văn Hưng, TS Hoàng Đình Quế, PGS.TS Ngô Xuân Thành, TS Vũ Văn Toàn,) - 04 đề tài đang thực hiện (TS Nguyễn Khắc Du, TS Bùi Vinh Hậu, TS Phí Mạnh Phong, PGS.TS Lê Đắc Tuyên) - 02 đề tài triển khai mới (PGS.TS Đỗ Ngọc Anh, TS Nguyễn Trường Tài)
2. Cấp Bộ/tỉnh	59	
2.1. Chương trình KHCN cấp Bộ GD&ĐT	02 Chương	- 01 Chương trình CT.2019.01 (gồm 07 đề tài, 01 nhiệm vụ quản lý, 04 đề tài đã nghiệm thu

Loại đề tài	Số lượng đề tài	Kết quả thực hiện (nghiệm thu/đang thực hiện)
	trình KHCN	năm 2022). Đã nghiệm thu tổng kết chương trình năm 2023. - 01 Chương trình CT.2022.01 (Trường Đại học Mở - Địa chất chủ trì thực hiện 03 đề tài và 01 nhiệm vụ quản lý) gia hạn thực hiện tháng 6/2024
2.2. Dự án nâng cấp Tạp chí	01	- Đã nghiệm thu cấp cơ sở
2.3. Đề tài KHCN cấp Bộ GD&ĐT	45	- 25 đề tài đã nghiệm thu cấp Bộ (2019: 5 đề tài, 2020: 01 đề tài, 2021: 14 đề tài, 2022: 05 đề tài) - 10 đề tài đang thực hiện đúng tiến độ - 10 đề tài gia hạn thực hiện đến tháng 6/2024
2.4. Đề tài KHCN Bộ Xây dựng	01	- 01 đề tài đang thực hiện
2.5. Đề tài KHCN cấp Tỉnh	02	- 01 đề tài đã nghiệm thu cấp Tỉnh - 01 đề tài đang thực hiện gia hạn đến tháng 8/2024
2.6. Bộ Tài nguyên Môi trường	02	- 02 đề tài đã nghiệm thu cấp Bộ
3. Đề tài/nhiệm vụ cấp cơ sở	65	45 đề tài thực hiện đã nghiệm thu và 09 đề tài xin gia hạn thêm thời gian thực hiện (06 tháng), 08 đề tài thực hiện đúng tiến độ - 02 đề tài quá hạn chưa nghiệm thu đề nghị thanh lý - 01 đề tài không hoàn thành đã được thanh lý

Bảng 2. So sánh số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện năm 2023 và các năm 2021, 2022

T T	Loại đề tài	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Tỉ lệ tăng/giảm năm 2023/2022 (%)	
		Số đề tài thực hiện	Kinh phí thực hiện (trđ)	Số đề tài thực hiện	Kinh phí thực hiện (trđ)	Số đề tài thực hiện	Kinh phí thực hiện (trđ)	Số đề tài thực hiện (%)	Kinh phí (%)
1	Đề tài cấp Quốc gia	31	14.028	25	15.547,9	25	21.193,215	-8.00	36,25
	Đề tài thuộc chương trình độc lập	8	3.370	4	8.135	4	8.570	0.00	5,35
	Đề tài Bộ Công thương	5	7.469	4	4.493	6	10.116,7	50.00	125,17
	Đề tài Quỹ Nafosted	18	3.189	17	2.919,9	15	2.506,450	-11,76	-14,16
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh:	52	13.587	62	14.018,3	59	10.016,325	-3.08	-14,56
	Chương trình KHCN cấp Bộ GD&ĐT	8	650	12	1.206	8	650	-14.29	-46,1
	Dự án nâng cấp tạp chí	1	1.000	1	500	1	0	0.00	-100,00

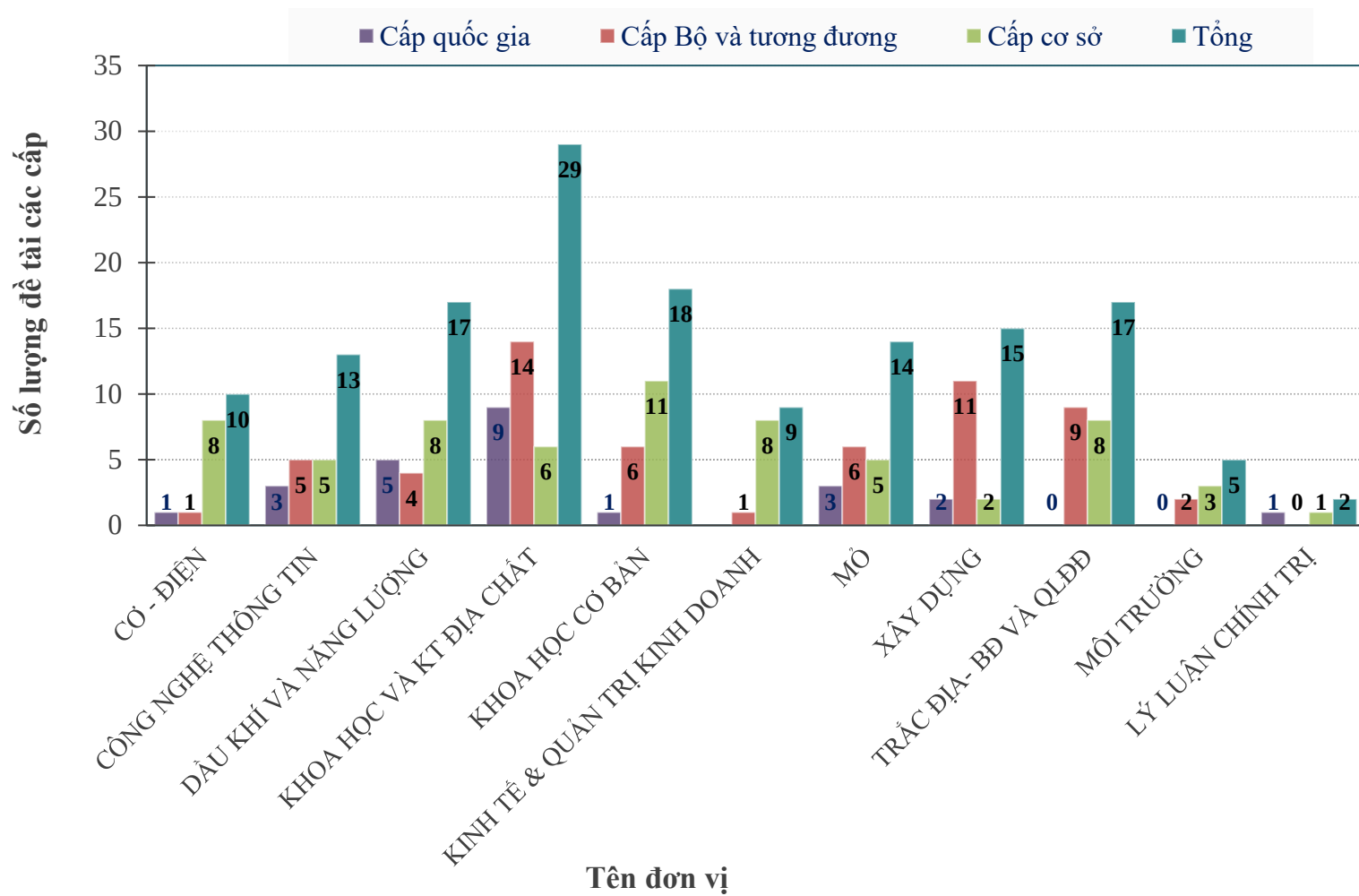
T T	Loại đề tài	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Tỉ lệ tăng/giảm năm 2023/2022 (%)	
		Số đề tài thực hiện	Kinh phí thực hiện (trđ)	Số đề tài thực hiện	Kinh phí thực hiện (trđ)	Số đề tài thực hiện	Kinh phí thực hiện (trđ)	Số đề tài thực hiện (%)	Kinh phí (%)
	Đề tài KHCN cấp Bộ GD&ĐT	37	6.807	41	7.868	45	6557	-16,66	-4,83
	Đề tài KHCN Bộ Xây dựng	2	570	3	280	1	235	-66,67	-16,07
	Đề tài Bộ Tài nguyên và Môi trường	1	1.800	3	2.817,86	2	2.074,325	-33,33	-26,38
	Đề tài KHCN cấp Tỉnh	2	1.560	2	1.346,55	2	500	0,00	-62,87
3	Đề tài/nhiệm vụ cấp cơ sở	78	2093	68	1980	65	1970	-4,41	-0,51



Hình 1. So sánh số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện năm 2023 và các năm 2022, 2021

Bảng 3. Tổng hợp số lượng đề tài các cấp và kinh phí thực hiện năm 2023 theo các Khoa

TT	Khoa	Nhiệm vụ cấp Quốc gia, Quỹ Nafosted (số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))		Nhiệm vụ cấp Bộ/Tỉnh (số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))				Đề tài NCKH cấp cơ sở (số lượng/tổng KP (trđ))
		Đề tài thuộc các chương trình KHCN quốc gia	NCCB trong KHTN, KHXH	Đề tài thuộc Chương trình KHCN	Đề tài, nhiệm vụ dự án KHCN Bộ GDĐT	Đề tài KHCN cấp Bộ khác Bộ GDĐT	Đề tài KHCN cấp Tỉnh	
1	Cơ - Điện	1/419			1/290			8/210
2	Công nghệ thông tin	2/5.020	1/0	2/0	3/355			5/240
3	Dầu khí và Năng lượng	3/8.254	2/50,8		3/315	1/848.275		8/265
4	Khoa học và KT Địa chất	2/4.250	7/1.041,7	6/650	7/807.5		1/500	6/155
5	Khoa học cơ bản		1/0		6/762			11/290
6	Kinh tế - QTKD				1/160			8/150
7	Lý luận Chính trị		1/293.4					1/15
8	Mỏ	2/744	1/158,8		6/905			5/220
9	Môi trường				2/260			3/55
10	Trắc địa- BĐ và QLĐĐ				7/805	1/1.226,238	1/0	8/285
11	Xây dựng		2/961,750		10/1897,5	1/235		2/85
12	Giáo dục quốc phòng							
Tổng cộng		10/18.687	15/2.506,450	8/650	46/6.557	3/2.309,325	2/500	65/1970



Hình 2. Tổng hợp số lượng đề tài NCKH các cấp của từng Khoa năm 2023

1.1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia

Năm 2023, Trường Đại học Mở - Địa chất thực hiện 25 nhiệm vụ cấp Quốc gia, gồm:

Đề tài độc lập khoa học công nghệ do Bộ KHCN quản lý

1) *Đề tài thuộc chương trình Độc lập KHCN* “Nghiên cứu công nghệ và chế tạo các vật liệu đa mao quản MSU/ZEOLITES từ nguyên liệu trong nước để xử lý một số hợp chất hữu cơ độc hại khó phân hủy chứa Clo (CL-POPS) trong môi trường nước, theo hướng không phát sinh ô nhiễm thứ cấp” mã số ĐTĐL.CN-32/21 do TS Nguyễn Thị Linh làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (10/2021-9/2024), tổng kinh phí 6,8 tỷ đồng. Đề tài đã triển khai năm thứ ba, hiện tại vẫn vướng mắc về mua sắm vật tư hóa chất dùng trong nghiên cứu dẫn đến chậm tiến độ theo kế hoạch đã được phê duyệt.

2) *Đề tài thuộc chương trình Độc lập KHCN* “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến xác định nguồn gốc, điều kiện thành tạo, quy luật phân bố và tiềm năng vàng ẩn sâu trong cấu trúc nếp lồi tây bắc Thanh Hóa” mã số ĐTĐL.CN-85/21 do GS.TS Trương Xuân Luận làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (10/2021-9/2024), tổng kinh phí 7,0 tỷ đồng. Đề tài triển khai năm thứ 3, đã triển khai thực địa, kết quả phân tích mẫu vẫn cần bổ sung để có thể công bố quốc tế dẫn tới đề tài chậm tiến độ so với kế hoạch được phê duyệt.

3) *Đề tài thuộc chương trình Độc lập KHCN* “Nghiên cứu xác định một số thông số đặc trưng cho quá trình dịch chuyển vật chất trong đới bão hòa và không bão hòa nước để dự báo xâm nhập của một số kim loại nặng từ nguồn ô nhiễm vào các tầng chứa nước có thành tạo bờ rời” mã số ĐTĐL.CN-86/21 do PGS.TS Nguyễn Văn Lâm làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (10/2021-9/2024), tổng kinh phí 5,9 tỷ đồng. Đề tài đã tổ chức khảo sát thực địa các vùng nghiên cứu và đã hoàn thành 04 nội dung nghiên cứu, cần đẩy nhanh tiến độ để đảm bảo kế hoạch đã được phê duyệt.

4) *Đề tài thuộc chương trình Độc lập KHCN* “Nghiên cứu xác lập mô hình nguồn gốc và quy luật phân bố một số khoáng sản nội sinh có triển vọng khu vực địa khối Kon Tum” mã số ĐTĐL.CN-112/21 do PGS.TS Lương Quang Khang làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (11/2021-10/2024), tổng kinh phí 7,54 tỷ đồng. Đề tài đã hoàn thành 02 nội dung nghiên cứu, bước đầu luận giải đặc điểm địa hóa nguyên tố vết nguyên tố chính các đá Paleozoi. Đề tài vẫn chưa thực hiện được kết quả phân tích mẫu đợt 2, tiến độ đề tài đang bị chậm so với kế hoạch được phê duyệt.

Đề tài thuộc chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công Thương quản lý

5) *Đề tài “Nghiên cứu lựa chọn và áp dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ đảm bảo an toàn, giảm thiểu rủi ro và tận thu tài nguyên khi khai thác phân trấu lượng than ở các khu vực dưới moong lộ thiên vùng Hòn Gai - Cẩm Phả”* mã số CNKK.149/20 do PGS.TS. Vũ Trung Tiến làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (01/2020-12/2021). Tổng kinh phí 5,31 tỷ đồng, trong đó NSNN: 4,21 tỷ đồng. Đề tài gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện do dịch bệnh Covid -19 dẫn tới việc lắp đặt thiết bị tại các mỏ và các nội dung liên quan đến thí nghiệm đo đạc tại thực tế bị chậm so với tiến độ đặt ra. Đề tài được gia hạn lần 1 đến tháng 9/2022 và gia hạn lần 2 đến tháng 3/2023. Đề tài đã được nghiệm thu cấp quốc gia, xếp loại “Đạt”.

6) *Đề tài “Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy cấp liệu rung có năng suất đến 550t/h dùng trong hệ thống sàng tuyển, vận chuyển than tại Việt Nam”* mã số CNKK.155/20

do PGS.TS Nguyễn Văn Xô làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (tháng 01/2020 -12/2021). Tổng kinh phí 7,19 tỷ đồng, trong đó NSNN: 5,75 tỷ đồng. Đề tài được Bộ Công Thương cho phép gia hạn thực hiện đến tháng 12/2022 do trong quá trình triển khai ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 nên các thủ tục liên quan đến đấu thầu bị chậm. Đến nay, đã hoàn thành việc mua phần mềm thiết kế Creo phục vụ thiết kế, đề tài đã hoàn thành các nội dung công việc và đang thử nghiệm tại mỏ Vàng Danh. Đề tài gia hạn lần 2 đến tháng 06/2023. Đề tài đã được nghiệm thu cấp Quốc gia theo đúng quy định, xếp loại "Đạt".

7) Đề tài "*Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống phun sương dập bụi trong lò chợ khai thác than hầm lò vùng Quảng Ninh*" mã số CNKK.148/20 do TS Nguyễn Văn Thịnh làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 24 tháng (tháng 01/2020 -12/2021). Tổng kinh phí 5,02 tỷ đồng, trong đó NSNN: 3,95 tỷ đồng. Đề tài được Bộ Công Thương phê duyệt gia hạn lần 1 thực hiện đến tháng 12/2022 và tiếp tục gia hạn lần 2 đến tháng 6/2023. Đề tài đã được nghiệm thu cấp Quốc gia theo đúng quy định, xếp loại "Đạt".

8) Đề tài "*Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ đánh giá phân tích, liên kết tài liệu địa chất, địa vật lý giếng khoan và số liệu khai thác để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác mỏ khí condensate Hải Thạch - Mộc Tinh Lô 05-2; 05-3, thuộc Biển Đông Việt Nam*" mã số 007.2021.CNKK.QG/HĐKHCH do PGS.TS Triệu Hùng Trường làm chủ nhiệm. Đề tài gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện do dịch bệnh Covid -19 dẫn tới việc thử nghiệm kết quả nghiên cứu bị kéo dài do vậy đề tài được gia hạn lần 1 đến tháng 6/2023. Đề tài đã được nghiệm thu cấp Quốc gia theo đúng quy định, xếp loại "Đạt".

1.1.2. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên do Quỹ Nafosted tài trợ

Năm 2023 Nhà trường tiếp tục chủ trì thực hiện 15 đề tài, trong đó có 02 đề tài mở mới thực hiện từ năm 2023 (01 đề tài hợp tác song phương, 01 đề tài NCCB), 04 đề tài quá hạn thực hiện, 04 đề tài đang thực hiện (xem Phụ lục 1b). 04 đề tài quá hạn liên quan tới thiếu công bố quốc tế trong danh mục tạp chí ISI uy tín và danh mục tạp chí quốc tế uy tín. Năm 2023, có 05 đề tài đã được Hội đồng Quỹ Nafosted nghiệm thu xếp loại Đạt.

1.1.3. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và tương đương

Năm 2023, Trường Đại học Mỏ - Địa chất chủ trì 02 Chương trình KHCN cấp Bộ và 51 đề tài/nhiệm vụ/dự án KHCN cấp Bộ và tương đương (xem Phụ lục 1c), trong đó:

- 08 đề tài/nhiệm vụ thuộc các Chương trình KHCN cấp Bộ thực hiện;
- 45 đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ (thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- 01 Dự án nâng cấp Tạp chí;
- 01 đề tài KHCN cấp Bộ (Bộ Xây dựng);
- 02 đề tài KHCN cấp Bộ (Bộ Tài nguyên và Môi trường);
- 02 đề tài Tỉnh/Thành.

Tình hình thực hiện các đề tài cụ thể như sau:

a. Chương trình KHCN cấp Bộ

Chương trình KHCN mã số CT2019.01 "*Nghiên cứu cơ sở lý luận thực tiễn, đánh giá thực trạng sử dụng đất và đề xuất hệ thống các giải pháp công nghệ IoT dự báo, giám sát nhằm sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả, bền vững thích ứng với biến đổi khí*

hậu và các dạng tai biến thiên nhiên khu vực miền núi phía Bắc” do PGS.TS Nguyễn Văn Lâm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 2019-2021, với tổng kinh phí thực hiện 5.700 triệu đồng (NSNN: 4.750 tr.đ, nguồn khác: 950 tr.đ).

Chương trình gồm 07 đề tài và 01 nhiệm vụ quản lý. Kết quả nghiên cứu của các đề tài đã công bố 05 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, 10 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước, 14 bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị, hội thảo, xuất bản 04 sách hướng dẫn/chuyên khảo, đào tạo thành công 09 ThS và hỗ trợ đào tạo 04 NCS, các sản phẩm ứng dụng đã được hội đồng nghiệm thu. Các đề tài/nhiệm vụ thuộc Chương trình đã được nghiệm thu cấp Bộ và được đánh giá đáp ứng yêu cầu chuyên môn đặt ra. Chương trình đã được nghiệm thu, tổng kết.

Chương trình KHCN mã số CT.2022.01 “*Nghiên cứu các yếu tố tác động tới sự biến đổi dòng chảy, đới bờ khu vực Tây Nam Bộ và tai biến thiên nhiên liên quan, đề xuất giải pháp phòng tránh, giảm thiểu*” do PGS.TS Bùi Hoàng Bắc chủ nhiệm (gồm 07 đề tài và 01 nhiệm vụ quản lý) là chương trình có sự phối hợp của 3 trường đại học kỹ thuật (Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Trường Đại học Giao thông vận tải và Trường Đại học Xây dựng Hà Nội) do Trường Đại học Mỏ - Địa chất là tổ chức chủ trì chương trình thực hiện từ tháng 1/2022 đến tháng 12/2023, với tổng kinh phí 4.990trđ (NSNN: 4.690trđ, nguồn khác: 300trđ). Trong đó NSNN cấp năm 2023 là 1.595trđ. Các đề tài thuộc Chương trình cần khẩn trương đẩy nhanh kế hoạch thực hiện. Một số đề tài hiện đang chưa công bố được bài báo khoa học quốc tế.

Các đề tài/nhiệm vụ thuộc Chương trình được Bộ gia hạn thực hiện đến tháng 6/2024.

b. Đề tài KHCN cấp Bộ và tương đương

Năm 2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thực hiện 25 đề tài với tổng kinh phí được cấp 6.557 tr.đ trong đó có 10 đề tài mới thực hiện từ năm 2023 và 15 đề tài chuyển tiếp năm 2022, bên cạnh đó tiếp tục thực hiện 11 đề tài chuyển tiếp trước năm 2021 chuyển sang không còn kinh phí. Năm 2023, kết quả nghiệm thu: đã có 25 đề tài được nghiệm thu cấp Bộ (01 đề tài xếp loại xuất sắc và 24 đề tài xếp loại đạt). Nhà trường đã giải quyết dứt điểm các đề tài tồn đọng từ năm 2019, 2020 và 2021.

Song song với các đề tài từ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Xây dựng đã giao cho Trường chủ trì thực hiện 01 đề tài KHCN cấp Bộ thực hiện từ năm 2022 với kinh phí 750 tr.đ. Bộ Tài nguyên và Môi trường giao thực hiện 02 nhiệm vụ với tổng kinh phí 2.074,325 trđ. 02 nhiệm vụ do Bộ Tài nguyên và Môi trường giao chủ trì thực hiện đã được nghiệm thu đúng hạn, đánh giá xếp loại Đạt với kết quả công bố 03 bài báo thuộc danh mục WoS, 01 bài báo thuộc danh mục Scopus, 02 bài báo trên tạp chí trong nước, 03 báo cáo hội nghị hội thảo trong và ngoài nước; 03 sách chuyên khảo/tham khảo, hỗ trợ đào tạo 01 NCS, đào tạo được 03 thạc sỹ, 01 đăng ký sở hữu trí tuệ được chấp nhận đơn.

Bên cạnh đó, 02 đề tài cấp Tỉnh/Thành phố phục vụ nhu cầu phát triển địa phương cũng được triển khai thực hiện đúng tiến độ, trong đó có 01 đề tài được nghiệm thu cấp Tỉnh xếp loại “Xuất sắc”, 01 đề tài đang thực hiện được gia hạn đến tháng 8/2024.

Đối với các đề tài cấp Bộ/Tỉnh được giao thực hiện năm 2023, các chủ nhiệm đề tài đã triển khai thực hiện ngay sau khi được phê duyệt. Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp Bộ và tương đương thực hiện trong năm 2023 đã công bố 29 bài báo thuộc danh mục WoS, 05 bài báo thuộc danh mục Scopus, 06 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế khác, 23 bài báo trên tạp chí trong nước, 15 báo cáo hội nghị hội thảo trong và ngoài nước; 03 sách chuyên khảo/tham khảo, hỗ trợ đào tạo 10 NCS, đào tạo được 24 thạc sỹ, 01 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học, 03 đăng ký sở hữu trí tuệ được chấp nhận đơn (Bảng 4). Sản phẩm ứng dụng đã đạt được: các quy trình công nghệ, vật liệu mới, bộ mẫu, bộ bản đồ, mô hình mô phỏng...

c. Dự án Nâng cấp Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất

Dự án nâng cấp Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất để được gia nhập hệ thống trích dẫn Đông Nam Á - ACI được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt thực hiện 36 tháng (từ tháng 01/2020-12/2022) với tổng kinh phí từ NSNN là 3.000 tr.đ. Một số kết quả nổi bật của dự án như: Nâng cấp hình thức tạp chí, hệ thống nộp và phản biện online; đăng ký chỉ số DOI của tạp chí và các bài báo; tham gia các cơ sở dữ liệu Google Scholar, Crossref, VN CitationGate, Vietnam Journals Online để từng bước hội nhập quốc tế. Dự án đã được nghiệm thu cấp cơ sở. Tuy nhiên do hệ thống trích dẫn ACI mới mở lại từ tháng 01/2024, Ban chủ nhiệm dự án đã nộp hồ sơ theo quy định và chờ phản hồi từ hệ thống trích dẫn Đông Nam Á.

1.1.4. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Trong năm 2023, Nhà trường đã phê duyệt cho phép thực hiện 44 đề tài cấp cơ sở và 21 đề tài năm 2021 và 2022 chuyển sang, với tổng kinh phí hỗ trợ 1970 tr.đ. Kết quả thực hiện đã có 45 đề tài được nghiệm thu (trong đó: 31 đề tài xếp loại tốt, 11 đề tài xếp loại khá, 03 đề tài xếp loại đạt, 08 đề tài xin gia hạn, 02 đề tài quá hạn không nghiệm thu đang làm thủ tục thanh lý và 01 đề tài không hoàn thành đã được thanh lý). Sản phẩm đạt được: công bố 16 bài báo danh mục tạp chí WoS/Scopus và tạp chí quốc tế khác; 41 bài báo khoa học trong nước; 10 báo cáo HNKH trong nước và quốc tế; hỗ trợ đào tạo 04 NCS, đào tạo 8 ThS, 11 KS, hỗ trợ 11 nhóm sinh viên NCKH; 49 sản phẩm ứng dụng (sơ đồ, quy trình, bản đồ, phần mềm, thiết bị, ...).

Nhà trường đã chú trọng đổi mới chất lượng đề tài từ khâu xây dựng thuyết minh, tổ chức thực hiện và đánh giá nghiệm thu kết quả đề tài NCKH cấp cơ sở. Các đề tài được ưu tiên thực hiện thuộc nhóm nghiên cứu/nghiên cứu mạnh, có sản phẩm công bố trong tạp chí WoS, có công bố bài báo trong nước (bắt buộc đăng trên tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất đối với các lĩnh vực khoa học trong phạm vi của Tạp chí), có sản phẩm ứng dụng, hoặc hỗ trợ đào tạo sau đại học. Qua đó, chất lượng đề tài NCKH cấp cơ sở ngày càng được nâng lên.

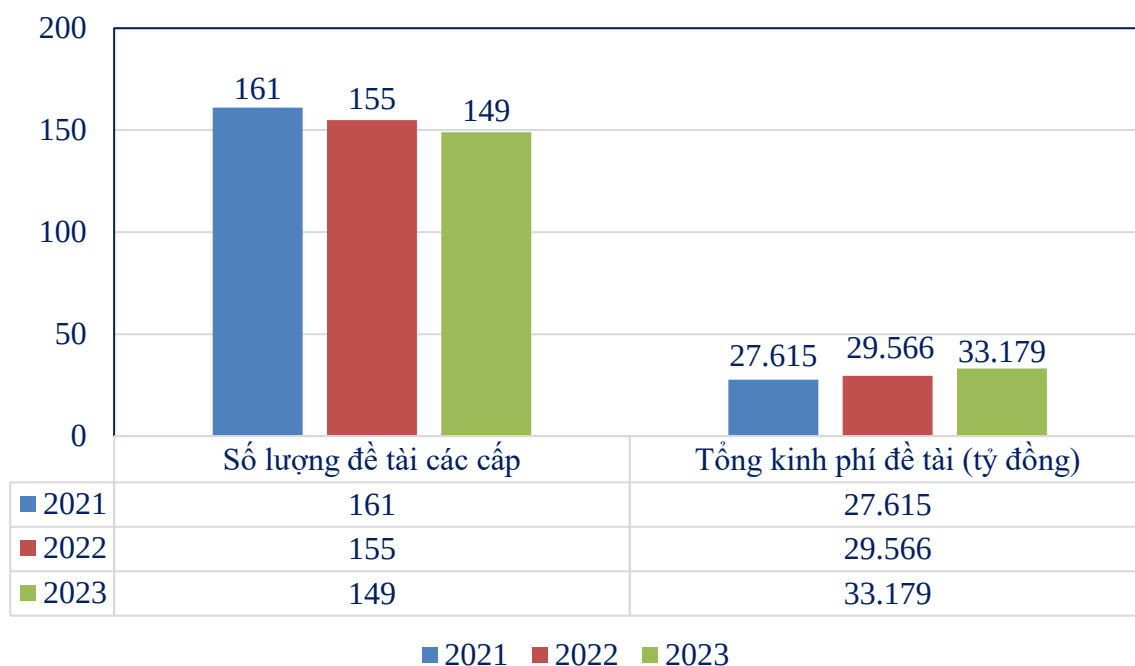
Trong thời gian tới, các đơn vị (khoa, bộ môn, nhóm nghiên cứu) cần quan tâm hơn nữa đến xây dựng mục tiêu, các định hướng chuyên môn trong nghiên cứu khoa học của đơn vị, gắn chặt với các đề xuất đề tài để đảm bảo hoàn thành được định hướng phát triển NCKH của đơn vị. Ngoài ra, các đơn vị cần tích cực hơn nữa trong kiểm tra, giám sát việc thực hiện thuyết minh đề tài của cán bộ chủ nhiệm đề tài, tránh tình trạng các đề tài quá hạn không nghiệm thu được.

1.1.5. Đánh giá chung

Đối với các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và cấp Nhà nước, với sự điều hành, chỉ đạo sát sao của Ban Giám hiệu và sự đôn đốc, nhắc nhở của các đơn vị chức năng, nhiều đề tài tồn đọng từ những năm trước đã hoàn thành, tổng kết nghiệm thu cấp cơ sở và đang trình các cơ quan quản lý cấp trên để hoàn tất các thủ tục theo quy định. Một số

đề tài KHCN cấp Bộ GD&ĐT tồn đọng từ năm 2021, 2022 đã được các nhóm thực hiện đề tài tập trung thực hiện, đặc biệt là hoàn thành sản phẩm công bố quốc tế và đã được nghiệm thu.

Tổng số lượng đề tài các cấp năm 2023 giảm so với năm 2022 (149/155) nhưng tổng kinh phí đề tài các cấp năm 2023 tăng so với năm 2022 (33,179 tỷ/29,566 tỷ) (Hình 3). Các đề tài đã có nhiều đóng góp cho đào tạo, đặc biệt là đào tạo sau đại học, công bố quốc tế và sở hữu trí tuệ (xem Bảng 4).



Hình 3. Số lượng và kinh phí từ NSNN cấp cho các đề tài KHCN ký về Trường các năm 2021, 2022, 2023

Bảng 4. Danh mục các sản phẩm công bố, đào tạo, SHTT từ đề tài các cấp thực hiện trong năm 2023

Tên sản phẩm	Sản phẩm bài báo					Sách chuyên khảo	Sản phẩm đào tạo				Sở hữu trí tuệ
	WoS	ESCI/Scopus	Quốc tế khác	Tạp chí trong nước	Hội nghị/hội thảo		NCS	ThS	KS	SV NCKH	
Đề tài cấp Quốc gia	1		2	9	5		1	8			4
Đề tài Quỹ Nafosted	1	2			1						
Cấp Bộ/tỉnh	29	5	6	23	15	3	10	24		1	3
Cấp cơ sở	2	7	7	41	10	0	4	8	11	11	0
Tổng	33	12	13	73	40	3	15	40	11	12	7

Về độ tuổi của chủ nhiệm đề tài (CNĐT) cấp Bộ và tương đương trở lên, trong tổng số 73 CNĐT đang thực hiện nhiệm vụ có 29 CNĐT dưới 40 tuổi (chiếm 39,2%), 37 CNĐT từ 40-50 tuổi (chiếm 50%) và 7 CNĐT có độ tuổi trên 50 (chiếm 9.5%). Đối với đề tài cấp cơ sở, trong tổng số 65 CNĐT hiện nay: có 34 CNĐT dưới 40 tuổi (chiếm

52,3%), 27 CNĐT trên 40 tuổi (chiếm 41,5%) và 4 CNĐT có độ tuổi trên 50 (chiếm 6,2%). Xét cho tất cả loại hình đề tài với 138 CNĐT (của 147 đề tài KHCN các cấp), có 63 CNĐT dưới 40 tuổi (chiếm 46%) và 64 CNĐT từ 40 đến dưới 50 tuổi (chiếm 46,3%), có 11 CNĐT có độ tuổi trên 50 (chiếm 7,9%) (Bảng 5).

Trong năm 2023, nhiều cá nhân, đơn vị trong Nhà trường đã có sự chủ động, tích cực trong tìm kiếm, mạnh dạn đề xuất đề tài KHCN ở các cấp, các cơ quan tổ chức, đặc biệt là đề tài Bộ KHCN, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường. Điều này góp phần duy trì số lượng đề tài KHCN cấp Bộ và tương đương trở lên gần xấp xỉ năm 2022.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong năm qua vẫn còn có những đề tài/nhiệm vụ KHCN chưa hoàn thành, làm ảnh hưởng đến thành tích chung và uy tín của nhà trường (chi tiết xem Phụ lục 1a đến Phụ lục 1d). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng kéo dài, nhưng một số nguyên nhân chính đó là:

- Do đặc thù trong nghiên cứu của một số chuyên ngành, nhiều sản phẩm bản đồ, công bố khoa học liên quan đến chủ quyền quốc gia cũng gây khó khăn trong việc công bố công trình khoa học dẫn đến đề tài chậm tiến độ nghiên cứu.

Bảng 5. Độ tuổi chủ nhiệm đề tài các cấp

Năm thực hiện	Đề tài cấp Bộ và tương đương trở lên (người/phần trăm)				Đề tài cơ sở (người/phần trăm)				Chung các loại đề tài (người/phần trăm)			
	Số CNĐT	< 40	40-50	> 50	Số CNĐT	< 40	40-50	> 50	Số CNĐT	< 40	40-50	> 50
2020									127	61 (48)	66 (52)	
2021	83	20 (24)	51 (61,5)	12 (14,5)	78	55 (70,5)	23 (29,5)		161	75 (47)	86 (53)	
2022	78	28 (35,9)	43 (55,1)	7 (7,7)	68	39 (57)	25 (37)	4 (6)	146	67 (45,2)	68 (46,6)	11 (6,8)
2023	73	29 (39,2)	37 (50)	7 (35,9)	65	34 (52,3)	27 (41,5)	4 (6,2)	138	63 (46)	64 (46,3)	11 (7,9)

- Một số chủ nhiệm đề tài nhận thức không đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện đề tài dẫn đến đề tài không hoàn thành đúng tiến độ;

- Chủ nhiệm đề tài kiêm nhiệm công tác quản lý (Khoa, Bộ môn, Phòng) cho nên không dành đủ thời gian cần thiết cho việc thực hiện đề tài;

- Một số đề tài chưa hoàn thành số lượng công trình công bố quốc tế, sản phẩm đào tạo theo đăng ký trong thuyết minh nên chưa thể hoàn tất việc nghiệm thu thanh lý đề tài.

- Công tác quản lý, kiểm tra, đôn đốc quá trình thực hiện đề tài của một số Khoa, Bộ môn chưa thực sự sát sao.

- Bên cạnh đó, các đề tài liên quan đến thủ tục đấu thầu vật tư, hóa chất cũng gặp nhiều khó khăn dẫn đến tình trạng chậm tiến độ. Các đề tài chủ yếu phụ thuộc vào nguồn ngân sách Nhà nước cấp không chủ động được các nội dung theo đúng tiến độ.

1.2. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng và triển khai công nghệ

Hoạt động NCKH ứng dụng và triển khai công nghệ tập trung chủ yếu thông qua Hợp đồng nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ được ký kết trực tiếp về các Trung tâm, Công ty thuộc Trường.

1.2.1. Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO

Năm 2023, hoạt động của các Trung tâm, Công ty của Trường vẫn tiếp tục khẳng định tốt vai trò làm chủ trong công tác NCKH - triển khai công nghệ và đào tạo của đơn vị mình. Kết quả hoạt động của 08 trung tâm nghiên cứu và công ty CODECO được trình bày trong Bảng 6 và Bảng 7, Hình 4 và Hình 5.

1.2.2. Đánh giá chung

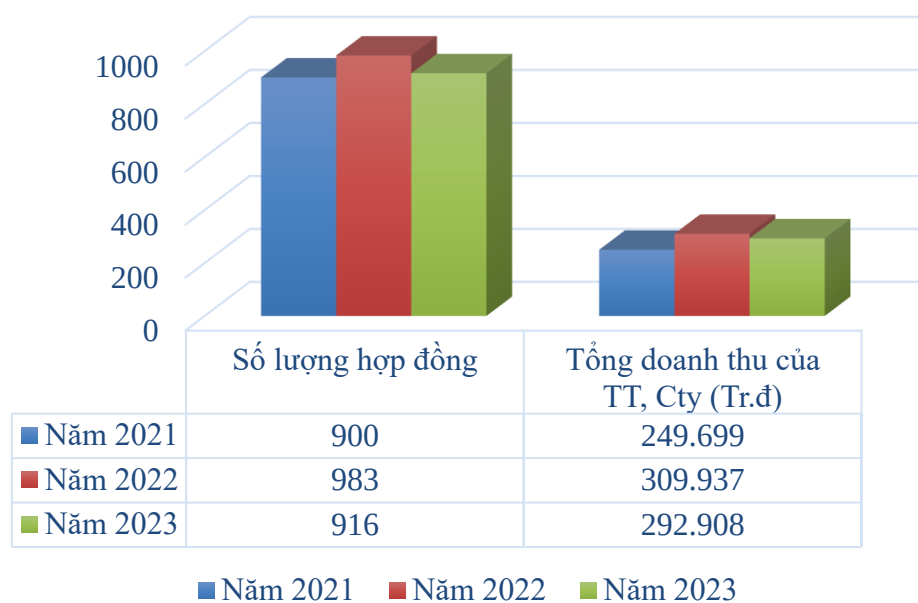
Kết quả hoạt động KHCN của công ty, các trung tâm nghiên cứu đã góp phần đưa các ứng dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực thăm dò - khai thác khoáng sản, trắc địa - bản đồ, quản lý tài nguyên và môi trường, công nghệ thông tin phục vụ kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp tạo tiền đề cho công tác quy hoạch, hoạch định chính sách về khai thác, quản lý tài nguyên khoáng sản và đất đai, bảo vệ môi trường,... ở các địa phương và doanh nghiệp.

Bảng 6. Đối sánh kết quả hoạt động NCKH - triển khai công nghệ của các trung tâm và công ty CODECO giai đoạn 2020-2023

TT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tỉ lệ tăng/giảm 2023/2022 (%)
1	Số lượng hợp đồng	882	900	983	916	-6.82
2	Tổng doanh thu của TT, Cty (Tr.đ)	223.404	249.699	309.937	292.908	-5.49
3	Số tiền đóng góp về Trường (Tr.đ)	3.351	3.745	4.649	4.393	-5.51
4	Số tiền thuế đã nộp (Tr.đ)	16.415	18.356	20.314	18.199	-10.41

Trung tâm đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ chính là nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Một số trung tâm đã tích cực tìm kiếm, triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KHCN từ các Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Tỉnh/Thành, ... như trung tâm Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật, trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mô, Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật.

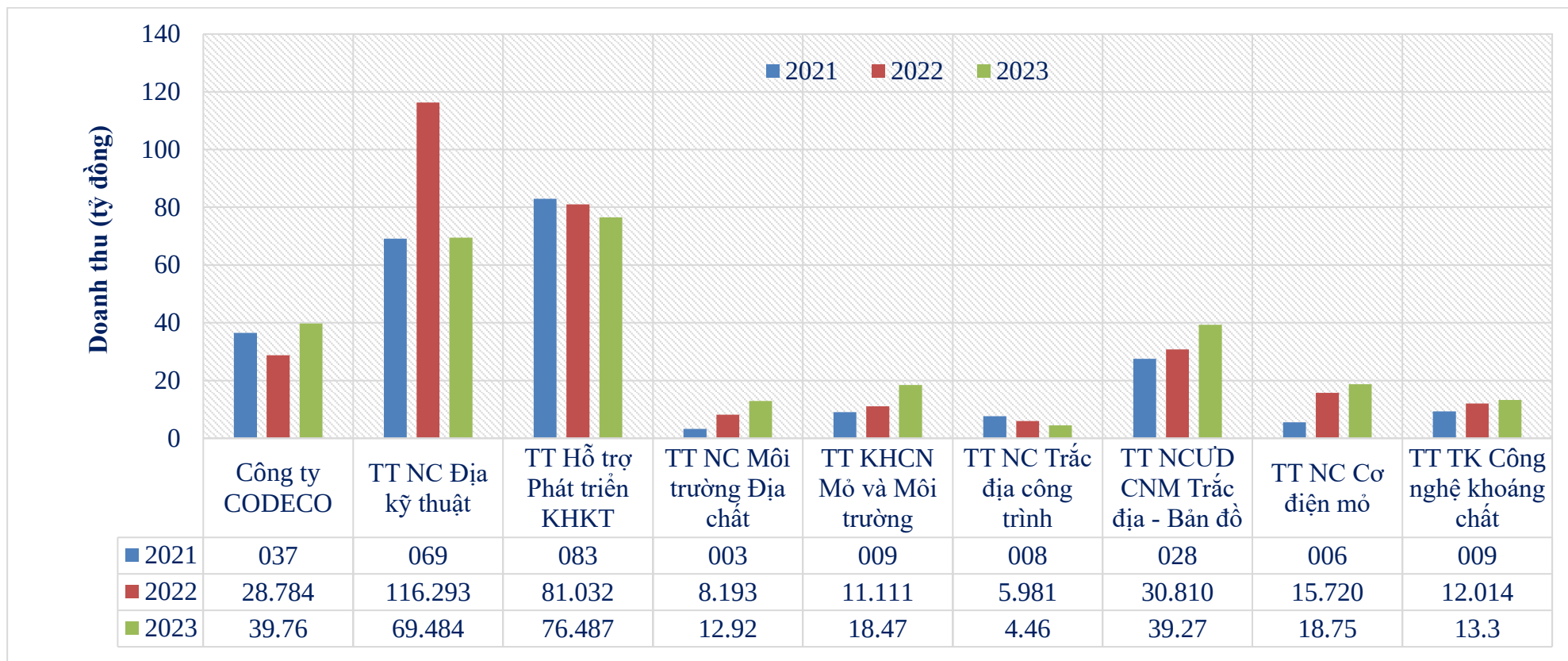
Các trung tâm nghiên cứu và công ty Codeco đã đóng góp cho nhà trường một nguồn thu đáng kể từ hoạt động khoa học và công nghệ và dịch vụ khoa học và công nghệ. Hai đơn vị có doanh thu và qua đó là đóng góp vào nguồn thu nhiều nhất Trường là Trung tâm Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật, Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật (xem Bảng 7).



Hình 4. Kết quả hoạt động của Công ty, Trung tâm các năm 2021, 2022 và 2023

Bảng 7. Tổng hợp số liệu hoạt động KHCN của các Trung tâm nghiên cứu, công ty Codeco năm 2023*(theo số liệu của phòng Kế hoạch tài chính đến ngày 09/4/2024)*

TT	Trung tâm, Công ty	Số hợp đồng	Kinh phí chưa đóng góp về Trường đến năm 2022	Kinh phí thực hiện (đồng)		Kinh phí nghĩa vụ đóng góp về Trường (đồng)			Các loại thuế (đồng)
				Tổng	Đã quyết toán số kinh phí	Mức đóng góp 2023 (1,5%)	Đã nộp	Còn phải nộp	
1	Công ty CODECO	121		39.759.320.898	39.759.320.898	596.389.813	596.204.694	185.119	2.154.063.670
2	Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật	337		69.484.299.831	69.484.299.831	1.042.264.497	1.042.265.000		1.261.239.927
3	Trung tâm Hỗ trợ Phát triển KHKT	156		76.487.564.923	76.487.564.923	1.147.313.474	1.147.315.700	-2.226	8.209.689.603
4	Trung tâm nghiên cứu Môi trường Địa chất	19		12.922.561.748	12.922.561.748	193.838.426	193.840.000	-1.574	1.172.931.378
5	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường	79	480.946.395	18.473.711.630	18.473.711.630	277.105.674		758.052.070	303.760.106
6	Trung tâm nghiên cứu Trắc địa công trình	12		4.462.178.767	4.462.178.767	66.932.682	66.000.000	932.682	1.126.631.288
7	Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ	68		39.270.004.742	39.270.004.742	589.050.071	589.050.000		3.445.943.766
8	Trung tâm nghiên cứu Cơ điện mỏ	47		18.750.701.789	18.750.701.789	281.260.527		281.260.527	3.498.543.766
9	Trung tâm triển khai Công nghệ khoáng chất	77		13.297.755.155	13.297.755.155	199.466.327	199.466.327		472.600.000
	Tổng cộng	916	480.946.395	292.908.099.483	292.908.099.483	4.393.621.491	3.834.141.721	1.040.430.398	21.645.403.504



Hình 5. Biểu đồ Tổng doanh thu của các Công ty, Trung tâm năm 2021, 2022, 2023

1.3. Các hoạt động khoa học và công nghệ khác

1.3.1. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Trong năm 2023, Nhà trường đang triển khai thực hiện đầu tư nâng cấp một số Phòng thí nghiệm từ nguồn ngân sách của Trường với tổng kinh phí dự kiến 839 trđ trong đó gồm 684.trđ mua trang thiết bị, 01 trđ mua vật tư hóa chất và 154 trđ cho sửa chữa phòng thí nghiệm

Đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao của Trường tiếp tục giữ vững về cả số lượng và chất lượng. Tính đến tháng 4/2024 nhà trường có 524 giảng viên, trong đó có 01 GS.TSKH, 01 GS.TS, 58 PGS.TS, 215 TS, 238 ThS và 11 KS/CN (Bảng 8). Số giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên là 275 người (chiếm 52,5% tổng số cán bộ giảng dạy). Nhiều nhà khoa học trong Trường có năng lực nghiên cứu và công bố quốc tế rất tốt, có khả năng dẫn dắt và đóng vai trò nòng cốt để có thể hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh.

Bảng 8. Thống kê số lượng giảng viên trong trường theo đơn vị Khoa
(tính đến thời điểm 12/2023)

TT	Khoa	Tổng số giảng viên trong Khoa	Học hàm/Học vị					Tỷ lệ GV TS trở lên (%)
			GS.TS	PGS.TS	TS	ThS	KS	
1	Cơ - Điện	50		7	16	25	2	46.0
2	Công nghệ thông tin	57		3	14	39	1	29.8
3	Dầu khí và năng lượng	50		8	26	15	1	68.0
4	KH và KT Địa chất	60	1	6	27	23	4	56.7
5	Khoa học cơ bản	73		2	27	43		40.3
6	Kinh tế và QTKD	42		3	19	19	1	52.4
7	Giáo dục quốc phòng	8				6	2	0.0
8	Lý luận chính trị	15			6	9		40.0
9	Mỏ	41		7	20	14		65.9
10	Môi trường	30		2	15	13		56.7
11	TĐ, BD và QLĐĐ	68	1	11	29	28		59.4
12	Xây dựng	30		9	16	5		83.3
	Tổng cộng	524	2	58	215	238	11	52.5

1.3.2. Phát triển và hoạt động của nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh

Năm 2023 Nhà trường đã ra quyết định thành lập thêm 04 nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh bao gồm:

- Nhóm nghiên cứu “Công nghệ Địa tin học trong Khoa học Trái đất (GTES)
- Nhóm nghiên cứu “Quản lý đất đai và Công nghệ địa chính phục vụ phát triển bền vững (LMCTSD)
- Nhóm nghiên cứu “Nhóm nghiên cứu liên ngành về Quản lý tài nguyên và môi trường (iNREM)

- Nhóm nghiên cứu mạnh “Máy và Thiết bị Công nghiệp (IMEC)

Tính đến thời điểm hiện nay, 21 nhóm nghiên cứu đã được thành lập trong đó có 07 nhóm nghiên cứu mạnh và 14 nhóm nghiên cứu khác. Trong năm 2023 giải thể 01 nhóm nghiên cứu và 01 nhóm nghiên cứu mạnh. Kết quả hoạt động của các Nhóm nghiên cứu được thể hiện trong Bảng 9.

Các thành viên của nhóm nghiên cứu/nghiên cứu mạnh đã tích cực tham gia viết bài cũng như tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đơn vị, tổ chức, nhà khoa học nước ngoài để cùng đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường. Trong năm 2023, thành viên của các nhóm nghiên cứu đã chủ trì/tham gia 56 đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ & tương đương trở lên, 36 đề tài cấp Cơ sở, 20 hợp đồng chuyển giao KHCN (ký về các Trung tâm), tác giả của 61 bài báo đăng trên tạp chí WoS (SCIE/SSCI/AHCI), 53 bài báo đăng trên tạp chí ESCI/Scopus, 9 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế khác, 103 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước, 39 bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế, 68 bài báo đăng trên kỷ yếu Hội nghị khoa học trong nước, đã xuất bản được 16 sách giáo trình, bài giảng, 01 sở hữu trí tuệ. Nhà trường đã thành lập hội đồng đánh giá xét chi hỗ trợ cho hoạt động năm 2023 của các nhóm nghiên cứu theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

Bảng 9. Bảng tổng hợp kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của các Nhóm nghiên cứu/Nhóm nghiên cứu mạnh năm 2023

TT	Tên nhóm	Trưởng nhóm	Đề tài KHCN, Hợp đồng chuyển giao KHCN	Sách/ Giáo trình/ Bài giảng	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục SCIE/SSCI/AHCI	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ESCI/Scopus	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế khác	Bài báo đăng trên tạp chí trong nước	Báo cáo đăng trên kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế	Báo cáo đăng trên kỷ yếu Hội nghị khoa học trong nước	Sản phẩm khác (bằng sáng chế/giải pháp hữu ích, ...)	Ghi chú
A	Nhóm nghiên cứu mạnh											
1.	Công nghệ thông tin và Ứng dụng trong các khoa học Trái đất - ITAES	GS.TS Trương Xuân Luận										Giải thể năm 2023
2.	Địa kỹ thuật, vật liệu và phát triển bền vững - GCMS	PGS.TS Trần Tuấn Minh	06	01	04			07	04	08		
3.	Những tiến bộ trong khai thác mỏ bền vững và có trách nhiệm - ISRM	TS Nguyễn Hoàng	3	2	4	12		2	1	3	1	
4.	Kiến tạo và Địa động lực với Tài nguyên Địa chất, Môi trường và Phát triển bền vững - TGREEN	GS.TS Trần Thanh Hải	12		14	4	1	4		1		
5.	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong Khoa học trái đất, Vật liệu và Môi trường - Hitech-CEAE	PGS.TS Bùi Hoàng Bắc	9		2	3	1	7	2			
6.	Nghiên cứu quá trình hóa học xanh - HUMG-GCP	PGS.TS Bùi Thị Lệ Thùy	3	1	2			4		3		
7.	Máy và Thiết bị Công nghiệp - IMEC	PGS.TS Triệu Hùng Trường	11	1	14	6	3	19	2	7		

TT	Tên nhóm	Trưởng nhóm	Đề tài KHCN, Hợp đồng chuyên giao KHCN	Sách/ Giáo trình/ Bài giảng	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục SCIE/SSCI/AHCI	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ESCI/Scopus	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế khác	Bài báo đăng trên tạp chí trong nước	Báo cáo đăng trên kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế	Báo cáo đăng trên kỷ yếu Hội nghị khoa học trong nước	Sản phẩm khác (bằng sáng chế/giải pháp hữu ích, ...)	Ghi chú
B	Nhóm nghiên cứu											
8.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Trắc địa - Bản đồ - AIG	PGS.TS Nguyễn Quang Minh										Giải thể năm 2023
9.	Phát triển bền vững khoa học công nghệ mỏ và môi trường - SDM	TS Nguyễn Cao Khải	06	02	02	08		06	01	02		
10.	Công nghệ tiên tiến trong chế biến khoáng sản và tái chế - Minpro	PGS.TS Nhữ Thị Kim Dung	06	01	01	01		02		10		
11.	Khoa học Cơ bản và Ứng dụng cho sự phát triển bền vững - BSASD	TS Công Tiên Dũng	07		03		03	03		05		
12.	Trắc địa cao cấp - môi trường - GAE	TS. Nguyễn Gia Trọng	7		1	2		4				
13.	Xử lý số liệu Trắc địa - Bản đồ - DPAG	GS.TSKH Hoàng Ngọc Hà	6	2	2	1		6	1	3		
14.	Nghiên cứu phát triển công nghệ quản lý và phân tích dữ liệu không gian địa lý - GMA	TS Đỗ Thị Phương Thảo	6	1	1			5	2	1		

TT	Tên nhóm	Trưởng nhóm	Đề tài KHCN, Hợp đồng chuyên giao KHCN	Sách/ Giáo trình/ Bài giảng	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục SCIE/SSCI/AHCI	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ESCI/Scopus	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế khác	Bài báo đăng trên tạp chí trong nước	Báo cáo đăng trên kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế	Báo cáo đăng trên kỷ yếu Hội nghị khoa học trong nước	Sản phẩm khác (bằng sáng chế/giải pháp hữu ích, ...)	Ghi chú
15.	Bể, địa tầng và quá trình trầm tích - BSSP	PGS.TS Lê Ngọc Ánh	5			2		6	5			
16.	Địa chất công trình và Địa môi trường - EEG	PGS.TS Bùi Trường Sơn	5	1		9	1	7	4	10		
17.	Nghiên cứu dầu khí tích hợp - IPR	TS Lê Quang Duyên	9		6			4	8	4		
18.	Nghiên cứu về vật liệu tiên tiến trong xúc tác và hấp thụ - AMCA	TS Nguyễn Thị Linh	3		2			1				
19.	Công nghệ Địa tin học trong Khoa học Trái đất - GTES	PGS.TS Nguyễn Văn Trung	7	3	1	3		7	2	7		
20.	Quản lý đất đai và Công nghệ địa chính phục vụ phát triển bền vững - LMCTSD	PGS.TS Nguyễn Quang Minh	1	1	2			3		4		
21.	Nhóm nghiên cứu liên ngành về Quản lý tài nguyên và môi trường - iNREM	TS Nguyễn Quốc Phi				2		6	7			
	Tổng		112	16	61	53	9	103	39	68	1	

1.3.3. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic

1.3.3.1. Nghiên cứu khoa học sinh viên

Hội nghị KHSV Trường lần thứ 36 đã được triển khai ở 23 tiểu ban chuyên môn với tổng số 183 đề tài được báo cáo. Sau khi Hội nghị kết thúc, Nhà trường đã trao 39 giải NCKH SV cấp Tiểu ban cho các đề tài NCKH SV, trong đó có 18 giải Nhất, 17 giải Nhì và 02 giải Ba và 03 đề tài NCKH SV đạt giải cấp Trường (xem Bảng 10).

Bảng 10. Đối sánh kết quả sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2023 và các năm 2022, 2021

T T	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tỉ lệ tăng/ giảm năm 2023/2022 (%)
1	Tổng số đề tài	164	167	183	8,74
2	Số sinh viên tham gia	601	608	659	7,74
3	Giải thưởng cấp Trường	34	37	37	-
	<i>Nhất</i>	19	18	18	-
	<i>Nhì</i>	12	17	17	-
	<i>Ba</i>	3	2	2	-
4	Giải thưởng NCKH sinh viên cấp Bộ	1	1	1	-
5	<i>Nhất</i>				
	<i>Nhì</i>		1	1	-
	<i>Ba</i>	1			
	Khuyến khích				

Chất lượng chuyên môn của các đề tài NCKH SV được đánh giá cao, kết quả thực hiện đề tài NCKH của sinh viên đã minh chứng cho kết quả học tập nghiên cứu và hình thành hướng đi trong NCKH của thế hệ trẻ trong tương lai. Trên cơ sở đánh giá chất lượng 04 công trình NCKH sinh viên tiêu biểu được đề xuất từ các Khoa, và căn cứ trên tiêu chí lựa chọn đề tài tham gia xét tặng giải thưởng "Khoa học công nghệ dành cho sinh viên" theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã lựa chọn 01 đề tài tham gia xét tặng Giải thưởng Khoa học công nghệ dành cho sinh viên năm 2023. Kết quả đề tài gửi tham dự đã đạt giải Nhì. Cũng trong năm 2023, Nhà trường đã chọn 02 công trình NCKH SV có chất lượng cao, có sản phẩm ứng dụng để gửi dự thi giải thưởng Sinh viên nghiên cứu khoa học Eureka lần thứ 25 do Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Kết quả đã có 01 đề tài đạt giải Nhì của cuộc thi và 01 đề tài đạt giải Khuyến khích.

Bên cạnh nguồn kinh phí được cấp là 2,6 triệu đồng/đề tài NCKH sinh viên lấy từ nguồn kinh phí của Nhà trường, nhiều Khoa và Bộ môn cũng đã chủ động bổ sung nguồn kinh phí từ quỹ hoạt động của Khoa và sự ủng hộ của các cán bộ giảng viên trong Nhà trường góp phần hỗ trợ cho các đề tài NCKH của sinh viên.

Trong triển khai hoạt động NCKH sinh viên năm học 2022-2023, bên cạnh 183 đề tài thông thường, Nhà trường đã triển khai thêm 5 đề tài NCKH sinh viên tiềm năng với mức kinh phí 15 triệu/đề tài.

1.3.3.2. Thi Olympic

Kỳ thi Olympic năm học 2022-2023 của Nhà trường được tổ chức vào ngày 19/3/2023 đã thu hút 805 sinh viên trong Trường tham gia dự thi. Ban Tổ chức kỳ thi đã chọn ra được những bài thi đạt điểm cao đề nghị Nhà trường khen thưởng. Ngày 08/6/2023 Hiệu trưởng trường Đại học Mở - Địa chất đã ra quyết định số 611/QĐ-MĐC về việc khen thưởng cho 235 sinh viên đạt giải tại kỳ thi Olympic cấp Trường năm học 2022-2023 gồm: 12 giải Nhất, 41 giải Nhì, 67 giải Ba và 115 giải Khuyến khích. Căn cứ kết quả thi Olympic cấp Trường, các Bộ môn đã lựa chọn và thành lập các đội tuyển tham dự kỳ thi Olympic cấp Quốc gia môn Toán, Lý, Hoá và các môn Cơ học. Đội tuyển Vật lý của Trường đã đạt thành tích xuất sắc tại kỳ thi Olympic Vật lý Sinh viên toàn quốc (SPhO) lần thứ XXV năm 2023 do Hội Vật lý Việt Nam phối hợp với Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN tổ chức từ ngày 30/11-3/12/2023 với 02 giải Nhất, 03 giải Ba cho các sinh viên tham dự và giành giải Nhất toàn đoàn. Sau thành tích xuất sắc đạt được trong kỳ thi Olympic Toán học cấp Quốc gia năm 2022, trong kỳ thi Olympic cấp Quốc gia môn Toán năm 2023 đội tuyển Toán học trường Đại học Mở - Địa chất được xếp cùng bảng thi với các Trường khối chuyên Toán. Đây là bước tiến rất lớn của giảng viên và sinh viên Trường Đại học Mở - Địa chất, ghi nhận những nỗ lực không ngừng phấn đấu của đội tuyển Olympic Toán học của Trường trong những năm vừa qua. Tuy nhiên, do lần đầu tham gia sân chơi dành cho các Trường khối chuyên, do vậy thành tích đạt được của đội tuyển còn rất khiêm tốn. Kết quả đội tuyển Toán đã đạt được 02 giải Khuyến khích. Cũng trong năm 2023, đội tuyển Hóa học tham gia kỳ thi Olympic cấp Quốc gia năm 2023 và đạt thành tích 3 giải Ba và 02 giải Khuyến khích, đội tuyển Cơ học đạt 02 giải Ba môn Cơ học kết cấu.

1.3.3.3. Đánh giá chung

Do yêu cầu về sản phẩm ứng dụng và công bố đối với các đề tài NCKH SV thực tham dự xét giải thưởng “Khoa học công nghệ dành cho sinh viên” ban hành theo Thông tư số 45/2020/TT-BGDĐT ngày 11/11/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nên có thể nhận thấy rằng số lượng các công trình sinh viên nghiên cứu khoa học chất lượng cao gửi tham gia “Giải thưởng KHCN dành cho sinh viên” do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức từ các Khoa còn rất khiêm tốn. Trong số 183 đề tài NCKH SV đã thực hiện trong năm học, Nhà trường chỉ chọn được 01 đề tài NCKH SV đủ điều kiện tham dự xét tặng Giải thưởng Khoa học công nghệ dành cho sinh viên của Bộ 2023. Nguyên nhân là do sinh viên thực hiện và cán bộ hướng dẫn ít có cơ hội được trao đổi và NCKH trực tiếp cùng nhau, đồng thời các nội dung nghiên cứu có liên quan đến thực hành bị hạn chế nhất định trong quá trình triển khai thực hiện nghiên cứu.

Trong thời gian tới, Nhà trường tiếp tục đầu tư và đẩy mạnh hơn nữa chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên, phấn đấu nâng cao chỉ tiêu hơn nữa số lượng giải thưởng “Khoa học công nghệ dành cho sinh viên” của Bộ Giáo dục và Đào tạo và tiếp tục thực hiện đề án “Hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” trên cơ sở tìm kiếm nguồn lực hỗ trợ từ các doanh nghiệp, Tập đoàn, Tổng Công ty trong và ngoài nước.

1.4. Hoạt động thông tin khoa học

1.4.1. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất

Tạp chí đã tạo được cơ sở dữ liệu với mạng lưới với hơn 300 chuyên gia uy tín thuộc các lĩnh vực chuyên ngành sẵn sàng phản biện cho các bài báo khoa học được gửi tới. Đơn vị chức năng đã chuẩn hóa được quy trình đăng bài trên tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất theo hướng hiện đại, hòa nhập quốc tế.

Trong năm 2023 đã biên tập và xuất bản 06 số Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất trong đó có 06 số thường kỳ (04 số tiếng Việt và 02 số tiếng Anh). Tổng số đã xuất bản 60 bài báo khoa học trong đó có 20 bài tiếng Anh.

Số lượng trích dẫn của tạp chí trong Google Scholar đạt 640, chỉ số H-index: 9, chỉ số i10-index: 9; tạp chí từng bước hoàn thiện theo hướng hội nhập quốc tế và đáp ứng các tiêu chí quan trọng của ACI. Đến nay, Tạp chí KHKT Mỏ-Địa chất đã được 6 Hội đồng Giáo sư Liên ngành/Ngành xem xét tính điểm cho công trình, với số điểm tối đa 1,0 và được đưa vào danh mục tạp chí trong nước có uy tín của Hội đồng Khoa học trái đất-Môi trường của Quỹ Nafosted.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn những hạn chế trong việc xuất bản tạp chí như chưa thu hút được các bài báo có chất lượng chuyên môn cao, tỉ lệ cán bộ trong trường viết bài cho tạp chí vẫn còn khiêm tốn.

Ban Biên tập Tạp chí sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng, cải tiến hình thức, tăng cường vai trò của thành viên Hội đồng Biên tập, từng bước tự chủ về tài chính và thương mại hóa tạp chí và hướng đến mục đích đưa Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất lọt vào danh mục tạp chí ACI.

1.4.2. Kết quả công bố khoa học

Từ hoạt động KHCN, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Từ năm 2021 đến hết năm 2023, Nhà trường đã có số bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong cơ sở dữ liệu trích dẫn Web of Science (WoS), lần lượt theo các năm là 185, 118 và 75; số bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục ESCI/Scopus lần lượt là 65, 50 và 74 (Bảng 11 và Hình 6). Như vậy so với năm 2022 thì số lượng các công trình khoa học công bố bởi các nhà khoa học trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong cơ sở dữ liệu trích dẫn WoS của trường Đại học Mỏ - Địa chất trong năm 2023 giảm đáng kể. Tỷ lệ số bài báo WoS/giảng viên trong năm 2023 chỉ là 0,14. Tỷ lệ này thấp hơn so với năm 2021 (0,35) và 2022 (0,22).

Thống kê các bài báo WoS năm 2023 cho thấy có 74/524 giảng viên toàn Trường (chiếm tỷ lệ 14,10%) tham gia công bố bài báo WoS; có 44/75 bài (chiếm tỷ lệ 58,67%) bài báo do các nhà khoa học trong Trường là tác giả chính, có 04 bài có tập thể tác giả hoàn toàn là người của Nhà trường (chiếm tỷ lệ 5,33%) và 61 bài (chiếm 81,33%) có sự kết hợp với các nhà khoa học trong nước và có 28 bài có sự tham gia của nhà khoa học nước ngoài (chiếm 37,33%). Trong số 75 bài báo WoS, có 05 bài có tác giả là cán bộ của Trường đang làm NCS ở nước ngoài; 23 bài báo là sản phẩm của các đề tài NCKH các cấp (trong và ngoài Trường) (chiếm 30,67% và giảm gần 50% so với năm 2022).

Các công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong cơ sở dữ liệu trích dẫn WoS tập trung ở cán bộ và giảng viên có độ tuổi dưới 50 (chiếm tỷ lệ 98,65%), cụ thể: từ 40-50 tuổi: 45/74 chiếm 60,81% số lượng tác giả và độ tuổi dưới 40 tuổi: 28/74 chiếm 37,84% số lượng tác giả (Bảng 12). Tỷ lệ các phó giáo sư và giáo sư là tác giả của các bài

báo WoS là 20/74 (chiếm 27,03% số lượng tác giả). Các bài báo chủ yếu tập trung ở một số khoa: Khoa học Cơ bản, Dầu khí và năng lượng, Xây dựng, Khoa học và Kỹ thuật địa chất. Tính theo tỉ lệ bài báo WoS/số cán bộ, khoa Xây dựng, khoa Dầu khí và năng lượng và khoa Khoa học cơ bản là 3 đơn vị có tỷ lệ cao nhất Trường (chi tiết xem tại Bảng 13 và Hình 7).

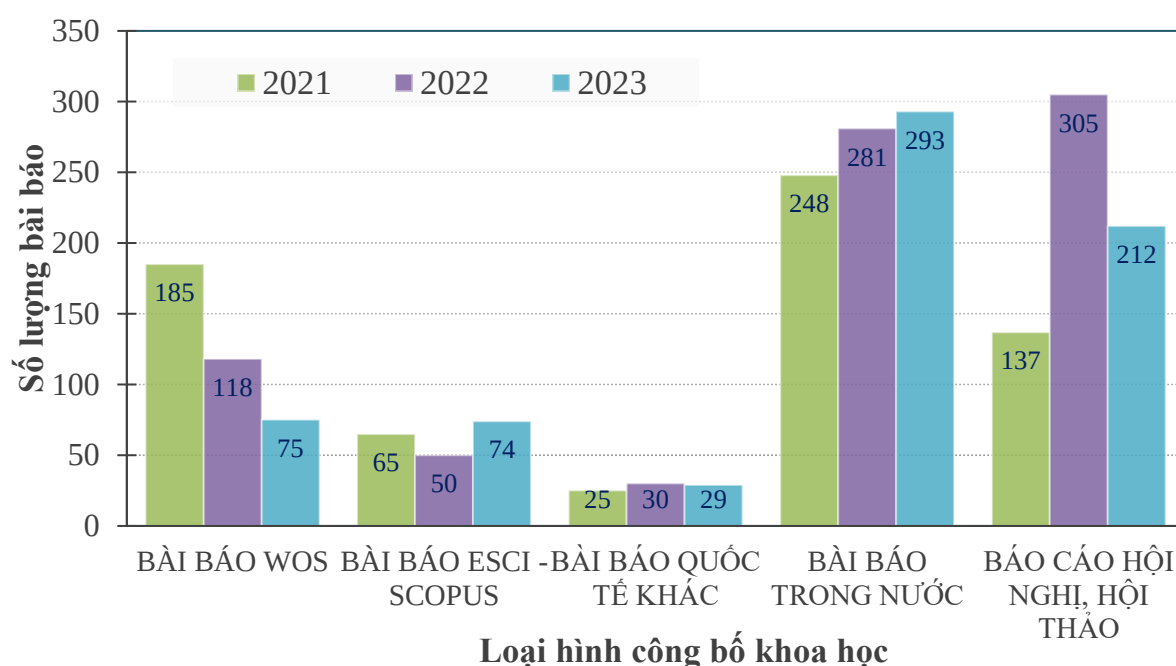
Bảng 11. Thống kê số lượng các công trình khoa học công bố năm 2023 và các năm 2022, 2021

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tỉ lệ Tăng/giảm năm 2023/2022(%)
1	Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục WoS	185	118	75	-36,44%
2	Tỷ lệ bài báo WoS/giảng viên	0,35	0,22	0,14	-36,36%
3	Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục ESCI-Scopus	65	50	74	48,00%
4	Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế khác	25	30	29	-3,33%
5	Số bài báo công bố trên tạp chí trong nước	248	281	275	-2,14%
6	Số báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước	137	305	188	-38,36%

Bảng 12. Cơ cấu độ tuổi và thành phần tác giả trong các bài báo WoS (không bao gồm ESCI) năm 2021, 2022 và 2023

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tỉ lệ tăng/giảm (%) của năm 2023/2022
1	Số bài báo có sự tham gia của giảng viên trong Trường	185	118	75	-36.44%
	Số tác giả trong trường tham gia viết bài	161	88	74	-15.91%
	Số tác giả có độ tuổi > 50	14	5	1	-80.00%
	Số tác giả nằm trong độ tuổi từ 40-50	89	48	45	-6.25%
	Số tác giả có độ tuổi < 40	58	35	28	-20.00%
	Số lượng tác giả có học hàm GS - PGS	43	22	20	-9.09%
	Số lượng tác giả có trình độ TS	66	55	64	16.36%
	Số lượng tác giả là ThS (NCS)	44	9	10	11.11%
2	Số bài báo do giảng viên trong Trường là tác giả chính	103	50	44	-12.00%
3	Số bài báo toàn bộ tác giả là giảng viên trong Trường	34	7	7	0.00%

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tỉ lệ tăng/giảm (%) của năm 2023/2022
4	Số bài báo có sự kết hợp với các Nhà khoa học ngoài trường (trong nước)	60	61	61	0.00%
	Số bài báo có sự kết hợp với các nhà khoa học nước ngoài	87	83	28	-66.27%
5	Số bài báo là sản phẩm của NCS	18	14	5	-64.29%
6	Số bài báo là sản phẩm của các đề tài NCKH các cấp trong/ngoài trường	85	46	23	-50.00%



Hình 6. So sánh số lượng các công trình khoa học công bố năm 2021, 2022 và 2023

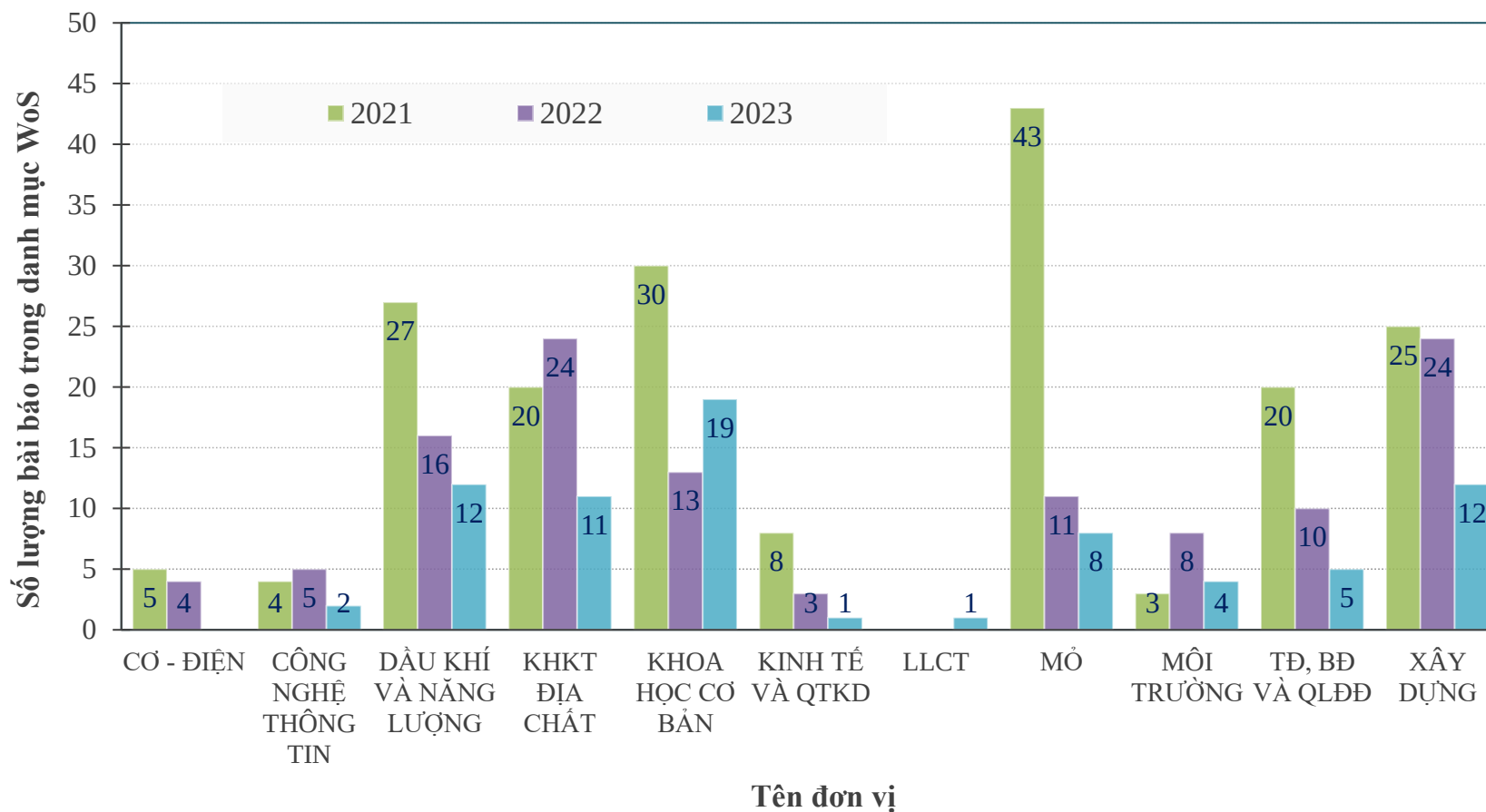
Có thể nhận thấy tại hầu hết các Khoa, số lượng bài báo đăng trên tạp chí trong danh mục WoS trong năm 2023 có xu hướng giảm so với năm 2022, trong đó chỉ có khoa Khoa học cơ bản là có số lượng công bố năm 2023 tăng so với năm 2022 (19/13 bài). Các Khoa có số lượng công bố giảm mạnh: khoa Xây dựng (12/24 bài), khoa Khoa học và kỹ thuật địa chất (11/24 bài). Tuy nhiên, công bố trên các tạp chí có chất lượng/xếp hạng Ranking cao (Q1/Q2) vẫn chiếm tỷ lệ đáng kể, trên 85% (xem Bảng 14 và Hình 8).

Trong năm 2023, Nhà trường đã hỗ trợ kinh phí cho tác giả của 12 bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục WoS và 18 bài báo trong danh mục ESCI và Scopus theo quy chế chi tiêu nội bộ với tổng kinh phí 182 triệu đồng (năm 2022 là 180 triệu đồng). Năm 2023, Bộ GD&ĐT chi thưởng 133,705 triệu cho các bài báo thuộc danh mục WoS (theo Quy định mới của Bộ GD-ĐT chỉ tính thưởng cho các công bố quốc tế trong tạp chí xếp hạng **Q1, Q2 và do tác giả trong trường là tác giả chính**).

Bảng 13. Số lượng các công trình công bố quốc tế
(WoS, ESCI/Scopus, quốc tế khác năm 2023 và các năm 2022, 2021 được phân chia theo Khoa)

TT	Khoa	WoS			ESCI/Scopus			Quốc tế khác			Tổng số bài báo quốc tế năm 2023	Tỉ lệ bài WoS/Giảng viên trong Khoa năm 2023	Tỉ lệ bài báo quốc tế/giảng viên trong Khoa năm 2023
		2021	2022	2023	2021	2022	2023	2021	2022	2023			
1	Cơ - Điện	5	4		5	5	7	5	1		7	0.00%	14.00%
2	Công nghệ thông tin	4	5	2	2	6	2	5	4	2	6	3.51%	10.53%
3	Dầu khí và Năng lượng	27	16	12	5	1	9		2	2	23	24.00%	46.00%
4	KHKT Địa chất	20	24	11	8	5	7	5	1	2	20	18.33%	33.33%
5	Khoa học cơ bản	30	13	19	2	2	3		9	12	34	26.03%	46.58%
6	Kinh tế và QTKD	8	3	1		1	5		1	4	10	2.38%	23.81%
7	Lý luận chính trị			1			1				2	6.67%	13.33%
8	Mỏ	43	11	8	14	7	13	3	2	2	23	19.51%	56.10%
9	Môi trường	3	8	4	4		3		1		7	13.33%	23.33%
10	TĐ, BĐ và QLĐĐ	20	10	5	13	8	19		3	1	25	7.35%	36.76%
11	Xây dựng	25	24	12	12	15	5	3	6	4	21	40.00%	70.00%
	Tổng	185	118	75	65	50	74	22	30	29	178		

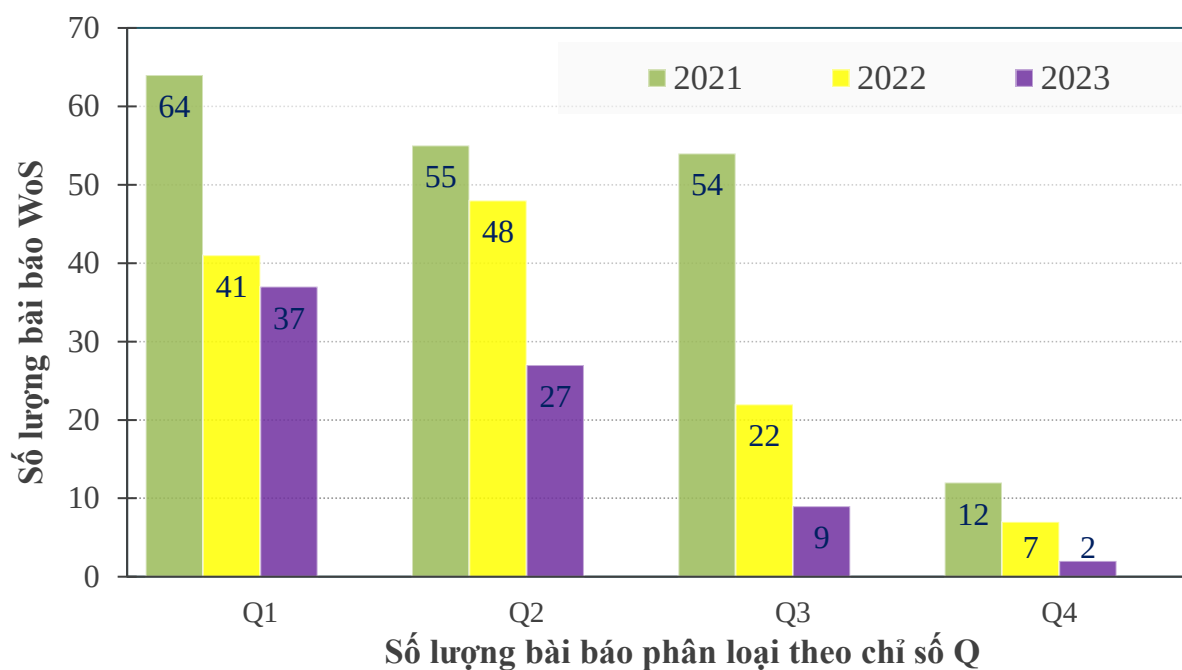
(Số liệu thống kê được cập nhật trên phần mềm Quản lý Khoa học Công nghệ của Nhà trường tính đến 30/3/2024, chi tiết danh mục bài báo khoa học công bố thuộc hệ thống WoS xem Phụ lục 2; định mức chuẩn đối với trường Đại học định hướng nghiên cứu là 0,3 bài quốc tế/giảng viên/năm)



Hình 7. Số lượng bài báo WoS (không bao gồm ESCI) công bố theo từng năm từ năm 2021-2023 phân chia theo đơn vị Khoa

Bảng 14. Số lượng các bài báo WoS (không bao gồm ESCI) công bố các năm 2021, 2022 và 2023 phân chia theo chỉ số xếp loại chất lượng (Ranking Q) của tạp chí

TT	Phân hạng Q	2021	2022	2023
1	Q1	64	41	37
2	Q2	55	48	27
3	Q3	54	22	9
4	Q4	12	7	2
	Tổng cộng	185	118	75



Hình 8. So sánh số bài báo theo chỉ số phân hạng Q từ năm 2021-2023

Bảng 15. Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí và báo cáo tại Hội nghị/Hội thảo khoa học năm 2023 (được phân chia theo Khoa)

TT	Khoa	Bài báo danh mục WoS	Bài báo danh mục ESCI-Scopus	Bài báo quốc tế khác	Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước	Báo cáo Hội thảo, Hội nghị	Tổng cộng
1	Cơ - Điện		7		17	18	42
2	Công nghệ thông tin	2	2	2	16	8	30
3	Dầu khí và Năng lượng	12	9	2	19	25	67
4	KH và KT Địa chất	11	7	2	39	32	91
5	Khoa học cơ bản	19	3	12	23	19	76
6	Kinh tế - QTKD	1	5	4	44	6	60
7	Lý luận chính trị	1	1		3	6	11
8	Mỏ	8	13	2	22	18	63
9	Môi trường	4	3		28	18	53
10	Trắc địa, BD và QLDD	5	19	1	35	27	87
11	Xây dựng	12	5	4	40	31	92
12	Giáo dục quốc phòng				7	4	11
	Cộng	75	74	29	293	212	683

Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường Đại học Mở - Địa chất xếp hạng thứ 19 (năm 2023) trong số các trường Đại học trực thuộc Bộ về số lượng bài báo quốc tế trong danh mục WoS. Theo xếp hạng của Webometrics hàng năm (bảng xếp hạng học thuật các trường Đại học lớn nhất thế giới được thực hiện bởi Hội đồng nghiên cứu quốc gia Tây Ban Nha) năm 2023 thứ hạng của trường Đại học Mở - Địa chất theo xếp hạng của Webometrics vẫn duy trì ở thứ hạng 14. Theo bảng xếp hạng các trường Đại học của Việt Nam (VNUR) năm 2023, Trường Đại học Mở - Địa chất xếp hạng 22/100. Theo bảng xếp hạng đại học của Việt Nam UPM (University Performance Metrics), Trường Đại học Mở - Địa chất đứng thứ hạng 33/51 các trường Đại học trong năm 2023.

Bảng 16. Bảng tổng hợp kết quả xếp hạng dựa vào kết quả nghiên cứu, công bố khoa học của Trường Đại học Mở - Địa chất từ năm 2021-2023

TT	Chỉ số xếp hạng	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Thứ tự theo xếp hạng theo số lượng công bố quốc tế của các cơ sở giáo dục, nghiên cứu (dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*	8	13	19
2	Thứ tự theo Bảng xếp hạng Webometrics**	10	14	14
3	Bảng xếp hạng đại học của Việt Nam UPM (University Performance Metrics)***	7	-	33
4	Bảng xếp hạng các Trường đại học của Việt Nam VNUR (Vietnam University Ranking)		22	22

(Nguồn trích dẫn số liệu: * Dựa vào kết quả tổng hợp hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo về số lượng các bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục WoS của các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ; **: <http://www.webometrics.info/en>; ***: <http://upm.vn/>; <https://vnur.vn/bang-xep-hang-dai-hoc-viet-nam/>).

1.5. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ

Hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học của Nhà trường trong năm 2023 đạt được nhiều kết quả nổi bật. Tính đến hết tháng 12/2023, Nhà trường đã ký 16 Biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác với các trường Đại học, viện nghiên cứu từ các nước Hàn Quốc, Vương quốc Anh, Trung Quốc, Italy, Thụy Điển, Ấn Độ, Ba Lan, Đức Mỹ; tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các chương trình hợp tác như: Trao đổi cán bộ và sinh viên, Nghiên cứu và Phát triển, Đào tạo và Tăng cường năng lực, Thực hiện dự án Erasmus+, Xây dựng cơ sở đào tạo và thi sát hạch tiếng Trung, Tài trợ trang thiết bị cho Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp tục duy trì quan hệ tốt đẹp với các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam như Đại sứ quán Ba Lan, Đại sứ quán CHDCND Lào, Đại sứ quán Vương quốc Campuchia, Đại sứ quán Mông Cổ, Đại sứ quán Pháp, Đại sứ quán Hungary, Đại sứ quán Mỹ, Lãnh sự quán Canada tại Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Đại Bắc, Trung tâm văn hóa Nga tại Hà Nội, đại diện Cơ quan trao đổi học thuật quốc gia Ba Lan (NAWA), Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức (DAAD), Campus France và một số doanh nghiệp nước ngoài có trụ sở tại Việt Nam. Sự ủng hộ của các cơ quan, tổ chức này hỗ trợ rất nhiều trong các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường.

Hiện nay, Nhà trường đang tham gia thực hiện 2 dự án Erasmus+ về nâng cao năng lực trong giáo dục đại học do EU tài trợ và 1 dự án hợp tác do Hội đồng Anh tài trợ. Cụ thể: Dự án Erasmus+ ANGEL “Mạng lưới khởi tạo và lãnh đạo doanh nghiệp xanh của ASEAN”; Dự án Erasmus+ CADEO “Ứng dụng kỹ thuật quan trắc Trái đất và bản sao số địa không gian trong thích ứng với biến đổi khí hậu” với sự hỗ trợ chuyên môn của Đại học Bách khoa Milan (Italy) và Đại học Lund (Thụy Điển) nhằm xây dựng 4 môn học trình độ sau đại học theo tiêu chuẩn quốc tế; Dự án về Khung năng lực nghiên cứu giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Công nghiệp Hồ Chí Minh, Trường Đại học Portsmouth và Trường Đại học Bournemouth (VQ Anh) tiếp tục được thực hiện với sự tài trợ của Hội đồng Anh nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu cho các trường đại học Việt Nam.

Nhà trường tích cực tìm kiếm các cơ hội học bổng và hỗ trợ tài chính cho sinh viên, viên chức giảng dạy và hành chính tham gia các hoạt động trao đổi sinh viên tại nước ngoài nhằm học hỏi / chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, nâng cao kỹ năng đặc biệt là năng lực ngoại ngữ. Đặc biệt, trong năm 2023, trường đã cử được đoàn vận động viên sinh viên đi dự Đại hội thể thao sinh viên quốc tế tại Nga, là đoàn vận động viên không chuyên duy nhất của Việt Nam dự Đại hội; đoàn sinh viên tham gia cuộc thi Prototypes for Humanity tổ chức tại Dubai trước thềm Hội nghị COP28 với đề tài nghiên cứu về chế tạo xi măng xanh. Trường cũng đón nhiều lượt sinh viên Pháp và Nhật Bản, giảng viên Ba Lan đến làm việc và trao đổi ngắn hạn.

Trường Đại học Mỏ - Địa chất tiếp tục là địa chỉ đáng tin cậy thu hút sinh viên các nước Lào, Mông Cổ, Campuchia đến học chính quy tại Trường, theo diện Hiệp định và tự túc với 35 sinh viên Lào, 18 sinh viên Campuchia, 5 sinh viên Mông Cổ và 1 sinh viên Trung Quốc.

1.6. Hoạt động sở hữu trí tuệ

Về công tác sở hữu trí tuệ, trong năm 2023, trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đăng ký thành công 05 sáng chế tại Cục sở hữu trí tuệ, 1 chứng nhận bản quyền tác giả, được Cục SHTT cấp bằng cho 01 giải pháp hữu ích và chứng nhận chấp nhận đơn đối với 02 GPHI khác, cụ thể như sau:

- Chấp nhận đơn đăng ký SHTT cho sáng chế: Thiết bị thu hồi vì chống thép trong hầm lò, tác giả TS Nguyễn Khắc Lĩnh.

- Chấp nhận đơn đăng ký SHTT cho sáng chế: Phương pháp xác định các thông số của gôi đàn hồi của máy cấp liệu rung, tác giả PGS.TS Nguyễn Văn Xô.

- Chấp nhận đơn đăng ký SHTT cho sáng chế: Phương pháp ngăn ngừa, giảm nguy cơ gây ra hiện tượng bụi nước vào khu vực khai thác khoáng sản trong mỏ hầm lò dưới khu vực moong lộ thiên, tác giả TS Vũ Trung Tiến.

- Chấp nhận đơn đăng ký SHTT cho sáng chế: Quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu không gian địa lý 3D cho thành phố thông minh bằng công nghệ địa không gian, tác giả PGS.TS Nguyễn Văn Trung.

- Chấp nhận đơn đăng ký SHTT cho sáng chế: Phương pháp phát hiện bất thường cho máy nén khí ly tâm trong hệ thống công nghệ xử lý khí - Condensate ngoài khơi sử dụng trí tuệ nhân tạo, tác giả TS Nguyễn Tiến Hùng và nnk.

- Chấp nhận đơn đăng ký SHTT cho Giải pháp hữu ích: Phương pháp thiết kế, chế tạo bánh răng trụ răng nghiêng truyền động ứng dụng trong bơm pittong cao áp, tác giả TS Nguyễn Văn Thịnh.

- Chấp nhận đơn đăng ký SHTT cho Giải pháp hữu ích: Quy trình sản xuất vật liệu composit quang xúc tác Ag-g-C₃N₄@HNTs, tác giả PGS.TS Phạm Xuân Núi.

- Cấp bằng SHTT cho Giải pháp hữu ích: Hệ thống và phương pháp giám sát chất lượng không khí, tác giả GS.TS Bùi Xuân Nam.

- Cấp bản quyền tác giả cho sản phẩm: Bộ công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ quá trình phân tích, liên kết tài liệu địa chất, địa vật lý giếng khoan và số liệu khai thác để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các mỏ khí condensate HT-MT, tác giả Triệu Hùng Trường.

Bảng 17. Bảng tổng hợp kết quả đăng ký quyền SHTT của Trường từ năm 2021-2023

TT	Loại hình đăng ký SHTT	2021	2022	2023	Tỉ lệ tăng/giảm (%) năm 2023/2022
Chấp nhận đơn đăng ký					
1	Giải pháp hữu ích	1	0	2	+200%
2	Sáng chế	0	3	5	+166%
	Cộng	1	3	7	+266%
Cấp bằng SHTT và Bản quyền tác giả					
1	Cấp bằng SHTT cho Giải pháp hữu ích			1	+100%
2	Cấp bản quyền tác giả	0	2	1	-50%
	Cộng	1	2	2	

1.7. Các hội nghị, hội thảo khoa học

Trong năm 2023, Hội nghị khoa học toàn quốc về Cơ khí, Điện và Tự động hoá (MEAE 2023) được tổ vào ngày 18/12/2023 tại Trường Đại học Mở - Địa chất với mục đích giới thiệu, trao đổi, quảng bá các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ và kinh nghiệm giữa các nhà khoa học trong và ngoài nước về những tiến bộ kỹ thuật trong các lĩnh vực Cơ khí, Điện và Tự động hoá. Hội nghị đã thu hút đông đảo các khoa học trong và ngoài nước tham gia báo cáo và thảo luận, nhiều ý kiến đóng góp nhằm làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của mỗi tham luận. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để phù hợp với bối cảnh hiện nay. Những ý kiến đóng góp của các diễn giả, các nhà khoa học mang lại cái nhìn rõ ràng, có chiều sâu cho cộng đồng các nhà khoa học trong lĩnh vực Cơ khí, Điện và Tự động hoá.

Hội nghị khoa học toàn quốc “Trắc địa công trình vì sự phát triển bền vững” năm 2023 được tổ chức nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập (1973-2023), Bộ môn Trắc địa công trình - Trường Đại học Mở - Địa chất. Hướng tới mục tiêu nắm bắt và tận dụng được những cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0, hội nghị là diễn đàn để các tổ chức, cá nhân đang hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến Trắc địa công trình cùng nhau thảo luận, trao đổi về các chiến lược, kỹ thuật và công nghệ. Thông qua hội nghị, ngành Trắc địa công

trình muốn tìm được hướng đi phù hợp nhất, hiệu quả nhất nhằm đóng góp cho sự nghiệp phát triển và bảo vệ đất nước.

Cũng trong tháng 9/2022 Nhà trường là đơn vị Đồng tổ chức Hội nghị toàn quốc Địa chất công trình - Địa kỹ thuật và môi trường phục vụ phát triển bền vững (VietGeo 2023) tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Hội nghị đã thu hút sự quan tâm, tham dự của hơn 150 đại biểu, khách mời từ gần 50 trường Đại học, Viện nghiên cứu, các Công ty và Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ĐCCT-ĐKT, xây dựng và môi trường trong khắp cả nước.

Ngoài ra, các khoa chủ trì tổ chức 01 hội thảo khoa học cấp Trường: Hội nghị “Vai trò của chuyển đổi số trong tối ưu hóa hoạt động khai thác mỏ lộ thiên” do Khoa Mỏ tổ chức vào ngày 15/6/2023.

Mặc dù kinh phí hỗ trợ từ Nhà trường cho các Hội nghị, hội thảo còn hạn chế, nhưng khi được Nhà trường giao nhiệm vụ, các Khoa/Bộ môn chủ trì đã chủ động huy động từ các nguồn xã hội hóa.

1.8. Giải thưởng/thành tích cao về KHCN

Giải thưởng Khoa học công nghệ HUMG được Nhà trường tổ chức hàng năm nhằm khích lệ và tôn vinh các nhà khoa học, giảng viên, sinh viên trong Trường Đại học Mở - Địa chất có thành tích nổi bật trong nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực khoa học, công nghệ. Tháng 7/2023, Hội đồng xét chọn giải thưởng đã họp xét và lựa chọn ra 02 giải thưởng:

- Giải thưởng bài báo khoa học xuất sắc được trao cho TS Đỗ Thị Hồng Hải, bộ môn Vật lý, Khoa Khoa học Cơ bản là tác giả chính của công trình “*Low-energy excitonic condensate excitations in semimetal and semiconducting materials*” đăng trên tạp chí quốc tế Physical Review B.

- Giải thưởng đề tài NCKH xuất sắc của giảng viên được trao cho PGS.TS Phạm Xuân Núi, bộ môn Lọc Hóa dầu, Khoa Dầu khí và năng lượng, chủ nhiệm đề tài NCKH cấp Bộ GD-ĐT “*Nghiên cứu quy trình công nghệ tái chế chai nhựa thải để chế tạo vật liệu mới có khả năng cách nhiệt, hấp phụ-quang xúc tác để xử lý môi trường*”.

Với những nỗ lực và kết quả đạt được, trong năm qua sinh viên Nhà trường đã đạt được một số thành tích và được tôn vinh, khen thưởng, tiêu biểu như:

- Nhóm sinh viên Nguyễn Trung Hiếu, Võ Đình Trọng, Nguyễn Xuân Công, Bùi Đức Tùng, Đặng Quang Minh do TS Tăng Văn Lâm hướng dẫn với Dự án về Bê tông xanh hoàn toàn không có xi măng đã vượt qua trên 3.000 đội thi đến từ hơn 100 quốc gia trên khắp thế giới để được lựa chọn là 1 trong 100 dự án hiệu quả và mang lại nhiều lợi ích nhất cho cộng đồng trong cuộc thi Prototypes for Humanity tổ chức tại Dubai trước thềm Hội nghị lần thứ 28 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP28).

- Nữ sinh viên Vũ Minh Nguyệt - sinh viên K65 ngành Lọc - Hóa dầu, Khoa Dầu khí và Năng lượng xuất sắc nhận giải thưởng KOVA lần thứ 21 ở hạng mục triển vọng dành cho sinh viên học tốt, có thành tích nghiên cứu khoa học trên toàn quốc.

- 01 nhóm sinh viên khoa Xây dựng đạt giải Nhì giải thưởng “Khoa học công nghệ dành cho sinh viên năm 2023” do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, 01 nhóm sinh viên đạt giải Nhì giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” - Eureka lần thứ 24 năm 2023 do

Thành đoàn TP Hồ Chí Minh kết hợp với Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh phối hợp tổ chức.

1.9. Công tác quản lý, thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ

Công tác tổ chức quản lý, thúc đẩy hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường quan tâm, đầu tư phát triển. Nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của nhà trường trong hoạt động KHCN. Công tác này đã được phòng KHCN và các phòng chức năng liên quan thực hiện và tổ chức quản lý chặt chẽ bám sát các văn bản pháp quy, quy chế nội bộ; chủ động xây dựng kế hoạch KHCN theo đúng yêu cầu của Nhà trường và các cơ quan quản lý cấp trên, cụ thể là:

- Ban hành Quy định sửa đổi về Quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường Đại học Mở - Địa chất, trong đó tập trung vào triển khai các yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trong cơ sở GDĐH, trong đó tập trung vào: thay đổi hình thức/nội dung hoạt động của các nhóm nghiên cứu, mở thêm loại hình Nhóm nghiên cứu mạnh cấp quốc gia; Điều chỉnh quy định về tổ chức Hội nghị/Hội thảo trong nước và quốc tế; Điều chỉnh hướng dẫn tính khối lượng giờ NCKH thực hiện của giảng viên theo hướng đơn giản hóa, dễ thực hiện và khuyến khích các nhà khoa học trong hợp tác NCKH với các tổ chức/cá nhân ngoài trường; tăng cường tính liên chính trong các hoạt động KHCN và đổi mới sáng tạo.

- Ban hành Quy định sửa đổi về Liêm chính trong NCKH và đổi mới sáng tạo tại Trường Đại học Mở - Địa chất;

- Triển khai ứng dụng phần mềm kiểm tra trùng lặp Turnitin trong hoạt động KHCN.

- Phòng KHCN thường xuyên theo dõi tiến độ, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài, dự án triển khai nhiệm vụ theo đúng các hợp đồng và đề cương nghiên cứu. Hướng dẫn kịp thời các chủ nhiệm đề tài thực hiện kế hoạch nghiên cứu theo các quy định. Kịp thời tổ chức đăng ký các đề tài mới và đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài hoàn thành.

- Đổi mới phương thức quản lý hoạt động sinh hoạt học thuật của giảng viên, tăng cường kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao chất lượng.

Trong năm qua, Nhà trường đã sử dụng đúng mục đích kinh phí hoạt động KHCN chi từ ngân sách Nhà nước. Đến quý I/2024, hầu hết đề tài các cấp đều đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí năm 2023.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2023

2.1. Những kết quả đạt được

- Đã tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách hoạt động KHCN của Trường thông qua việc ban hành các quy định, quy trình, kế hoạch tổ chức thực hiện; trích thưởng đối với cán bộ có công bố trong tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục WoS/Scopus.

- KHCN đã tiếp tục đóng góp quan trọng trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, gắn nhiệm vụ NCKH với hoạt động của nhóm nghiên cứu, đào tạo nhà khoa học trẻ, đào tạo NCS và cao học, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ cao, góp phần thực hiện chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường giai đoạn 2021-2025.

- Tăng cường ý thức và văn hóa liêm chính trong hoạt động KHCN của giảng viên, sinh viên.

- NCKH, ứng dụng và phát triển công nghệ đã gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp và địa phương thông qua các Công ty, Trung tâm: thực hiện 916 đề tài, hợp đồng, tổng kinh phí 342,56 tỷ đồng, đóng góp cho Trường 5,13 tỷ đồng.

- Thành lập thêm 04 nhóm nghiên cứu (có 1 nhóm nghiên cứu mạnh). Thành viên của các nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh đã đóng góp phần lớn vào các kết quả hoạt động KHCN qua số lượng đề tài NCKH các cấp, số lượng công bố, ...

- Đã có 07 sản phẩm sở hữu trí tuệ nộp đơn thành công; Cấp bằng SHTT cho 01 Giải pháp hữu ích; 01 bản quyền tác giả.

- Đã triển khai loại hình đề tài NCKH sinh viên mới tiềm năng từ năm học 2022-2023; Công tác NCKH sinh viên đạt được thành tích đáng khích lệ với các giải thưởng cao, tạo động lực quan trọng trong học tập và NCKH của sinh viên.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao được ý thức trách nhiệm của các nhà khoa học, giảng viên trong các hoạt động sinh hoạt học thuật.

- Vai trò, trách nhiệm của Khoa/Bộ môn trong quản lý đề tài NCKH các cấp được nâng lên góp phần hỗ trợ cho công tác quản lý đề tài NCKH.

- Cung cấp và cập nhật thông tin về các lĩnh vực, kết quả nghiên cứu của Nhà trường lên website để quảng bá các kết quả, thành tựu khoa học mới, có tính ứng dụng tốt đến các đơn vị trong và ngoài nước góp phần xây dựng vị thế của Nhà trường.

- Xây dựng các mối quan hệ với các đối tác trong nước và ngoài nước góp phần mở rộng cơ hội hợp tác, nghiên cứu nhằm thúc đẩy công tác phát triển khoa học.

- Hỗ trợ các cá nhân, tổ chức trong Trường tham gia đề xuất các đề tài, dự án KHCN các cấp, tham gia các khóa đào tạo trực tuyến về nâng cao năng lực viết bài báo khoa học.

2.2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KHCN của Trường trong năm qua còn một số tồn tại và hạn chế nhất định, cụ thể:

- Chưa thành lập được Viện Nghiên cứu trực thuộc Trường trên cơ sở một số nhóm nghiên cứu.

- Chưa thực hiện được tái cấu trúc lại hệ thống phòng thí nghiệm.

- Chưa xây dựng được chính sách và nguồn kinh phí hỗ trợ NCS để thu hút NCS đến học tập và nghiên cứu tại trường, gắn với NCKH;

- Hoạt động khoa học và công nghệ vẫn chủ yếu tập trung ở một số khoa chủ chốt, chưa đồng đều ở các đơn vị.

- Một số nhóm NC hoạt động chưa thực sự hiệu quả, chưa tạo dựng được môi trường NCKH của nhóm để phát huy năng lực của thành viên, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ nghiên cứu, kế hoạch và triển khai các nghiên cứu chung theo định hướng đã xác định, ... Năm 2023 đã giải thể 02 nhóm nghiên cứu, trong đó có 01 nhóm nghiên cứu mạnh.

- Sản phẩm NCKH được chuyển giao từ các đề tài nghiên cứu do Trường chủ trì thực hiện còn khiêm tốn, hoạt động chuyển giao chủ yếu thông qua các Hợp đồng ký về các Công ty, trung tâm;

- Công tác triển khai, tổ chức thực hiện đề tài của một số chủ nhiệm còn lúng túng; một số chủ nhiệm đề tài chưa nêu cao tinh thần, thái độ, trách nhiệm đúng mực dẫn đến thực hiện không đúng tiến độ, hoặc kéo dài quá hạn hợp đồng.

- Số lượng đề tài KHCN các cấp năm 2023 giảm so với năm 2022. Đặc biệt là số lượng các đề xuất đề tài cấp cơ sở đăng ký thực hiện từ năm 2024 giảm đáng kể so với năm 2023, một số Khoa thậm chí không có đăng ký đề xuất đề tài cơ sở.

- Số đề tài NCKH cấp Bộ phải xin gia hạn lớn do chưa hoàn thành sản phẩm công bố khoa học.

- Số lượng công bố khoa học quốc tế, đặc biệt là các bài báo thuộc danh mục WoS của cán bộ khoa học năm 2023 so với năm 2022 giảm về số lượng (75/118) và chất lượng (37/41 bài báo Q1). Tỷ lệ số bài báo WoS/giảng viên trong năm 2023 là 0,14, giảm mạnh so với năm 2022 (0,22). Sự suy giảm tập trung vào số bài báo là sản phẩm của đề tài NCKH các cấp (23/46), bài báo là sản phẩm của NCS (5/14), bài báo do giảng viên trong Trường là tác giả chính (44/50), số tác giả trong trường tham gia viết bài (74/88) và giảm ở tất cả các độ tuổi (trên 50, 40-50 và dưới 40), số bài có tác giả là GS, PGS (20/43). Bên cạnh nguyên nhân một số nhà khoa học có năng lực công bố tốt chuyển công tác, nguyên nhân chính là động lực của nhiều giảng viên để thực hiện nghiên cứu và công bố khoa học quốc tế không cao do: (1) hiện nay Trường không có yêu cầu bắt buộc về định mức công bố quốc tế đối với giảng viên, (2) mặc dù Trường đã có một số cơ chế khuyến khích công bố quốc tế thông qua quy định thưởng đối với công bố quốc tế (đến 100 triệu đồng) và quy định đánh giá, phân loại CBVC nhưng chưa đủ sức hấp dẫn để biến thành động lực cho giảng viên.

- Thủ tục tài chính có một số thay đổi trong quá trình triển khai ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân đề tài; kinh phí NSNN cấp cho một số đề tài bị chậm gây ảnh hưởng tới tiến độ thực hiện đề tài.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024

I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2024

Một số chỉ tiêu cụ thể:

- Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục WoS, Scopus trong Trường: ≥ 200 bài. Tỷ lệ trung bình số lượng bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục WoS, Scopus đối với mỗi giảng viên cơ hữu: $\geq 0,35$ bài/GV/năm.

- Tỷ trọng nguồn thu trung bình từ các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, chuyển giao so với tổng thu của Trường: 13%;

Để thực hiện các chỉ tiêu nêu trên, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường năm 2024 tiếp tục bám sát định hướng hoạt động KHCN được nêu trong kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2021-2025 của Nhà trường, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tiếp tục triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển KH&CN giai đoạn 2021-2025;

- Triển khai thực hiện các nội dung của Thỏa thuận Hợp tác về Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo và Thỏa thuận Hợp tác về Chuyển giao công nghệ phục vụ cộng đồng ký kết giữa 7 Trường Đại học kỹ thuật hàng đầu;

- Triển khai thành lập Quỹ KHCN theo yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trong cơ sở GDDH, nhằm tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động KHCN từ nguồn thu của Trường;

- Triển khai, giám sát việc thực hiện quy định Liêm chính trong hoạt động KHCN và Đổi mới sáng tạo;

- Đưa vào ứng dụng phần mềm quản lý đề tài KHCN cấp cơ sở;

- Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách KHCN phù hợp với định hướng mô hình đại học nghiên cứu, tạo điều kiện, khuyến khích cán bộ tham gia NCKH, cụ thể: Tập trung đầu tư kinh phí cho hoạt động KHCN thông qua các đơn vị nghiên cứu như nhóm nghiên cứu, giảm dần kinh phí đầu tư các cho đề tài dự án nhỏ, lẻ, rời rạc; Gắn kết trong quản lý và hoạt động của phòng thí nghiệm với các nhóm nghiên cứu;

- Đẩy mạnh việc đào tạo nguồn nhân lực KHCN có trình độ cao, đặc biệt cán bộ trẻ thông qua hoạt động của các nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh, đội ngũ NCS;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu thông qua tăng mức kinh phí hỗ trợ hoạt động, định mức sản phẩm cần đạt; Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh đáp ứng yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP;

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các chương trình, đề tài KHCN lớn cấp nhà nước, mang tính liên ngành để tập hợp các nhà khoa học trong trường cùng giải quyết về các lĩnh vực mang tính chất chuyên ngành Khoa học Trái đất - Mỏ, Môi trường, phù hợp với xu hướng mới về chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, thực hiện mục tiêu trung hòa carbon và ứng phó biến đổi khí hậu.

- Tham gia tích cực vào các chương trình KHCN trọng điểm của Nhà nước, Bộ, Ngành; Xây dựng các đề tài NCCB trong KHTN và NCCB định hướng ứng dụng do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí; đề tài do Quỹ đổi mới sáng tạo (VINIF) thuộc Tập đoàn VINGROUP tài trợ.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về lĩnh vực Khoa học Trái đất - Mỏ của các nhà khoa học;

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường;

- Tiếp tục đầu tư các dự án khởi nghiệp về KHCN do sinh viên thực hiện;

- Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng tài liệu thông tin khoa học và công nghệ, tăng cường quảng bá, truyền thông về hoạt động khoa học công nghệ.

- Tăng cường công tác quản lý đề tài các cấp thông qua kiểm tra đánh giá định kỳ, nâng cao vai trò trách nhiệm của Khoa/Bộ môn/Nhóm nghiên cứu; chủ động trong công tác thủ tục thanh quyết toán đề tài/nhiệm vụ KHCN

- Giải quyết dứt điểm một số đề tài chậm tiến độ, quá hạn nghiên cứu.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2024

2.1. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia

- Tiếp tục xây dựng đề tài NCCB, đề tài tiềm năng, ứng dụng trong KHTN do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí;

- Tiếp tục thực hiện 16 đề tài, nhiệm vụ cấp Quốc gia, gồm:

- + Tiếp tục thực hiện 04 đề tài thuộc các chương trình KHCN trọng điểm cấp Quốc gia;

- + Tiếp tục thực hiện 02 nhiệm vụ KHCN do Bộ Công Thương quản lý;

- + 10 đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên từ năm 2023 chuyển sang;

- + Đề xuất các đề tài thuộc các Chương trình trọng điểm cấp quốc gia KC02, KC06, KC08, KC09, KC14, KC15,...

- Hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài: Tiếp tục xây dựng các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, hợp tác song phương với các nước: Đức, Nga, Trung Quốc, ...

2.2. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

- Tham gia đề xuất các nhiệm vụ, đề tài của các Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Giáo dục - Đào tạo, ...

- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 10 đề tài giao thực hiện năm 2024;

- Tiếp tục thực hiện và nghiệm thu Chương trình KHCN cấp Bộ năm 2022 trong năm 2024;

- Tổ chức nghiệm thu 10 đề tài thực hiện từ năm 2022 và tổ chức triển khai thực hiện nghiệm thu 10 đề tài kết thúc trong tháng 12/2024;

- Triển khai thực hiện 02 đề tài cấp Bộ Tài nguyên và Môi trường, tổ chức triển khai và nghiệm thu 01 đề tài cấp Bộ Xây dựng.

- Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất gia nhập Hệ thống trích dẫn Đông Nam Á - ACI.

2.3. Các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ địa phương, doanh nghiệp

- Tìm kiếm và đề xuất các đề tài cấp tỉnh/thành phố, doanh nghiệp;
- Tiếp tục thực hiện và khẩn trương tổng kết 01 nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ cho tỉnh Bắc Kạn.

2.4. Các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở

- Tiếp tục thực hiện và nghiệm thu 36 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở giao năm 2024 và 08 đề tài xin gia hạn đến tháng 6/2024;
- Tổ chức tuyển chọn và thực hiện đề tài và nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở năm 2025; tập trung đối với đề tài có công bố quốc tế, do nhóm nghiên cứu đề xuất và đặc biệt ưu tiên cho cán bộ trẻ dưới 40 tuổi;
- Tiếp tục thực hiện 242 đề tài sinh viên NCKH thường niên và 05 đề tài NCKH sinh viên tiềm năng.

2.5. Các nhiệm vụ KHCN khác

- Tổ chức Hội nghị toàn quốc ERSD2024.
- Tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 37 (6/2024) và biên tập, xuất bản tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2024;
- Lựa chọn các đề tài NCKH SV có chất lượng cao tham gia xét chọn giải thưởng Khoa học công nghệ năm 2024 do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức, giải thưởng Eureka năm 2024 do Thành đoàn TP HCM phối hợp với ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh tổ chức và các giải thưởng NCKH SV khác.
- Tổ chức các hội thảo khoa học, hội thảo chuyên đề;
- Tổ chức các đội tuyển tham dự Olympic quốc gia năm 2024 các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Cơ học.

2.6. Nhiệm vụ quản lý KHCN

- Hoàn thiện sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ đáp ứng yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trong cơ sở GDĐH và điều kiện cụ thể của Nhà trường trong thời gian tới;
- Ban hành quy định định mức thực hiện công bố khoa học (tác giả chính) trên các tạp chí quốc tế uy tín (SCI/SCIE/SSCI/AHCI/ESCI/Scopus, tạp chí KHKT Mỏ-Địa chất số tiếng Anh) đối với đơn vị/giảng viên;
- Ban hành quy định khuyến khích tìm kiếm nguồn lực (đề tài) KHCN gắn với nhóm nghiên cứu;
- Ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ kinh phí đào tạo NCS, gắn với nhóm nghiên cứu;
- Hỗ trợ thúc đẩy các nhóm nghiên cứu hoạt động; Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để hình thành và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thế mạnh của nhà trường, ưu tiên thành lập nhóm nghiên cứu mạnh đáp ứng yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trong cơ sở GDĐH;
- Hoàn thành phần mềm quản lý đề tài KHCN cấp cơ sở, chuẩn bị cho hệ thống quản lý đề tài cấp Bộ, cấp Quốc gia;
- Tư vấn, hỗ trợ đăng ký sở hữu trí tuệ, thúc đẩy sản phẩm ứng dụng có khả năng thương mại hóa.

KẾT LUẬN

Công tác nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ năm 2023 đã có nhiều đóng góp chung trong sự phát triển của Trường Đại học Mở - Địa chất, phát triển kinh tế - xã hội của nhiều địa phương, doanh nghiệp; sáng tạo tri thức mới trong các lĩnh vực khoa học trái đất, mỏ, tài nguyên, môi trường và một số lĩnh vực khác có liên quan; góp phần quan trọng vào việc bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ, giảng viên; nâng cao chất lượng đào tạo; nâng cao vị thế và uy tín của Nhà trường trong nước và quốc tế, góp phần tăng nguồn thu cho Nhà trường, cải thiện đời sống cán bộ, viên chức.

Môi trường thực hiện NCKH, chuyển giao công nghệ trong Trường đã ngày càng trở nên lành mạnh, thực chất thông qua các cơ chế chính sách, quy định quản lý khuyến khích hoạt động KHCN của giảng viên, người học; định hướng phát triển đơn vị nghiên cứu theo nhóm nghiên cứu, Viện nghiên cứu; công cụ đảm bảo liên chính; chuyển đổi số trong quản lý KHCN.

Mặc dù vậy, hoạt động KHCN năm 2023 tiếp tục bộc lộ một số hạn chế, đặc biệt là số lượng các công bố quốc tế trên các tạp chí có uy tín giảm đáng kể, số lượng cán bộ giảng viên tham gia công bố quốc tế, số lượng công bố chung với các nhà khoa học trong nước và quốc tế; Hiệu quả hoạt động của các nhóm nghiên cứu chưa tương xứng với nguồn lực. Đây là vấn đề đặt ra đòi hỏi phải nhanh chóng thay đổi cơ chế quản lý, chính sách hỗ trợ hoạt động KHCN để động viên, khuyến khích đồng thời đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ đối với các nhóm nghiên cứu, các nhà khoa học để đóng góp vào kết quả chung của Nhà trường, đặc biệt là nhu cầu cần sớm thành lập Quỹ KHCN theo yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ làm cơ sở tăng nguồn kinh phí cho các hoạt động KHCN.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1a. Danh mục đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia (tính đến 31/3/2024)

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
I	Khoa Công nghệ thông tin (02 đề tài)				
1	GS.TS Trương Xuân Luận: <i>Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến xác định nguồn gốc, điều kiện thành tạo, quy luật phân bố và tiềm năng khoáng sản vàng ẩn sâu trong cấu trúc nếp lồi Tây Bắc Thanh Hóa</i>	ĐTĐL.CN-85/21	Tin học Địa chất	10/2021-9/2024	Hoàn thành các nội dung nghiên cứu : - 02 báo cáo hội nghị khoa học - Nghiên cứu, tổng hợp các tài liệu về khoáng sản vàng, vàng ẩn sâu trên thế giới và Việt Nam - Nghiên cứu xác định các cấu tạo địa chất liên quan với khoáng sản vàng ẩn khu vực nếp lồi (TB) Thanh Hóa
2	TS. Nguyễn Hoàng Long: <i>Nghiên cứu xây dựng hệ thống giám sát điều độ tập trung hoạt động sản xuất cho mỏ lộ thiên khai thác khoáng sản</i>	ĐT.CNKK.QG.002/23	Tin học Trắc địa	3/2023-3/2025	Đang thực hiện
II	Khoa Cơ điện (01 đề tài)				
3	TS Nguyễn Văn Xô: <i>Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy cấp liệu rung có năng suất đến 550t/h dùng trong hệ thống sàng tuyển, vận chuyển than tại Việt Nam</i>	CNKK.155/20	Máy và TBCN	1/2020-12/2021 Gia hạn 6/2023	Đã nghiệm thu cấp Quốc gia, xếp loại Đạt - 01 bài báo đăng tạp chí quốc tế - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - Đào tạo 02 ThS - 01 Sáng chế được chấp nhận đơn hợp lệ - Máy cấp liệu rung có các thông số kỹ thuật cơ bản như sau: Năng suất (t/h; 350÷550); Cỡ hạt đầu vào

					(mm; ≤ 50); Độ ẩm vật liệu (%; ≤ 10); Tần số dao động (vg/ph 1.450); Biên độ dao động (mm 5÷8) - Bộ hồ sơ thiết kế chế tạo máy cấp liệu rung dùng trong hệ thống sàng tuyển, vận chuyển than có các thông số kỹ thuật cơ bản sau: Năng suất: (t/h; 350÷550); Cỡ hạt đầu vào (mm; ≤ 50); Độ ẩm vật liệu (%; ≤ 10); Tần số dao động (vg/ph 1.450); Biên độ dao động (mm 5÷8); - Bộ bản vẽ thiết kế máy cấp liệu rung; - Bộ tài liệu quy trình công nghệ chế tạo các chi tiết điển hình của máy cấp liệu rung có năng suất (t/h; 350÷550); - Bộ tài liệu quy trình hướng dẫn lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng máy cấp liệu rung - Báo cáo kết quả thử nghiệm máy cấp liệu rung đã chế tạo được tại cơ sở sản xuất.
III	Khoa Dầu khí và Năng lượng <i>(03 đề tài)</i>				
4	PGS.TS Triệu Hùng Trường: <i>Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ đánh giá phân tích, liên kết tài liệu địa chất, địa vật lý giếng khoan và số liệu khai thác để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác mỏ khí condensate Hải Thạch - Mộc Tinh Lô 05-2; 05-3, thuộc Biển Đông Việt Nam</i>	007.2021.CNK K.QG/HĐKH CN	Thiết bị DK và CT	1/2021- 12/2022 Gia hạn 6/2023	Đã nghiệm thu cấp Quốc gia, xếp loại Đạt - 01 bài báo Quốc tế ISI, vượt so với đăng ký sản phẩm trong Hợp đồng nhiệm vụ KHCN. - 01 bài báo tạp chí khoa học Kỹ thuật mỏ - Địa chất - Hướng dẫn thành công 02 thạc sỹ. - 01 Sáng chế được chấp nhận đơn - 01 Bản quyền tác giả - Bộ cơ sở dữ liệu lớn của Biển Đông Việt Nam (BDPOC) về tài liệu địa chất, địa vật lý giếng khoan và số liệu khai thác của mỏ khí condensate HT-MT, Lô 05-2; 05-3, Biển Đông Việt Nam;

					- Bộ công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) có thể hỗ trợ quá trình phân tích, liên kết tài liệu địa chất, địa vật lý giếng khoan và số liệu khai thác để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các mỏ khí condensate HT-MT - Báo cáo kết quả thử nghiệm bộ công cụ vào điều kiện một mỏ cụ thể - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu
5	TS Nguyễn Thị Linh: <i>Nghiên cứu công nghệ và chế tạo các vật liệu đa mao quản MSU/ZEOLITES từ nguyên liệu trong nước để xử lý một số hợp chất hữu cơ độc hại khó phân hủy chứa clo (Cl-POPs) trong môi trường nước, theo hướng không phát sinh ô nhiễm thứ cấp</i>	ĐTĐL.CN-32/21	Lọc - Hóa dầu	10/2021-9/2024	Đang thực hiện, đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu: - Khảo sát nguồn nguyên liệu tổng hợp vật liệu và nguồn ô nhiễm chứa Cl-POPs. Nghiên cứu xây dựng quy trình xử lý vỏ trấu, tro bay và cao lanh tạo nguồn tiền chất chứa Si và Al. - Nghiên cứu tổng hợp các vật liệu MSU-S/zeolite từ nguồn nguyên liệu tro bay, tro trấu và cao lanh có khả năng hấp phụ tốt một số hợp chất hữu cơ khó phân hủy chứa clo (Cl-POPs) quy mô phòng thí nghiệm. Đang thực hiện nội dung 4,5,6 nhưng chưa hoàn thành do chưa được cấp kinh phí năm 2022.
6	PGS.TS Bùi Thị Lệ Thủy: <i>Nghiên cứu chế tạo phụ gia trên cơ sở graphene và chất lỏng ion dùng cho chất bôi trơn trong dung dịch khoan nhằm làm giảm ma sát, tăng hiệu quả khoan khai thác dầu khí</i>	ĐT.CNKK.QG.004/23	Lọc - Hóa dầu	3/2023-3/2025	Đang thực hiện

IV	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất (02 đề tài)				
7	PGS.TS Nguyễn Văn Lâm: <i>Nghiên cứu xác định một số thông số đặc trưng cho quá trình dịch chuyển vật chất trong đới bão hòa và không bão hòa nước để dự báo xâm nhập của một số kim loại nặng từ nguồn ô nhiễm vào các tầng chứa nước có thành tạo bờ rời</i>	ĐTĐL.CN-86/21	Địa chất thủy văn	10/2021-9/2024	Đang thực hiện, đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu: - Nghiên cứu tổng quan các thông số dịch chuyển và các phương pháp thí nghiệm xác định các thông số đặc trưng cho quá trình dịch chuyển vật chất trong đới bão hòa và không bão hòa nước. - Nghiên cứu lựa chọn các phương pháp thí nghiệm trong phòng và ngoài trời phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam hiện nay. - Nghiên cứu lựa chọn khu vực xây dựng bãi thí nghiệm ngoài trời. - Xác định các thông số đặc trưng cho quá trình dịch chuyển vật chất trong đới không bão hòa nước.
8	PGS.TS Lương Quang Khang: <i>Nghiên cứu xác lập mô hình nguồn gốc và quy luật phân bố một số khoáng sản nội dung có triển vọng khu vực địa khối Kon Tum</i>	ĐTĐL.CN-12/21	Tín kiểm thăm dò	11/2021-10/2024	Đang thực hiện, đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu - Báo cáo kết quả tổng hợp, thu thập, đánh giá và xử lý số liệu liên quan đến nghiên cứu cấu trúc kiến tạo trong địa khối Kon Tum. - Sơ đồ cấu trúc kiến tạo địa khối Kon Tum trên cơ sở phân tích viễn thám, tỷ lệ 1:500.000. - Sơ đồ cấu trúc kiến tạo địa khối Kon Tum trên cơ sở phân tích mô hình số độ cao DEM, tỷ lệ 1:500.000. - Báo cáo kết quả khảo sát thực địa cấu trúc kiến tạo đới Tam Kỳ - Phước Sơn. - Báo cáo kết quả khảo sát thực địa cấu trúc kiến tạo đới Pô Kô

					- Báo cáo kết quả khảo sát thực địa cấu trúc kiến tạo khu vực Kông Chro - An Khê - Báo cáo kết quả khảo sát thực địa cấu trúc kiến tạo khu vực Quảng Ngãi. - 40 kết quả phân tích vi cấu tạo. - 20 kết quả ảnh SEM phân tích cấu tạo. - Báo cáo kết quả phân tích luận giải các pha biến dạng địa khối Kon Tum. - Báo cáo cấu trúc không chế khoáng sản Cu-Au đới Tam Kỳ - Phước Sơn. - Báo cáo cấu trúc không chế khoáng sản Cu-Au đới Pô Cô. - Báo cáo cấu trúc không chế khoáng sản Cu-Au đới Kông Chro - An Khê. - Báo cáo cấu trúc không chế khoáng sản Sn-W(-Li) khu vực Quảng Ngãi. - Sơ đồ cấu trúc kiến tạo địa khối Kon Tum, tỷ lệ 1:500.000 (01 sơ đồ). - Sơ đồ cấu trúc kiến tạo các khu vực quan trọng đới Tam Kỳ - Phước Sơn, tỷ lệ 1:200.000 (02 sơ đồ). - Sơ đồ cấu trúc kiến tạo các khu vực quan trọng đới Pô Cô, tỷ lệ 1:200.000 (02 sơ đồ).
VI	Khoa Mỏ (02 đề tài)				
9	TS Vũ Trung Tiến: <i>Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành công tác xúc bốc - vận tải nhằm nâng</i>	CNKK.147/20	Khai thác hầm lò	1/2020-12/2021 Gia hạn 3/2023	Đã nghiệm thu cấp quốc gia, xếp loại Đạt - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - Hướng dẫn thành công 02 thạc sỹ

	<i>cao hiệu quả khai thác ở các mỏ than lộ thiên vùng Quảng Ninh</i>				- Hệ thống quan trắc địa chất thủy văn mỏ Hà Lâm khu vực khai thác dưới moong lộ thiên - Báo cáo đánh giá toàn bộ điều kiện địa chất - mỏ điều kiện địa chất thủy văn của khu vực các vỉa dưới moong lộ thiên vùng Hòn Gai - Cẩm Phả. - Mô hình dự báo các khe nứt trong đất đá vách từ vỉa lên đến đáy moong lộ thiên - Báo cáo tính toán được lượng nước chứa trong các moong lộ thiên và dự báo lượng nước có thể chảy vào khu vực khai thác (lò chợ) một số mỏ vùng Hòn Gai - Cẩm Phả - Hồ sơ tính toán, thiết kế xây dựng hệ thống trạm quan trắc địa chất thủy văn của khu vực các vỉa dưới moong lộ thiên - Mô hình xác định chiều cao vùng sập đổ và vùng nứt nẻ trong quá trình khai thác tương ứng với chiều dài tiến theo phương của gương lò chợ dưới khu vực moong lộ thiên vùng Hòn Gai - Cẩm Phả - Hệ thống các giải pháp kỹ thuật, công nghệ khai thác nhằm đảm bảo an toàn, ngăn ngừa rủi ro cho các lò chợ nằm dưới moong lộ thiên một số mỏ vùng Hòn gai - Cẩm Phả - Báo cáo kết quả áp dụng thử nghiệm các giải pháp kỹ thuật, công nghệ khai thác nhằm đảm bảo an toàn, ngăn ngừa rủi ro cho các lò chợ nằm dưới moong lộ thiên tại một mỏ cụ thể vùng Hòn gai - Cẩm Phả
--	--	--	--	--	--

					- Báo cáo tổng kết các kết quả nghiên cứu của đề tài
10	TS Nguyễn Văn Thịnh: <i>Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống phun sương dập bụi trong lò chợ khai thác than hầm lò vùng Quảng Ninh</i>	CNKK.148/20	Khai thác hầm lò	1/2020-12/2021 Gia hạn 06/2023	Đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu - Tổng quan về công nghệ khai thác và các giải pháp chống bụi lò chợ - Khảo sát, đo đạc, đánh giá hiện trạng bụi trong lò chợ của các mỏ than hầm lò vùng Quảng Ninh - Tính toán thiết kế và thiết lập bản vẽ các chi tiết chế tạo - Tính toán, lựa chọn hệ thống điện điều khiển hệ thống - Xây dựng quy trình công nghệ chế tạo - Công tác chế tạo - Lắp ráp, thử nghiệm tại nhà máy chế tạo - Lắp đặt tại hầm lò.

Ghi chú: Đề tài trọng điểm Cấp quốc gia:

10 đề tài (04 đề tài nghiệm thu cấp quốc gia, 04 đề tài đang thực hiện, 02 đề tài mở mới năm 2023)

Phụ lục 1b. Danh mục đề tài, nhiệm vụ NCCB do Quỹ Nafosted tài trợ (tính đến 31/3/2024)

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
I	Khoa Công nghệ thông tin (01 đề tài)				
1	PGS.TS Lê Văn Hưng: <i>Phát triển bộ công cụ dựa trên các kỹ thuật trí tuệ tính toán, công nghệ viễn thám và hệ thống tin địa lý để xây dựng các mô hình nghiên cứu và dự báo cháy rừng tại Việt Nam, áp dụng thí điểm cho tỉnh Quảng Ninh</i>	105.08.2018-09	Công nghệ phần mềm	12/2018-12/2021, Gia hạn đến 12/2022	Quá hạn thực hiện
II	Khoa Dầu khí và Năng lượng (02 đề tài)				
2	TS Vũ Văn Toàn: <i>Đặc trưng xúc tác của vật liệu khung kim loại-hữu cơ trong phản ứng hydroformyl hóa các olefin</i>	104.05.2017.38	Lọc - Hóa dầu	12/2017-12/2019, gia hạn 12/2020	Quá hạn thực hiện - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - Đào tạo 02 ThS
3	TS Dương Văn Hào: <i>Nghiên cứu đồng vị phóng xạ 238U, 234U, 228Ra, 226Ra, 224Ra, 222Rn, 220Rn, 210Pb, 210Po trong nước ngầm, nước khoáng nóng và nước sinh hoạt ở phía Bắc Việt Nam</i>	105.05-2019.10	Địa vật lý	09/2019 - 09/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 04 bài tạp chí thuộc danh mục ISI - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước - 01 bài đăng kỷ yếu hội nghị quốc gia - Đào tạo thành công 01 ThS
III	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất (07 đề tài)				

4	PGS.TS Ngô Xuân Thành: <i>Tiến hóa kiến tạo liên quan đến sự hình thành các đá magma Proterozoi muộn - Paleozoi sớm khu vực rìa Bắc địa khối Kon Tum</i>	105.99.2017.314	Địa chất	8/2018-8/2021, Gia hạn đến 08/2022	Quá hạn thực hiện
5	TS Nguyễn Hữu Hiệp: <i>Lịch sử tiến hóa địa chất vùng Nam Trung Bộ Việt Nam và mối liên quan với quá trình trầm tích ở trũng Tây Nam biển Đông trong giai đoạn Kainozoi</i>	105.99.2019.302	Địa chất	4/2020-2/2022 Gia hạn 4/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại: Đạt - 02 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - 01 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc gia - Đào tạo 01 ThS
6	TS Hoàng Đình Quế: <i>Đặc điểm địa hóa, đồng vị bền và phóng xạ ($^{87}\text{Sr}/^{86}\text{Sr}$ và $^{234}\text{U}/^{238}\text{U}$) của nước khoáng nóng khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và ý nghĩa của chúng trong luận giải nguồn gốc, thời gian lưu trú (14C) và yếu tố khống chế</i>	105.99.2020.02	Địa chất	1/2021-1/2024	Đang thực hiện, đã hoàn thành các nội dung nghiên cứu - Thu thập xử lý số liệu đã xuất bản trong và ngoài nước liên quan - Thực địa và thu thập mẫu, vận chuyển mẫu và đo thành phần - Chuẩn bị hóa chất, làm giàu, địa hóa và đồng vị, đo mẫu phổ alpha/beta - Phân tích hóa các mẫu nước bằng ICP-MS, ICP-AES, IC và TIM - Tổng hợp thông tin thực địa, địa chất

					- Đo mẫu xác định các thành phần đồng vị phóng xạ bằng phổ alpha/beta (LSC), phổ alpha - Xác định tuổi và nguồn gốc nước bằng việc sử dụng các đồng vị O13C, 87Sr, 86Sr và 234U/238U
7	TS Bùi Vinh Hậu: <i>Nguồn gốc và tiến hóa nhiệt động của các đá biến chất trung bình đến cao khu vực rìa đông bắc đới khô Sông Mã và ý nghĩa của chúng trong tiến hóa kiến tạo khu vực Tây Bắc</i>	105.99.2020.12	Địa chất	4/2020-2/2023, Gia hạn 10/2024	Đang thực hiện - 02 bài trong nước, - 01 bài hội nghị,
8	TS Nguyễn Thành Dương: <i>Nghiên cứu sức kháng cắt dư của đất ở mái dốc nhạy cảm với trượt và ảnh hưởng của tốc độ cắt</i>	105.08.2019.315	Địa chất công trình	04/2020 - 04/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại: Đạt - 03 bài báo tạp chí quốc tế
9	TS Nguyễn Khắc Du: <i>Bản chất mối quan hệ giữa đá peridotit manti và các đá vỏ đại dương trong tổ hợp ophiolit đới khô sông Mã: ý nghĩa của chúng trong nghiên cứu tiến hóa magma-kiến tạo khu vực</i>	105.01.2020.13	Tìm kiếm thăm dò	1/2021-1/2024, Gia hạn đến 01/2025	Đang thực hiện - 01 báo cáo đăng hội nghị toàn quốc
10	TS Nguyễn Trường Tài: <i>Bản chất kiến tạo của rìa nam-tây nam Địa khối Kon Tum và ý</i>	105.01-2021.08	Địa chất	9/2023-9/2026	Đang thực hiện

	<i>nghĩa của nó trong bình đồ kiến tạo khu vực</i>				
IV	Khoa Khoa học cơ bản (01 đề tài)				
11	PGS.TS Lê Đức Tuyên: <i>Nghiên cứu hiệu ứng plasmonic trong vật liệu biến hóa hấp phụ đa dải tần</i>	103.99.2020.45	Vật lý	4/2020-2/2022 Gia hạn 10/2023	Đang thực hiện - 02 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI - 02 bài báo đăng ký yếu hội nghị quốc tế - Đào tạo 02 ThS
V	Khoa Mỏ (01 đề tài)				
12	GS.TS Bùi Xuân Nam: <i>Nghiên cứu ứng dụng hệ thống mạng nơ-ron nhân tạo và các thuật toán tối ưu dự báo chấn động nổ mìn cho các mỏ lộ thiên Việt Nam</i>	105.99.2019.309	Khai thác lộ thiên	4/2020-2/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại: Đạt - 03 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI - 01 bài báo quốc tế khác - 01 bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước - 01 bài đăng ký yếu hội thảo quốc tế - 01 bài đăng ký yếu hội thảo quốc gia - Hướng dẫn 01 ThS
VI	Khoa Xây dựng (02 đề tài)				
13	PGS. TS Đỗ Ngọc Anh: <i>Nghiên cứu đánh giá một số tác động môi trường của thi công đường hầm tàu điện ngầm tại các đô thị Việt Nam</i>	105.08.2018.310	XDCTN và mỏ	4/2019-4/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 06 bài báo thuộc danh mục ISI (vượt trội) - 01 bài báo thuộc tạp chí quốc tế khác

					- 02 bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước - 01 báo cáo đăng hội nghị trong nước - Hướng dẫn thành công 02 ThS - Hướng dẫn thành công 01 NCS
14	PGS. TS Đỗ Ngọc Anh: <i>Nghiên cứu xây dựng mô hình tính toán hiệu năng cao cho đường hầm đô thị</i>	DFG.105-2022.03	XDCTN và mở	10/2023-10/2026	Đang thực hiện
VII	Khoa Lý luận chính trị (01 đề tài)				
15	TS Phí Mạnh Phong: <i>Già hóa dân số, nhu cầu và tài chính chăm sóc dài hạn ở Việt Nam</i>	502.99-2020.341	Kinh tế Chính trị và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	11/2020-11/2022 Gia hạn 6/2024	Đang thực hiện - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc gia

Ghi chú: Đề tài NCCB do Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (Nafosted) tài trợ: 15 đề tài NCCB
 Nghiệm thu năm 2023: 05 đề tài

Phụ lục 1c. Danh mục đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ và tương đương (tính đến 31/3/2024)

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
I	Khoa Công nghệ thông tin (05 đề tài : 04 đề tài nghiệm thu + 01 đề tài đang thực hiện)				
1	PGS.TS Lê Văn Hưng: <i>Xây dựng mô hình trí tuệ nhân tạo hiện đại nhằm đánh giá, phân vùng nguy cơ trượt lở đất cho khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam</i>	CT2019.01.02	Công nghệ phần mềm	7/2019- 6/2021 Gia hạn 6/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 02 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - 01 Sách tham khảo - Đào tạo 01 ThS - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - 01 mô hình trí tuệ nhân tạo nhằm đánh giá, phân vùng nguy cơ trượt lở đất cho huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu - 01 bộ bản đồ bao gồm: bản đồ các vị trí trượt lở đất, bản đồ của từng yếu tố ảnh hưởng và bản đồ phân vùng nguy cơ trượt lở đất cho huyện Than Uyên - 01 bộ bản đồ bao gồm: bản đồ các vị trí trượt lở đất, bản đồ của từng yếu tố ảnh hưởng và bản đồ phân vùng nguy cơ trượt lở đất cho tỉnh Lai Châu - 01 bộ bản đồ bao gồm: bản đồ các vị trí trượt lở đất và bản đồ phân vùng nguy cơ trượt lở đất cho vùng nghiên cứu.

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
2	TS. Nguyễn Thế Lộc: <i>Nghiên cứu phát triển phần mềm trung tâm phân tích dữ liệu trên máy chủ hỗ trợ ra quyết định về cảnh báo tai biến thiên nhiên và quyết định chuyển đổi sử dụng đất hiệu quả cho một tỉnh khu vực miền núi phía Bắc thí điểm tại tỉnh Lai Châu</i>	CT2019.01.07	Công nghệ phần mềm	7/2019-6/2021 Gia hạn 6/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí danh mục Scopus - 03 Bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế. - 03 Bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước. - 01 Bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế. - 01 Bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc gia. - 01 Sách về cơ sở dữ liệu nâng cao. - Đào tạo 01 ThS - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - Hệ thống phần mềm trung tâm phân tích dữ liệu trên máy chủ hỗ trợ ra quyết định về cảnh báo nguy cơ trượt lở.
3	TS Nguyễn Duy Huy: <i>Nghiên cứu xây dựng hệ thống chống bụi tự động dựa trên công nghệ IoT cho các kho và khu chế biến của mỏ than</i>	B2019-MDA-07	Khoa học máy tính	1/2019-12/2020 Gia hạn 6/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo thuộc danh mục ISI - 01 bài báo khoa học chuyên ngành trong nước - 01 báo cáo hội nghị khoa học toàn quốc - Đào tạo 01 ThS - Hướng dẫn tốt nghiệp 04 kỹ sư - Hướng dẫn 02 nhóm NCKHSV

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- 01 phần mềm theo dõi bụi than và điều khiển máy bơm, van nước tự động trên máy tính chạy trên môi trường web; - Bộ thiết bị đề xuất hỗ trợ thực nghiệm; - Xác nhận thực nghiệm và tiếp nhận chuyển giao của mỏ than vùng Quảng Ninh
4	TS Nguyễn Thị Mai Dung. <i>Nghiên cứu xây dựng hệ thống hỗ trợ giám sát chất lượng môi trường dựa trên nguồn dữ liệu đám đông (crowdsourced) và công nghệ dữ liệu lớn</i>	B2022-MDA-01	Tin học Trắc địa	1/2022-12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 báo cáo thuộc danh mục Scopus - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế - 01 bài báo khoa học chuyên ngành - 01 bài báo đăng trên hội nghị quốc tế - Đào tạo 02 ThS - Phần mềm thu thập dữ liệu người dùng về môi trường trên thiết bị di động - Phần mềm hỗ trợ giám sát quản lý môi trường tích hợp công nghệ dữ liệu lớn và nguồn dữ liệu đám đông
5	TS. Dương Thị Hiền Thanh: <i>Nghiên cứu phát triển mô hình học sâu đa phương thức phân tách đồng thời âm thanh và hình ảnh từ dữ liệu đa phương tiện, ứng dụng trong bảo tồn kho tàng ca múa nhạc dân gian Việt Nam</i>	B2023-MDA-02	Tin học Kinh tế	1/2023-2024	Đang thực hiện - 01 Báo cáo hội nghị khoa học quốc tế
II	Khoa Cơ điện (01 đề tài đang thực hiện)				

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
6	TS. Nguyễn Khắc Linh: <i>Nghiên cứu thiết kế thiết bị hỗ trợ tháo dỡ vì chống cho đường lò có tiết diện 9÷15 m2 trong mỏ than hầm lò vùng Quảng Ninh.</i>	B2023-MDA-03	Máy và Thiết bị công nghiệp	1/2023-12/2024	Đang thực hiện
III	Khoa Dầu khí và Năng lượng (04 đề tài: 03 đề tài nghiệm thu + 01 đề tài đang thực hiện)				
7	TS Ngô Hà Sơn: <i>Nghiên cứu chế tạo vật liệu quang xúc tác thế hệ mới trên nền khoáng sét halloysit và graphene oxit ứng dụng để xử lý một số hợp chất hữu cơ độc hại khó phân hủy trong nước</i>	B2021-MDA-02	Lọc - Hóa dầu	1/2021-12/2022 Gia hạn 6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục SCIE nhóm Q2; - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong danh mục được HĐGSNN tính điểm - Đào tạo 01 ThS - Đào tạo 02 Kỹ sư - 50g Vật liệu quang xúc tác đa chức năng thế hệ mới Ag-TiO₂/Graphen oxit/Nano halloysit, Cu₂O/Graphen oxit/Nano halloysit, CuFe₂O₄/Graphen oxit/Nano halloysit; - 50g Vật liệu quang xúc tác đa chức năng; - 01 Quy trình xử lý khoáng sét cao lanh Việt Nam để tạo ra chất mang dạng ống nanohalloysit; - 01 Quy trình xử lý graphit tự nhiên để thu được graphen oxit;

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- 01 Quy trình xử lý các chất hữu cơ khó phân huỷ sử dụng vật liệu quang xúc tác đã được tổng hợp với tác nhân oxi hoá H₂O₂ trong môi trường nhiệt độ thấp dưới ánh sáng khả kiến (Vis) và/hoặc vùng UV; - 01 Báo cáo kết quả nghiên cứu chế tạo các vật liệu xúc tác quang trên cơ sở graphen pha tạp Ag, TiO₂, Cu₂O, CuFe₂O₄; - 01 Báo cáo kết quả đánh giá cấu trúc, đặc tính hấp phụ và quang xúc tác của các vật liệu đã chế tạo được đối với việc xử lý các chất hữu cơ khó phân huỷ (như Floroquinolone, beta-lactam...) trong nước; - 01 Báo cáo kết quả nghiên cứu về mối tương quan giữa tâm hoạt động xúc tác với hợp chất hữu cơ khó phân huỷ, xác định sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng liên quan đến quá trình hấp phụ - oxi hoá quang xúc tác trên vật liệu thể hệ mới tổng hợp được
8	PGS.TS Phạm Xuân Núi: <i>Nghiên cứu quy trình công nghệ tái chế chất nhựa thải để chế tạo vật liệu mới có khả</i>	B2021-MDA-03	Lọc - Hóa dầu	1/2021-12/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc - 03 bài báo quốc tế (Q1) thuộc danh mục SCI/SCI-E;

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
	<i>năng cách nhiệt, hấp phụ - quang xúc tác để xử lý môi trường</i>				- 01 bài báo trên tạp chuyên ngành trong nước có uy tín. - Đào tạo được 01 thạc sĩ - Góp phần đào tạo 01 NCS. - Đào tạo 05 Kỹ sư - 01 nhóm sinh viên NCKH - 01 Quy trình công nghệ tái chế chai nhựa thải thành nguyên liệu có ích (rPET) và axit terephthalic (TPA); - 01 Quy trình chế tạo vật liệu mới aerogel có khả năng cách nhiệt từ nguyên liệu tái chế (rPET); - 01 Quy trình chế tạo vật liệu khung kim loại-hữu cơ; - 100 gram TPA; - 50 gram vật liệu xúc tác quang; - 02 tấm vật liệu aerogel cách nhiệt (10×10 cm²)
9	TS. Phạm Trung Kiên: <i>Nghiên cứu quá trình tinh thể hóa hydrat, định hướng ứng dụng cho kỹ thuật xử lý nước và ô nhiễm môi trường.</i>	B2023-MDA-10	Lọc - Hóa dầu	1/2023-12/2024	Đang thực hiện
10	TS Kiều Duy Thông: <i>Nghiên cứu đổi mới công nghệ phân tích tài liệu từ,</i>	TNMT.2022.02.20	Địa vật lý	1/2022-12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá - 02 bài báo thuộc danh mục tạp chí WoS

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
	<i>trọng lực (vệ tinh/hàng không/mặt đất) để xác định các cấu trúc địa chất bị vùi lấp phục vụ điều tra đánh giá tài nguyên khoáng sản ẩn sâu ở Việt Nam</i>				- 01 Bài báo thuộc danh mục Scopus - 01 bài đăng tạp chí chuyên ngành - 03 bài báo đăng kỷ yếu hội nghị - Báo cáo tổng quan xử lý và phân tích tài liệu từ, trọng lực (vệ tinh/hàng không/mặt đất) để xác định các cấu trúc địa chất bị vùi lấp - Phương pháp xác định biên mới và tổ hợp phương pháp xác định độ sâu của các cấu trúc địa chất bị vùi lấp - Bộ phần mềm xử lý tài liệu từ và trọng lực và hướng dẫn sử dụng - Dự thảo quy trình công nghệ mới xử lý tài liệu từ và trọng lực - Báo cáo kết quả áp dụng thử nghiệm trên 3 cấu trúc địa chất bị vùi lấp đã được lựa chọn - 01 Đăng ký sở hữu trí tuệ - Báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp về kết quả nghiên cứu
IV	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất (13 đề tài : 07 đề tài nghiệm thu + 06 đề tài đang thực hiện)				
11	GS.TS Trần Thanh Hải: <i>Bản chất kiến tạo của các thành tạo biến chất cao ở rìa đông Địa khối Kon Tum và ý nghĩa</i>	B2019-MDA-562-15	Địa chất	1/2019-6/2021	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 Bài báo quốc tế thuộc danh mục SCIE

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
	<i>đối với sự tiến hóa địa chất khu vực Đông Dương</i>			Gia hạn 6/2022	- 02 Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế khác (vượt 01 bài) - 02 Bài báo đăng trong tạp chí quốc gia - 01 Báo cáo hội nghị khoa học quốc tế - 02 Báo cáo hội nghị khoa học quốc gia (vượt 02 bài) - Đào tạo 02 ThS - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - 01 Sơ đồ cấu trúc kiến tạo địa chất khu vực rìa đông Địa khối Kon Tum tỷ lệ 1:500.000;
12	PGS.TS Ngô Xuân Thành: <i>Thạch luận và tuổi thành tạo các đá mafic, siêu mafic trong tổ hợp ophiolit thuộc đới khu Tam Kỳ - Phước Sơn và ý nghĩa của chúng với tiến hóa kiến tạo địa khối Đông Dương</i>	B2019-MDA-562-14	Địa chất	1/2019-6/2021 Gia hạn 6/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo thuộc danh mục ISI - 02 Bài báo khoa học được đăng trên tạp chí trong nước thuộc danh mục các tạp chí tính điểm của HĐCDGSNN - 03 bài báo trên hội nghị khoa học trong nước - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - 01 bộ Bộ số liệu địa hóa, đồng vị và tuổi của các đá magma Proterozoi muộn - Paleozoi sớm rìa bắc địa khối Kon Tum
13	PGS.TS Nguyễn Văn Lâm: <i>Quản lý chung Chương trình KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu cơ sở lý luận thực tiễn, đánh giá thực trạng sử dụng đất và đề</i>	CT2019-01-08	Địa chất thủy văn	7/2019-7/2021 Gia hạn 6/2022	Đã tổng kết Chương trình Sản phẩm khoa học: - 05 Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế - 10 Bài báo đăng trên tạp chí trong nước

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
	<i>xuất hệ thống các giải pháp công nghệ IOT dự báo, giám sát nhằm sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả, bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và các dạng tai biến thiên nhiên khu vực miền núi phía Bắc”</i>				- 14 Bài báo đăng trên kỷ yếu hội nghị /Hội thảo - 04 Sách hướng dẫn - Sản phẩm đào tạo: - Đào tạo thành công 09 ThS - Hỗ trợ đào tạo 04 NCS - Sản phẩm ứng dụng - 01 Sơ đồ phân bố địa chất, khí hậu khu vực vùng núi phía Bắc. - 01 Hệ thống đo lường, giám sát, và cảnh báo thông tin thông qua Web-GIS cho giám sát độ ẩm đất, mức độ hạn đất, trượt lở đất... - 01 Báo cáo đánh giá hiệu quả giám sát độ ẩm đất, mức độ hạn đất,... từ ảnh vệ tinh. - 01 Các mô hình ứng dụng thành quả của cách mạng 4.0 như trí tuệ nhân tạo, xử lý dữ liệu lớn trong dự báo và ứng phó với các tai biến địa chất và một số thiên tai khác. - 01 Mô hình sử dụng nền tảng mạng IoT tiên tiến hoạt động trong điều kiện khó khăn ở các khu vực vùng núi phục vụ ứng phó với thiên tai khắc nghiệt

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- Bản kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất phục vụ phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu khu vực phía Bắc. - 01 Đăng ký sở hữu trí tuệ - Bản đồ địa chất, khí hậu khu vực trung du và miền núi phía Bắc tỷ lệ 1/200.000 - Bản đồ địa chất, khí hậu khu vực tỉnh Lai Châu tỷ lệ 1/50.000 - Sơ đồ phân vùng tai biến thiên nhiên ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp bền vững khu vực trung du và miền núi phía Bắc tỷ lệ 1/200.000 - Sơ đồ phân vùng tai biến thiên nhiên ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Lai Châu tỷ lệ 1/50.000 - 01 bộ bản đồ bao gồm: bản đồ hiện trạng trượt lở đất, bản đồ của từng yếu tố ảnh hưởng và bản đồ phân vùng nguy cơ trượt lở đất cho huyện Than Uyên - 01 bộ bản đồ bao gồm: bản đồ các vị trí trượt lở đất, bản đồ của từng yếu tố ảnh hưởng và bản đồ phân vùng nguy cơ trượt lở đất cho tỉnh Lai Châu

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- 01 bộ bản đồ bao gồm: bản đồ các vị trí trượt lở đất và bản đồ phân vùng nguy cơ trượt lở đất cho vùng nghiên cứu - 01 bộ bản vẽ thiết kế: Các module trạm trung tâm; Các module trạm cảm biến. - 01 bộ firmware cho: Module trạm trung tâm; Module trạm cảm biến 01 chương trình phần mềm đọc trực tiếp dữ liệu các trạm về máy tính hoặc trạm trung tâm - 01 chương trình phần mềm ứng dụng Web nhận, xử lý dữ liệu từ các hệ thống - 02 Thiết bị gateway - Hệ thống phần mềm trung tâm giám sát độ ẩm đất, mức độ hạn đất, trượt lở đất tích hợp công nghệ Web-GIS trên máy chủ qua mạng internet - Tài liệu phân tích thiết kế phần mềm trung tâm giám sát độ ẩm đất, mức độ hạn đất, trượt lở đất trên máy chủ tích hợp công nghệ Web-GIS - Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm trung tâm giám sát độ ẩm đất, mức độ hạn đất, trượt lở đất trên máy chủ tích hợp công nghệ Web-GIS

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- Phần mềm ứng dụng nền tảng di động Android của hệ thống theo dõi độ ẩm đất, mức độ hạn đất, trượt lở đất tích hợp công nghệ Web-GIS: cập nhật liên tục, hiển thị các thông tin từ các trạm giám sát độ ẩm đất, mức độ hạn đất, trượt lở đất qua máy chủ và hỗ trợ người dùng chức năng theo dõi, cảnh báo khi thông số đo vượt giá trị ngưỡng đặt trước - Tài liệu phân tích thiết kế phần mềm ứng dụng nền tảng di động Android của hệ thống giám sát độ ẩm đất, mức độ hạn đất, trượt lở đất tích hợp công nghệ Web-GIS - Tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm ứng dụng nền tảng di động Android của hệ thống giám sát độ ẩm đất, mức độ hạn đất, trượt lở đất tích hợp công nghệ Web-GIS - Hệ thống phần mềm trung tâm phân tích dữ liệu trên máy chủ hỗ trợ ra quyết định về cảnh báo nguy cơ trượt lở
14	TS Nguyễn Bách Thảo: <i>Nghiên cứu xác định nguồn gốc, cơ chế và giải pháp kiểm soát xâm nhập mặn các tầng chứa nước ven biển khu vực TP.</i>	B2019-MDA-562-18	Địa chất thủy văn	1/2019-6/2021 Gia hạn 6/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo thuộc danh mục WoS - 01 bài báo hội nghị thuộc chỉ mục scopus - 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước có chỉ số ISSN

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
	<i>Đà Nẵng trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng</i>				- 04 báo cáo và bài báo đăng trong các Hội thảo quốc tế, quốc gia - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS theo hướng nghiên cứu của Đề tài - 03 thạc sĩ bảo vệ thành công theo hướng Nghiên cứu của Đề tài - Đào tạo 01 KS - Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên NCKH - Bản đồ Phân vùng hiện trạng xâm nhập mặn nước dưới đất - Bộ số liệu phân tích đánh giá nguồn gốc của nước dưới đất, bổ sung thông tin cho mô hình mô phỏng dòng chảy và xâm nhập mặn nước dưới đất. Nguồn gốc và cơ chế xâm nhập mặn nước dưới đất. - Sơ đồ giải pháp kỹ thuật kiểm soát xâm nhập mặn đảm bảo phát triển bền vững tài nguyên nước dưới đất.
15	TS Tô Xuân Bản: <i>Nghiên cứu đánh giá tình hình khai thác sử dụng đất nông nghiệp và các tai biến thiên nhiên ảnh hưởng tới sự phát triển nông nghiệp bền vững tại khu vực trung du và miền núi phía Bắc</i>	CT2019-01-01	Khoáng thạch và ĐH	7/2019-7/2020 Gia hạn 6/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc gia - 02 báo cáo hội nghị khoa học - 01 Sách (Tài liệu tham khảo) - Đào tạo 02 ThS

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- Báo cáo hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp tạo khu vực trung du và miền núi phía Bắc - Bản đồ địa chất, khí hậu khu vực trung du và miền núi phía Bắc tỷ lệ 1:200.000 - Bản đồ địa chất, khí hậu khu vực tỉnh Lai Châu tỷ lệ 1/50.000 hoặc 1/100.000 - Sơ đồ phân vùng tai biến thiên nhiên ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp bền vững khu vực trung du và miền núi phía Bắc tỷ lệ 1/200.000 - Sơ đồ phân vùng tai biến thiên nhiên ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Lai Châu tỷ lệ 1/50.000 hoặc 1/100.000
16	TS Nhữ Việt Hà: <i>Nghiên cứu áp dụng trí tuệ nhân tạo trong dự báo trữ lượng, đánh giá cơ chế suy thoái và đề xuất các giải pháp quản lý bền vững nước ngầm mạch lộ khu vực khan hiếm nước Gia Lai - Kontum</i>	B2021-MDA-12	Địa chất công trình	1/2021-12/2022 Gia hạn 6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 03 bài báo khoa học thuộc danh mục ISI/WoS - 02 bài báo khoa học trong nước - 01 báo cáo hội nghị khoa học - Hỗ trợ Đào tạo 02 NCS - Quy trình công nghệ máy học - trí tuệ nhân tạo ứng dụng trong dự báo trữ lượng và đánh giá cơ chế suy thoái nước ngầm mạch lộ độ chính xác cao

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- Mô hình máy học - trí tuệ nhân tạo mới cho dự báo trữ lượng và đánh giá cơ chế suy thoái nước ngầm mạch lộ khu vực Gia Lai - Kontum. - Các giải pháp đề xuất quản lý bền vững nước ngầm mạch lộ khu vực Gia Lai - Kontum
17	TS Nguyễn Văn Phóng: <i>Nghiên cứu tính chất cơ học động của đất phục vụ thiết kế nền móng tháp điện gió, áp dụng cho khu vực ven biển Sóc Trăng</i>	B2022-MDA-14.	Địa chất công trình	1/2022-12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo thuộc danh mục ISI - 01 bài báo thuộc danh mục Scopus - 02 bài báo trên tạp chí thuộc danh mục tạp chí tính điểm của HĐCDGSNN - 01 báo cáo hội nghị KHQT - 03 báo cáo hội nghị khoa học toàn quốc (vượt 02 bài) - Đào tạo 01 ThS - Bộ kết quả thí nghiệm xác định đặc trưng cơ lý của đất và các chỉ tiêu tính chất cơ học động của đất bằng phương pháp ba trục động (theo tiêu chuẩn ASTM D3999 và ASTM D5311) - Quy trình và chỉ dẫn kỹ thuật xác định tính chất cơ học động của đất phục vụ thiết kế nền móng tháp điện gió - Quy trình và chỉ dẫn kỹ thuật thí nghiệm xác định tính chất cơ học động của đất bằng phương pháp ba trục động.

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- Tài liệu về phương pháp tính toán nền móng có xét tới mức độ nhạy cảm của đất nền với tải trọng động tháp điện gió.
18	TS Ngô Xuân Đắc: <i>Nghiên cứu đánh giá tiềm năng sinh khoáng Cu-Au vùng Đông Bắc đới Fan Si Pan trên cơ sở đặc điểm quặng hóa Cu-Au khu mỏ Tả Phời, Sin Quyền</i>	B2022-MDA-15	Tìm kiếm và thăm dò	1/2022-12/2023 Gia hạn 6/2024	Đang thực hiện - 01 bài đăng trên tạp chí Q1 - 02 bài báo trong nước 1 bài đã online, 1 bài đã được chấp nhận đăng - 02 bài báo cáo hội nghị đã online - Đào tạo 01 ThS theo hướng nghiên cứu của đề tài. - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - 01 Báo cáo đánh giá tiềm năng sinh khoáng khu vực Đông Bắc đới Fan Si Pan
19	TS Bùi Vinh Hậu: <i>Nghiên cứu cấu trúc địa chất và vận động kiến tạo trẻ tác động tới sự biến đổi của dòng chảy và đới bờ, ý nghĩa của chúng đối với tai biến thiên nhiên khu vực Tây Nam Bộ</i>	CT.2022.01.MDA.01	Địa chất	1/2022-12/2023 Gia hạn 6/2024	Đang thực hiện - 01 bài báo khoa học trong nước đã chấp nhận đăng, 01 bài đang hoàn thành bản thảo để gửi - 01 bài báo hội nghị (ERSD 2022) - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - Thuyết minh + sơ đồ hiện trạng tai biến và biến động dòng chảy và đới bờ tỷ lệ 1:250.000 khu vực Tây Nam Bộ - Thuyết minh + sơ đồ cấu trúc - kiến tạo trẻ tỷ lệ 1:250.000 với các yếu tố cấu trúc như dập vỡ, đứt gãy, nâng hoặc sụt lún mang tính khu vực và địa phương, thể hiện được mối quan hệ giữa các vận động kiến

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					tạo với các các tai biến địa chất như xói lở, bóc mòn hoặc sụt lún - Thuyết minh + sơ đồ phân vùng cấu trúc và mức độ dịch chuyển tân kiến tạo tỷ lệ 1:250.000 khu vực Tây Nam Bộ
20	TS Trần Vũ Long: <i>Nghiên cứu, đánh giá vai trò của các yếu tố địa chất thủy văn - địa chất công trình đối với sự biến đổi của dòng chảy và đới bờ vùng cửa sông Hậu, khu vực Tây Nam Bộ</i>	CT.2022.01.MDA.02	Địa chất thủy văn	1/2022-12/2023 Gia hạn 6/2024	Đang thực hiện - 01 bài báo trên tạp chí Tài nguyên và Môi trường (ISSN 1859-1477) - 01 báo cáo Hội nghị Khoa học toàn quốc - 01 ThS đã bảo vệ thành công
21	TS Ngô Thị Kim Chi: <i>Nghiên cứu phương pháp đánh giá rủi ro xâm nhập mặn có xét tới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu</i>	CT.2022.01.MDA.05	Địa chất	1/2022-12/2023 Gia hạn 6/2024	Đang thực hiện - 01 bài báo hội nghị (ERSD 2022) (Đặc điểm Foraminifera trong trầm tích Holocen khu vực đồng bằng sông Cửu Long) - 01 ThS bảo vệ thành công - Bộ số liệu về hoạt động tự nhiên và nhân sinh dẫn tới sự biến đổi dòng chảy và đới bờ biển khu vực Tây Nam Bộ. - Sơ đồ địa mạo khu đới bờ khu vực Tây Nam Bộ, tỷ lệ 1:250.000

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- Sơ đồ phân vùng mức độ tổn thương khu đới bờ khu vực Tây Nam Bộ, tỷ lệ 1:250.000
22	PGS.TS Bùi Hoàng Bắc: Quản lý chung của Chương trình "Nghiên cứu các yếu tố tác động tới sự biến đổi dòng chảy, đới bờ khu vực Tây Nam Bộ và tai biến thiên nhiên liên quan, đề xuất giải pháp phòng tránh, giảm thiểu	CT.2022.01.MDA.08	Tìm kiếm và thăm dò	1/2022-12/2023 Gia hạn 6/2024	Đang thực hiện - Thuyết minh Chương trình được phê duyệt - Bảng tổng hợp và các phiếu đề xuất nhiệm vụ KH&CN - Hồ sơ Hội thảo - Sơ kết Chương trình
23	PGS.TS. Khương Thế Hùng: <i>Đánh giá triển vọng quặng chì - kẽm khu vực Chợ Đồn, Bắc Kạn trên cơ sở nghiên cứu mô hình thành tạo mỏ chì - kẽm Nà Bốp - Pù Sáp</i>	B2023-MDA-08	Tìm kiếm và thăm dò	1/2023-12/2024	Đang thực hiện - 01 bài báo đăng trên Tạp chí Công nghiệp mỏ - Đã hướng dẫn 01 học viên cao học theo hướng đề tài
24	TS Tô Xuân Bản: <i>Khảo sát, đánh giá nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên phục vụ phát triển Ngành Du lịch tỉnh Bắc Kạn</i>	5.2022.06	Khoáng thạch và Địa hóa	3/2022-2/2024 Gia hạn 8/2024	Đang thực hiện
V	Khoa Khoa học cơ bản (06 đề tài : 04 đề tài nghiệm thu + 02 đề tài đang thực hiện)				

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
25	TS Công Tiến Dũng: <i>Nghiên cứu chế tạo polyme vô cơ từ khoáng sét và bùn đỏ của ngành khai thác chế biến alumina để sản xuất gạch không nung</i>	B2019-MDA-04	Hóa học	1/2019-12/2020 Gia hạn 6/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo đăng trên tạp chí ISI - 02 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước - 01 báo cáo Hội nghị khoa học - Hướng dẫn thành công 01 ThS - 01 Quy trình công nghệ chế tạo tiền chất cho quá trình geopolyme hóa từ khoáng sét (cao lanh/trường thạch) - 01 Quy trình công nghệ đóng rắn vật liệu polyme vô cơ từ khoáng sét và bùn đỏ làm vật liệu không nung - 100 viên Gạch không nung chế tạo từ khoáng sét và bùn đỏ
26	TS Nguyễn Mạnh Hùng: <i>Chế tạo vật liệu quang xúc tác thu hồi được trên cơ sở photphat bạc (Ag_3O_4) kết hợp vật liệu từ tính</i>	B2020-MDA-11	Vật lý	1/2020-12/2021 Gia hạn 6/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo thuộc danh mục ISI - 01 bài báo thuộc danh mục Scopus - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - 04 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc gia, quốc tế (vượt trội 04 bài) - Hướng dẫn thành công 02 ThS (vượt trội 01)

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- 01 Quy trình chế tạo Ag_3PO_4 kết hợp vật liệu từ có hoạt tính quang xúc tác cao và có thể thu hồi được bằng từ trường - 200g Mẫu vật liệu composite Ag_3PO_4/vật liệu từ
27	TS Đỗ Thị Hồng Hải: <i>Động học của chuyển pha trạng thái ngưng tụ exciton trong các hệ bán kim loại, bán dẫn</i>	B2021-MDA-14	Vật lý	1/2021-12/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 02 bài báo thuộc danh mục SCI-E Q2 - 04 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội nghị quốc gia, quốc tế (vượt trội 02bài) - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - 01 Báo cáo gián đồ pha mô tả chuyển pha trạng thái ngưng tụ exciton trong các hệ bán kim loại, bán dẫn - Báo cáo bản chất động học của chuyển pha trạng thái ngưng tụ exciton trong các hệ bán kim loại, bán dẫn
28	PGS.TS Nguyễn Trường Thanh. Nghiên cứu một số bài toán định tính cho hệ phương trình vi - sai phân bậc nguyên và bậc phân thứ	B2022-MDA-02.	Toán học	1/2022-12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 03 bài báo đăng trên tạp chí ISI - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - Đào tạo thành công 02 ThS
29	TS Lê Thị Duyên. <i>Nghiên cứu giải hấp phụ và thu hồi một số kim loại nặng từ nước thải công nghiệp sử</i>	B2022-MDA-03.	Hóa học	1/2022-12/2023 Gia hạn 6/2024	Đang thực hiện - 01 bài báo ISI Q2 - 01 bài báo ISI Q3 - 01 bài báo tạp chí quốc tế khác - 03 bài báo trong nước

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
	<i>dụng vật liệu hydroxyapatit tổng hợp và khoáng sét</i>				- 01 bài đăng trong kỷ yếu hội nghị khoa học trong nước - Đào tạo 01 ThS - Quy trình hấp phụ - giải hấp phụ, thu hồi kim loại nặng trong nước thải công nghiệp dùng vật liệu hydroxyapatit tổng hợp - Quy trình dễ hiểu, dễ sử dụng, có tính lặp lại cao, đạt tiêu chuẩn để thu hồi kim loại nặng từ vật liệu hấp phụ khoáng sét halloysit với hiệu suất cao (khoảng 90%) Được Hội đồng khoa học nghiệm thu
30	TS Trần Thị Hà: <i>Nghiên cứu chế tạo các cấu trúc nano kim loại quý (Au, Ag) định hướng ứng dụng làm đầu đo quang học phát hiện chất độc ethyl carbamate trong đồ uống</i>	B2023-MDA-01	Vật lý	1/2023-12/2024	Đang thực hiện - 01 Bài báo đăng trên tạp chí ISI - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS
VI	Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh (01 đề tài đang thực hiện)				
31	TS Lê Đình Chiều: <i>Nghiên cứu mô hình kinh tế tuần hoàn phù hợp với ngành công nghiệp khai thác than ở Việt Nam</i>	B2023-MDA-09	Quản trị Doanh nghiệp Mỏ	1/2023-12/2024	Đang thực hiện - 01 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế khác - 01 bài báo trong nước - Đào tạo 01 ThS
VI	Khoa Mỏ (06 đề tài ; 02 đề tài nghiệm thu + 01 DATC đang trình hồ sơ + 03 đề tài đang thực hiện)				
32	GS.TS Bùi Xuân Nam: <i>Nâng cấp Tạp chí khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất</i>	DATC-2020	Khai thác lộ thiên	1/2020-12/2022	Đã nghiệm thu cấp cơ sở

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
	để được gia nhập hệ thống trích dẫn Đông Nam Á-ACI				
33	ThS Trần Văn Được: Nghiên cứu công nghệ thu hồi Apatit trong bãi thải các nhà máy tuyển apatit Lào Cai bằng sơ đồ kết hợp tuyển nổi cơ giới truyền thống và tuyển nổi cột	B2021-MDA-07	Sức bền vật liệu	1/2021-12/2022 Gia hạn 6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo thuộc danh mục ISI - 01 bài báo đăng tạp chí quốc tế - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - Sơ đồ kết hợp tuyển nổi cơ giới truyền thống và tuyển nổi cột để áp dụng thử nghiệm tuyển nổi các đối tượng khoáng sản hạt mịn khác nhau - Quy trình công nghệ tuyển thu hồi apatit trong bãi thải các nhà máy tuyển Lào Cai để thu hồi được tinh quặng đạt yêu cầu chất lượng làm nguyên liệu sản xuất phân bón (hàm lượng $P_2O_5 \geq 30\%$, $Fe_2O_3 + Al_2O_3 < 5\%$, $MgO, 1,0\%$), thực thu 32%, dự kiến áp dụng cho các nhà máy tuyển apatit vùng Lào Cai
34	TS Trần Mạnh Tiến: Nghiên cứu xây dựng mô hình mô phỏng ứng xử cơ nhiệt của cấu kiện bê tông cốt thép được gia cường bởi vật liệu	B2021-MDA-10	Khai thác hầm lò	1/2021-12/2022 Gia hạn 6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo thuộc danh mục ISI - 01 bài báo hội nghị thuộc chỉ mục Scopus

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
	<i>Composite TRC dưới tác dụng của tải trọng hỏa hoạn</i>				- 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - Đào tạo thành công 01 ThS - Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của nhiệt độ cao đến độ bền, sự thay đổi cấu trúc, các dạng phá hủy của bê tông, vật liệu TRC và kết cấu BTCT được gia cường bởi vật liệu TRC - Bộ số liệu các thông số đầu vào của mô hình ứng xử của vật liệu bê tông, vật liệu TRC và cấu kiện BTCT được gia cường bởi vật liệu TRC dưới tác dụng đồng thời của tải trọng cơ học và nhiệt độ cao - Mô hình số dựa trên phương pháp phần tử hữu hạn trong phần mềm Ansys Mechanical mô phỏng ứng xử cơ nhiệt của kết cấu BTCT được gia cường bởi vật liệu TRC dưới tác dụng đồng thời của tải trọng cơ học và nhiệt độ cao - Báo cáo ảnh hưởng của các tham số vật liệu đến ứng xử cơ nhiệt và các tính chất cơ học của vật liệu Composite TRC cũng như cấu kiện BTCT được gia cường bởi TRC ở các nhiệt độ khác nhau

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- Báo cáo tính toán ứng dụng mô hình trong dự báo độ bền của một kết cấu BTCT được gia cường bằng vật liệu TRC dưới tác dụng của tải trọng hỏa hoạn và phân tích ảnh hưởng của các tham số vật liệu khác nhau
35	ThS Nguyễn Văn Quang: <i>Nghiên cứu giải pháp phun sương cao áp phù hợp nâng cao hiệu quả chống bụi khi đào lò ở các mỏ than vùng Quảng Ninh</i>	B2022-MDA-11.	Khai thác hầm lò	1/2022-12/2023 Gia hạn 6/2024	Đang thực hiện - Công bố 01 bài báo đăng tạp chí trong nước - Hỗ trợ đào tạo 01 nghiên cứu sinh theo hướng nghiên cứu của đề tài (chủ nhiệm đề tài) - 01 Báo cáo phân tích, đề xuất công nghệ chống bụi hợp lý đối với từng loại đường lò phân loại theo nồng độ bụi - 01 Báo cáo xây dựng biểu đồ tổ chức chu kỳ đào chống lò hợp lý theo đặc điểm địa chất mỏ nhằm giảm thiểu nồng độ bụi - 01 Bộ bản vẽ thiết kế công nghệ chống bụi khả thi cho gương lò đào tại mỏ than hầm lò vùng Quảng Ninh - 01 Bộ bản vẽ triển khai áp dụng sơ đồ công nghệ chống bụi hợp lý tại gương lò đào của mỏ than hầm lò vùng Quảng Ninh
36	TS. Nguyễn Hoàng: <i>Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật trí tuệ nhân tạo dự báo</i>	B2023-MDA-04	Khai thác lộ thiên	1/2023-12/2024	Đang thực hiện

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
	<i>khoảng cách đá bay khi nổ mìn trên các mỏ lộ thiên bằng mô hình mạng nơ-ron nhân tạo và các giải thuật metaheuristic</i>				- Báo cáo phân tích đánh giá ảnh hưởng của đất đá bay khi nổ mìn tới môi trường xung quanh - Báo cáo kết quả giám sát khoảng cách đá bay tại khu vực nghiên cứu - Báo cáo kết quả phân tích và xử lý dữ liệu
37	PGS.TS Lê Tiến Dũng: <i>Nghiên cứu đề xuất giải pháp công nghệ hợp lý nhằm nâng cao sự ổn định gương và bóc lò chợ cơ giới hóa dưới tầng đá vách ổn định trung bình tới bền vững vùng than Quảng Ninh</i>	B2023-MDA-05	Khai thác hầm lò	1/2023-12/2024	Đang thực hiện - 01 Bài báo được đăng trên tạp chí khoa học trong nước được HDGSNN tính điểm (chưa có cảm ơn Bộ). - 01 bản thảo gửi đến hội thảo quốc tế có chọn lọc xuất bản tạp chí Scopus. - 01 Sách chuyên khảo được in tại Nhà xuất bản có chỉ số ISBN, có Quyết định xuất bản - Đào tạo thành công 01 thạc sĩ có luận văn theo hướng nghiên cứu của đề tài và đã bảo vệ thành công - 01 bộ biểu đồ áp lực làm việc giàn chống thực địa theo tiến độ khai thác - 01 bộ dữ liệu định lượng sự mất ổn định gương. - 01 quy trình kỹ thuật mô phỏng số kèm bộ tài liệu hướng dẫn mô phỏng.
VII	Khoa Môi trường (02 đề tài: 01 đề tài nghiệm thu + 01 đề tài đang thực hiện)				

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
38	TS Nguyễn Quốc Phi: <i>Nghiên cứu đánh giá mức độ biến động cảnh quan môi trường và tai biến tự nhiên, hướng tới mục tiêu quản lý bền vững di sản địa chất khu vực Công viên địa chất Non Nước Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng</i>	B2021-MDA-08	Môi trường cơ sở	1/2021-12/2022 Gia hạn 6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo thuộc danh mục ISI - 01 bài báo thuộc danh mục Scopus - 03 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - 01 báo cáo hội nghị - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - Đào tạo thành công 02 ThS - Báo cáo đánh giá các yếu tố gây biến động môi trường và tai biến tự nhiên, ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường đối với các khu vực công viên địa chất - Báo cáo về tác động của tai biến tự nhiên và các hoạt động nhân sinh đến mức độ xáo trộn cảnh quan (landscape disturbance) khu vực Công viên địa chất Non Nước Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng - Sơ đồ phân vùng mức độ biến động cảnh quan môi trường sử dụng mô hình phân tích dữ liệu lớn (big data) cho khu vực Công viên địa chất Non Nước Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng - Bản đề xuất các giải pháp bảo tồn, hướng tới mục tiêu quản lý và phát triển bền vững

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					tài nguyên thiên nhiên tại các khu vực di sản địa chất
39	TS Nguyễn Phương Đông: <i>Nghiên cứu ứng dụng mô hình mô phỏng tác động hiệu ứng đảo nhiệt đến môi trường không khí tại các khu vực đô thị thành phố Hà Nội và đề xuất các giải pháp giảm thiểu</i>	B2022-MDA-12.	Môi trường cơ sở	1/2022-12/2023 Gia hạn 06/2024	Đang thực hiện - 01 bài báo thuộc danh mục ISI - 02 bài báo trong nước - Đào tạo thành công 01 Ths - 01 bản đồ mô phỏng hiệu ứng đảo nhiệt đối với khu vực nghiên cứu tỉ lệ 1:500
VIII	Khoa Trắc địa, Bản đồ và QLDD (09 đề tài: 06 đề tài nghiệm thu + 03 đề tài đang thực hiện)				
40	PGS.TS Bùi Ngọc Quý: <i>Nghiên cứu xây dựng thuật toán và đề xuất quy trình tự động phân loại dữ liệu đám mây điểm phục vụ xây dựng mô hình 3D thành phố</i>	B2021-MDA-01	Bản đồ	1/2021-12/2022 Gia hạn 06/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo đăng trên tạp chí ISI - 01 bài báo thuộc danh mục Scopus - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - 01 Sách tham khảo - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - Đào tạo thành công 03 ThS - Quy trình công nghệ tự động phân loại đám mây điểm phục vụ thành lập mô hình 3D thành phố - Mô hình 3D thành phố thực nghiệm của khu vực nghiên cứu được xây dựng từ quy

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					trình công nghệ đã đề xuất với cấp độ chi tiết LoD2
41	PGS.TS Nguyễn Quang Minh: <i>Sử dụng phương pháp trộn dữ liệu bằng mạng nơ ron hồi quy và địa thống kê để nâng cao độ chính xác mô hình DEM và lớp phủ góp phần dự báo nguy cơ trượt lở</i>	B2021-MDA-04	TĐPT và sai số Gia hạn 06/2023	1/2021-12/2022 Gia hạn 06/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo đăng trên tạp chí ISI - 01 bài báo thuộc danh mục Scopus - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - 01 Sách chuyên khảo - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - Mô hình cho phép nâng cao độ phân giải của mô hình số độ cao DEM và lớp phủ sử dụng đất phục vụ xác định trượt lở bằng phương pháp trộn dữ liệu (fusion) từ các nguồn khác nhau sử dụng mạng nơ ron và địa thống kê - Phần mềm (bao gồm sách hướng dẫn sử dụng) cho phép nâng cao độ phân giải mô hình số độ cao DEM phục vụ xác định trượt lở bằng thuật toán trộn dữ liệu có khả năng sử dụng trên các máy tính thông thường chạy bằng hệ điều hành Windows với chip Core i5, bộ nhớ RAM 4GB trở lên - Mô hình cho phép hiệu chỉnh mô hình số độ cao DEM và lớp phủ sử dụng đất phục

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					vụ xác định trượt lở bằng phương pháp hiệu chỉnh dữ liệu với dữ liệu có độ chính xác cao hơn (data conflation) - Phần mềm (bao gồm sách hướng dẫn sử dụng) cho phép nâng cao độ phân giải mô hình số độ cao DEM phục vụ xác định trượt lở bằng thuật toán hiệu chỉnh dữ liệu (data conflation) có khả năng sử dụng trên các máy tính thông thường chạy bằng hệ điều hành Windows với chip Core i5, bộ nhớ RAM 4GB trở lên - Mô hình và phần mềm cho phép nâng cao độ phân giải dữ liệu lớp phủ bằng phương pháp kết hợp giữa dữ liệu độ cao và dữ liệu viễn thám
42	PGS.TS Nguyễn Văn Sáng: <i>Nghiên cứu đề xuất phương pháp xác định độ sâu đáy biển từ số liệu dị thường trọng lực trên khu vực Biển Đông</i>	B2021-MDA-06	Trắc địa cao cấp	1/2021-12/2022 Gia hạn 06/2023	Đã nghiệm thu cấp Bộ, xếp loại Đạt - 01 bài báo đăng trên tạp chí ISI - 02 bài báo thuộc danh mục Scopus - 03 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - 01 báo cáo hội nghị quốc gia - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - Đào tạo 02 ThS - Phương pháp xác định độ sâu đáy biển từ số liệu dị thường trọng lực trên khu vực

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					giữa Biển Đông cùng quy trình chi tiết hướng dẫn các bước xác định độ sâu đáy biển từ số liệu dị thường trọng lực - Chương trình máy tính xác định độ sâu đáy biển từ số liệu dị thường trọng lực trên khu vực giữa Biển Đông - Bộ dữ liệu độ sâu đáy biển trên khu vực giữa Biển Đông
43	PGS.TS Trần Xuân Trường: <i>Nghiên cứu xây dựng các mô hình Deep Learning mới cho phát hiện và dự báo nguy cơ cháy rừng sử dụng dữ liệu viễn thám và địa tin học</i>	B2021-MDA-13	Đo ảnh và viễn thám	1/2021-12/2022 Gia hạn 06/2023	Đã nghiệm thu cấp Bộ, xếp loại Đạt - 01 bài báo đăng trên tạp chí SCIE - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - Đào tạo 01 ThS - Mã nguồn và mô hình phát hiện và dự báo nguy cơ cháy rừng - Bản đồ dự báo nguy cơ cháy rừng tỉnh Phú Yên - Cơ sở dữ liệu địa không gian dự báo nguy cơ cháy rừng tỉnh Phú Yên
44	PGS.TS Lê Đức Tình. <i>Nghiên cứu giải pháp kết hợp công nghệ đo sâu hồi âm và các công nghệ địa không</i>	B2022-MDA-09	Trắc địa công trình	1/2022-12/2023	Đang thực hiện - 04 ThS bảo vệ thành công

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
	<i>gian hiện đại thành lập bản đồ địa hình đáy sông/kênh phục vụ công tác đảm bảo an toàn giao thông đường thủy</i>			Gia hạn 06/2024	- Quy trình công nghệ tích hợp công nghệ UAV, công nghệ GNSS với công nghệ đo sâu hồi âm để xác định hình dạng, kích thước, vị trí các luồng, lạch các tuyến sông/kênh - Phần mềm xử lý số liệu và dự báo sự biến đổi của các luồng, lạch các tuyến sông/kênh theo thời gian - Quy trình đánh giá sự biến đổi luồng, lạch các tuyến sông/kênh theo thời gian
45	TS Phạm Văn Chung. <i>Nghiên cứu giải pháp công nghệ và quy trình xây dựng mô hình 3D hệ thống đường hầm lò bằng công nghệ quét laser TLS</i>	B2022-MDA-10	Trắc địa mỏ	1/2022-12/2023 Gia hạn 06/2024	Đang thực hiện - 01 bài trên tạp chí chuyên ngành - 02 bài Hội nghị - 02 ThS bảo vệ thành công theo hướng nghiên cứu của đề tài. - 01 Quy trình thành lập bản đồ đường lò tỷ lệ 1:500 cho khu vực mỏ than hầm lò tại Việt Nam sử dụng TLS phục vụ công tác quản lý kỹ thuật, thiết kế, tính toán khối lượng khai thác và điều hành sản xuất mỏ an toàn.

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- 01 Bộ bản đồ 3D và 2D tỷ lệ 1:500 cho khu vực nghiên cứu
46	PGS.TS Trần Văn Anh. <i>Nghiên cứu xây dựng mô hình trí tuệ nhân tạo XGBoost dự báo lún khu vực tỉnh Cà Mau bằng dữ liệu ảnh vệ tinh Rada giao thoa đa thời gian</i>	B2022-MDA-13	Đo ảnh và viễn thám	1/2022-12/2023 Gia hạn 06/2024	Đang thực hiện - 01 bài báo đăng tên tạp chí khoa học trong nước - 01 Bài báo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế - Đào tạo 01 thạc sỹ - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - 01 Quy trình xử lý ảnh xác định lún đất bằng chuỗi Radar đa thời gian bằng phương pháp PSInSAR cho khu vực ĐBSCL - Mô hình trí tuệ nhân tạo XGBoost trong dự báo nguy cơ sụt lún đất - 01 Bản đồ phân vùng vị trí nguy cơ sụt lún khu vực TP Cà Mau tỉnh Cà Mau - 01 Bộ dữ liệu dạng số các bản đồ thành phần gồm: Bản đồ hiện trạng lún đất làm từ ảnh Radar, bản đồ nguy cơ lún đất khu vực TP Cà Mau
47	PGS.TS Phạm Công Khải. <i>Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống quan trắc chuyển dịch công trình theo thời gian thực trên địa bàn thành phố Hà Nội</i>	01C-01/02-2020-3		10/2020-9/2022 Gia hạn 03/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại “Xuất sắc” - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - Hướng dẫn thành công 02 ThS

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- 05 trạm quan trắc liên tục chuyển dịch công trình theo thời gian thực - 05 chiếc máy định vị vệ tinh GNSS (Rover) dùng trong đo động xử lý tức thời RTK - Phần mềm máy tính điều khiển hoạt động cho hệ thống trạm quan trắc - Phần mềm phân tích, xử lý số liệu quan trắc cho máy tính chủ - Phần mềm di động cho máy định vị GNSS - Bản vẽ thiết kế: Bộ tài liệu thiết kế và hướng dẫn sử dụng hệ thống quan trắc chuyển dịch công trình theo thời gian thực - Số liệu, cơ sở dữ liệu + Số liệu kiểm định hệ thống quan trắc + Số liệu kiểm định máy định vị GNSS (Rover) + Phiếu kiểm định của đơn vị có thẩm quyền
48	TS Nguyễn Gia Trọng. <i>Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo xây dựng hệ thống cảnh báo thiên tai, lũ lụt cho các vùng ven biển Việt Nam có sự tham gia tương tác của cộng đồng.</i>	TNMT.2022.04.09	Trắc địa cao cấp	1/2022-12/2023	Đã nghiệm thu cấp Bộ xếp loại Khá - 01 bài báo thuộc danh mục ISI/WoS - 02 bài báo trong nước - Đào tạo 04 ThS

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
	<i>thử nghiệm tại 1 tỉnh thuộc khu vực ven biển miền Trung</i>				- Báo cáo tổng hợp các mô hình, giải pháp cảnh báo thiên tai, lũ lụt các vùng ven biển - Báo cáo kết quả xây dựng mô hình cảnh báo thiên tai, lũ lụt cho các vùng ven biển dựa trên các mô hình trí tuệ nhân tạo, tối ưu hóa máy học và mô hình quyết định đa chỉ tiêu - Hệ thống cảnh báo thiên tai, lũ lụt cho vùng ven biển miền Trung dựa trên mô hình nêu trên và tài liệu thiết kế hệ thống - Báo cáo kết quả thử nghiệm tại 1 tỉnh thuộc khu vực ven biển miền Trung
VI	Khoa Xây dựng (10 đề tài : 5 đề tài nghiệm thu + 05 đề tài đang thực hiện)				
49	TS Nguyễn Chí Thành: <i>Nghiên cứu phát triển phương pháp tính toán kết cấu chống của đường hầm metro chịu tải trọng động đất</i>	B2021-MDA-09	XDCTN và mỏ	1/2021-12/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 02 bài báo thuộc danh mục ISI - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế trong hệ thống WoS và Scopus (vượt trội) - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước (vượt 01) - 01 sách tham khảo - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - Hướng dẫn thành công 01 ThS - Hướng dẫn 01 nhóm SV NCKH

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- Chương trình tính toán kết cấu chống của đường hầm metro chịu tải trọng động đất có kiểm chứng về độ tin cậy của chương trình - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng chương trình tính toán kết cấu chống của đường hầm metro chịu tải trọng động đất có kể đến ảnh hưởng của các môi trường khối đất, kích thước, cấu tạo của kết cấu chống tới sự ổn định của đường hầm - Báo cáo kết quả tính toán thử nghiệm kết cấu chống hầm metro chịu tác dụng của tải trọng động đất trong một số điều kiện cụ thể tại dự án metro Hà Nội
50	TS Tăng Văn Lâm: <i>Nghiên cứu chế tạo bê tông cường độ cao sử dụng chất kết dính không xi măng dùng trong xây dựng công trình chịu tác động ăn mòn của nước biển</i>	B2021-MDA-11	Kỹ thuật xây dựng	1/2021-12/2022 Gia hạn 6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo thuộc danh mục SCIE Q2 - 02 bài báo thuộc danh mục Scopus - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín - 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước được HĐGS NN tính điểm - 04 bài báo hội nghị Khoa học quốc tế/quốc gia - Đào tạo thành công 02 ThS

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- Bộ mẫu bê tông cường độ cao được chế tạo từ chất kết dính không xi măng - Quy trình chế tạo chất kết dính mới (không dùng xi măng) từ hỗn hợp tro bay nhiệt điện, xỉ lò cao, thạch cao và tro trấu - Bộ số liệu cấp phối bê tông có cường độ nén ở tuổi 28 ngày trên 50Mpa được chế tạo từ chất kết dính không xi măng - Tài liệu hướng dẫn, sơ đồ công nghệ chế tạo và quy trình phối trộn tiêu chuẩn cho việc sản xuất bê tông cường độ cao trên cơ sở chất kết dính không xi măng dùng trong xây dựng các công trình hạ tầng và giao thông khu vực ven biển và hải đảo - Báo cáo đánh giá tính kinh tế của bê tông cường độ cao sử dụng chất kết dính không xi măng - Chế tạo 02 kết cấu công trình ven biển
51	TS. Vũ Minh Ngạn: <i>Nghiên cứu xây dựng mô hình bán thực nghiệm đánh giá ổn định của môi trường đất xung quanh đường hầm metro tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh</i>	B2021-MDA-05	XD cơ sở hạ tầng	1/2021-12/2022 Gia hạn 06/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 02 bài báo khoa học quốc tế thuộc danh mục SCIE - 02 bài báo khoa học được HDGSNN tính điểm - 01 bài hội nghị khoa học quốc tế - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- Tài liệu hướng dẫn lựa chọn mô hình đánh giá độ ổn định của môi trường đất xung quanh khi thi công đường hầm metro trong đất yếu trên thế giới và Việt Nam - Mô hình phân tích ổn định khi thi công hầm trong đất yếu - Chương trình tính toán được lập trình trong 01 phần mềm thương mại - Tài liệu hướng dẫn sử dụng chương trình tính toán - Tài liệu hướng dẫn phân tích ổn định của môi trường đất xung quanh khi thi công hầm trong đất yếu và lựa chọn giá trị áp lực dung dịch khi thi công hầm - Quy trình xử lý sự cố khi mất ổn định trong thi công hầm trong đất yếu
52	TS Đặng Quang Huy: <i>Nghiên cứu đánh giá nguy cơ hóa lỏng và đề xuất giải pháp kháng hóa lỏng đất nền khu vực ven biển Bắc Bộ phục vụ xây dựng các công trình hạ tầng</i>	B2022-MDA-04.	XD cơ sở hạ tầng	1/2022-12/2023 Gia hạn 06/2024	Đang thực hiện - 02 báo cáo hội nghị khoa học - Đào tạo 01 thạc sỹ - Tài liệu đánh giá nguy cơ hóa lỏng đất khu vực ven biển Bắc Bộ - Bộ số liệu thực nghiệm nén ba trục tĩnh và động của một số loại đất nền ven biển Bắc Bộ

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- Bộ tài liệu về giải pháp nâng cao khả năng kháng hóa lỏng đất nền khu vực ven biển Bắc Bộ phục vụ xây dựng các công trình hạ tầng - Bộ mẫu vật liệu đất nền đã được cải tạo để nâng cao khả năng kháng hóa lỏng. Sản phẩm thí nghiệm
53	TS Lê Huy Việt: <i>Nghiên cứu chế tạo bê tông thông minh cường độ cao sử dụng xỉ thép công nghiệp có khả năng tự cảm biến ứng suất</i>	B2022-MDA-05.	Kỹ thuật xây dựng	1/2022-12/2023	Đã nghiệm thu cấp cơ sở chuẩn bị nghiệm thu cấp Bộ - 02 bài báo đăng trên tạp chí ISI/WoS - 03 bài báo đăng trên tạp chí trong nước - 01 bài báo đăng kỷ yếu hội nghị toàn quốc - Đào tạo 02 ThS - Bộ tài liệu hướng dẫn chế tạo bê tông thông minh cường độ cao có khả năng tự cảm biến ứng suất sử dụng hạt xỉ thép (cấp phối, quy trình phối trộn) - Tài liệu hướng dẫn phương pháp đo điện trở cho bê tông thông minh và phương pháp phân tích khả năng cảm biến ứng suất của bê tông thông minh - Bộ số liệu thực nghiệm xác định một số đặc trưng cơ học và phản hồi cơ điện, đặc

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					điểm vi cấu trúc của một số loại bê tông thông minh sử dụng xỉ thép công nghiệp - Mẫu bê tông thông minh cường độ cao có khả năng tự cảm biến ứng suất (kích thước 50x50x50mm)
54	TS Đỗ Ngọc Thái: <i>Nghiên cứu ứng xử của hai đường hầm tàu điện ngầm đặt song song gần nhau trong đô thị chịu tải trọng động đất có tính đến ảnh hưởng của công trình lân cận</i>	B2022-MDA-06	XDCTN và mỏ	1/2022-12/2023 Gia hạn 06/2024	Đã nghiệm thu cấp cơ sở - 01 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI-Q2; - 01 bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI-Q3/Q4 (được chấp nhận đăng). - 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước - 01 báo cáo hội nghị - 01 thạc sỹ đã bảo vệ - 01 nhóm sinh viên NCKH - Mô hình số phân tích ứng xử của hai đường hầm đặt song song gần nhau chịu tải trọng động đất có tính đến ảnh hưởng của công trình lân cận; - Tài liệu hướng dẫn tính toán vỏ chống đường hầm chịu tác dụng của tải trọng động đất
55	TS Nguyễn Duyên Phong: <i>Nghiên cứu đề xuất giải pháp IoT cảnh báo sớm rủi ro, sự cố trong mỏ hầm lò trên bể than Quảng Ninh</i>	B2022-MDA-07.	XDCTN và mỏ	1/2022-12/2023	Đang thực hiện - 01 Thạc sỹ đã hoàn thành

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
				Gia hạn 06/2024	- 01 Bộ thiết bị cảnh báo không dây đo dữ liệu thực tế; - Hệ thống phần mềm kết nối với thiết bị cảnh báo truyền dữ liệu về máy chủ dựa trên nền tảng mã nguồn mở; - Bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống cảnh báo sớm; - Báo cáo tổng kết
56	TS Hoàng Đình Phúc: <i>Nghiên cứu chế tạo bê tông hạt mịn tính năng cao kết hợp với lưới sợi dệt phục vụ xây dựng công trình hạ tầng cơ sở</i>	B2022-MDA-08.	XD cơ sở hạ tầng	1/2022-12/2023	Đã nghiệm thu xếp loại Đạt - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI - 02 bài báo đăng trên tạp chí trong nước - 01 báo cáo hội nghị khoa học quốc ế - Hỗ trợ đào tạo 01 NCS - Bộ số liệu thực nghiệm về cường độ (nén, kéo, và kéo uốn) của một số loại bê tông hạt mịn tính năng cao có thành phần cấp phối khác nhau; cường độ dính bám của một số loại lưới sợi dệt với bê tông hạt mịn tính năng cao, cường độ kéo của các loại bê tông cốt lưới sợi dệt tương ứng - Tài liệu hướng dẫn lựa chọn, tính toán thành phần cấp phối bê tông hạt mịn tính năng cao có cường độ dính bám cao với

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					một số loại lưới sợi dệt thường sử dụng ở Việt Nam - Tầm mẫu bê tông hạt mịn tính năng cao kết hợp với lưới sợi dệt gia cường kết cấu bê tông cốt thép - Mô hình tính toán xác định hiệu quả của vật liệu bê tông hạt mịn tính năng cao kết hợp với lưới sợi dệt trong xây dựng công trình hạ tầng cơ sở
57	PGS.TS Đặng Trung Thành: <i>Nghiên cứu đề xuất các giải pháp an toàn phòng, chữa cháy khi xây dựng và vận hành hệ thống tàu điện ngầm</i>	RD46-22 (BXD)	XDCTN và mô	4/2022-4/2024	Đang thực hiện - 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước - Đào tạo 01 ThS - Báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu và báo cáo tóm tắt đề tài - Bộ tài liệu các nguyên nhân gây cháy khi xây dựng và vận hành hệ thống tàu điện ngầm trong khu vực đô thị - Hướng dẫn kỹ thuật các giải pháp an toàn phòng cháy, chữa cháy khi xây dựng và vận hành tàu điện ngầm
58	TS. Phạm Thị Nhân: <i>Nghiên cứu dự báo đặc điểm vết nứt của cấu kiện bê tông cường độ cao sử dụng cho nhà cao tầng bằng phương pháp thí nghiệm không phá hủy kết hợp kỹ thuật trí tuệ nhân tạo</i>	B2023-MDA-06	Kỹ thuật xây dựng	1/2023-12/2024	Đang thực hiện - 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước - 01 bài báo đăng kỷ yếu hội nghị khoa học - Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên

STT	Chủ nhiệm/tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
					- Bộ mẫu nén bê tông cường độ cao kích thước 150 x 150 x150 mm
59	PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh: <i>Nghiên cứu gia cường nền móng công trình Lịch sử - Văn hóa trong đô thị cổ bằng cọc đường kính nhỏ (micropile) sử dụng vật liệu cát nhân tạo</i>	B2023-MDA-07	Kỹ thuật xây dựng	1/2023-12/2024	Đang thực hiện - 01 báo cáo hội nghị khoa học

Đề tài cấp Bộ/Tỉnh:

59 đề tài, gồm:

- 8 đề tài thuộc 02 Chương trình KHCN cấp bộ thực hiện năm 2023. Trong đó 01 Chương trình CT.2019.01 đã tổng kết; 01 Chương trình gồm 04 đề tài/nhiệm vụ do Trường chủ trì đang thực hiện
 - 51 (50 đề tài KHCN cấp Bộ/Tỉnh, 01 Dự án nâng cấp Tạp chí).
- Số đề tài nghiệm thu năm 2023: 25 đề tài nghiệm thu cấp Bộ/Tỉnh.*

Phụ lục 1d. Danh mục đề tài, nhiệm vụ cấp cơ sở (tính đến 31/3/2024)

STT	Chủ nhiệm/Tên đề tài	Mã số	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Trạng thái (Kết quả thực hiện)
I	Khoa Công nghệ thông tin (05 đề tài)				
1.	TS Dương Thị Hiền Thanh: <i>Nghiên cứu xây dựng mô hình kết hợp mạng học sâu và kỹ thuật xấp xỉ tối ưu ma trận hạng thấp giải quyết bài toán phân tách đồng thời nguồn âm thanh và hình ảnh từ dữ liệu đa phương tiện</i>	T21-01	Tin học kinh tế	01/2021-6/2022	Nghiệm thu xếp loại Đạt - 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục Scopus - 01 bài báo hội nghị quốc tế - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - 01 chương trình máy tính
2.	ThS Ngô Thị Phương Thảo: <i>Nghiên cứu mô hình Deep Learning và Ensemble trong thành lập bản đồ cảnh báo lũ quét và ngập lụt, áp dụng cho khu vực Tỉnh Quảng Ngãi</i>	T21-02	Tin học Trắc địa	01/2021-6/2022	Đề tài được thanh lý theo Quyết định số 2373/QĐ-MĐC ngày 27/12/2023
3.	ThS Nguyễn Thị Hữu Phương: <i>Nghiên cứu phương pháp tăng cường độ chính xác trong xử lý dữ liệu LiDAR phục vụ công tác cảnh báo đối tượng gây ảnh hưởng hành lang an toàn lưới điện</i>	T22-03	Công nghệ phần mềm	01/2022 - 12/2022 (Gia hạn đến T6/2023)	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá - 01 bài báo tạp chí quốc tế - 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - Hỗ trợ 01 nghiên cứu sinh - 02 sản phẩm ứng dụng
4.	ThS Hoàng Anh Đức. <i>Nghiên cứu xây dựng extension trong môi trường ArcGIS Pro phục vụ đánh giá nguy cơ</i>	T22-04	Công nghệ phần mềm	01/2022 - 12/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá - 01 bài báo tạp chí quốc tế

	thiên tai dựa trên phương pháp học sâu			(Gia hạn đến T6/2023)	- 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước - Hỗ trợ 01 nghiên cứu sinh - 02 sản phẩm ứng dụng
5.	ThS Trần Trường Giang. Ứng dụng kiến trúc mạng nơ - ron học sâu U-NET phát hiện vùng ngập lụt trên dữ liệu ảnh vệ tinh đa phổ	T23-01	Tin học trắc địa	01/2023 – 12/2023 (Gia hạn đến T6/2024)	Đang thực hiện
II	Khoa Cơ điện (08 đề tài)				
6.	TS Phạm Thị Thủy. Tính toán thiết kế và chế tạo máy tách bùn trực vít đa đĩa	T23-02	Kỹ thuật cơ khí	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - Hướng dẫn 01 Nhóm sinh viên NCKH - 01 Máy tách bùn trực vít đa đĩa năng suất 0,2-0,3 m ³ /h, công suất động cơ 1 HP
7.	ThS Tống Ngọc Anh. Nghiên cứu thiết kế và chế tạo bộ nạp ác quy mô dùng công nghệ nguồn chuyển mạch (SMPS - Switch Mode Power Supply)	T23-03	Điện – Điện tử	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - 01 bộ nạp ác quy tàu điện mô

8.	TS Đoàn Công Luận. Nghiên cứu tính toán, thiết kế và chế tạo thiết bị phát điện sử dụng vật liệu áp điện	T23-04	Máy và TB công nghiệp	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá - 02 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - 01 Thiết bị phát điện sử dụng vật liệu áp điện
9.	TS Đặng Vũ Đình. Phương pháp và quy trình xác định độ co ngót của cánh quạt hướng trục được chế tạo bởi công nghệ đúc ly tâm	T23-05	Máy và TB công nghiệp	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - 01 bài báo hội nghị quốc tế - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - Hướng dẫn 01 Nhóm sinh viên NCKH - 01 Quy trình xác định độ co ngót của cánh quạt hướng trục
10.	TS Đào Hiếu. Nghiên cứu chế tạo thiết bị tự động thu thập dữ liệu chấn động nổ mìn trong lĩnh vực khai thác mỏ ở Việt Nam	T23-06	Tự động hóa	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - 01 thiết bị tự động thu thập dữ liệu chấn động nổ mìn trong nổ mìn khai thác mỏ ở Việt Nam - 01 Giải pháp xây dựng hệ thống đo mức độ chấn động nổ mìn tự động với nhiều điểm đo
11.	TS Bùi Ngọc Hùng. Nghiên cứu xây dựng bài thực hành công nghệ năng lượng tái tạo dùng pin mặt trời	T23-07	Điện – Điện tử	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước

					- 01 Tài liệu hướng dẫn thực hành hệ thống PV - 01 mô hình hệ thống pin năng lượng mặt trời
12.	TS Phạm Văn Tiến. Nghiên cứu tính toán, thiết kế tang cất của máy khâu dùng trong lò chợ cơ giới hóa	T23-08	Máy và TB công nghiệp	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá - 02 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - 01 Bộ bản vẽ thiết kế tang khâu
13.	ThS Đoàn Kim Bình. Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo máy in 3D cỡ lớn M1000	T23-09	Kỹ thuật cơ khí	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - 01 Máy in 3D cỡ lớn M1000
III	Khoa Dầu khí và Năng lượng (08 đề tài)				
14.	ThS Vũ Thiết Thạch: <i>Nghiên cứu xử lý lắng đọng muối trong ống khai thác của các giếng dầu khí ở giàn BKThTC1, mỏ Thỏ Trắng</i>	T22-12	Khoan - Khai thác	01/2022 - 12/2022 (gia hạn T6/2023)	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước thuộc danh mục HĐGSNN - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - 01 Quy trình công nghệ
15.	ThS Bùi Thị Ngân: <i>Ứng dụng phân tích tương địa chấn trong xác định tầng Oligocene trên và Miocene dưới khu vực lô Y, bể Cửu Long</i>	T22-13	Địa chất dầu khí	01/2022 - 12/2022 (gia hạn T6/2023)	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước thuộc danh mục HĐGSNN - 01 bài báo hội nghị quốc tế - 01 bản đồ phân bố tương địa chấn

16.	ThS Vũ Hồng Dương: <i>Nghiên cứu dự báo và tối ưu hóa tốc độ cơ học khoan cho các giếng khoan dầu khí mỏ Cá Tầm</i>	T22-14	Địa vật lý	01/2022 - 6/2023 (Gia hạn đến T12/2023)	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước thuộc danh mục HDGSNN - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - 01 Quy trình công nghệ
17.	TS Nguyễn Minh Hòa: <i>Ứng dụng mạng nơ-ron nhân tạo(ANN) dự báo lưu lượng cho các giếng dầu khai thác bằng phương pháp gaslift tại mỏ Hải Sư Trắng, bể Cửu Long</i>	T22-15	Địa chất dầu khí	01/2022 - 6/2023 (Gia hạn đến T12/2023)	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế trong danh mục ISI - 01 bài báo hội nghị quốc tế - Hướng dẫn 01 Học viên cao học - 01 Chương trình máy tính
18.	PGS.TS Phan Thiên Hương: <i>Nghiên cứu ứng dụng phương pháp Georada xác định thông số đất phục vụ nông nghiệp chính xác</i>	T21-22	Địa vật lý	01/2021- 12/2021 (gia hạn T6/2022)	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo tại Hội nghị quốc tế - 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước
19.	TS Nguyễn Khắc Long. Nghiên cứu dự báo tỷ lệ nước trong sản phẩm khai thác cho tầng Miocene hạ vòm Nam mỏ Bạch Hổ trong giai đoạn thu hồi thứ cấp	T23-10	Khoan – Khai thác	01/2023 – 6/2024	Đang thực hiện
20.	ThS Trương Văn Từ. Nghiên cứu dự báo hệ số poisson phục vụ công tác nứt vỡ thủy lực trong tầng Oligocene mỏ Bạch Hổ	T23-11	Khoan – Khai thác	01/2023 – 12/2023 01/2023 - 3 -	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HD GSNN - Hỗ trợ 01 NCS - 01 mô hình trí tuệ nhân tạo xác định hệ số poisson

21.	TS Phan Thị Hồng. Khoanh vùng triển vọng khoáng sản ẩn sâu khu vực miền Trung Việt Nam từ tài liệu trọng lực bằng phương pháp giải ngược 3D Petrov	T23-12	Địa - Vật Lý	01/2023 – 6/2024	Đang thực hiện
IV	Khoa KHKT Địa chất (06 đề tài)				
22.	ThS Nguyễn Trung Thành: <i>Đặc điểm quặng hóa Cobalt trong vỏ phong hóa khu vực Núi Nưa, Thanh Hóa và sự phân bố của chúng</i>	T21-29	Khoáng thạch & Địa hóa	01/2021-12/2021 Gia hạn T6/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - 01 sơ đồ các đặc điểm quặng hóa
23.	ThS Lê Thị Ngọc Tú: <i>Đặc điểm thạch học các đá metacarbonat trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và khả năng sử dụng làm đá mỹ nghệ</i>	T22-22	Khoáng thạch & Địa hóa	01/2022-12/2022 Gia hạn T6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - 01 bộ mẫu lát mỏng thạch học - 01 mẫu chế tác các đá metacarbonat khu vực Bắc Kạn\ - 01 bộ tài liệu tham khảo
24.	TS Nguyễn Thị Thanh Thảo: <i>Nghiên cứu đặc tính hóa lý của nguyên liệu sericit khu vực Sơn Bình, Hà Tĩnh theo các mức nhiệt độ nung khác nhau và định hướng sử dụng</i>	T22-25	Tìm kiếm thăm dò	01/2022 - 6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 02 bài báo quốc tế thuộc danh mục - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên NCKH
25.	ThS Vũ Anh Đạo. Nghiên cứu các chỉ số địa mạo dòng chảy trích xuất từ ảnh ALOS DEM nhằm xác định các băng	T23-21	Địa chất	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, đạt loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - 01 bài báo hội nghị trong nước

	chứng về kiến tạo hoạt động khu vực Mường Tè				- Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên NCKH - 01 bộ công cụ phân tích địa mạo dòng chảy trên ngôn ngữ lập trình Matlab
26.	ThS Đỗ Mạnh An. Nghiên cứu nâng cao hiệu quả khai thác các di sản địa chất tại công viên địa chất toàn cầu Unesco Đắk Nông	T23-22	Tìm kiếm thăm dò	01/2023 – 12/2023 Gia hạn đến T6/2024	Đang thực hiện
27.	ThS Phan Văn Bình. Nghiên cứu tiềm năng của các di sản địa chất khu vực Trảng An- Ninh Bình phục vụ cho phát triển du lịch địa chất của vùng	T23-23	Địa chất	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - Hướng dẫn 01 Nhóm sinh viên NCKH
V	Khoa Khoa học cơ bản (11 đề tài)				
28.	TS Đào Việt Thắng: <i>Nghiên cứu chế tạo vật liệu ABO₃ (A = Bi, La; B = Fe, Mn) pha tạp định hướng sử dụng trong pin nhiên liệu ôxít rắn</i>	T22-18	Vật lý	01/2022 - 6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo trên tạp chí quốc tế - 01 bài báo kỷ yếu hội nghị trong nước - 01 quy trình chế tạo vật liệu - 10g vật liệu dạng bột - 05 vật liệu dạng viên nén
29.	ThS Đỗ Thị Hải: <i>Tổng hợp nano composit Hap/SPION bằng phương pháp đồng kết tủa ứng dụng trong xử lý thuốc nhuộm Congo đỏ</i>	T22-20	Hóa	01/2022 - 12/2022 Gia hạn T6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp
30.	ThS Vũ Thái Linh: <i>Nghiên cứu xây dựng bài giảng áp dụng phương pháp tích hợp (Blended learning) cho học</i>	NV22-53	Ngoại ngữ	01/2022 - 12/2022 gia hạn T6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá - 01 bài báo trên hội nghị trong nước

	<i>phần tiếng Anh 1 tại trường Đại học Mỏ - Địa Chất</i>				- 01 bài giảng tích hợp học phần tiếng anh 1
31.	TS Bùi Hữu Nguyên. Nghiên cứu vật liệu biến hóa ứng dụng nâng cao hiệu suất công nghệ truyền năng lượng không dây	T23-13	Vật lý	01/2023 – 6/2024	Đang thực hiện
32.	TS Lê Thị Phương Thảo. Nghiên cứu hấp phụ La^{3+} và Ce^{3+} bằng khoáng sét haloysit định hướng ứng dụng xử lý và thu hồi đất hiếm từ nước thải công nghiệp	T23-14	Hóa	01/2023 - 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 02 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HD GSNN - 01 bài báo hội nghị trong nước - Hướng dẫn 01 thạc sỹ bảo vệ tốt nghiệp - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - 01 Quy trình hấp phụ La^{3+} và Ce^{3+} trong mẫu giả thải dùng vật liệu khoáng sét haloysit
33.	ThS Nguyễn Thị Hậu. Nghiên cứu ảnh hưởng của sự mất cân bằng khối lượng lên chuyển pha trạng thái trật tự của hệ exciton	T23-15	Vật lý	01/2023 – 6/2024	Đang thực hiện
34.	TS Phạm Ngọc Chung. Nghiên cứu các mô hình dao động phi tuyến cho các dầm có kích thước micro ứng dụng trong công nghệ MEMS	T23-16	Cơ lý thuyết	01/2023 – 6/2024	Đang thực hiện
35.	ThS Đỗ Việt Anh. Nghiên cứu phát triển năng lực Mô hình hóa Toán học	T23-17	Hình Học	01/2023 - 12/2023	Đang thực hiện

	thông qua dạy học môn Hình họa và vẽ kỹ thuật			(Gia hạn đến T6/2024)	
36.	ThS Tống Bá Tuấn. Nghiên cứu hiệu ứng hấp thụ sóng điện từ với cấu trúc bất đối xứng của siêu vật liệu meta	T23-18	Vật lý	01/2023 - 12/2023 (Gia hạn đến T6/2024)	Đang thực hiện
37.	ThS Nguyễn Thị Cúc. Nghiên cứu một số giải pháp dịch thuật tiếng Anh chuyên ngành Địa chất	T23-19	Ngoại ngữ	01/2023 - 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá - 01 bài báo đăng tạp chí quốc tế
38.	TS Trần Thị Hiền. Nghiên cứu phương pháp giảng dạy chữ Hán cho sinh viên Đại học Mỏ - Địa chất	T23-20	Ngoại ngữ	01/2023 - 12/2023 (Gia hạn đến T6/2024)	Đang thực hiện
VI	Khoa Mỏ (05 đề tài)				
39.	TS Phạm Thanh Hải. Nghiên cứu chế tạo thiết bị lọc cao áp dạng Nutsche quy mô thí nghiệm để khử nước bùn mịn của một số nhà máy tuyển	T23-30	Tuyển khoáng	01/2023 – 6/2024	Đang thực hiện
40.	TS Vũ Thái Tiến Dũng. Nghiên cứu đề xuất giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả khai thác cho lò chợ bán cơ giới hóa tại một số mỏ than hầm lò thuộc Tổng Công ty Đông Bắc	T23-31	Khai thác hầm lò	01/2023 - 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo quốc tế trong danh mục scopus - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - Hướng dẫn 01 thạc sỹ bảo vệ tốt nghiệp - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - Hướng dẫn 01 Nhóm sinh viên NCKH

					- 01 giải pháp công nghệ hợp lý được thiết kế
41.	TS Lê Quang Phục. Nghiên cứu xác định kích thước hợp lý của trụ than bảo vệ khi khai thác vỉa than dốc thoải, dày trung bình và có đá vách khó sập đổ	T23-32	Khai thác hầm lò	01/2023 - 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo quốc tế trong danh mục scopus - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - Hướng dẫn 01 thạc sỹ bảo vệ tốt nghiệp - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - Hướng dẫn 01 Nhóm sinh viên NCKH - 01 bản vẽ thiết kế sơ đồ công nghệ khai thác tương ứng với kích thước đề xuất của trụ than - 01 bản kiến nghị về giải pháp chuẩn bị và khai thác tương ứng với kích thước đề xuất của trụ than
42.	ThS Đỗ Ngọc Tú. Nghiên cứu chế tạo một số loại bê tông cốt sợi tự nhiên phục vụ công tác phát triển nông thôn mới ở Nghệ An	T23-33	Sức bền vật liệu	01/2023 - 12/2023 (Gia hạn đến T6/2024)	Đang thực hiện
43.	ThS Phạm Thị Nhung. Nghiên cứu lựa chọn công nghệ tuyển nhằm thu hồi quặng tinh sắt từ bãi thải của xưởng tuyển quặng sắt Kíp Tước - Lào Cai	T23-34	Tuyển khoáng	01/2023 - 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - 01 bài báo hội nghị trong nước - Hướng dẫn 01 thạc sỹ bảo vệ tốt nghiệp - Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên NCKH - 01 Sơ đồ công nghệ thu hồi quặng tinh sắt từ bãi thải của xưởng tuyển quặng sắt Kíp Tước - Lào Cai

VII	Khoa Môi trường (03 đề tài)				
44.	TS Trần Anh Quân. Dự báo xác suất biến động dòng chảy và ngập lụt trên hệ thống sông Cầu – Thương – Lục Nam dưới tác động của biến đổi khí hậu	T23-35	Địa sinh thái và CNMT	01/2023 - 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - 01 dữ liệu dự tính xác suất biến động nhiệt độ và lượng mưa cho Việt Nam giai đoạn 2080-2099
45.	ThS Đào Trung Thành. Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của hàm lượng các kim loại nặng As, Pb, Hg, Cd trong nước sông Ba Chẽ đến vùng nuôi trồng thủy hải sản Đồng Rui, Vịnh Bái Tử Long, Quảng Ninh	T23-36	Kỹ thuật môi trường	01/2023 - 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - 01 bài báo hội thảo trong nước - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp
46.	TS Nguyễn Thị Hòa. Nghiên cứu ứng dụng các mô hình phát tán khí thải kết hợp phân tích dữ liệu lớn nhằm đánh giá tác động của các nhà máy nhiệt điện đến chất lượng môi trường không khí khu vực thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	T23-37	Kỹ thuật môi trường	01/2023 - 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - 01 bản đồ phân vùng ảnh hưởng các chất ô nhiễm bởi khói thải nhà máy nhiệt điện đến môi trường không khí tại khu vực nghiên cứu
VIII	Khoa Trắc địa Bản đồ và QLDD (08 đề tài)				
47.	TS Nguyễn Thị Thu Hương: <i>Nghiên cứu xây dựng bản đồ nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh COVID-19 (CVI Map)</i>	T22-44	Trắc địa Phổ thông và sai số	01/2022-12/2022 Gia hạn T6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục Scopus - 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước

					- Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - 01 Bản đồ - 01 Web-Map
48.	ThS Lê Thanh Nghị: <i>Nghiên cứu xử lý chuỗi ảnh Radar đa thời gian xác định trượt lở đất trên nền tảng điện toán đám mây Google Earth Engine</i>	T22-46	Trắc địa Phổ thông và sai số	01/2022-12/2022 Gia hạn T6/2023	Quá hạn không nghiệm thu đang làm thủ tục thanh lý
49.	TS Lê Thị Thu Hà: <i>Nghiên cứu thành lập mô hình 3D công trình xây dựng cấp độ chi tiết cao (LoD 3) bằng kết hợp công nghệ máy bay không người lái (UAV) và quét Laser mặt đất</i>	T22-48	Trắc địa mỏ	01/2022-12/2022 Gia hạn T6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục Scopus - 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước - Hướng dẫn 01 thạc sỹ bảo vệ tốt nghiệp - 01 Quy trình - 01 mô hình không gian 3D
50.	ThS Đoàn Thị Nam Phương. Xây dựng mô hình dự báo cháy rừng bằng công nghệ Địa tin học, thử nghiệm cho khu vực phía Tây tỉnh Nghệ An	T23-38	Đo ảnh và Viễn thám	01/2023 – 6/2024	Đang thực hiện
51.	ThS Lê Thị Minh Tâm. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu quan trắc bằng công nghệ GNSS và phương pháp học máy để dự báo lún bề mặt mỏ hầm lò theo thời gian	T23-39	Trắc địa cao cấp	01/2023 - 12/2023 (Gia hạn đến T6/2024)	Đang thực hiện
52.	TS Trần Xuân Miễn. Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin giá đất	T23-40	Địa chính	01/2022-12/2022 Gia hạn T6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

					- 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HD GSNN - Hướng dẫn 01 thạc sỹ bảo vệ tốt nghiệp - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - 01 Website hệ thống thông tin giá đất
53.	ThS Phạm Thị Thanh Hòa. Nghiên cứu ứng dụng phương pháp Machine Learning với thuật toán Random Forest trong thành lập bản đồ lớp phủ bề mặt	T23-41	Đo ảnh và Viễn thám	01/2022-12/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HD GSNN - 01 Quy trình công nghệ - 01 bộ mã (code) - 01 bản đồ lớp phủ bề mặt
54.	TS Đỗ Thị Phương Thảo. Ứng dụng dữ liệu viễn thám theo dõi hiện tượng nước trời vùng biển Ninh Thuận – Bình Thuận	T23-42	Bản đồ	01/2022-12/2022	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HD GSNN - Hướng dẫn 01 thạc sỹ bảo vệ tốt nghiệp - 01 sơ đồ công nghệ - 01 bản đồ thực nghiệm
IX	Khoa Xây dựng (02 đề tài)				
55.	TS Ngô Xuân Hùng. Nghiên cứu xác định hệ số khuếch tán canxi hydroxit trong bê tông ở môi trường tương tự nước biển tại điều kiện phòng thí nghiệm	T23-43		01/2023 - 12/2023 (Gia hạn đến T6/2024)	Đang thực hiện
56.	TS Nguyễn Tài Tiến. Nghiên cứu ứng xử của kết cấu chống đường hầm mặt	T23-44	Xây dựng CTN và Mỏ	01/2023 - 12/2024	Đang thực hiện

	cắt ngang hình chữ nhật cong với cột trung tâm				
X	Khoa Kinh tế Quản trị Kinh doanh (08 đề tài)				
57.	TS Trần Văn Hiệp: <i>Nghiên cứu đóng góp của các thành phần trong chuỗi giá trị tre luồng cho sự phát triển kinh tế xã hội tại tỉnh Thanh Hóa</i>	T22-30	Quản trị doanh nghiệp Địa chất - Dầu khí	01/2022-12/2022 Gia hạn lần 2 đến 12/2023	Quá hạn
58.	TS Nguyễn Thị Kim Oanh: <i>Xây dựng mô hình dự báo kiệt quệ tài chính cho các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam</i>	T22-31	Kế toán doanh nghiệp	01/2022-12/2022 Gia hạn đến T6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước - 01 bài báo hội nghị quốc tế - Hướng dẫn 01 nhóm sinh viên NCKH - 01 mô hình dự báo
59.	ThS Nguyễn Thu Hà: <i>Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học Mở - Địa chất của người học</i>	T22-31	Quản trị doanh nghiệp Địa chất - Dầu khí	01/2022-12/2022 Gia hạn đến T6/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước - 01 mô hình đề xuất
60.	TS Đồng Thị Bích. <i>Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động logistics đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than hầm lò thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam</i>	T23-24	Quản trị DN mở	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - 01 mô hình các nhân tố ảnh hưởng logistics ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than hầm lò TKV

					- 01 hệ thống mẫu biểu khảo sát các nhân tố thuộc về logistics ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than hầm lò TKV
61.	ThS Lê Thị Thu Hồng. Giải pháp nâng cao công tác quản trị tài chính tại Trường Đại học Mở - Địa chất	T23-25	Kế toán doanh nghiệp	01/2023 - 12/2023 (Gia hạn đến T6/2024)	Đang thực hiện
62.	ThS Nguyễn Lan Hoàng Thảo. Giải pháp phát triển du lịch địa chất tại Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, tỉnh Quảng Bình	T23-26	Quản trị DN ĐC-DK	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - Hỗ trợ 01 Nghiên cứu sinh
63.	ThS Phạm Ngọc Tuấn. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng với dịch vụ khách hàng tại công ty toyota Quảng Ninh	T23-27	Quản trị DN ĐC-DK	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - Hướng dẫn 01 sinh viên bảo vệ tốt nghiệp - Hướng dẫn 01 Nhóm sinh viên NCKH
64.	TS Hoàng Thị Thủy. Nghiên cứu mức độ hài lòng của người học về chất lượng dịch vụ đào tạo của trường đại học Mở - Địa chất	T23-28	Kế toán doanh nghiệp	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - Hướng dẫn 01 Nhóm sinh viên NCKH - 01 mô hình đo lường chất lượng dịch vụ đào tạo đến mức độ hài lòng của sinh viên - 01 bộ phiếu khảo sát
XI	Khoa Lý luận chính trị (01 đề tài)				

65.	TS Đặng Thị Thanh Trâm. Nâng cao chất lượng giáo dục tính chuyên nghiệp cho sinh viên trường đại học mở - địa chất đáp ứng yêu cầu xã hội trong bối cảnh mới	T23-29	Kinh tế CT và LS ĐCSVN	01/2023 – 12/2023	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá - 01 bài báo đăng tạp chí chuyên ngành trong nước trong danh mục HĐ GSNN - 01 bài báo hội nghị trong nước
-----	--	--------	------------------------	-------------------	---

Ghi chú: Đề tài cấp cơ sở: 65 đề tài, trong đó:

- Đã nghiệm thu năm 2023: 45 đề tài trong đó có 31 đề tài xếp loại tốt, 11 đề tài xếp loại khá, 03 đề tài xếp loại đạt,
- 08 đề tài đang thực hiện đúng tiến độ
- 09 đề tài xin gia hạn,
- 02 đề tài quá hạn không nghiệm thu, đang làm thủ tục thanh lý
- 01 đề tài không hoàn thành đã được thanh lý

Phụ lục 2. Danh mục các bài báo thuộc danh mục tạp chí quốc tế nằm trong hệ thống dữ liệu Web of Science (WoS) năm 2023

TT	Tên công trình công bố	Tên Tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
1	Designing and developing a mobile app (BeBo) in a randomized controlled trial study to promote breastfeeding among Vietnamese mothers	International Breastfeeding Journal	Đoàn Thị Thùy Dương, Trần Trung Chuyên , Ngọc Minh Pham, Yun Zhao, Thi Phuong Hoa Dinh, Nguyen Xuan Hoai, Andy Lee, Colin Binns, Thi Thu Ha Bui	02/01/2023
2	Undrained Shear Strength of Soft Soil in Some Areas of Vietnam's North Central Region	Geotechnical Engineering Journal of the SEAGS & AGSSEA	Nguyễn Thị Nụ, Bùi Trường Sơn, Nguyễn Thành Dương , Do Minh Ngọc, Vu Dinh Tho	03/01/2023
3	Chloride diffusivity of lightweight expanded clay aggregate concretes under compressive stress	Materials Today Communications	Phuc-Lam Dao, Khac-Chien Thai, Phạm Đức Thọ , Minh-Ngoc Vu, Tuan Nguyen-Sy, Quang-Vu Le, The-Truyen Tran	06/01/2023
4	A Bayesian approach to assess under-deposit corrosion in oil and gas pipelines	Process Safety and Environmental Protection	Đào Thị Uyên , Rioshar Yarveisy, Shams Anwar, Faisal Khan, Yahui Zhang, Hai H. Ngo	08/01/2023
5	Dynamic Bayesian network model to study under-deposit corrosion	Reliability Engineering & System Safety	Đào Thị Uyên , Zaman Sajid, Faisal Khan, Yahui Zhang	09/01/2023
6	Investigation of estuarine mangrove ecosystem changes using unmanned aerial vehicle images: Case study in Xuan Thuy National Park (Vietnam)	Regional Studies in Marine Science	Tong Si Son, Phạm Thị Làn, Lê Văn Cảnh , Pham Duc Binh, Tong Thi Huyen Ai, Bui Van Tuan, Phan Thanh Hien	09/01/2023
7	Vietnam's energy transition to 2050: is importing liquefied natural gas a good solution?	Journal of World Energy Law & Business	Lê Minh Thống, Trần Văn Hiệp	10/01/2023
8	A Robust Density-Based Approach to Production Data Analysis of Oil/Water	Journal of Energy Resources Technology	Trần Hữu Kiên , Jonathan Garcez, Luis F. Ayala	11/01/2023

TT	Tên công trình công bố	Tên Tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
	Multiphase Flow System			
9	Application of adaptive neuro-fuzzy inference system and differential evolutionary optimization for predicting rock displacement in tunnels and underground spaces	Structures	Xiaoguang Zhou, Nguyễn Hoàng, Võ Trọng Hùng , Chang-Woo Lee, Van-Duc Nguyen	23/01/2023
10	The synthesis and some optical absorption investigation of the dual combined glass/FTO/a-Si/Au NPs/Au NPs@TiO2 plasmonic structure	Journal of Materials Science: Materials in Electronics	Đào Khắc An, Tiến Thành Nguyễn, Nguyễn Xuân Chung	25/01/2023
11	Stigmastane-type steroid saponins from the leaves of Vernonia amygdalina and their α -glucosidase and xanthine oxidase inhibitory activities	Natural Product Research	Cong Pham Van, Hieu Ngo Van, Bui Minh Quang, Nam Duong Thanh, Dan Nguyen Van, Tuan Do Thanh, Tran Ngoc Minh, Nguyễn Thị Thu Hiền , Trung Nguyen Quang, Thao Do Thi, Anh Hoang Le Tuan	03/02/2023
12	Effect of parameters on the tensile behaviour of textile-reinforced concrete composite: A numerical approach	Advances in Concrete Construction An International Journal	Trần Mạnh Tiến , Xuan Hong Vu, Emmanuel Ferrier	11/02/2023
13	Closed-form solution of fluid flow in and around a crack disk embedded in a 3D porous medium	International Journal for Numerical and Analytical Methods in Geomechanics	Vu Minh Ngoc, Tran Nam Hung, Nguyen Thi Thu Nga, Nguyen Sy Tuan, Phạm Đức Thọ, Triệu Hùng Trường	14/02/2023
14	Alpha-Glucosidase Inhibitory Activity of Saponins Isolated from Vernonia gratiole Hance	Journal of microbiology and biotechnology	Pham Van Cong, Hoang Le Tuan Anh, Le Ba Vinh, Yoo Kyong Han, Nguyen Quang Trung, Bui Quang Minh, Ngo Viet Duc, Tran Minh Ngoc, Nguyễn Thị Thu Hiền , Hoang Duc Manh, Le Thi Lien, Ki Yong Lee	14/02/2023

TT	Tên công trình công bố	Tên Tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
15	Thermoelectric, magnetic properties and re-entrant spin glass state in MBE grown FeAs film on LaAlO ₃ (100) substrate	ECS Journal of Solid state Science and Technology	Dương Văn Thiết, Dang Duc Dung, Van Quang Nguyen, Anh Tuan Duong, Nguyễn Xuân Chung , Nguyen Tuan Hong, Sungalae Cho	14/02/2023
16	Improved performance for antenna based on a combination of fractal geometry with CSRR	Journal of Information and Telecommunication	Thanh Nghia Cao, Thi Quynh Hoa Nguyen, Thi Nha Nguyen, Ngoc Hieu Nguyen, Lê Đắc Tuyên	18/02/2023
17	Impact of Discrete Fracture Characteristics on Longwall Top Coal Stability	Acta Montanistica Slovaca	Lê Tiến Dũng , Đào Hồng Quảng, Vũ Đình Hiếu	20/02/2023
18	Electron-phonon correlations inducing excitonic excitations in semimetal and semiconducting materials	Physical review b	Đỗ Thị Hồng Hải , Phan Văn Nhâm	03/03/2023
19	A compact blowout model for shallow tunnelling in soft soils	Tunnelling and Underground Space Technology	Vũ Minh Ngạn , Wout Broere	05/03/2023
20	Rate-sensitive pullout resistance of smooth-steel fibers embedded in ultra-high-performance concrete containing nanoparticles	Cement and Concrete Composites	Đặng Văn Phi , Dong Joo KIM	05/03/2023
21	New Results on Robust Finite-Time Extended Dissipativity for Uncertain Fractional-Order Neural Networks	Neural Processing Letters	Tranngoctuan, Nguyễn Trường Thanh , Maivietthuan	13/03/2023
22	Determination of steel arch support distance for roadways under the open-pit mine: a case study at the mong duong coal mine (vietnam)	Naukovyi Visnyk Natsionalnoho Hirnychoho Universytetu	Vũ Trung Tiến, Đào Viết Đoàn	06/04/2023
23	Research on stability of rock mass and +30 level surface	Journal of sustainable mining	Vũ Trung Tiến, Đào Viết Đoàn	07/04/2023

TT	Tên công trình công bố	Tên Tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
	construction works when re-exploiting the seam H10 at Mong Duong Coal Mine, Vietnam			
24	Photocatalytic Removal of Ciprofloxacin in Water by Novel Sandwich-like CuFe ₂ O ₄ on rGO/Halloysite Material: Insights into Kinetics and Intermediate Reactive Radicals	Water	Ngô Hà Sơn, Nguyễn Thị Linh, Trần Ngọc Tuấn, Lê Hạnh Chi	13/04/2023
25	Effect of Calcium Hydroxide on Compressive Strength and Microstructure of Geopolymer Containing Admixture of Kaolin, Fly Ash, and Red Mud	Applied Sciences	Công Tiến Dũng, Thao Phuong, Minh Thanh Vu, Thi Huong Nguyen	17/04/2023
26	Hybrid BBO-DE Optimized SPAARCTree Ensemble for Landslide Susceptibility Mapping	Remote Sensing	Lê Văn Hưng, Hoàng Anh Đức, Phạm Văn Đồng, Pham Viet Hoa, Dieu Bui Tien	20/04/2023
27	Seasonal ²²² Rn activity in spring water close to rare earth element and uranium mines in North Vietnam	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry	Dương Văn Hào, Vũ Hồng Dương, Dong Thanh Nguyen, Luan Thanh Pham, Gergely Tóth, Miklós Hegedűs, Tibor Kovacs	26/04/2023
28	Seafloor Depth Mapping of Central Vietnam's Sea area and its surrounding using gravity anomaly data and Gravity Geological Method	Advances in Space Research	Nguyễn Văn Sáng, Khuong Van Long, Tran Tuan Dung, Nguyễn Văn Lâm, Bui Cong Que, Do Van Mong, Bui Dang Quang, Ole Baltazar Andersen, Rene Forsberg, Dieu Tien Bui	26/04/2023

TT	Tên công trình công bố	Tên Tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
29	Output feedback passification of a class of fractional-order static neural networks	Transactions of the Institute of Measurement and Control	Mai Viet Thuan, Nguyen Thi Thanh Huyen, Duong Thi Hong, Nguyễn Trường Thanh	29/04/2023
30	Characterization of some natural materials with different morphologies and their mullitization in ceramic preparation	Journal of Ceramic Processing Research	Nguyễn Thị Thanh Thảo, Bùi Hoàng Bắc	10/05/2023
31	A Study on Apatite Recovering from the Tailing of the Bac Nhat Son-Vietnam Beneficiation Plant by Combined Flotation in Mechanical and Column Devices.	Mining, Metallurgy & Exploration	Trần Văn Được, Nguyễn Hoàng Sơn, Nhữ Thị Kim Dung, Phạm Thanh Hải	19/05/2023
32	A Multi-Layer Blowout Model for the Tunneling Face Stability Analysis	Buildings	Vũ Minh Ngạn, Vũ minh ngọc, Phạm Đức Thọ, Tuan Nguyen-Sy, Quoc-Bao Nguyen, Viet-Duc Dang	23/05/2023
33	Four new lignans obtained from the leaves of Schisandra cauliflora and their effect on skeletal muscle cell proliferation	Journal of Natural Medicines	Bui Huu Tai, Truong Thi Thu Hien, Hoang Dac Thang, Hoang Anh Tuan, Pham The Tai, Nguyen Minh Tung, Nguyen Van Khoi, Nguyễn Thị Thu Hiền , Le Huyen Tram, Phan Van Kiem, Nguyen Xuan Nhiem, Jinyoung Kim, Junjung Choi, Seung Hyun Kim	25/05/2023
34	Radiological Hazard Assessment of High-Level Natural Radionuclides in Surface Sediments Along Red River, Vietnam	Archives of Environmental Contamination and Toxicology	Dương Văn Hào, Duong Duc Thang, Bui Van Loat, Thanh Tien Kim, Bui Minh Hue, Tran Dinh Trong, Phan Trong Trinh, Nguyễn Thành Dương	26/05/2023
35	Polypyrrole-based nanocomposites doped with both salicylate/molybdate and graphene oxide for	Designed Monomers and Polymers	Hà Mạnh Hùng, Tran Minh Thi, Le Van Khoe, Le Minh Duc, Hoang Thi Tuyen Lan, Lai Thi Hoan, Vu Thi Xuan, Nguyen Thi Bich	29/05/2023

TT	Tên công trình công bố	Tên Tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
	enhanced corrosion resistance on low-carbon steel		Viet, Ngo Xuan Luong, Nguyen Thuy Chinh, Thai Hoang, Vu Thi Huong and Vu Quoc Trung	
36	Radiological risk assessment of outdoor ^{222}Rn and ^{220}Rn around rare earth element and uranium mine from northern Vietnam	Journal of Radiological Protection	Hoang Van Hiep, Nguyen Tai Tue, Nguyen Thai Son, Tran Dang Quy, Nguyễn Thành Dương, Nguyễn Văn Dũng	29/05/2023
37	Mixed H_{∞} and Passivity Performance for Delayed Conformable Fractional-Order Neural Networks	Circuits, Systems, and Signal Processing	nguyenthithanhuyen, Nguyễn Trường Thanh , nguyenhuusau, trannguyenbinh, maivietthuan	04/06/2023
38	Enhancing predictions of blast-induced ground vibration in open-pit mines: Comparing swarm-based optimization algorithms to optimize self-organizing neural networks	International Journal of Coal Geology	Nguyễn Hoàng, Bùi Xuân Nam , Erkan Topal	07/06/2023
39	Assessing water quality in the Dong Nai River (Vietnam): implications for sustainable management and pollution control	Water Science and Technology	Trần Thị Thu Hương , nguyen thi hong hanh, nguyen xuan tong, Trần Anh Quân	16/06/2023
40	Fracture resistance of ultra-high-performance fiber-reinforced concrete containing nanoparticles at high strain rates	Engineering Fracture Mechanics	Đặng Văn Phi , Dong Joo KIM	20/06/2023
41	Natural Cellulose Fiber-Derived Photothermal Aerogel for Efficient and Sustainable Solar Desalination	Langmuir	Hoang Giang Nguyen, Tien Thanh Pham, Thi An Hang Nguyen, Danh Bich Do, Tuan Hong Nguyen, Ha Lien Thi Nghiem, Minh Viet Nguyen, Phạm Xuân Núi	21/06/2023

TT	Tên công trình công bố	Tên Tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
42	Incorporating Industrial By-Products into Geopolymer Mortar: Effects on Strength and Durability	Materials	Tăng Văn Lâm , Nguyễn Hữu May	23/06/2023
43	Modeling and analysis of internal corrosion induced failure of oil and gas pipelines	Reliability Engineering & System Safety	Đào Thị Uyên , Zaman Sajid, Faisal Khan, Yahui Zhang, Trung Tran	30/06/2023
44	New results on finite-time guaranteed cost control of uncertain polytopic fractional-order systems with time-varying delays	Optimal Control Applications and Methods	Nguyễn Trường Thanh , Mai Viet Thuan, Tran Ngoc Tuan	03/07/2023
45	Microstructure and Physical Properties of (Eu, Ni) Co-Doped BiFeO ₃ Materials	ECS Journal of Solid State Science and Technology	Đào Việt Thắng, Nguyễn Mạnh Hùng , Nguyen Cao Khang, Le Thi Mai Oanh, Van Quang Nguyen, Nguyen Van Minh	04/07/2023
46	Radiological risk assessment of outdoor ²²² Rn and ²²⁰ Rn around rare earth element and uranium mines from northern Vietnam	Journal of Radiological Protection	Nguyễn Tài Tuệ, Hoàng Văn Hiệp, Nguyễn Thành Dương , Nguyễn Thái Sơn, Trần Đăng Quý, Nguyễn Văn Dũng	06/07/2023
47	Machine learning application for radon release prediction from the copper ore mining in Sin Quyen, Lao Cai, North Vietnam	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry	Trần Đình Bảo , Trong Vu, Nguyen Tai Tue, Tran Dang Quy, Thuy Huong Ngo Thi, Gergely Toth, Zsolt Homoki, Tibor Kovacs, Dương Văn Hào	12/07/2023
48	Trends and applications of google earth engine in remote sensing and earth science research: a bibliometric analysis using scopus database	Earth Science Informatics	Pham Duc Binh, Trần Anh Quân , Ho Nguyen, Hien Phan	17/07/2023
49	Safety Analysis of Blended Hydrogen Pipelines using Dynamic Object-oriented Bayesian Network	International Journal of Hydrogen Energy	Đào Thị Uyên , Zaman Sajid, Faisal Khan, Yahui Zhang	18/07/2023

TT	Tên công trình công bố	Tên Tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
50	Factors associated with receipt of informal care among the Vietnamese older persons: Evidence from a national survey	Frontiers in Public Health	Giang Thanh Long, Nguyễn Trương Nam, Phạm Thị Hồng Thắm, Phí Mạnh Phong	03/08/2023
51	A 10-km CMIP6 downscaled dataset of temperature and precipitation for historical and future Vietnam climate	Scientific Data	Trần Anh Quân , Thanh Ngo-Duc, Etienne Espagnee	05/08/2023
52	A New Approach Based on TensorFlow Deep Neural Networks with ADAM Optimizer and GIS for Spatial Prediction of Forest Fire Danger in Tropical Areas	Remote Sensing	Trần Xuân Trường, Nhữ Việt Hà, Đoàn Thị Nam Phương, Lê Thanh Nghị , Nguyễn Như Hùng, Phạm Việt Hòa, Bùi Tiến Diệu	07/08/2023
53	Apatite ore-based nanostructures: novel and eco-friendly sorbent for efficient removal of wastewater containing Pb ²⁺ and Fe ³⁺	Water, Air & Soil Pollution	Nguyen Thu Phuong, Dinh Thi Mai Thanh, Nguyen Hong Nam, Cao Thi Hong, Dang Vu Qui Dac, Le Phuong Thu, Đỗ Thị Hải	14/08/2023
54	Cyclic degradation of weakly cemented soil and artificial bedding plane in cyclic ring shear test	Innovative Infrastructure Solutions	Nguyễn Thành Dương , Nguyễn Văn Hải	23/08/2023
55	Improvement of the stress sensing ability of ultra-high-performance concrete using short steel fibers and steel slag aggregates under high compression	Sensors and Actuators: A. Physical	Lê Huy Việt , Phuc Lam Dao; , Sy Duc Nguyen; , Tri Thuong Ngo; , Ngoc Thanh Tran; , Duy Liem Nguyen; , Dong Joo Kim	25/08/2023
56	Nanoarchitectonics of Ag-modified g-C ₃ N ₄ @halloysite nanotubes by a green method for enhanced photocatalytic efficiency	Advanced Powder Technology	Phạm Xuân Núi , Hoa T. Nguyen, Đoàn Văn Huấn , T. Thanh-Bao Nguyen	01/09/2023

TT	Tên công trình công bố	Tên Tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
57	Deformation forecasting of a hydropower dam by hybridizing a long short-term memory deep learning network with the coronavirus optimization algorithm"	Computer-Aided Civil and Infrastructure Engineering	Bui Thi Kien Trinh, José F. Torres, David Gutiérrez-Avilés, Nhữ Việt Hà , Dieu Tien Bui, FranciscoMartínez-Álvare	01/09/2023
58	Designing a novel heterostructure AgInS ₂ @MIL-101(Cr) photocatalyst from PET plastic waste for tetracycline degradation	Nanoscale Advances	Phạm Xuân Núi , Van-Tai Vu, Hong Van T. Nguyen, T.-Thanh-Bao Nguyen and Đoàn Văn Huân	01/09/2023
59	Evaluating fracture characteristics of ultra-high-performance fiber-reinforced concrete in flexure and tension with size impact	Construction and Building Materials	Nguyen Duy Liem, Lê Huy Việt , Vu Thi Bich Nga, Nguyen Van Thuan, Tran Ngoc Thanh	04/09/2023
60	Tectonic evolution of Southeast Asia documented by two periods of high-grade metamorphism in the Kon Tum Massif, Central Vietnam	Lithos	Wei jiang , Jin-HaiYu , W.L. Griffin, TrungHieu Pham, Jiahui Qian, Nguyễn Đình Luyện	07/09/2023
61	Experimental Study on Kinetics and Mechanism of Ciprofloxacin Degradation in Aqueous Phase Using Ag-TiO ₂ /rGO/Halloysite Photocatalyst	Catalysts	Ngô Hà Sơn , Nguyễn Thị Linh , Trần Ngọc Tuấn , Lê Hạnh Chi	01/10/2023
62	Effect of rice husk ash on physical properties of soft soil	Int. J. Environment and Waste Management	Nguyễn Thành Dương	01/10/2023
63	Depositional and metamorphic events recorded in voluminous	Gondwana Research	Fang Wang, Ngô Xuân Thành , Fulai Liu, Lei Ji, Jianjiang Zhu, Huining Wang	05/10/2023

TT	Tên công trình công bố	Tên Tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
	metasedimentary rocks from northwestern Vietnam: Tectonic implications for eastern Paleo-Tethys evolution, Tibetan Plateau			
64	A state-of-the-art review on the utilization of new green binders in the production of controlled low-strength materials	Construction and Building Materials	Tran Q. Thien, Đỗ Mạnh Tấn , Young-sang Kim, Liet Chi Dang	06/10/2023
65	Metamorphic Evolution and Orogenic Process Related to the Eastern Paleo-Tethyan Warm Subduction and Indochina-South China Collision	Journal of Petrology	Wang, Ngô Xuân Thành , Fulai Liu, Fang Wang, Lei Ji, Jianjiang Zhu	07/10/2023
66	Assessment of the natural radiological hazards in surface soil at high-level background natural radiation areas, Northern Vietnam	Journal of Radioanalytical and Nuclear Chemistry	Nguyễn Văn Dũng , Hoàng Văn Hiệp, Bùi Thị Huế	10/10/2023
67	Preparation of ZnO/Ag nanoflowers by hydrothermal assisted with galvanic effect and its surface enhanced Raman scattering activity	Chemical Physics Letters	Trần Thị Hà , Nguyen Hai Pham, Thi Huyen Nguyen, Cong Doanh Sai, Quang Hoa Nguyen, Viet Tuyen Nguyen, Minh Phuong Le, Van Tan Tran, Thanh Binh Nguyen, Trong Tam Nguyen, Thi Nguyet Duong, Tien Dat Tran, Ngoc Do Dai, Van Thanh Pham, An Bang Ngac, Nguyễn Thị Diệu Thu	11/10/2023
68	Fe ₃ O ₄ /CuO/Chitosan Nanocomposites: An Ultrasound-Assisted Green Approach for Antibacterial and	ACS Omega	Nguyen Thi Huong, Pham Thi Mai Huong, Nguyen Thi Kim Giang, Phung Thi Lan, Vu Thanh Dong, Công Tiến Dũng	20/10/2023

TT	Tên công trình công bố	Tên Tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
	Photocatalytic Properties			
69	Investigation on cost-effective composites for CO ₂ adsorption from post-gasification residue and metal organic framework	Journal of Environmental Science	Hong Nam Nguyen, Thu Phuong Nguyen, Thi Mai Thanh Dinh, Phuong Thu Le, Quang Minh Tran, Trung Dung Nguyen, Phuong Lan Tran-Nguyen, Toshiki Tsubota, Đỗ Thị Hải	30/10/2023
70	Building 3D CityGML models of mining industrial structures using integrated UAV and TLS point clouds	International Journal of Coal Science & Technology	Lê Văn Cảnh , Nguyễn Ngọc Anh, Phạm Văn Chung , Cao Xuân Cường , Nguyễn Quốc Long	31/10/2023
71	Enrichment of strategic metals in the Upper Triassic coal from the Nui Hong open-pit mine, Thai Nguyen Coalfield, NE Vietnam	Ore Geology Reviews	JingLi, Yang Lin, Nguyễn Xuân Phú , XinguoZhuang, BaoqingLi, XavierQuerol, NataliaMoreno, PatriciaCordobac	01/11/2023
72	Fiber fraction-dependent flexural behavior of high-performance fiber-reinforced concrete under static and repeated loading	Journal of Building Engineering	Thi-Ngoc-Han Vuong, Tan-Khoa Nguyen, Nguyen Duy Liem, Lê Huy Việt , Trần Ngọc Thanh	15/11/2023
73	Spatial Prediction of Fluvial Flood in High-Frequency Tropical Cyclone Area Using TensorFlow 1D-Convolution Neural Networks and Geospatial Data	Remote Sensing	Nguyễn Gia Trọng , Bùi Tiến Diệu, Phạm Ngọc Quang , Lê Hồng Anh, Nguyễn Hoàng Long , Nguyễn Văn Cương	20/11/2023
74	Self sensing characteristics of smart high-performance cementitious composites containing multiwall carbon nanotubes, steel fibers, and steel slag aggregates under compression.	Sensors and Actuators: A. Physical	Lê Huy Việt , Nguyễn Văn Mạnh , Phạm Thị Nhân , Tăng Văn Lâm , Phạm Xuân Núi , nguyên duy liem, Dong Joo Kim	15/12/2023

TT	Tên công trình công bố	Tên Tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
75	One-pot synthesis of magnetic hydroxyapatite (SPION/HAp) for 5-fluorouracil delivery and magnetic hyperthermia	Journal of Nanoparticle Research	Magdalena Osial, Thanh Thi Mai Dinh, Đỗ Thị Hải , Giang Ngan Ha, Van Hong Vu, Phuong Thu Nguyen, Dorota Nieciecka, Paulina Pietrzyk, Olga Urbanek, Sunday Joseph Olusegun, Sławomir Wilczewski, Michael Giersig	28/12/2023

(số liệu cập nhật trên Phần mềm Quản lý khoa học đến ngày 31/12/2023)

Phụ lục 3. Danh mục các bài báo thuộc hệ thống Scopus-ESCI trong năm 2023

STT	Tên công trình công bố	Tên tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
1	A Method of Optimal Design for the Base Network in Structural deformation Monitoring at Song Hinh Hydroelectricity, Vietnam	Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Phạm Quốc Khánh	1/1/2023
2	Pumped Storage Power Plant, Solutions to Ensure Water Sustainability and Environmental Protection	GTER 2022: Advances in Research on Water Resources and Environmental Systems	Phạm Trung Sơn	1/1/2023
3	The Study of Extraction Soil Salinity Information from High Resolution Multispectral Remote Sensing Data, Pilot Area in DongNai Province, Vietnam	Environmental Science and Engineering	Xuan Huy Chu , Minh Ngọc Nguyen , Ngoc Dat Dinh , Thu Thuy Le , Quang Huy Bui , Thi Huyen Ai Tong , Van Tiep Trinh, and Van Lap Nguyen , Phạm Thị Làn	1/1/2023
4	Dynamics and determinants of forest changes across mainland Vietnam in the recent three decades	Recent Advances Research in Water Resources and Environmental Systems. Book Chapter- select papers of the 2nd International Conference on Geo-Spatial Technologies and Earth Resources 2022	Duong Cao Phan (University of Tsukuba Japan), Ba Thao Vu, Dang An Tran, Vương Trọng Kha , Kenlo Nishida Nasahara (University of Tsukuba Japan)	2/1/2023
5	An Automatic Method for Clay Minerals Extraction from Landsat 8 OLI Data. A Case Study in Chi Linh City, Hai Duong Province	Recent Advances Research in Water Resources and Environmental Systems. Book Chapter- select	Trịnh Lê Hùng, Nguyen Sach Thanh , Vương Trọng Kha	2/1/2023

STT	Tên công trình công bố	Tên tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
		papers of the 2nd International Conference on Geo-Spatial Technologies and Earth Resources 2022		
6	Salinity Prediction in Coastal Aquifers of the Vietnamese Mekong River Delta Using Innovative Machine Learning Algorithms	Recent Advances Research in Water Resources and Environmental Systems. Book Chapter- select papers of the 2nd International Conference on Geo-Spatial Technologies and Earth Resources 2022	Dang An Tran (Thuyloi University Hanoi antd@tlu.edu.vn), Ha Nam Thang, Tien Dieu Bui , Vương Trọng Kha	2/1/2023
7	Characterization of the Natural Dolomite from Thanh Liem Area, Vietnam, and Its Applications	Environments, Advances in Geospatial Technology in Mining and Earth Sciences	Nguyễn Thị Thanh Thảo, Lê Thị Duyên, Phenglilern Sensousit	3/1/2023
8	Physicochemical Characteristics of the Middle Triassic Limestone in Ha Nam Province, Vietnam and the Ability of Adsorption of Heavy Metal Ions from Aqueous Environments	Environments, Advances in Geospatial Technology in Mining and Earth Sciences	Bùi Hoàng Bắc, Lê Thị Duyên, Nguyễn Thị Thanh Thảo, Nguyễn Hữu Thọ	3/1/2023
9	Influence of underground mining activities on the topographic surface, case study of nui beo coal mine (Vietnam)	Naukovyi Visnyk Natsionalnoho Hirnychoho Universytetu	Vũ Trung Tiến , Phạm Đức Hưng	4/1/2023
10	Comparison of Multi-Criteria Decision Making, Statistics, and Machine Learning Models for Landslide Susceptibility Mapping in Van Yen District, Yen Bai Province, Vietnam	International Journal of Geoinformatics	Khuc Thanh Dong, Trương Xuan Quang, Trần Văn Anh, Bui, D. QBui, D. P., Ha, T. H. M., Pham, Yordanov	8/1/2023

STT	Tên công trình công bố	Tên tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
11	Estimating the CD2+ adsorption efficiency on nanotubular halloysites in weathered pegmatites using optimized artificial neural networks: Insights into predictive model development	Applications of artificial intelligence in mining and geotechnical engineering	Mark A. engel, Nguyễn Ánh Hoa	11/1/2023
12	Structural, optical, ferromagnetic, and ferroelectric properties of BiFeO ₃ and Bi _{0.9} RE _{0.1} Fe _{0.975} Ni _{0.025} O ₃ (RE = Gd, Nd) materials	Vietnam Journal of Science and Technology	Đào Việt Thắng, Nguyễn Mạnh Hùng, Nguyen Cao Khang, Le Thi Mai Oanh	17/1/2023
13	Characterization of the heat-treated sericite from Son Binh area, Vietnam	Journal of the Geological Society of Korea	Nguyễn Thị Thanh Thảo	3/2/2023
14	Application of Unmanned Aerial Vehicles for Surveying and Mapping in Mines: A Review	International Conference on Geo-Spatial Technologies and Earth Resources 2022	Nguyễn Quốc Long, Đặng Tuyết Minh, Bùi Khắc Luyện, Bùi Ngọc Quý, Trần Xuân Trường	14/2/2023
15	Analyzing technical efficiency in Vietnamese seafood processing firms: A semi-parametric stochastic frontier approach	International Journal of Advanced and Applied Sciences	Trần Đức Thuận, Nguyễn Ngọc Khánh, Phạm Kim Thư, Nguyễn Văn	24/2/2023
16	Assessing the Effect of Open-Pit Mining Activities and Urbanization on Fine Particulate Matter Concentration by Using Remote Sensing Imagery: A Case Study in Binh Duong Province, Vietnam	Book Chapter	Khúc Thành Đông, Nguyễn Quốc Long, Trần Văn Anh, Trần Đình Trọng, Nguyễn Quỳnh Nga, Trường Xuân Quang, Phạm Quang Hiến	25/2/2023
17	Random Forest Analysis of Land Use and Land Cover Change Using Sentinel-2 Data in Van Yen, Yen Bai Province, Vietnam	Book Chapter	Trương Xuân Quang, Trần Văn Anh, Nguyễn Đăng Hiến Dương, Đỗ Thị Hằng, Trần Nhật Dương, Đỗ Thị Thu Nga, Vasil Yordanov, Maria	25/2/2023

STT	Tên công trình công bố	Tên tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
			Antonia Brovelli, Thanh Dong Khuc	
18	Determination of Illegal Signs of Coal Mining Expansion in Thai Nguyen Province, Vietnam from a Combination of Radar and Optical Imagery	Book Chapter	Trần Văn Anh, Trần Hồng Hạnh, Lê Thanh Nghị, Trần Trung Anh, Nguyễn Quỳnh Nga, Khúc Thành Đông	25/2/2023
19	On the Flow Assurance for Un-Insulated Subsea Pipeline Systems: Application on the Multiphase Pipeline from Pearl Field to FPSO Ruby II Offshore Vietnam	International Conference on Geo-Spatial Technologies and Earth Resources	Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Thị Hải Yến, Sylvain S. Guillou, Dương Thúy Hoàng, Trương Thị Thanh Thủy, Nguyễn Thị Thảo	25/2/2023
20	Roof Condition Characteristics Affecting the Stability of Coal Pillars and Retained Roadway	Environmental Science and Engineering	Lê Quang Phục, Đào Văn Chi	25/2/2023
21	Data collection system with signal optimal-routine for the mining and environmental monitoring in Vietnam	Naukovyi Visnyk Natsionalnoho Hirnychoho Universytetu.	Phạm Thị Thanh Loan, Lê Xuân Thành	27/2/2023
22	Enhancement of the technology of caved ore drawing from the ore deposit footwall "triangle"	IOP Conference Series: Earth and Environmental Science	S Pysmennyi, S Chukharev, A Peremetchyk, N Shvahr, S Fedorenko, Vũ Trung Tiến	11/3/2023
23	Application of mining technology by the combination of ANSH equipment to longwall in Seam 6 of Mao Khe coal mine, Viet Nam	IOP Conference Series: Earth and Environmental Science	Vũ Trung Tiến, O Mykhailenko	11/3/2023
24	Thermo-hydro-mechanical responses of the host rock in the context of geological nuclear waste disposal	Journal of Applied Science and Engineering	Tran Nam Hung, Nguyen Thi Thu Nga;, Phạm Đức Thọ, Triệu Hùng Trường	23/3/2023
25	Excess pore water pressure generation in fine granular materials under undrained cyclic triaxial loading	International Journal of Geo-Engineering, Online ISSN: 2198-2783	Đỗ Mạnh Tấn, an Laue, Hans Mattsson & Qi Jia	24/3/2023

STT	Tên công trình công bố	Tên tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
26	Determination of the rock mass displacement zone by numerical modeling method when exploiting the longwall at the Nui Beo Coal Mine, Vietnam	Mining of Mineral Deposits	Vũ Trung Tiến, Đỗ Anh Sơn	30/3/2023
27	Analysis of landslide kinematics integrating weather and geotechnical monitoring data at Tan Son slow moving landslide in Ha Giang province	Vietnam Journal of Earth Sciences	Đào Minh Đức, Vũ Cao Minh, Hoàng Hải Yến, Nguyễn Thế Lộc, Đỗ Minh Đức	30/3/2023
28	A New Pseudo-Static Loading Scheme for the Hyperstatic Reaction Method - Case of Sub-Rectangular Tunnels under Seismic Conditions	Sustainable and Resilient Infrastructure	Đỗ Ngọc Anh, Pham Van Vi, Daniel Dias	14/4/2023
29	Detection of violations of open-pit mining lease boundaries using Sentinel-2 MSI data in the case of Lao Cai and Yen Bai provinces of North Vietnam	Mining Science and Technology (Russia)	Tran X.B, L.H.Trinh, Nguyễn Quốc Long, Yu. M. Levkin, I. V. Zenkov, T. H. Tong	20/4/2023
30	Indirect Georeferencing in Terrestrial Laser Scanning: One-Step and Two-Step Approaches	Advances in Geospatial Technology in Mining and Earth Sciences in 2nd International Conference on Geo-spatial Technologies and Earth Resources 2022	Phạm Trung Dũng, Nguyễn Quốc Long, Lê Đức Tình, Trần Thanh Hà	3/5/2023
31	Radiological risk assessment and characteristics of ²¹⁰ Po in selected water sources in Quang Nam and Da Nang, Vietnam	Vietnam Journal of Earth Sciences	Dương Văn Hào, Trần Danh Hùng, Tien Chu Trung Oanh Nguyen Thi, Duc Do Xuan, Hoang Ha Nguyen Thi, Hung Dinh Viet	10/5/2023
32	Correlation between macroscopic and microscopic relaxation dynamics of water: Evidence for two liquid forms	Journal of Chemical Physics	Vinh Nguyen, Đoàn Công Luận	26/5/2023

STT	Tên công trình công bố	Tên tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
33	Effect of cyclic stress ratio on the liquefaction resistance of fine sand in soc trang, vietnam using cyclic triaxial test	International Journal of GEOMATE	Nguyễn Văn Phóng, Nguyễn Thành Dương	28/05/2023
34	Flash Flood Hazard Mapping Based on Analytic Hierarchy Process for a Complex Terrain: A Case Study of Chu Lai Peninsula, Vietnam	Advances in Research on Water Resources and Environmental Systems. Selected papers of the 2nd International Conference on Geo-Spatial Technologies and Earth Resources 2022	Phạm Thị Làn, Tong Si Son, Nguyễn Viết Nghĩa	1/6/2023
35	Forecasting PM2.5 emissions in open-pit mines using a functional link neural network optimized by various optimization algorithms	Mining Science and Technology (Russian Federation)	Bùi Xuân Nam, Nguyễn Hoàng, Lê Quý Thảo, Lê Tuấn Ngọc	7/6/2023
36	Forecasting PM10 Concentration from Blasting Operations in Open-Pit Mines Using Unmanned Aerial Vehicles and Adaptive Neuro-Fuzzy Inference System	GTER 2022: Advances in Geospatial Technology in Mining and Earth Sciences, Selected Papers of the 2nd International Conference on Geo-spatial Technologies and Earth Resources 2022, Springer (indexed Scopus)	Bùi Xuân Nam, Changwoo Lee, Nguyễn Hoàng	7/6/2023
37	Technological Solutions for Fly Ash and Red Mud Upcycling Approach the Vietnam's Government Target of Net-Zero Carbon by 2050	GTER 2022: Advances in Geospatial Technology in Mining and Earth Sciences, Selected Papers of the 2nd	Van-Duc Nguyen, Changwoo Lee, Bùi Xuân Nam, Phạm Văn Chung, Quang-Tuan Lai, Nguyễn Hoàng, Tran Thi Huong Hue, Van-	7/6/2023

STT	Tên công trình công bố	Tên tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
		International Conference on Geo-spatial Technologies and Earth Resources 2022, Springer (indexed Scopus)	Trieu Do, Ji-Wahn Ahn	
38	Healthcare Services Utilisation and Financial Burden among Vietnamese Older People and Their Households	International Journal of Environmental Research and Public Health	Giang Thanh Long, Phạm Thị Hồng Thắm, Phí Mạnh Phong , Nguyễn Trương Nam	10/06/2023
39	Mechanism and numerical simulation of a rapid deep-seated landslide in Van Hoi reservoir, Vietnam	Vietnam Journal of Earth Sciences	Pham Van Tien, Nguyễn Quốc Phi , Le Hong Luong, Tran Thanh Nhan, Trong Trinh Phan, Dinh Thi Quynh, Dao Minh Duc, Nguyen Chau Lan, Nguyen Hai Cuong	17/7/2023
40	Monitoring monthly variation of Tonle Sap Lake water volume using Sentinel-1 imagery and satellite altimetry data	Vietnam Journal of Earth Sciences	Pham Duc Binh, Trần Anh Quân , Tống Sĩ Sơn	13/8/2023
41	Application of FARO Focus 3D S350 Terrestrial Laser Scanner in building 3D models of potential areas of landslides and rocks - A case study in Ha Giang province, Vietnam	ICSCE 2022 in Lecture Notes in Civil Engineering	Trần Hồng Hạnh , Hưng Quốc Vũ, Trần Vân Anh	23/8/2023
42	Green Synthesis of ZSM-5@rGO Composite for Adsorption of Methylene Blue from Aqueous Solution	Pollution	Phạm Xuân Núi , Hoa Thi Nguyen	1/9/2023
43	Prediction of Tunnel Cross-Sectional Area After Blasting	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Nguyễn Chí Thành , Nguyễn Việt Nghĩa	9/9/2023

STT	Tên công trình công bố	Tên tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
44	Enhancing Workplace Safety: A Comprehensive Action Plan for Duong Huy Coal Company (2021- 2025)	Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Nguyễn Thị Hoài Nga, Nguyễn Đức Thắng, Lê Đình Chiếu, Phạm Kiên Trung, Lê Văn Chiến	13/9/2023
45	The Impact of Digital Leadership on Organizational Performance: A Study in Vietnam's coal Mining Companies	Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Lê Văn Chiến, Nguyễn Đức Thắng, Phạm Kiên Trung, Nguyễn Thị Hoài Nga	27/9/2023
46	Promoting Gender Equality and Awareness in the Vietnamese Mining Sector: Perceptions, Challenges, and Policy Recommendations	Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Phạm Minh Hằng, Nguyễn Thị Hoài Nga, Phạm Kiên Trung, Phạm Thị Lương	28/9/2023
47	Geology, Pb and S Isotope Geochemistry, and Genesis of the Na Bop-Pu Sap Lead-Zinc Deposit in the Cho Don area, Northeastern Vietnam	Iraqi Geological Journal	Khương Thế Hùng, Lê Xuân Trường, Salih M Awadh, Ta Van Thang, Ngo Xuan Dac, Nguyễn Khắc Du	30/9/2023
48	Fracture Mechanism of Hard Main Roof and Determining the Width of Coal Pillars when Extracting Flat-lying Coal Seams	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Lê Quang Phục, Đào Văn Chi, Nguyễn Phi Hùng, Vũ Thái Tiến Dũng	15/10/2023
49	Research on the Effect of the Mine Waste Dump on the Stability of Tunnels Below in the Quangninh Coal Area by Numecical Method	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Đặng Văn Kiên, Võ Trọng Hùng, Bùi Xuân Nam, Nguyen Huu Sa	17/10/2023
50	The Collision Between Indochina and South China Blocks in Northwestern Vietnam and its Controversy	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Khương Thế Hùng, Jan Golonka, Nguyễn Khắc Du	18/10/2023
51	Optimizing the Width and Compressive Strength of Artificial Protective Pillar in the Mining of Medium-Thick	Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Bùi Mạnh Tùng, Đinh Văn Cường	18/10/2023

STT	Tên công trình công bố	Tên tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
	Coal Seams in Quang Ninh Using the Numerical Model			
52	A new approach on improving the operation of over-current relays in 6kV mining grids of QuangNinh, VietNam	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Lê Xuân Thành, Hồ Việt Bun	18/10/2023
53	Determining the correction factors of overhead-conductors in 6kV mining system of QuangNinh, VietNam with the consideration of power harmonic impact	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Lê Xuân Thành, Hồ Việt Bun	18/10/2023
54	Geological Controls on Evolution of Submarine Channels in Song Hong Basin, Offshore Vietnam	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Lê Ngọc Ánh, Nguyễn Minh Hòa, Nguyễn Duy Mười, Bùi Thị Ngân	19/10/2023
55	Facies Analysis and Depositional Environmental Interpretation of The Upper Oligocene, Block 09- 2/10, Cuu Long Basin	Inżynieria Mineralna	Nguyễn Duy Mười, Lê Ngọc Ánh, Nguyễn Minh Hòa, Bùi Thị Ngân	19/10/2023
56	Establishing the Vertical Movement Map of Cuu Long Delta River by GNSS Data	Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Nguyễn Gia Trọng, Phạm Ngọc Quang, Nguyễn Quốc Long, Nguyễn Việt Nghĩa, Kim Thị Thu Hương, Vũ Trung Dũng, Lý Lâm Hà, Nguyễn Việt Quân	19/10/2023
57	Geological and Geochemical Characteristics of the Pac Lang Gold Deposits, Northeastern Vietnam and Their Potential Prospects	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Khương Thế Hùng, Nguyễn Văn Đạt, Nguyễn Thị Cúc, Phạm Như Sang	19/10/2023
58	Simulation on Flyrock due to Blasting Using Smoothed Particle Hydrodynamics (SPH) with LS-Dyna software	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral	Trần Đình Bảo, Do Van Trieu, Phạm Văn Việt, Nguyễn Đình An	19/10/2023

STT	Tên công trình công bố	Tên tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
		Engineering Society		
59	Dimension-Stone Quarrying Optimization through Integrated Modelling between Joint Sets and Cutting Grid: a Case Study at Tan Long Dimension Stone Quarry in Southcentral Coastal Province of Binh Dinh	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Phạm Văn Việt, Nguyễn Anh Tuấn, Phạm Văn Hòa, Trần Đình Bảo	19/10/2023
60	Study on technological solutions to increase the recovery and quantity of the copper concentrate at Ta Phoi beneficiation plant Vietnam	Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Nhữ Thị Kim Dung, Phạm Thị Nhung, Vũ Thị Chinh, Lê Việt Hà	19/10/2023
61	3D LoD3 Modeling of High Building Using Terrestrial Laser Scanning and Unmanned Aerial Vehicle: A Case Study in Halong City, Vietnam	Mineralna	Lê Thị Thu Hà, Nguyễn Quốc Long	20/10/2023
62	Land Subsidence Susceptibility Mapping Using Machine Learning in the Google Earth Engine Platform	Lecture Notes on Data Engineering and Communications Technologies	Trần Văn Anh, Khúc Thanh Dong, Hà Trung Khiên, Trần Hồng Hạnh, Lê Thanh Nghị, Phạm Thị Thanh Hòa, Nguyễn Quốc Định	20/10/2023
63	Deep Learning Approach for Inundation Area Detection Using Sentinel Data.	Lecture Notes on Data Engineering and Communications Technologies: Intelligence of Things: Technologies and Applications. ICIT 2023	Trần Trường Giang, Trần Thị Hòa, Trần Mai Hương, Nguyễn Hoàng Long, Lê Hồng Anh, Nguyễn Thị Mai Dung	25/10/2023
64	Bayesian Approach for Static Object Detection and Localization in Unmanned Ground Vehicles	Lecture Notes on Data Engineering and Communications Technologies: International Conference on	Đoàn Công Luận, Trần Thị Hòa, Nguyễn Thị Mai Dung	25/10/2023

STT	Tên công trình công bố	Tên tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
		Intelligence of Things ICIT 2023		
65	Understanding saltwater origins and mechanisms in the coastal aquifers of Da Nang Area	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Nguyễn Bách Thảo , Đặng Đức Nhận, Đào Đức Bằng	30/10/2023
66	Prediction of Road Subsidence Caused by Underground Mining Activities by Artificial Neural Networks	Mineralna	Nguyen Viet Hung, Lê Quang Duyên , Nguyễn Quốc Long , Tomars Lipecki	31/10/2023
67	Emission Reduction in Oil & Gas Subsurface Characterization Workflow with AI/ML Enabler	Mineralna	huy Nguyen Thi THANH, Samie LEE, The NGUYEN, Lê Quang Duyên	31/10/2023
68	Evaluation of the Precision of SARAL/AltiKa and Sentinel-3A Satellite Altimetry Data Over the Vietnam Sea and Its Surroundings	Advances in Geospatial Technology in Mining and Earth Sciences. Selected Papers of the 2nd International Conference on Geo-spatial Technologies and Earth Resources 2022 (GTER2022). 13-14 October 2022, Hanoi, Vietnam. Environmental Science and Engineering	Do Van Mong, Nguyễn Văn Sáng , Khuong Van Long, Bùi Khắc Luyện	3/11/2023
69	A snapshot of bacterial endophytes isolated from the roots of vetiver grass (chrysopogon zizanioides) grown at Bien Hoa airbase, Dong Nai province	Vietnam Journal of Science and Technology	Vũ Thị Lan Anh , Ngô Thị Thúy Hường, Đặng Thị Hà Thu, Nguyễn Thị Nhận , Nguyễn Quốc Định , Trần Văn Tuấn	15/12/2023

STT	Tên công trình công bố	Tên tạp chí	Tác giả	Thời gian xuất bản
70	Data analysis solutions to improve blasting efficiency in mining	Naukovyi Visnyk Natsionalnoho Hirnychoho Universytetu	Đào Hiếu, Phạm Thị Thanh Loan	23/12/2023
71	Challenges to the Development of Unconventional Natural Gas - The Case of Shale Gas	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Lê Minh Thông, Trần Văn Hiệp, Đỗ Hữu Tùng	23/12/2023
72	Segmentation of Homogeneous regions of gravity field properties by machine learning method in central area of Vietnam	Inżynieria Mineralna - Journal of the Polish Mineral Engineering Society	Phan Thị Hồng, Trần Văn Hữu, Phương Do Minh	23/12/2023
73	Predicting production flow rates using artificial neural network - HST field case	SOCAR Proceedings	Nguyễn Tiến Hùng, Nguyễn Minh Hòa, Vũ Hồng Dương	29/12/2023
74	Prediction of Underground Mining Induced Subsidence: An Artificial Neural Network Based Approach	Mining of Mineral Deposits	Nguyễn Quốc Long, Lê Thị Thanh Tâm, Nguyễn Gia Trọng, Trần Đình Trọng	31/12/2023

(số liệu cập nhật trên Phần mềm Quản lý khoa học đến ngày 31/12/2023)

Phụ lục 4. Thống kê số lượng công bố quốc tế (WoS/Scopus) của từng cá nhân năm 2023

TT	Tên tác giả	Số lượng công bố		Đơn vị công tác (Bộ môn)
		WoS	Scopus	
	Khoa Công nghệ thông tin			
1	Lê Hồng Anh	0	1	Khoa học máy tính
2	Trần Trung Chuyên	1	0	Tin học Trắc địa
3	Phạm Văn Đồng	1	0	Công nghệ phần mềm
4	Hoàng Anh Đức	1	0	Công nghệ phần mềm
5	Nguyễn Thị Mai Dung	0	2	Tin học trắc địa
6	Trần Trường Giang	0	1	Tin học trắc địa
7	Trần Thị Hòa	0	2	Tin học trắc địa
8	Lê Văn Hưng	1	0	Công nghệ phần mềm
9	Nguyễn Thế Lộc	0	1	Công nghệ phần mềm
10	Nguyễn Hoàng Long	1	1	Tin học Trắc địa
	Khoa Cơ điện			
11	Hồ Việt Bun	0	2	Điện khí hoá
12	Đào Hiếu	0	1	Tự động hoá
13	Phạm Thị Thanh Loan	0	2	Tự động hoá
14	Đoàn Công Luận	0	2	Máy và Thiết bị công nghiệp
15	Phạm Trung Sơn	0	1	Điện khí Hoá
16	Lê Xuân Thành	0	3	Điện khí Hoá
	Khoa Dầu khí và năng lượng			
17	Lê Ngọc Ánh	0	2	Địa chất dầu khí
18	Vũ Hồng Dương	1	1	Địa vật lý
19	Lê Quang Duyệt	0	2	Khoan Khai thác
20	Dương Văn Hào	3	1	(đã chuyển đơn vị công tác)
21	Nguyễn Minh Hoà	0	2	Địa chất dầu khí
22	Phan Thị Hồng	0	1	Địa vật lý
23	Đoàn Văn Huân	2	0	Lọc - Hoá dầu
24	Nguyễn Tiến Hùng	0	1	Khoan Khai thác
25	Trần Danh Hùng	0	1	Địa vật lý
26	Trần Văn Hữu	0	1	Địa vật lý
27	Trần Hữu Kiên	1	0	Khoan khai thác
28	Nguyễn Thị Linh	2	0	Lọc - Hoá dầu
29	Nguyễn Duy Mười	0	2	Địa chất dầu khí
30	Bùi Thị Ngân	0	2	Địa chất dầu khí
31	Phạm Xuân Núi	4	1	Lọc - Hoá dầu
32	Ngô Hà Sơn	2	0	Lọc - Hoá dầu
33	Nguyễn Văn Thịnh	0	1	Thiết bị dầu khí
34	Triệu Hùng Trường	1	1	Thiết bị dầu khí

TT	Tên tác giả	Số lượng công bố		Đơn vị công tác (Bộ môn)
		WoS	Scopus	
35	Trần Ngọc Tuấn	2	0	Lọc - Hoá dầu
36	Đào Thị Uyên	4	0	Khoan khai thác
	Khoa Kinh tế và QTKD			
37	Lê Văn Chiến	0	1	Quản trị doanh nghiệp Mỏ
38	Lê Đình Chiều	1	1	Quản trị doanh nghiệp Mỏ
39	Trần Văn Hiệp	0	1	Quản trị doanh nghiệp Địa chất - Dầu khí
40	Nguyễn Ngọc Khánh	0	2	Quản trị doanh nghiệp Mỏ
41	Nguyễn Thị Hoài Nga	1	1	Quản trị doanh nghiệp Mỏ
42	Nguyễn Đức Thắng	0	3	Quản trị doanh nghiệp Mỏ
43	Lê Minh Thống	0	2	Quản trị doanh nghiệp Địa chất - Dầu khí
44	Phạm Kiên Trung	0	3	Quản trị doanh nghiệp Mỏ
	Khoa Khoa học Cơ bản			
45	Nguyễn Xuân Chung	2	0	Vật lý
46	Công Tiến Dũng	2	0	Hoá
47	Lê Thị Duyên	0	1	Hoá
48	Trần Thị Hà	1	0	Vật lý
49	Đỗ Thị Hồng Hải	1	0	Vật lý
50	Đỗ Thị Hải	3	1	Hoá
51	Nguyễn Thị Thu Hiền	3	0	Hoá
52	Nguyễn Ánh Hoa	0	0	Ngoại ngữ
53	Hà Mạnh Hùng	1	0	Hoá
54	Nguyễn Mạnh Hùng	1	0	Vật lý
55	Dương Thuý Hương	0	0	Ngoại ngữ
56	Đào Việt Thắng	1	0	Vật lý
57	Nguyễn Trường Thanh	4	0	(đã chuyển đơn vị công tác)
58	Nguyễn Thị Thảo	0	0	Ngoại ngữ
59	Nguyễn Thị Diệu Thu	1	0	Vật lý
60	Trương Thị Thanh Thuỷ	0	1	Ngoại ngữ
61	Lê Đắc Tuyên	1	2	Vật lý
62	Nguyễn Thị Hải Yến	0	1	Ngoại ngữ
	Khoa Khoa học và kỹ thuật địa chất			
63	Bùi Hoàng Bắc	1	1	Tìm kiếm thăm dò
64	Đào Đức Bằng	0	1	Địa chất thuỷ văn
65	Nguyễn Khắc Du	0	1	Tìm kiếm thăm dò
66	Nguyễn Thành Dương	6	1	Địa chất công trình
67	Nhữ Việt Hà	2	0	Địa chất công trình
68	Khương Thế Hùng	0	3	Tìm kiếm thăm dò
69	Nguyễn Đình Luyện	1	0	Tìm kiếm thăm dò

TT	Tên tác giả	Số lượng công bố		Đơn vị công tác (Bộ môn)
		WoS	Scopus	
70	Nguyễn Thị Nụ	1	0	Địa chất công trình
71	Nguyễn Văn Phóng	0	1	Địa chất công trình
72	Nguyễn Xuân Phú	1	0	Tìm kiếm thăm dò
73	Phạm Như Sang	0	1	Tìm kiếm thăm dò
74	Bùi Trường Sơn	1	0	Địa chất công trình
75	Ngô Xuân Thành	2	0	Địa chất
76	Nguyễn Thị Thanh Thảo	1	2	Tìm kiếm thăm dò
77	Nguyễn Bách Thảo	0	1	Địa chất thủy văn
78	Lê Xuân Trường	0	1	Tìm kiếm thăm dò
	Khoa Lý luận chính trị			
79	Phí Mạnh Phong	1	1	Kinh tế chính trị và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
	Khoa Mỏ			
80	Nguyễn Đình An	0	1	Khai thác lộ thiên
81	Trần Đình Bảo	1	2	Khai thác lộ thiên
82	Đào Văn Chi	0	2	Khai thác Hàm lò
83	Vũ Thị Chinh	0	1	Tuyển khoáng
84	Nhữ Thị Kim Dung	1	1	Tuyển khoáng
85	Lê Tiến Dũng	1	0	Khai thác hàm lò
86	Vũ Thái Tiến Dũng	0	1	Khai thác Hàm lò
87	Trần Văn Được	1	0	Tuyển khoáng
88	Lê Việt Hà	0	1	Tuyển khoáng
89	Phạm Thanh Hải	1	0	Tuyển khoáng
90	Phạm Văn Hòa	0	1	Khai thác lộ thiên
91	Nguyễn Hoàng	2	3	Khai thác lộ thiên
92	Nguyễn Phi Hùng	0	1	Khai thác Hàm lò
93	Phạm Đức Hưng	0	1	Khai thác Hàm lò
94	Bùi Xuân Nam	1	4	Khai thác lộ thiên
95	Phạm Thị Nhung	0	1	Tuyển khoáng
96	Lê Quang Phục	0	2	Khai thác Hàm lò
97	Đỗ Anh Sơn	0	1	Khai thác Hàm lò
98	Lê Quý Thảo	0	1	Khai thác lộ thiên
99	Trần Mạnh Tiến	1	0	Sức bền vật liệu
100	Vũ Trung Tiến	2	4	Khai thác hàm lò
101	Nguyễn Anh Tuấn	0	1	Khai thác lộ thiên
102	Bùi Mạnh Tùng	0	1	Khai thác Hàm lò
103	Phạm Văn Việt	0	2	Khai thác lộ thiên
	Khoa Môi trường			
104	Vũ Thị Lan Anh	0	1	Quản lý TN-MT
105	Nguyễn Thị Cúc	0	1	Quản lý TN-MT

TT	Tên tác giả	Số lượng công bố		Đơn vị công tác (Bộ môn)
		WoS	Scopus	
106	Nguyễn Văn Dũng	3	0	Quản lý TN-MT
107	Trần Thị Thu Hương	1	0	Địa sinh thái và CNMT
108	Nguyễn Quốc Phi	0	1	Quản lý TN-MT
109	Trần Anh Quân	3	1	Địa sinh thái và CNMT
	Khoa Trắc địa, bản đồ và QLDD			
110	Trần Trung Anh	0	1	Đo ảnh và Viễn thám
111	Trần Vân Anh	0	6	Đo ảnh và Viễn thám
112	Lê Văn Cảnh	2	0	Trắc địa Mỏ
113	Phạm Văn Chung	1	1	Trắc địa Mỏ
114	Cao Xuân Cường	1	0	Trắc địa Mỏ
115	Phạm Trung Dũng	0	1	Trắc địa Công trình
116	Lê Thị Thu Hà	0	1	Trắc địa Mỏ
117	Trần Thanh Hà	0	1	Đo ảnh và Viễn thám
118	Trần Hồng Hạnh	0	3	Đo ảnh và Viễn thám
119	Phạm Thị Thanh Hòa	0	1	Đo ảnh và Viễn thám
120	Kim Thị Thu Hương	0	1	Trắc địa cao cấp
121	Vương Trọng Kha	0	3	Trắc địa Mỏ
122	Phạm Quốc Khánh	0	1	Trắc địa Công trình
123	Nguyễn Văn Lâm	1	0	Trắc địa cao cấp
124	Phạm Thị Làn	1	2	Trắc địa Mỏ
125	Nguyễn Quốc Long	1	8	Trắc địa Mỏ
126	Bùi Khắc Luyện	0	2	Trắc địa cao cấp
127	Lê Thanh Nghị	1	2	Đo ảnh và viễn thám
128	Nguyễn Viết Nghĩa	0	3	Trắc địa Mỏ
129	Đoàn Thị Nam Phương	1	0	Đo ảnh và viễn thám
130	Phạm Ngọc Quang	1	1	Trắc địa cao cấp
131	Bùi Ngọc Quý	0	1	Bản đồ
132	Nguyễn Văn Sáng	1	1	Trắc địa cao cấp
133	Lê Thị Thanh Tâm	0	1	Trắc địa cao cấp
134	Lê Đức Tình	0	1	Trắc địa Công trình
135	Nguyễn Gia Trọng	1	2	Trắc địa cao cấp
136	Trần Xuân Trường	1	1	Đo ảnh và viễn thám
	Khoa Xây dựng			
137	Đỗ Ngọc Anh	0	1	Xây dựng CTN và Mỏ
138	Đào Viết Đoàn	2	0	Xây dựng CTN và Mỏ
139	Võ Trọng Hùng	1	1	Xây dựng CTN và Mỏ
140	Đặng Văn Kiên	0	1	Xây dựng CTN và Mỏ
141	Tăng Văn Lâm	2	0	Kỹ thuật xây dựng
142	Nguyễn Văn Mạnh	1	0	Kỹ thuật xây dựng
143	Vũ Minh Ngạn	2	0	Xây dựng hạ tầng cơ sở

TT	Tên tác giả	Số lượng công bố		Đơn vị công tác (Bộ môn)
		WoS	Scopus	
144	Phạm Thị Nhàn	1	0	Kỹ thuật xây dựng
145	Đặng Văn Phi	2	0	Xây dựng hạ tầng cơ sở
146	Đỗ Mạnh Tấn	1	1	Xây dựng CTN và Mỏ
147	Nguyễn Chí Thành	0	1	Xây dựng CTN và Mỏ
148	Lê Huy Việt	4	0	Kỹ thuật xây dựng

(số liệu cập nhật trên Phần mềm Quản lý khoa học đến ngày 31/12/2023)